

Xuân Nhâm Dần

2022



Xuân An Lành - màu dầu - Lê Nguyễn

Lê Nguyễn 122

Cung Chúc Tân Xuân Nhâm Dần

Ghi số 14 đến tay quý độc giả thông lệ hằng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, ghi chép, trình bày, tóm lược các sự kiện xảy ra đăng trên web Góc Nhỏ trong năm 2021, một cuốn sổ tay của Góc Nhỏ. Năm nay Góc Nhỏ bước qua năm thứ 15, một chặng đường thật dài. Nhìn lại năm qua:

Minh Thần vẫn còn dịch. Hoàng Nam đàn rất ít. Hiếu Tường vẫn cố gắng hiển cho chúng ta các hình ảnh chụp đầy nghệ thuật.

Đặc biệt một cây bút mới của vùng sông nước miền Tây đã gửi bài về góp mặt trên trang nhà: Hải Anh Esther.

Hình ảnh sinh hoạt Subud Việt Nam không còn nữa.

Giúp chỉnh sửa lỗi các cuốn điện sách cũ đã phát hành trước kia, Góc Nhỏ đã có dịp làm lại phiên bản mới hoàn chỉnh hơn để lưu giữ. Công việc tốn rất nhiều công sức. Góc Nhỏ chân thành biết ơn một nữ hội viên trẻ hiện định cư tại Mỹ: Hartini Tâm Đan.

Góc Nhỏ trân trọng tri ân sự cộng tác, đóng góp của quý huynh đệ, chi xin quý huynh đệ lưu ý cho về bài viết của mình, nhớ luôn luôn theo lời khuyên của Bapak: không đề cập tới các phương pháp nào khác, cho dù chỉ muốn so sánh để đề cao Subud. Viết hay diễn giải về Subud cũng không nên, nếu bài viết thật sự hết sức cần thiết để giải thích về latihan của Subud, xin trích dẫn lời của Bapak và xin ghi rõ mã số bài nói chuyện. Góc Nhỏ rất đau lòng nhưng bắt buộc phải cắt một phần hay toàn bộ bài viết nếu bài viết vượt ra ngoài giới hạn phạm vi Subud. Xin quý huynh đệ giúp Góc Nhỏ giữ đúng được lời Bapak chỉ dạy, muôn vàn cảm tạ.

Đại dịch Covid 19 vẫn còn ngự trị toàn cầu năm qua, khắp nơi trên thế giới Latihan lúc tập tại Hội lúc phải tập tại nhà. Hy vọng năm 2022 tình hình được sáng sửa phần nào để chúng ta quây quần bên nhau cùng tập Latihan tôn thờ Thiêng Liêng Toàn Năng.

Trước thềm năm mới kính chúc quý độc giả, quý thân hữu, quý huynh đệ một năm mới An Khang Thịnh Vượng trong ân lành của Thiêng Liêng Toàn Năng.

góc nhỏ Subud www.gocnhoSB.com



Một tình trạng thông thường mới

Minh Thần dịch

Robiyan Easty viết...

Hội viên tại nhiều quốc gia Âu Mỹ đã không gia tăng, mà chỉ gồm những lớp già. Có gì có thể làm về điều đó?

Vừa rồi thiên đạ đã hơi lo lắng bàn luận về chuyện đó qua các phương tiện truyền thông. Theo tôi biết, một vài hội viên đã không tập latihan ở nhà thì bây lại thường tập ở nhà. Như vậy thì tốt, nhưng có điều lo ngại này là nhiều người trong chúng ta sẽ không dễ gì đi tập lại với nhóm nữa. Quá bi quan chăng...?

Trong những năm qua cái khuôn mẫu chánh yếu là tập latihan nhóm hai lần mỗi tuần. Gần đây, người ta nhận thấy có nhiều hội viên chỉ đi tập mỗi lần một tuần, hay ít hơn. Trong một buổi nói chuyện năm 1977 ở Anh Bapak trắc nghiệm một hội viên và nói với anh...

Latihan là tài sản của bạn. Bapak muốn bạn tập hai lần mỗi tuần là để cho bạn cảm thấy chung nhau sát cánh với những hội viên khác. Điều chúng ta gọi cái latihan tập hai lần mỗi tuần, có thể nói vậy, là một quy định của Bapak để chúng ta làm quen với sự chung nhau sát cánh mà không bị phân tán...Vậy, cái latihan quy định tập bao nhiêu lần trong một tuần là cái latihan chung nhau của mình...chúng ta tập cho hòa khí của Hội.

Covid đã làm mất cái khuôn mẫu đó...

Có lẽ đây là lúc đổi lại cái khuôn mẫu cũ. Điều tôi nhận thấy là latihan nhóm đã có vẻ trở nên hướng nội. Thực vậy, nhiều đám con cái thế hệ thứ hai, kể cả con cái tôi, đã không hứng thú tập latihan nhóm và cũng không tập đều đặn. Đối với chúng, latihan phần nhiều là thành phần của cuộc sống ngoài đời, điều gì được coi tự nhiên có, và khi thấy chúng ta cư xử kỳ quái hay xấu xa, chúng tránh mặt.

Lớp già như chúng ta nhận thấy latihan là cái gì phi thường và kì diệu. Nhưng hiện nay với nhiều người chúng ta, chúng ta đã bắt đầu thấy buồn chán, và đó là điều như Bapak đã nói là sẽ xảy ra, nếu chúng ta không biểu hiện latihan trong những sinh hoạt ngoài đời mình. Điều thảm hại nữa là lớp hội viên già có lẽ sắp bỏ cái xác phàm này để tìm thấy một latihan hướng nội hơn, như Ibu vừa nhận xét.

Bapak nói một trong những bồn phận của chúng ta là truyền bá latihan. Nhiều người chúng ta cảm thấy chân lí của lời nói đó, nhưng lại không biết rõ rệt phải làm như thế nào, bởi đặc biệt chúng ta không có ý truyền đạo. Vậy, đây có lẽ là cơ hội cho chúng ta tạo một khuôn mẫu mới. Có lẽ chúng ta không chỉ đi tập lại với nhóm như thông thường. Đây là ý kiến tôi...

Đi ra ngoài đời nhiều hơn thì ra sao?

Như thấy thế nào, nếu đi ra ngoài đời nhiều hơn, với tư cách một nhóm Subud?

Người ta hỏi tôi tại sao tôi còn làm việc cho cơ ngơi Loudwater Farm Subud trong những năm 1970, bởi đó là vì đối với tôi cùng với những ai khác, việc đó có tính chuyên hóa.

Mọi người tham gia việc sửa sang tòa nhà: làm việc tay chân, đi đổ rác, đi mua đồ, làm những việc đòi hỏi có nghề, nấu ăn cho những người làm việc, tính toán chi phí và vân vân. Tiếc thay, những dự án như vậy hiện nay không còn là bao.

Vậy có thể làm gì?

Vậy, những gì chúng ta có thể làm là sự tham gia của toàn thể nhóm, và đó sẽ là điều rất có lợi cho những ai chưa trong Subud?

Trong một bài viết trước đây, tôi đề cập tới Giáng Sinh năm vừa rồi một nhóm ở Athens nuôi ăn cho những kẻ vô gia cư. Harina làm điều đó mỗi tuần, làm việc chung với những nhóm thanh thiếu niên thiện chí, bằng cách đem đến thức ăn cho họ.

Một trong những điều tốt lành của Covid là khiến cho những kẻ vô gia cư có nơi chôn ăn ở, để hạn chế sự truyền nhiễm, nhưng điều đó có lẽ sẽ chỉ tạm thời tại nhiều nơi. Nếu họ lại phải ra ngoài đường ở, thì ta phải giúp họ với thức ăn và quần áo, có lẽ ngay cả về mặt tâm lí. Điều đó có thể khởi công lúc hết cách ly, và không tốn nhiều tiền để mua những thức ăn căn bản, mà chỉ cần vui lòng mất thời gian làm việc chung với nhau. Đọc báo tôi thấy nói có những kẻ dựa vào sự nuôi ăn của nhà nước đã thiếu dinh dưỡng, trong đó có nhiều trẻ em, do những biện pháp cách ly làm gián đoạn những đường dây tiếp tế.

Cách nỗ lực vị tha...

Nỗ lực vị tha đó, bằng cách dùng những cơ ngơi của Subud làm địa bàn để đặt kế hoạch, ngay cả nấu ăn, hay phân phát thức ăn, có thể là một hình thức cùng nhau sát cánh, để làm việc chung với nhau và với những người không trong Subud. Đó sẽ là điều thêm vào latihan nhóm, nhưng xuất phát từ chân tâm.

Cái thí dụ của tôi về sinh hoạt của nhóm, trong đó có sự tham gia của những người khác trong cộng đồng, có thể trở nên thích đáng cho nhiều nhóm tại các đô thị, nhưng tất nhiên là có những

sinh hoạt cộng đồng cần thiết hơn, như đi thăm những người già đơn độc, hay cứu giúp trong nạn lụt, trồng trọt lại cây cối, hay những gì như vậy.

Tôi thấy việc giúp những kẻ kém may mắn là điều làm cho phần đông hội viên cảm thấy lạc quan, và có thể tạo nên một sự tương tác đáng kể với những tổ chức cũng làm những gì tương tự. Tuy không đem lại tiền tài cho Subud nhưng điều đó, như trường hợp Loudwater, có lẽ sẽ thành một điểm khởi đầu cho những dự án khác.

Cùng nhau sát cánh với chính mình và với những người khác ngoài đời ...với tư cách những nhóm Subud! Tôi có thể đề nghị điều đó sẽ là một Tình Trạng Thông Thường Mới?

Chứng nghiệm về tổ tiên

Minh Thần dịch

Rohana Darlington

Khi chứng nghiệm về tổ tiên, tôi nhận thấy có hai điều xảy ra. Trước hết, tôi như đang xem xi-nê, như một khán giả, thì có một sự tương tác: các diễn viên đến bên tôi, hỏi tôi điều này điều nọ, hay cho tôi biết những điều mà họ nghĩ tôi không biết. Chẳng hạn, có ai đó đến gần tôi, thì thậm chí nói vào tai tôi, hay có lẽ đó là người đại diện cho một nhóm nào đó.

Đôi khi, latihan chỉ điềm cho tôi cách đáp ứng. Tôi có thể nói điều gì đó với người đó, những lời lẽ chỉ việc tuôn ra từ miệng lưỡi tôi, điều khiến tôi ngạc nhiên. Đó không là một sự đáp ứng của trí thức, mà là của cảm xúc.

Trong những trường hợp khác, điều đó như là người muốn giao tiếp với tôi nằm trong nội tâm tôi, có thể nói có một cái tôi trong tôi. Khi tôi nghiệm được tất cả những cảm xúc đó, latihan đáp ứng một cách hình như thích đáng, khiến người đó có vẻ hài lòng, rồi biến mất.

Ngược lại, khi làm những công việc về nghệ thuật hay sách báo của mình, tôi được gợi hứng bởi điều gì đó mình trông thấy trong cái thế giới chung quanh mình, khiến tôi bình tĩnh dần dà làm công việc mình cho tới lúc xong xuôi.

Tôi lấy làm cảm kích vì những chứng nghiệm đó về tổ tiên, bởi đó là những gì giúp cho cuộc sống mình trong khuôn khổ của nhiều thế hệ. Nếu những điều đó cũng giúp cho các thân nhân mình tại thế giới bên kia, thì tôi mong cho nó xảy ra.

Vai trò của Bapak trong Subud

Minh Thần dịch

Laura Paterson



Một vài năm trước đây, trong lúc Ramadan, tôi nhận thấy mình ý thức được rất nhiều về Bapak và cuộc đời của Bapak. Điều đó khiến tôi viết bài này về Bapak, vì tôi biết rằng những ai vào Subud sau khi Bapak mất thường thường thì lại không hiểu gì về cuộc đời và vai trò của Bapak.

Tôi ý thức được Bapak là một người “bình thường.” Bapak luôn nói với chúng ta mình chỉ là một người bình thường trải qua một cuộc sống bình thường, với những khó khăn, thách thức và mất mát như của tất cả chúng ta.

Tôi luôn tự hỏi không biết những trải nghiệm đó đối với Bapak là như thế nào. Nên cùng với việc thường đọc Susila Budhi Dharma và những nói chuyện của Bapak trong lúc Ramadan, tôi nhận thấy mình muốn đọc lại những cuốn Nhớ Lại những Ngày Cuối Cùng của Bapak và Tự Truyện của Bapak của Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo.

Bapak phải bỏ học sớm vì trách nhiệm nuôi nấng bố mẹ và các em trai em gái mình. Bapak lập gia đình lúc 25 tuổi, và trong 9 năm sau đó vợ Bapak sinh ra 5 đứa con. Đứa con thứ tư, một đứa bé trai, chết lúc 2 tuổi. Vợ Bapak qua đời một năm sau

đó, khi Bapak 35 tuổi.

Trong 5 năm tiếp theo, Bapak là một người góa vợ nuôi nấng 3 đứa con, cùng với bà mẹ và các em trai em gái mình. Theo yêu cầu bố mẹ người vợ đã qua đời, Bapak để cho họ nuôi đứa con nhỏ nhất của mình. Năm 1941, Bapak kết hôn Siti Sumari (Ibu Subuh) một góa phụ với hai đứa con cũng thành con cái của Bapak.

Sau năm 1941, Thế Chiến II và sự chiếm đóng của người Nhật khiến cho Indonesia trở nên hỗn loạn. Trong tự truyện Bapak viết: “Tôi năm 1944 tình hình miền Tây Semarang rất nguy hiểm, nên tôi cùng với vợ con rời khỏi Kalisari để tới Kedu, ngang qua những vùng còn hoang vu của núi Pati.

“Những vùng hoang vu đó thật nguy hiểm, vì những ai đi qua đó có thể bị cướp bóc. Chúng tôi đi bộ [mất tới một tháng] đi dọc theo những nhánh sông chung quanh núi. Bất chấp tất cả những điều đó, các con cái...lấy làm vui thích, khi chúng đi qua những dòng nước sâu tới 25cm.“ (Tự Truyện của Bapak của Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo, trang 43)

Trong hành trình từ Semarang tới Temanggung, Bapak là một người Java trung niên, một người đã mất vợ cùng với một đứa con còn bé, nhưng đã tái hôn và phải nuôi ăn một gia đình đông đảo. Những năm trước đó, Bapak tiếp nhận được bản phận mình là đi khắp thế giới để truyền bá latihan kedjiwaan. Bapak tự nói về mình: “Tôi chỉ là một người rất bình thường. Tôi thiếu học thức, tôi nghèo khổ và chỉ có một địa vị thấp trong xã hội. Nhưng nhờ ân huệ Thượng Đế, khi hết ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác, tôi đến chỗ cảm nhận được là mình phải tuân theo ý Thượng Đế (Tự Truyện của Bapak của Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo, trang 31)

Ân phước khôn tả...

Cảnh tượng hành trình của Bapak cùng vợ con từ Semarang tới Temanggung như thế nào đó khiến tôi thấy rõ được ân phước khôn tả của Thượng Đế cho mỗi người chúng ta trong sự tiếp nhận latihan kedjiwaan của Subud.

Bởi chỉ nhờ cái ân phước đó, nhờ sự chỉ việc tuân theo ý Thượng Đế nên Bapak mới có thể thực hiện được hành trình đó, và tất cả những hành trình tiếp theo, để trở thành một Bapak của hàng ngàn anh chị em Subud trên khắp thế giới từ 1957 tới 1987.

Ngay sau khi trở về Temanggung, Bapak và Ibu chuyển tới Jogjakarta, nơi họ khai mở nhiều hội viên Subud mới, và giúp cho họ những gì cần thiết trong lúc họ theo tập latihan kedjiwaan. Dần dần Subud bắt đầu bành trướng, Bapak và Ibu du hành khắp Indonesia để hỗ trợ cho những nhóm mới thành lập. Cuối cùng họ chuyển tới Jakarta, nơi Haryardi, con trai Bapak và là sinh viên y khoa, qua đời lúc 23 tuổi.

Ba năm sau đó, ngày 19 tháng 5 1957, khi tuổi mình gần 56, Bapak cùng Ibu tới nước Anh lần đầu tiên. Bapak dùng 30 năm còn lại của đời mình để hiến dâng cho những nhu cầu của hội viên Subud, bằng cách nhiều lần du hành khắp thế giới để thăm viếng những nhóm và trung tâm của hơn 50 quốc gia.

Bapak sinh ra đầu thế kỉ 20. Những cuộc hành trình của Bapak trong những năm 1960, 1970 và 1980 không là của một người già yếu, mà với nghị lực, sinh khí và sức bền chịu của một người trẻ hơn mấy chục tuổi.

Những chuyến đi tới những nơi xa xôi thường xuyên xảy ra, vì Bapak không ngớt hoạt động để truyền bá latihan cho “toàn thể nhân loại“, cho tất cả những người nam và nữ bình thường yêu cầu được tiếp nhận đại ân của quyền năng Thượng Đế.

Có những chi tiết trong cuộc đời của Bapak là những gì của một người “bình thường“. Tuy bình thường xảy ra trong một đời người, những biến cố đó thật đáng chú ý. Có một sự kiện, ngoài

sức tưởng tượng, đã thay đổi cuộc sống hàng ngàn người trên khắp thế giới: việc Bapak là người đầu tiên tiếp nhận được sự giao tiếp với Nguồn Đại Lực, quyền năng của Thượng Đế, mà có thể truyền lại cho những người khác, cho những người hết sức bình thường.

Bapak nói với chúng ta những gì chúng ta tiếp nhận trong latihan kedjiwaan của Subud đích xác là những gì các thiên sứ tiếp nhận từ Thượng Đế. Bởi tiếp nhận sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế, nên các thiên sứ có thể để lại cho các môn đồ những giáo lý và lời khuyên về lối sống chân chính.

Và chỉ hiện nay bất cứ ai muốn phụng thờ Thượng Đế đều có thể tiếp nhận được sự giao tiếp đó, sự hướng dẫn trực tiếp của Thượng Đế trong bản chất mình.

Bapak đã có thể làm được, vì trong lúc sống như một người bình thường, Bapak thành tâm quy thuận Thượng Đế và tuân theo ý Thượng Đế một cách hoàn toàn kiên nhẫn, chấp nhận và phục tùng. Bapak nói với chúng ta là mình vui lòng phó thác bất cứ gì để trở thành một người thành tâm phục tùng Thượng Đế. Bapak đã trải qua 3 năm không được ngủ, 12 năm không tiền bạc. Bapak chỉ việc tin cậy Thượng Đế, và truyền lại cho chúng ta những gì tiếp nhận được là latihan kedjiwaan của Subud.

Nếu Bapak đã không làm như vậy

Nếu Bapak đã không làm như vậy, không ai trong chúng ta đã được khai mở, không ai trong chúng ta tiếp giao được với quyền năng của Thượng Đế. Không ai trong chúng ta đã cảm nhận được sự chân động của latihan trong bản chất mình, hay vô cùng chắc chắn biết được đó là thực tại sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Chúng ta sẽ không nghiệm thấy sự đồng nhất khiến hiểu được mọi người đều là anh chị em. Điều đó là sự thật, vì hết thế hệ này tới thế hệ khác sẽ có những con người bình thường tiếp nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế.

Như John Tjia, một hội trưởng trước đây của Subud New York, đã nói: “Người đưa thư đã đi, nhưng thư đã nhận được.”

Hiển nhiên mỗi thế hệ hội viên tiếp theo sẽ có cơ hội nghiệm được những ân phước y như những người đã được khai mở khi Bapak còn sống.

Cùng với lời khuyên và sự hướng dẫn của Bapak trong hàng ngàn bài nói chuyện trong 30 năm Bapak du hành khắp thế giới, họ sẽ có cơ hội nghiệm được ân phước và sự hướng dẫn của Thượng Đế trong khi theo tập latihan kedjiwaan.

Trắc nghiệm thức tỉnh

Minh Thần dịch

Isti Jenkins

Giữa mùng 7 và 10 tháng Giêng 2021, Lena and Irwan Wyllie cho nhà cửa đẹp của họ được dùng làm nơi gặp gỡ cho tất cả chúng ta, điều khiến chúng tôi biết ơn vô cùng, đặc biệt do hoàn cảnh hiện nay của thế giới. Không may là có 6 hội viên Brisbane không thể tới dự vì biên giới đã đóng cửa. Chúng tôi cùng nhau xem trong Thế Giới Ảo các phụ tá quốc gia và quốc tế vấn đáp những câu hỏi về trắc nghiệm thức tỉnh (awakening testing), nghe những nói chuyện của Bapak và đọc Susila Budhi Dharma. Các nhóm khắp Úc vui lòng cho chúng tôi biết ý kiến phản hồi khác nhau của họ.

Suryadi Haryono giải thích sự quan trọng và ý nghĩa của việc nghe giọng nói của Bapak trong lúc Bapak nói chuyện, vì nội dung của những lời nói được mặc khải của Bapak có thể thâm nhập vào linh hồn, thay vì vào tâm trí. Có khoảng 9 người nam và 9 người nữ hiện diện.

Trắc nghiệm Thức tỉnh

Sau latihan trong ngày tiếp theo, các phụ tá cho mọi người được cơ hội làm Trắc nghiệm Thức tỉnh...tại sao Ibu Rahayu lại nhắc chúng ta về giá trị của cái trắc nghiệm đó? Cứ mỗi 2 hay 3 tháng, chúng ta làm điều đó với những nhóm hội viên gồm vài người, để chỉ là một nguồn truyền dẫn cho họ tiếp nhận được.

Như vậy để làm gì?

Trích dẫn từ Bapak: “Sự phụng thờ của chúng ta khiến cho thể xác và linh hồn được mạnh khỏe. Mỗi thành phần của chúng ta trở nên sống động nhờ một sức mạnh thiêng liêng, tất cả những gì mình làm đều là phụng thờ.

(Kedjiwaan workshop, Awakening Testing, January 7, Convention Hall 1982).

Trích dẫn từ Ibu Rahayu: “Loại trắc nghiệm đó rất quan trọng, đối với những hội viên mới cũng như những hội viên đã tập latihan lâu. Cái trắc nghiệm đó làm thức tỉnh những bộ phận khác nhau của cơ thể, khiến chúng ta nghiệm được như thế nào, tay chân mình, tất cả các bộ phận của cơ thể mình cử động đáp ứng trong lúc trắc nghiệm. Điều hệ trọng nhất là như thế nào chúng ta áp dụng latihan. Đó là cách Thượng Đế hướng dẫn chúng ta.

(từ một bức thư của Ibu Rahayu cho buổi họp Kedjiwaan quốc gia ở Oslo trong năm 2016)

Từ cuốn Advice and Guidance for Bapak's Helpers mới nhất.

Tại sao lại cần thiết? Đó là để cho cái linh hồn mình chứa đựng sẽ biết được mỗi thành phần của chân tâm mình.

Cuối cùng, nếu linh hồn mình có thể biết được và làm quen với điều đó, toàn thể chân tâm sẽ như áo quần cho linh hồn, một điều cần thiết cho linh hồn. Kết quả là ta sẽ nghiệm được với linh hồn y như những gì mình được với thể xác trong cái thế gian này.

Cách làm trắc nghiệm thức tỉnh

Bởi cái trắc nghiệm đó có thể trở nên mãnh liệt, nên ta không cần phải làm thường xuyên. Cứ hai tháng mỗi lần là đủ – để giúp hội viên cảm thấy lợi ích hay sự cần thiết của việc tập latihan hai lần mỗi tuần. Nếu không cảm thấy sự lợi ích và cần thiết, họ sẽ mau thấy chán nản và nhận thấy latihan chẳng được chuyện gì.

Loại trắc nghiệm đó cũng cần thiết cho họ khiến họ hiểu được những gì tiếp nhận được trong latihan. Nhưng đừng làm quá nhiều, bởi như Ibu đã nói, nó có thể mãnh liệt hơn cái latihan thông thường. Cách làm trắc nghiệm đó là cả người đặt câu hỏi lẫn người tiếp nhận trắc nghiệm đều đối diện Thượng Đế, khiến họ trở thành một con đường truyền dẫn cho trắc nghiệm.

Điều đó cũng đúng với người thực hiện trắc nghiệm cùng với người tiếp nhận trắc nghiệm. Như vậy thì người tiếp nhận trắc nghiệm cùng với người đặt câu hỏi đều được hướng dẫn bởi nội tâm.

Vậy nên, chỉ trắc nghiệm giản yếu mà đừng đi vào quá sâu. Đừng trắc nghiệm tất cả những gì Bapak đã từng làm và đi sâu vào, bởi chúng ta đang tiếp cận với linh hồn, và nếu không may mắn lấy lại được trạng thái bình thường thì sẽ có những hậu quả không tốt lành.

Kuala Lumpur, Malaysia, 6 March 2002

Isti kết luận...

Điều này là một trải nghiệm thú vị cho tất cả chúng tôi, đặc biệt cho những hội viên trẻ chưa từng nghiệm được gì trước đó!

Có những quyết định cùng nhau thường xuyên nghe những bài nói chuyện của Bapak, tiếp tục chú tâm và hỗ trợ lẫn nhau, cùng với việc lợi dụng cuộc khủng hoảng quái lạ hiện nay của thế giới.

Phương cách làm trắc nghiệm...

Phương cách này dựa trên những khuyến cáo của Ibu Rahayu...

Điều nên làm...trắc nghiệm này là cho những hội viên đã từng trắc nghiệm, và có thể lặp lại mỗi lần là 3 tháng.

Trắc nghiệm được làm với những nhóm gồm 3 phụ tá.

Người phụ tá thực hiện trắc nghiệm nhắc cho hội viên nhớ rằng họ nên tiếp nhận với tất cả khả năng mình những gì được trắc nghiệm.

Cách làm trắc nghiệm là cả người đặt câu hỏi lẫn người được trắc nghiệm đều đối diện Thượng Đế, khiến họ trở thành một con đường truyền dẫn cho trắc nghiệm.

Dưới đây là những ví dụ về những câu hỏi nên đặt...

Tên bạn...đang ở đâu?

Cái Tôi trong chân tâm bạn đang ở đâu?

Đầu bạn đang ở đâu? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì không tốt đẹp? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì tốt đẹp?

Cánh tay bạn ở đâu? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì không tốt đẹp? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì tốt đẹp?

Chân bạn ở đâu? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì không tốt đẹp? Nó cử động như thế nào đáp ứng điều gì tốt đẹp?

Có những lúc chúng ta có thể cảm thấy những gì mà những người khác không biết rằng chúng ta cảm được...

Vậy, hãy cảm nhận cái đầu của nội tâm mình. Cái đầu của nội tâm cảm thấy như thế nào khi có chuyện gì sai trái? Cái đầu của nội tâm cảm thấy như thế nào khi có chuyện gì đúng hợp?

Trắc nghiệm cánh tay của nội tâm. Cánh tay của nội tâm cảm thấy như thế nào khi có chuyện gì sai trái? Cánh tay của nội tâm cảm thấy như thế nào khi có chuyện gì đúng hợp?

Cảm nghiệm chân tâm mình. Chân tâm thấy như thế nào khi có chuyện gì sai trái? Chân tâm thấy như thế nào khi có chuyện gì đúng hợp?

Tới phiên cơ thể. Cơ thể cảm thấy như thế nào khi nó hòa hợp với chân tâm và cơ thể của nội tâm?

Các phụ tá thực hiện trắc nghiệm cứ việc tự nhiên đặt những câu hỏi khác mà mình tiếp nhận được cho nhu cầu của hội viên, để làm cho những bộ phận khác của cơ thể họ được thức tỉnh.

Thêm một vài câu hỏi khác theo đề nghị của Ibu

Tình trạng linh hồn mình như thế nào?

Tình trạng linh hồn mình như thế nào khi tiếp xúc với quyền năng của Thượng Đế?

Tài năng mình là gì mà mình có thể kiếm sống?

Hãy theo dõi cảm xúc mình khi mình làm loại công việc đó.

Linh hồn mình như thế nào khi mình tỉnh ngộ?

Sự phụng thờ của mình như thế nào khi nó sống động?

Tình trạng mình như thế nào khi còn là một đứa bé con?

Tình trạng mình như thế nào khi còn là một thiếu niên?

Tình trạng mình như thế nào khi lớn tuổi?

Tình trạng mình như thế nào khi làm việc?

Thái độ mình ra sao khi được hướng dẫn trong công ăn việc làm?

Hãy tiếp nhận một trạng thái mạnh khỏe và hạnh phúc, khi đau ốm hoặc đau buồn.

Trong đoạn cuối đời mình, hãy tiếp nhận cái trạng thái cần phải có giúp cho mình mạnh khỏe và có sức lực.

Điều gì có thể giúp mình khi đối diện một chương ngại hay khó khăn trong cuộc sống?

Giọng nói mình diễn ra như thế nào khi mình hát lúc 10 tuổi?

Giọng nói mình như thế nào khi ăn nói và ca hát như một thiếu niên?

Giọng nói mình như thế nào, khi lớn tuổi và chứa đựng sự phụng thờ Thượng Đế?

Hãy xin Thượng Đế tha thứ cho mình



Biểu tượng Subud và tổ chức Subud

Minh Thần dịch

Laura Paterson

Tôi kinh ngạc khi bắt đầu hiểu được cái cơ cấu đó của Subud: nó hình như tái tạo lại y hệt những gì trong biểu tượng của Subud.



Trong lúc làm hội trưởng của Subud USA, từ năm 1998 ở Albuquerque, New Mexico, tới năm 2000 ở Vancouver, Washington, tôi hiểu thấu được những gì còn mập mờ cho tới lúc đó. Đó là một sự hiểu biết hoàn toàn có tính thực dụng, chứ không là tâm linh.

Trong một chuyến bay từ Seattle tới New York, tôi ngồi gần một hội viên Subud trong ban quản trị. Chúng tôi bàn luận về cái cơ cấu của tổ chức Subud.

Hiện nay có những nội quy không còn thích đáng nữa, vì 25 năm đã trôi qua kể từ chuyến bay đó, và có lẽ đã có những nội quy khác. Tuy thế, cái cơ cấu căn bản

của Subud vẫn còn y nguyên, như Bapak đã tạo trong lúc người còn bên cạnh chúng ta.

Với tôi điều đáng chú ý là trong lúc đó Bapak tập trung vào khía cạnh tâm linh cũng như khía cạnh tổ chức và kinh doanh của Subud. Đó là những chủ đề và đề tài quan trọng trong những nói chuyện của Bapak, và cũng thường xuyên là đề tài trắc nghiệm với hội viên.

May mắn là có rất nhiều những hội viên tài ba và tận tụy với những khía cạnh thể gian và vật chất của Hội, nên Bapak đã có thể hoàn toàn tạo ra cái cơ cấu của Subud trong lúc còn sống.

Cái cơ cấu đó hầu như đã không thay đổi trong 35 năm qua, kể từ lúc Bapak mất. Cả Bapak lẫn Ibu đều thường xuyên làm nổi bật cho chúng ta thấy nó nên luôn là như vậy, như ban đầu đã được Bapak tạo ra trong sinh thời của Bapak.

Sơ đồ tổ chức

Bổn phận hội trưởng Subud USA khiến tôi thường xuyên tương tác với nhiều hội viên Subud khác trên khắp thế giới, và họ là những người có những chức vụ trong ban quản trị. Và tôi bắt đầu lấy làm lạ là như thế nào chúng ta hoàn toàn nối kết với nhau trong những chức vụ thể gian của mình.

Nói cách khác, tôi bắt đầu nhìn thấy cái sơ đồ, những gì là biểu đồ, là khuôn hình của nó, việc chúng ta được kết nối với nhau như thế nào, quan hệ với nhau của mình như thế nào, những trách nhiệm và bổn phận của nhau là gì...

Tôi chú tâm tới cơ cấu tổ chức trên một căn bản thường nhật, vì đó là dụng cụ sinh tồn đầu tiên trong văn hóa tổ chức. Ta phải đích xác biết được 'ai là ai và họ làm gì' để có thể hiệu nghiệm hoạt động.

Nên khi nghiên cứu kỹ những nội quy của những thực thể tổ chức của Subud, tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc và biết ơn Bapak vì tình thương và sự chăm lo của Bapak khi tạo ra cái cơ cấu của tổ chức Subud.

Tôi kinh ngạc vì bắt đầu hiểu được cái cơ cấu đó sâu sắc và chính xác tái tạo lại biểu tượng của Subud. Hình như đó là sự biểu hiện dao động, hữu cơ và chức năng của biểu tượng Subud trên cái thế giới vật chất này. Đó là một thực tại vĩ đại: tất cả chúng ta đang sống, hoạt động và phụng thờ trong khuôn khổ vây quanh và hỗ trợ của một nguồn sống vĩ đại, một sự sống bên ngoài sự sống này.

Có 7 mức độ...

Sơ đồ tổ chức của Subud gồm 7 mức độ. Mức độ thứ nhất, vòng tròn thứ nhất, là cá nhân hội viên Subud. Tiếp theo là nhóm địa phương, rồi tới những mức độ vùng và quốc gia. Kế đến là mức độ khu vực, và cuối cùng, mức độ thứ 7 của hệ thống cấp bậc Subud, là Hiệp hội Subud Thế giới, mà thực tế là mỗi cá nhân hội viên Subud trên khắp thế giới.

Xuyên khắp qua từ trung tâm, từ cá nhân tới quốc tế, các tia tượng trưng cho phụ tá và thành viên ban quản trị.

Điều quan trọng phải nhớ, như Bapak thường nói với chúng ta, là những chức vụ chỉ tượng trưng cho bổn phận, chứ không hề tượng trưng cho bất cứ cá nhân hội viên Subud nào. Phụ tá quốc tế, hay chủ tịch của WSA, họ đều là hội viên như mọi người, sau thời kì trách nhiệm của

minh.

Cách cơ cấu tổ chức hoạt động như thế nào đều có lợi cho chúng ta, đi từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, từ mỗi cá nhân tới mức độ quốc tế, là điều có thể được chứng tỏ một cách rất đơn giản. Bằng sự đóng góp của mỗi cá nhân hội viên cho trung tâm hay nhóm địa phương. Sự đóng góp đó có lợi cho mọi người trong nhóm. Hơn thế nữa, một phần của nó được chuyển tới vùng, làm lợi cho sự tăng trưởng của vùng. Và của những gì trên đó...

Cuối cùng, hành trình sự đóng góp của mỗi cá nhân đạt tới mức độ quốc tế, và tới lúc đó thì nó đã tăng gia nhiều lần do sự đóng góp của mọi hội viên trên khắp thế giới.

Sự đóng góp đó có thể trở về với mỗi cá nhân hội viên, trong hình thức sự hỗ trợ của WSA và MSF để mua một trụ sở Subud. Thế nên, mỗi cá nhân hội viên bây giờ có một căn nhà tâm linh, để tập latihan và chia sẻ đời sống, sinh hoạt và kinh doanh Subud với những anh chị em khác tại địa phương.

Một đại ân..

Theo tôi, cái khía cạnh rất hệ trọng, rất thiết yếu của sơ đồ tổ chức là chúng ta không bị mắc kẹt, bị vướng víu giữa người này và người kia. Chúng ta không chỉ nhìn thấy chính mình, hay nhóm mình, hay vùng mình.

Đại ân của cơ cấu tổ chức là khiến chúng ta hiểu được, ý thức được, nghiệm được sự bao trùm của toàn thể thế giới và tất cả những gì trong đó.

Đại ân đó mà Bapak đã thận trọng tạo ra cho chúng ta, là việc chúng ta luôn ý thức được nhau, có thể kết hợp với nhau, trong tình thương và hòa khí, trong sự phụng thờ Thượng Đế.

Vậy nên, đối với tôi, ý nghĩa của biểu tượng Subud mà Bapak để lại cho chúng ta, những kẻ còn trên cái trần gian vật chất này, là một kích thích bao gồm mọi hội viên và tất cả các sinh hoạt của họ. Đó chính là cái kích thích chống đỡ cho latihan. Thế nên, điều biểu tượng của Subud tượng trưng cho là việc là Bapak vẫn còn bên cạnh chúng ta trên cái thế gian này.

Cảm nghĩ về Subud của một số hội viên

Minh Thần dịch

Như thở hít và đi đứng...

Sau khi tập latihan được hơn 30 năm, tôi đi đến kết luận đó là một nỗ lực hay quá trình được can thiệp vào hay tác động tới từ nội tâm. Tôi ít khi có những chứng nghiệm kỳ lạ, đúng hơn đó là những kết quả thích hợp và đúng cách (tất nhiên là không luôn là như vậy). Vì vậy cuộc sống thành điều gì như một cuộc phiêu lưu – rồi sau đó thì sẽ ra sao? Nên có điều gì được bộc lộ, có lẽ đó là những gì được ‘viết trong nội tâm’, là định mệnh hay bất cứ gì như vậy. Nói cách khác, tôi sâu sắc tin tưởng rằng latihan và Subud là ‘rất đúng’, nhưng theo một cách tự nhiên – như hít thở và đi đứng. Tôi cũng cảm thấy một ngày nào đó Subud sẽ có một ảnh hưởng rất lớn trên thế giới, và có những bước tiến nào đó khiến cho điều đó xảy ra – nó sẽ xảy ra – và tôi không cần phải lo nghĩ, hay cảm thấy mình rất có trách nhiệm. Thay vì vậy, chỉ việc làm những gì xảy ra trước mắt mình!

Rahman Connelly, Úc

Đi tìm Thượng Đế...

Tôi lớn lên trong lúc nghe bố mẹ mình nói tới sự không có Thượng Đế, và tới nhiều điều về sự hiện hữu của Thượng Đế, tại nhà trường và trong những sinh hoạt tập thể – tuy chưa từng có bằng chứng về những gì mà những kẻ theo đạo cho là đương nhiên. “Thượng Đế như ông già Nô-en,” bố mẹ tôi nói, họ thông minh và gia giáo, “và khi lớn tuổi hơn, con sẽ hiểu được.” Điều họ nói có vẻ đúng, bởi tôi không thể cảm hay nghiệm thấy điều gọi là ‘Thượng Đế.’ nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy có một vực thẳm trống không và đen tối trong tâm mình, một chân không hiện sinh, điều mà các tín đồ hình như không hề thấy. Nên sau khi rời khỏi ghế nhà trường, tôi đi tìm – tìm Thượng Đế. Tôi đã thử mọi thứ có ở London hồi đó: mọi tôn giáo, mọi giáo phái, mọi hiệp hội thế tục. Một vài năm sau đó, tôi tìm thấy Subud, cả Thượng Đế, hay có lẽ Subud - cả Thượng Đế? – tìm thấy tôi. Dần dần, cái khoảng trống sâu hoắm đó được lấp đầy, vì lối tu tập của Subud khiến tôi sống động giao tiếp được với cõi vô thức của mình, kể cả cái vũ trụ bên ngoài đó. Vậy nên, trải nghiệm đó về Thượng Đế, Nguồn Lực êm ái đó trong nội tâm, chứng tỏ bố mẹ tôi đã sai lầm, bởi họ đã không nghiệm được điều gì như vậy. Nhưng tôi cũng phải mang ơn họ vì lòng thành thật của họ, vì nếu không là vậy thì tôi sẽ không bao giờ đi tìm Thượng Đế.

Salamah Pope, Úc

Nòng cốt của tất cả các trải nghiệm tôn giáo

Ngăn chặn ảnh hưởng của tâm trí và những đam mê đi chung với nó là điều không dễ gì. Đó là

mục tiêu tối thượng của tâm linh và nòng cốt của tất cả các trải nghiệm tôn giáo. Trong Subud điều đó là khả thi và được coi là một thiên ân, vì không ai có thể làm được mà thiếu vắng sự can thiệp của thiên quyền. Lối tu tập của latihan là tùy theo cá nhân nhưng lại bao gồm những gì có thể xảy ra tùy theo căn cơ mỗi người.

Rohanna Salom, USA

Thanh thân gần cận tình thương của Thượng Đế...

Tôi gia nhập Subud sau khi di cư từ Anh qua Úc trong năm 1971. Tôi nghe nói tới Subud từ một người bạn ngay sau khi ra đi trong năm 1970. Với tôi đó là cái gì rất quái lạ làm tôi suy nghĩ nhiều hơn. Tôi không hài lòng với cuộc sống mình nên viết thư hỏi một anh bạn về những trải nghiệm với Subud của anh. Thư hồi đáp của anh chỉ có một câu duy nhất là nó hiệu nghiệm 100%. Tôi ngạc nhiên tới nỗi phải tự mình tìm hiểu. Tôi nhận thấy nó hoàn toàn hợp với quan niệm của mình về Thượng Đế. Tôi tin chắc đó là cái gì đặc biệt, và tất cả những gì mình phải làm là phó mặc mọi việc cho Thượng Đế. Về sau, tôi nhận thức được mình phải góp phần vào cái quá trình đó, và cũng cần vài nỗ lực. Sau tất cả những điều đó (dài lâu hơn tôi nghĩ trong năm 1971) tôi bắt đầu cảm thấy một sự khác biệt nhỏ bé trong con người mình và những hành vi của mình. Tôi bớt sôi động và không mấy khi sân si, và đó là những lúc thanh thân gần cận tình thương của Thượng Đế. Vừa rồi, tôi được cơ hội đi công tác cho Subud. Đó là lúc tôi biết được giá trị của việc như thế nào Subud rộng lớn và bao gồm tất cả các văn hóa, tôn giáo và nhân sinh quan, từ một nông dân Hồi giáo chăn dê ở Java cho tới một ủy viên ban quản trị theo Thiên Chúa giáo ở Sydney. Tất cả chúng ta đều duy nhất trong sự phụng thờ qua lối tu tập của Subud.

Rasjad Johnson, Úc

Tình thương đối với mọi người..

Tôi đã tu tập Subud được 40 năm. Tôi gia nhập Subud ở tuổi 28 – khi vẫn còn chưa lập gia đình – bởi nguyên tắc hết sức đơn giản và không phiền phức của Subud về sự giao tiếp với Thượng Đế. Tôi chỉ việc tin ở Thượng Đế (điều tôi luôn tin từ khi còn là một đứa bé) và phó thác cho Thượng Đế (điều tôi cố gắng làm trong đời mình khi lớn tuổi). Subud chỉ cho tôi cách củng cố đức tin ở sự hiện hữu Thượng Đế, và khiến tôi phó thác ý muốn mình cho Ý Muốn của Thượng Đế – cho điều Thượng Đế muốn xảy ra. Ảnh hưởng của lối tu tập Subud khiến kinh ngạc. Nó dần dần thấm sâu vào nhân cách; lí trí và tri thức hầu như chỉ hay biết được sau khi tôi nhận thấy có những thay đổi – trở nên khác hơn – về tính tình và cuộc đời tôi. Subud dần dần làm tan biến lòng sân si của tôi, để thay vào đó tình thương, không chỉ cho những ai gần cận tôi, mà cho tất cả loài người, cho tất cả các tạo vật của Thượng Đế. Phạm vi tình thương của tôi bành trướng tới một chiều rộng và một độ sâu mà tôi nghĩ là không thể có, do cái tính khí thù nghịch thừa hưởng của tổ tiên. Đời sống thường xuyên trở thành một dịp để giúp đỡ những người khác, điều tôi vui lòng làm mà không mong thưởng công. Nhưng Thượng Đế thì luôn thưởng công, một cách bất ngờ. Bằng cách ban tặng, đời tôi trở nên phong phú hơn, cả về tâm linh lẫn vật chất. Tôi vô cùng biết ơn Thượng Đế, vì được dẫn dắt bởi Bàn Tay vô hình của Thượng Đế, khiến có một cuộc sống tương đối thoải mái kể từ lúc tôi vào Subud – 7 năm sau nhà tôi cũng xin vào. Tuổi chúng tôi đã gần 70, với những người con đã hạnh phúc lập gia đình và 4 đứa cháu nội sinh động. Latihan Subud đã đưa chúng tôi trên con đường phải đi. Chính nhờ ân huệ Thượng Đế nên tôi mới tiếp nhận được. Và bởi đó là thiên ân, nên chỉ những ai nhìn nhận nó mới tiếp nhận được. Chỉ một trong 3 người con tôi cùng với vợ họ, và một trong 10 người anh chị em ruột thịt của tôi là đã gia nhập. Nhưng đó không là điều đáng buồn, mà phải chấp nhận, vì đó là Ý Muốn của Thượng Đế, chứ không là ý muốn chúng ta.

Muhammad Kuswanda, Indonesia

Cũng khiến tôi được lợi rất nhiều...

Khi còn là một sinh viên đại học, tôi có một chứng nghiệm khiến biết được Thượng Đế quả thực hiện hữu. Điều đó khiến tôi vui sướng vô cùng và có một cái nhìn mới mẻ về đời người. Nhưng cái tình trạng hào hứng đó mau tan biến, nên tôi thấy mình vẫn còn đầy nhoe nhuốc. Tôi nghiêm trọng đi tìm một lối thoát, và tìm thấy Subud. Trong vài latihan đầu tiên, tôi không cảm thấy gì hết. Nhưng rồi thì tôi có một phản ứng mãnh liệt trong đó mình cảm thấy được tự do, và tin chắc là linh hồn mình được giải thoát bởi sự hoạt động của quyền năng Thượng Đế. Hiện nay thì tôi đã trong Subud được 46 năm. Cuộc sống trong Subud là một hành trình tới sự chuyển hóa của nội tâm, và đó là điều đôi khi mãnh liệt và đau đớn, đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn nhưng cũng khiến được lợi nhiều, như an vui, hạnh phúc, an hòa và giác ngộ tâm linh. Latihan tôi vẫn còn tiến triển, và chắc chắn là sẽ còn tiếp diễn ngay cả tại thế giới bên kia, vì đó là một phần của chính tôi.

Rozak Tatebe, Nhật Bản

Một phương tiện để phụng thờ Thượng Đế...

Với tôi Subud là một phương tiện để phụng thờ Thượng Đế mà không bị cản trở bởi tâm trí. Cái ân huệ đó được ban cho tôi cách đây nhiều năm, cùng với nhiều người khác, khi chúng tôi tiếp nhận latihan kedjiwaan của Subud với sự hiện diện của Bapak Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo. Trong nửa tiếng đồng hồ, linh hồn chúng tôi được đánh thức khỏi cơn ngủ, để bắt đầu phụng thờ Thượng Đế. Nói tới sự giao tiếp đó với quyền năng của Thượng Đế, điều duy nhất tôi thấy có chỗ tương đồng là sự Hạ Trần mà các tông đồ nghiệm thấy. Như những người Thiên Chúa giáo ban đầu đó, chúng tôi tiếp nhận được Thánh Linh, và bắt đầu nói với nhau bằng những ngôn ngữ theo chỉ thị của Thánh Linh. Nhưng không như họ, những người sùng tín, chúng tôi là một đám đông không có gì nổi bật, đầy tội lỗi, những kẻ đương nhiên không xứng đáng nhận được ân tứ. Một phép lạ khác, một dấu hiệu của tình thương và lòng nhân từ của Thượng Đế, là cái ân huệ đó có thể ban cho bất cứ ai mong muốn tiếp nhận. Chỉ việc đứng trước những vị trước đó đã tiếp nhận sự giao tiếp thánh thiện đó và có một thái độ cởi mở với những gì xảy ra, ta có thể tiếp nhận latihan kedjiwaan của Subud. Nhiều người tiến bộ nhanh chóng trong Subud là vì đời họ và đời tổ tiên họ tương đối tránh làm những gì sai trái, khiến cho sự phát triển của linh hồn họ không bị ngăn trở. Những người khác, như tôi đây, không được dễ dãi như vậy, nên phải học cách kiên nhẫn, để mong đợi, nếu đó là ý Thượng Đế, tới một giai đoạn nào đó, được vĩnh viễn trở về với Thượng Đế.

Lester Sutherland, Canada

Tôi đã tìm thấy đường đi!

Lúc trung học và đại học tôi tin rằng trí óc mình có thể hiểu thấu tất cả những gì có thể hiểu thấu. Các tôn giáo và thần linh đều do thiên hạ bịa đặt ra để che giấu sự yếu kém của đầu óc họ. Tuy vậy...có điều gì đó nơi tôi khiến tôi phải tìm hiểu nhiều hơn. Hết năm này tới năm khác, tôi đi tìm... Tôi đọc hàng trăm cuốn sách và những chứng nhận thật đáng chú ý về những gì là đúng hay không đúng của tôn giáo và những đường lối tâm linh, về những luận văn của những kẻ vô thần cũng như kẻ tin đạo. Tôi thử Yoga, Thiền Tông, thiền định trong trạng thái không ngủ, tọa thiền và hành thiền, tập nhịn đói, ăn chay...nhưng không gì có thể thỏa mãn sức ép khiến tôi muốn tìm hiểu nhiều hơn. Đối với tôi Subud là một phương tiện để phụng thờ Thượng Đế mà không bị cản trở bởi tâm trí. Cùng với nhiều người khác, cái ân tứ đó được ban cho tôi, khi chúng tôi tiếp nhận latihan kedjiwaan Subud với sự hiện diện của Bapak Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo. Trong nửa tiếng đồng hồ linh hồn chúng tôi được đánh thức khỏi cơn ngủ dài lâu để bắt đầu phụng thờ Thượng Đế. Nói tới sự giao tiếp đó với quyền năng của Thượng Đế thì điều duy nhất tôi nghĩ có chỗ giống nhau là sự Hạ Trần của Giê-Su mà các tông đồ đã nghiệm thấy. Như những người Thiên Chúa giáo ban đầu đó, chúng tôi tiếp nhận được Thánh Linh, và “nói những ngôn ngữ khác nhau theo phát biểu của Thánh Linh.” Nhưng không như

họ là những người “sùng đạo“ chúng tôi là những kẻ không có gì nổi bật và đầy tội lỗi, không xứng đáng nhận được ân tứ của Thượng Đế. Một phép màu khác, một dấu hiệu khác về lòng cảm thương và khoan dung của Thượng Đế là việc đối với nhân loại cái ân tứ đó có thể ban cho bất cứ ai mong muốn tiếp nhận. Chỉ việc đứng trước những vị trước đó đã tiếp nhận được sự giao tiếp thánh thiện đó, và có một thái độ cởi mở với những gì xảy ra, ta có thể tiếp nhận latihan kedjiwaan của Subud. Có những người tiến bộ nhanh chóng, vì đời sống họ và đời sống tổ tiên họ tương đối không có những việc làm sai trái, khiến sự phát triển của linh hồn họ không bị cản trở gì nhiều. Những người khác, như tôi đây, thì không mấy được dễ dàng, nên phải học cách kiên nhẫn để mong cho, nếu đó là ý Thượng Đế, tới một giai đoạn nào đó, mình sẽ vĩnh viễn trở về với Thượng Đế. Những giáo lý của Krisnamurti khiến tôi không còn muốn theo bất cứ đường lối tâm linh nào và không hy vọng có sự sẽ tiến hóa của tâm linh...Thế rồi đó là lúc, cách đây 20 năm, tôi hoàn toàn khiêm tốn quỳ xuống nhìn nhận mình không thể làm gì hơn. Ngay sau đó, do tình cờ, tôi nghi ngờ và còn mĩa mai khi nghe nói tới một phong trào kỳ cục gọi là “Subud.“ Đầu óc tôi lập tức gạt bỏ nó, như bất cứ những một tôn giáo nhất thời nào khác. Tuy thế, đột nhiên những lời nói này khiến tôi phải chú ý: “Trong Subud không cần có tôn sư, không có giáo điều, không có tín ngưỡng, không phải đặc biệt cố gắng, không có nghi thức tế lễ, không phải theo một khóa học tập đặc biệt nào.“ Tiếp theo là những lời nói: “Chỉ việc phó thác cho cái Cội Nguồn của tất cả, cho Tao Hóa, cho cái Uy Quyền Tối Cao, dù gọi nó là gì đi nữa...có thể gọi đó là Thượng Đế.“ Tôi không cần một trung gian giữa mình và cái Quyền năng Tối Cao đó. Chỉ việc phó thác mình cho Thượng Đế Duy Nhất là đủ...và không làm bất cứ gì trong lúc đó. Tôi nhận thức được mình đã tìm thấy đường đi của mình!

Jan Duniewicz, Canada

Thực tại của Thượng Đế

Với tôi điều cốt yếu là tôi không tin mình có thể sống cho tới nay nếu không vì Subud. Tôi đã khiến cho mình rớt xuống một hố sâu khoảng lúc gia nhập Subud, và tôi cũng không tin đã sống sót nếu không vì latihan. Trong những năm đầu tiên trong Subud latihan tôi như một cá an toàn tôi giữ lấy mỗi ngày, khi đi qua nơi hoàn toàn u tối. Nên trong những lúc này, nếu cảm thấy không hài lòng với latihan và Subud, tôi phải nhắc cho mình nhớ rằng không biết mình đã ra sao nếu đã không vào Subud. Tất nhiên tất cả chúng ta đều mong muốn tiến bộ nhanh chóng. Nhiều người trong chúng ta mong đợi thành những vương hầu của trần gian trong vòng một hay hai năm trong Subud. Hình như việc biến đá sỏi thành đá quý tốn chút nhiều thời gian hơn. Tuy thế, hiện nay tôi là người hạnh phúc và có khả năng hơn lúc vào Subud. Tôi có khả năng hơn để thực hiện những gì mình mong muốn thực hiện, và khiến cho cuộc sống mình thành những gì mình mong muốn nó sẽ thành. Với tôi đó là một dấu hiệu về việc đời tôi biểu hiện được nhiều hơn cho những gì là chân tính mình, và đó cũng là việc nó khiến tôi đến gần được những gì Thượng Đế muốn cho tôi. Subud đã làm cho đời tôi trở nên phong phú theo nhiều cách, rất nhiều cách. Những nhân vật cao thượng nhất mà tôi gặp trong đời mình - những người khiến hứng thú nhất, có tinh thần mạo hiểm nhất, dũng cảm nhất – là những nhân vật trong Subud. Do Subud tôi được dịp du hành khắp thế giới, và trở nên thân thiện với nhiều người trên khắp địa cầu. Tôi cũng tin chắc Thượng Đế là một thực tại, và có một cuộc sống bên ngoài cuộc sống này. Với tôi Subud là một cuộc phiêu lưu vĩ đại, trên cái thế giới này và thế giới bên kia.

Harris Smart, Úc

Cái mà tôi đã đi tìm cho suốt đời mình...

Latihan của Subud là cái mà tôi đã đi tìm cho suốt đời mình...với tôi đó là một “Ngọc Quý Báu“ và tôi coi mình là một trong những kẻ may mắn nhất trên trái đất đã tiếp nhận được. Tôi luôn tin rằng có một quyền lực tối thượng, và kể từ lúc tiếp nhận được latihan tôi có bằng chứng là

Thượng Đế quả thực hiện hữu – bởi tôi có thể cảm thấy sự gần cận của quyền năng Thượng Đế, bất cứ lúc nào đặt mình trong một trạng thái tĩnh lặng. Đời người thì phải tranh đấu rất nhiều, tôi được hướng dẫn và có sức chịu đựng để thích nghi, và đó là điều tôi phải thâm thúy biết ơn. Nếu không vì latihan, thì chắc tôi đã đi lang thang nơi hoang vu, mò tìm trong bóng tối, để cố tìm thấy chân nghĩa đời người trên trần gian. Bây giờ thì tôi có thể tuân theo ý Thượng Đế và đối diện thực tại của mình. Dù hành trình có khó khăn đi nữa, tôi biết rằng có Thượng Đế bên cạnh mình...ngay cả tới lúc cuối của cái trái đất này.

Simone Melder, Úc

Lòng tôi ấm nóng vì dần dần được mãn nguyện...

Tuy hầu hết những gì mình làm ngoài đời đều thành công, nhưng tôi càng lúc càng cảm thấy sự thành công đó chỉ là bề ngoài, nên không khiến tôi mãn nguyện trong những giây phút vinh quang ngắn ngủi đó. Tôi đi tìm cái gì có ý nghĩa thâm sâu hơn sự thành công: ban đầu là tôn giáo và sau đó là những triết học thần bí. Tôi thấy các tôn giáo chính thống tuy khiến cho mình cảm thấy được an toàn dựa vào giáo điều và lễ nghi, nhưng lại không làm cho trực tiếp tiếp xúc với một quyền lực siêu đẳng có thể hướng dẫn đời mình và khiến có một hiểu biết sâu sắc hơn. Những lối tiếp cận của thần bí học cũng đi ra ngoài mục tiêu; tuy hứa hẹn nhiều nhưng đó phần nhiều chỉ là việc tăng cường ý chí, và như vậy thì đâu khác gì với những thành đạt ngoài đời: thành công mà không được giác ngộ. Trong Subud tôi cuối cùng phát hiện được con đường của chính mình cho phần còn lại của đời mình. Tôi thấy mình tiếp xúc được với cái gì cao siêu hơn làm thay đổi hành trình đời mình. Bởi không là một tôn giáo, đúng ra là thực chất của tất cả các tôn giáo, nên nó bao gồm tất cả mà không cần giáo lý, giáo điều và một giáo đoàn quy định những gì là đức hạnh và phải làm. Đặc biệt hơn hết, với tác động của nội tâm và những kết quả ngoài đời, lối tu tập của Subud thích ứng với khả năng và nguyện vọng của mỗi cá nhân. Nếu ta thuận lòng, thì cùng với việc dần dần gột sạch nội tâm khỏi những hành vi sai trái, latihan của Subud còn có thể trực tiếp hướng dẫn mình trong đời sống hằng ngày và khiến nhận biết được có một chân ngã không mắc dính vào cái vòng luân quần của thị dục và đam mê. Lòng tôi ấm nóng vì dần dần được mãn nguyện, quyền lực của những sự thịnh và suy thông thường, điều mà tất cả chúng ta trải qua, dần dần yếu kém khiến không thể lừa đảo và làm cho lo âu. Tôi cảm thấy mình được kết hợp với nhân loại, và chỉ một phần nào thôi, được kết hợp với quyền năng của Thượng Đế.

Ridwan Blond, USA

Subud nghĩa là sự sống...

Tóm lại, Subud nghĩa là SỰ SỐNG. Cũng như nhịp tim là một dấu hiệu về việc thể xác tôi đang sống, nhịp đập của latihan là một dấu hiệu về sự sống của nội tâm. Khi được khai mở trong năm 1959, tôi cảm thấy nội tâm mình đã chết, và tôi cũng bị bệnh suyễn trong 10 năm. Nhưng trong lúc khai mở tôi cảm thấy ngực mình chột được giải thoát, và sự sống của nội tâm, như một con chim thoát khỏi lồng, bay vút lên cao. Tôi không bao giờ còn bị bệnh suyễn nữa. Trong đời tôi có một cuộc đời là sự vui sướng được sống chung với latihan.

Rosalind Orchard, Canada

Một tình thương và sự gần cận cận khó giải thích nổi...

Khi còn trẻ và trước khi biết tới Subud, tôi đã thâm thúy quan tâm tới tình trạng của thể giới và những gì mình thấy chung quanh mình. Như hiện nay đối với tôi, căn nguyên của tất cả những gì xấu xa là do là những sai trái nơi mỗi người, và chỉ bằng cách cải tình trạng đó được chữa trị,

thế giới mới có thể trở thành một nơi chốn tốt đẹp hơn. Trong năm 1961, tôi lần đầu nghe nói tới việc tác động của latihan Subud khiến cho nội tâm có thể dần dần được chữa trị, tôi cảm thấy đó quả thực có thể là đáp án. Thế nên, tôi gia nhập Subud và đợi xem những gì sẽ xảy ra... Ngay từ lúc ban đầu, tôi đã hoàn toàn tin chắc cái Sức Mạnh điều khiển latihan của Subud là có một ảnh hưởng tốt đẹp. Thực vậy, không còn nghi ngờ gì được nữa, tôi biết được rằng “nó” thâm sâu và hoàn toàn hiểu được mình. Cùng với việc đó, quan hệ của tôi với những người khác ngay sau đó đã hoàn toàn thay đổi. Không như trước đây, tôi không còn cảm thấy có thành kiến và nghi ngờ những ai thuộc những chủng tộc, tôn giáo và màu da khác, và tôi cũng không còn thấy có sự cách biệt giữa những người cùng tuổi với mình và những người lớn tuổi hơn. Tôi cũng bắt đầu nhận thấy một điều khó giải thích được là có tình thương và sự gần cận với những người mình cùng tập latihan, tuy bề ngoài chúng tôi thường ít có một mẫu số chung. Trong những năm tháng tiếp theo, tôi càng lúc càng cảm thấy có một sự duy nhất trong tâm hồn mình, và xin được kết thúc bài này với một đoạn trích dẫn một nói chuyện của Bapak tại Los Angeles July 25, 1981:

“Trong lối tu tập này chúng ta thực sự nghiệm được điều mà nói chung loài người không thể hay chưa từng nghiệm được, và điều đó khiến có một sự thay đổi, một sự cải thiện, một sự chỉnh sửa tính tình mình. Và sự chỉnh sửa đó chỉ quyền năng của Thượng Đế mới thực hiện được.

“Chẳng hạn, nếu có ai đó thiếu tình thương đối với những người khác, thì sự thiếu thốn đó, một vết nơ của tính tình, quả thực là một căn bệnh của linh hồn. Căn bệnh ăn sâu đó khiến tất cả chúng ta lo nghĩ. Đó là việc không có tình thương với những người khác, không có lòng thương cảm với những người khác.

“Bây giờ thì sự thiếu thốn đó có thể được chữa trị bởi lối tu tập của latihan. Và đó là điều gì thông thường con người không làm được: chữa trị hay chữa lành căn bệnh mình. Trong lúc này, căn bệnh của tính tình đó mà Bapak đã mô tả, là cái khiến cho thế giới bị hỗn loạn, điều thiên hạ thông thường lại không ý thức được. Thế giới trong cái tình cảnh đó không thể khiến cho có một trạng thái an hòa, nếu căn bệnh đó của tính tình không được chữa trị.

“Thế nên, lối tu tập của latihan thật hệ trọng, thật cốt yếu cho nhân loại hiện nay, vì nó có thể thay đổi trong nội tâm những gì không thể thay đổi theo cách thông thường. Lối tu tập này còn quan trọng hơn, còn bao la hơn những gì là chữa trị bệnh tật, những gì tạm thời tạo cho mình một vị thế khá hơn... sự trọng đại của nó còn bao la hơn nhiều, bởi những gì nó làm là tu chỉnh tính tình, và khiến ta mến thương, thương cảm những người khác...”

Ilaine Lennard, Anh quốc

Thượng Đế luôn ban ân huệ cho chúng ta...

Tôi lớn lên trong một không khí của tình thương, thậm chí tôn sùng – từ bố mẹ và đặc biệt từ ông bà tôi – và từ nhiều người chung quanh tôi, trong thời niên thiếu. Cho tới lúc đi học, thời gian của tôi phần nhiều là ở đồng quê... rồi tới lúc đi học... và cuộc sống ở thành thị. Hiển nhiên cái thế giới đó không đầy tình thương và sự chăm sóc như cái thế giới của thời thơ ấu. Những gì tôi nghĩ về “thiện” và “ác” thì không như nhau. Và tôi bắt đầu trải qua cái thế giới của “tuổi trưởng thành”. Nhưng Thượng Đế thì luôn nhân từ. Thượng Đế thường xuyên ban ân huệ cho chúng ta, luôn biểu lộ tình thương và sự che chở. Vấn đề là ta chỉ việc ý thức được. Subud đã khiến cho tôi ý thức được. Trong latihan kedjiwaan của Subud tôi học được cách như thế nào chúng ta THÀNH THẬT có thể thương yêu – Thượng Đế, Vị Chúa Tể, bản thân mình, những người mọi nơi, kể cả tất cả các tạo vật trên địa cầu và bất cứ đâu. Chúng ta phải cảm kích vì tất cả những thử thách mình đang đối phó, trên con đường tới một cuộc sống giản dị hơn, thực sự

của con người, trên cái hành tinh này. Chủ yếu, tôi thấy Subud là như vậy.

Sandra Lykhatska, Ukraine

Subud đã tìm thấy tôi...

Tôi không đến với Subud nhưng Subud đã tìm thấy tôi. Cách đây một năm rưỡi, một người bạn thân mà tôi đã không gặp 10 năm, đã nằm mơ thấy tôi, nên anh liên lạc với tôi cho hay anh phải nói với tôi về Subud. Những gì anh nói gây tiếng vang trong tâm hồn tôi. Tôi nghĩ đó là cái mình luôn đi tìm, tìm một đường lối tâm linh. Đã từ bỏ giáo hội Tinh Lành khi rất còn trẻ, tôi không những đi tìm những đường lối tâm linh khác, mà còn là những đường lối hành động trong đời sống. Sáu năm trước khi bắt đầu tập latihan, tôi có một linh thị mà mình không thể quên, trong đó tôi “nhìn thấy” một đứa bé và một cây đàn hạc rớt xuống từ Thiên Đàng: tôi “thấy” Chúa Giê-Su và một người Á Đông mà mình không nhận diện ra. Tôi vẽ cảnh đó, và tự hỏi không biết người đó là ai và tượng trưng cho cái gì, cho tới ngày tôi lần đầu trông thấy những tấm hình của Bapak, người đầu tiên tiếp nhận được latihan của Subud. Tôi làm theo linh thị mình, và đến Nicaragua để làm việc với những đứa trẻ qua âm nhạc và nghệ thuật. Một vài năm sau đó Subud đến với tôi. Bây giờ thì tôi đã tập latihan gần được một năm, và có nhiều điều kỳ lạ xảy ra trong đời mình. Trong latihan tôi được nhẹ nhàng, và đôi khi không mấy nhẹ nhàng, lấy đi khỏi nhiều gánh nặng, cả tinh thần lẫn thể chất. Tôi được chữa lành khỏi những yếu kém của thể chất, và đó như là nội tâm được “tẩy sạch.” Với tôi Subud là lên đường mà không lùi bước, dù mình được dẫn tới bất cứ đâu. Tôi được sự trợ giúp của một cội nguồn mà mình không biết là gì nhưng luôn trong nội tâm, và đó là cái tôi đã đi tìm nơi bên ngoài mình, trong thế giới vật chất. Tôi đã lo sợ rất nhiều. Nhưng bây giờ thì hết. Đó là một hành trình tới một nơi chốn đôi khi không biết trước, mà nếu thiếu latihan tôi đã không dám đi vào. Bây giờ thì tôi có thể tới nơi “chỉ có các thiên thần đi trên đó”, và điều ngạc nhiên là nó không mấy khó khăn: tôi có thể cùng đi với nhiều anh chị em trên khắp thế giới.

Amalia Inger Holm, Denmark & Indonesia

Ta được mang chở tới một thế giới khác...

Tôi trong Subud là vì đó là một trải nghiệm kì diệu. Đôi khi ta được mang chở tới một “thế giới” khác, hay thoáng nhìn thấy được một thực tại khác, điều gì thâm sâu uy nghi và khiến kính sợ. Đôi khi cái trải nghiệm đó là một sự thanh tẩy, khiến cảm thấy một sự an hòa đầy sức sống. Những lúc khác thì nó khiến được sáng mắt làm cho ta chợt tự hiểu được mình. Tuy nhiên, tôi không muốn để lại một ấn tượng sai lạc: trong những trải nghiệm đó latihan tôi thường chỉ tĩnh lặng. Sau một lúc nào đó thì như là tấm gôi, một điều tự nhiên đều đặn phải làm. Nghề nghiệp một viên sĩ nên tôi có tinh thần hoài nghi chuyên nghiệp, và với tôi điều rất quan trọng là Subud không có giáo điều hay giáo lý. Tức là mình được tự do mà chỉ việc trải nghiệm những gì xảy ra một cách tự nhiên.

Garrett Thomson, Colombia

Nghiệm được thực tại của điều đó...

Trước khi ông cụ tôi mất, tôi nói với ông: “Con làm điều này khiến cho bố cảm thấy an bình.” Tôi làm một latihan, và ông được khai mở. Sau đó, chúng tôi ngồi bên nhau, không ai nói với ai lời nào: cái tình trạng tĩnh lặng tỏa khắp của nội tâm bao trùm lấy chúng tôi, nên tất cả các lời nói đều thừa thãi. Ngày hôm sau, khi tôi đến thăm, ông nói: “Khi bố còn trẻ, trong Nhà Thờ người ta nói tới một sự an hòa khó hiểu nổi nhưng bố chưa từng hiểu thế nghĩa là gì. Hình như đó chỉ là một cách nói trống rỗng của thơ văn, nhưng hôm qua bố nghiệm được thực tại của điều

đó“. Ngày sau đó, ông nói với tôi: “Trong đời mình bố luôn đi tìm những gì bên ngoài mình, bây giờ thì bố hay được là chỉ việc phó thác cho cái quyền năng cảm thấy trong nội tâm mình. Xin tạ ơn Chúa là bố đã tiếp nhận được trước khi chết. Cũng xin tạ ơn Chúa là con đã tìm thấy được trong lúc vẫn còn cuộc đời phải sống.”

Hussein Rawlings, New Zealand

Cộng đồng đầy tình thương...

Subud là cái cộng đồng đầy tình thương, trong đó tôi tìm thấy latihan. Latihan là nơi tôi có thể hoàn toàn buông thả trí óc mình, những ý nghĩ của mình, để đầy đủ nghiệm được bản thân mình, mình thực sự là ai, ngay trong lúc này. Đó là nơi tôi có thể phó thác tất cả những căng thẳng, tất cả những phiền phức, để hiện diện trong niềm cực lạc. Tôi có thể nhìn vào đáy lòng mình để được hướng dẫn trong đời mình. Tôi có thể tìm thấy chính tôi, là chính tôi.

Rosada Martin, USA

Tôi chưa từng bị bỏ rơi...

Với tôi Subud thường được coi là một sự Giao Tiếp, một sự giao tiếp mà hầu như toàn thân tôi nghiệm thấy, kể từ ngày được khai mở cách đây 8 năm. Tôi như trở thành một đấu trường cho một trận đấu giữa những sức mạnh thấp kém và cao quý, giữa những gì không muốn đầu hàng để kéo mình xuống thấp và những gì đưa mình lên cao. Tám năm đó là một câu chuyện về những lúc thịnh và suy của tôi. Tôi nhận được những ân phước không thể quên, nhưng lại bị trừng phạt nghiêm khắc, sau khi lại tạo thêm những lỗi lầm đã có. Chúng ta luôn lỗi lầm, tuy biết được và cảm thấy những gì mình làm là sai trái. Khi làm điều gì sai trái, tôi cảm thấy đau đớn vì sự Giao Tiếp bị lấy đi mất. Điều đó như một cơn lạnh trông vắng bao lấy mình. Tôi biết được Thượng Đế có thể đến gần mình, khi không gian nội tâm mình được dọn sạch khỏi những nhơ nhuốc. Nhưng Thượng Đế sẽ lại mất dạng, khi tôi chứa đầy những ảnh hưởng của thế gian. Khi cuộc sống quá khó khăn khiến không còn cảm thấy sự nối kết đó nữa, tôi liền cầu nguyện, nghĩa là nói chuyện với Thượng Đế. Tôi nói là mình đã hiểu được bài học của mình, và xin Thượng Đế giúp cho mình. Tôi CHƯA TỪNG bị bỏ rơi! Cuộc sống tôi đã không dễ thờ hơn, mà chỉ là thú vị hơn trước kia. Subud với tôi là vậy. Và cũng chỉ có vậy thôi.

Alla Belinskaya, Ukraine

Một kích thước mà tôi không thể hình dung...

Đại dương có thể hấp dẫn. Cuộc sống cũng vậy, nhưng latihan của Subud thì tạo thêm một kích thước mà tôi không thể hình dung. Đôi khi nó khiến tôi muốn gào thét trong đó, theo một cách làm cho tôi thật lòng cảm kích. Latihan không bắt phải chịu đựng những gì nhiều hơn tôi vui lòng chấp nhận, bằng cách cho tôi nhận thức được một khía cạnh luôn triển khai, không ngừng thay đổi, của đời sống. Bằng cách đó, nó chỉ cho thấy một viễn cảnh cao đẹp hơn, và một bối cảnh rộng lớn hơn ý nghĩ và cảm xúc của mình. Tôi say mê vui sướng, hay đang chuẩn bị nghiệm được một đại dương thâm sâu và rộng lớn hơn?

Merin Nielsen, Úc



CALIFORNIA ACTION



No. 14

A Publication of Subud California

August 1975

Our fifth...

World Congress sends ISC to Toronto and SES to US

By PAUL EDWARDS

If someone should ask me, "How was the World Congress in Germany?", I would have to say, full. Without reservation, our time was full of events in Wolfsburg, involving both outer and inner. Time was spent differently than the '71 Congress in Cilandak. Every night there was entertainment, usually starting at about 11:30 after a talk, testing, or latihan, and going on until 2 or 3 in the morning. These were very interesting nights, offerings from all over the globe, including: plays, singing, dancing, a magician, the Skymont film, fashion shows, musical groups, a radio show, a 400 person choir, and, last but not least, Lewis Arquette with his nose flute, looking more like a nose bleed from the last row. Some of the cultural events were a part of the two cultural evenings held at the Exposition Center in Wolfsburg. The rest went into the morning under the big tent on the compound. This tent was called the Cafe Tra la la, complete with stage, tables for about one thousand people, and coffee with sweets...enough for all. I am speaking now about the nights I was able to catch. The night after general latihan, I went directly from the bus to the bed. I did not pass Go, or the Cafe Tra la la....Now I've always considered myself a person with a good amount of energy, but I believe Reynold Kalisher attended every evening session at the Cafe Tra la la. Near the end, he mumbled something to me about feeling just like the 20th day of Ramadhan. Even

his cassette recorder was starting to slow down.

Enough about Tra la la....Our mornings starting with everyone banging on everyone else's door in a communal effort to get up. The plenary sessions started at 9:30 every morning and the Mercedes buses were gone at 9:10. Many is the morning I saw people like Raphael and Roanna Christy silently watching the last bus rolling down the road. After 9:10, one never saw so many hitchhikers congregated in one area. Fortunately, some of the people from England, France, and Germany had cars...The Congress started with Bapak leading and, as always, lovingly prodding us on. But this time, there was not so much need for prodding. Downstairs there was an exhibit of 50 Subud Enterprises. The next morning after Bapak viewed the exhibit, he said he was truly surprised and pleased that enterprise activity had spread so far so fast through the Subud world. In fact, one of Bapak's main messages to the Congress was a warning that the Latihan should not eventually be overshadowed by the outer structure of Subud. It was for this reason that an international Dewan, composed of 6 helpers, was formed to help balance the work of ISC with guidance from the Kedjiwaan. Bapak placed, with the Congress' blessing, the new location of ISC in Toronto, Canada. This brings ISC close to Varindra Vittachi, who will proceed as Chairman of the World Subud Council for four more years. Bapak



BAPAK AND MAS TUTI . . . at a selamatan in Cilandak 1975 (Photo taken by Renee Von Woolf)

praised the work of Richard Engles and his old ISC Committee, as an example for future work. Never have I seen Bapak so openly praise the work of any man or group. Richard and his committee received a standing ovation, which was a sight indeed. Their preparation and organization of the World Congress facilities was of the same excellence. I believe everyone would agree with that.

One of the side advantages I can see from the World Congress is watching cultures from all over the world trying to live together. It is there where one can see how the American culture is; the German,

the English, the Indonesian, the Peruvian, and so on. We Americans are brash, quick, unfinished, young, mimicry, willing to take on anything, spontaneous, creative, and warm. Who else do you think would hold up the trains going to Wenthouse for Bapak's birthday? But....we Americans have much to learn from other cultures throughout the world. Other cultures have something to learn from us. The World Congress made this obvious.

I have covered only a fraction of what went on at the Congress. I hope others will write articles that can fill in the things I left out. Reynold Bean's would be a doosy.

trials of a coffee drinker in Europe

By HARLINAH LYONS

As an inveterate coffee drinker (hot or cold), of course, one of my chief concerns in "Europe" was where was the coffee? Now, here in the United States, you can get it anywhere — but, in Europe...yes, it was supposed to be there and good, too, but you never know...

After the chartered plane arrived in Frankfurt I was on my own, coffeewise. First, on to the train bound for Paris. What? An 8 hour trip? My goodness, and no dinner car! I remember now, baskets of food, jars of water, bottles of wine — all seen on TV. Well, Brothers and Sisters, it's true! The food vendor comes on and runs around with a cart full of beer and soft drinks—no coffee or food (as far as I could see). Well, a little 8-hour prehatin after a flight to Europe was acceptable—but what about Paris? The friends I stayed with are tea-drinkers and Nescafe-with-milk addicts—still no real coffee. "What about the sidewalk cafes?" We spent much time on the Paris subway called the "Metro"—no coffee there. At last, my first Parisian coffee in a cup so small it looked like a thimble—I could have had 3 of those but social grace prevented me. My last day in Paris I went to the "supermarket" and purchased ground coffee and, as a last minute item, a plastic flask. It turned out the flask was the most valuable item I bought. My French friends were well aware of the food/train problem so we cooked all sorts of things for our trip as well as taking a good supply of fruit. The one thing France has that the U.S. doesn't is a superb sour cream. I took along a flask of coffee and a pint of sour cream and some bananas—no more prehatin on trains! I was set!

On to Germany! The Germans seem to like coffee better than the French do. (The cups were bigger.) I arrived in good shape at Wolfsburg mostly because I could tip the coffee flask every so often...and after the initial check-in at the Village, we were served German pastry and some good hot coffee. In all the buildings in which we were housed, there was a battery of electric hot plates and some pans. I had my French coffee—I was set for a few days even though it was made camp style. We were given a large envel-

ope full of Congress information which I read. All I remembered after the first reading was there were dinner tickets and you had to buy tickets to get coffee at the coffee bars in the Civic Center. I must have purchased 20 deutschmarks worth of coffee tickets! Let the Congress begin! All I had to do was find out when the coffee bars would be open—a real feat! There were also times when you didn't use tickets but used real money. Oh

We are very pleased to share with you some of the good news and good feelings we have experienced regarding the arrival and resettlement of our Vietnamese brothers and sisters. We thank God that the path has been cleared and that we all received help and support in our work.

Through contacts with our Vietnamese brothers and sisters in the camps we have learned of their eagerness to join us as soon as possible. Fortunately we can expect the imminent arrival of some of the families and friends that have waited for months for Subud sponsorship. To many of us here in Marin the thought of a Vietnamese Subud community in the midst of our group is really exciting. We have the opportunity to grow in numbers and strength as well as to share in the experience of our Subud life through the latihan. At the recent world congress in Germany we heard Bapak's emphasis upon our social responsibility towards others, and the unique opportunity to have some impact upon a world of disharmony and self-interest. We can all participate in making a place in

our homes and hearts for our Vietnamese brothers and sisters.

Subud Vietnamese:

From Fort Indian Town Gap, Pennsylvania.

Nguyen Tien Thin, his wife and two children. Arrived in Marin.

From Camp Pendleton, California.

Trinh Phu Huu, his wife. Arrived in Marin.

Nguyen Family, Nga, Cuong, Anh, their mother. Arrived in Marin.

Do Njok Trang, his wife and child.

Arriving in Marin week of July 14.

From Fort Chaffee, Arkansas:

Luong Duyen Can Family. His wife and relatives. Ngo Trong Niem.

Ngo Thi Truong. Ngo Sy Phan.

Trinh Huy Chau. Nguyen Phu Hao, his wife and son.

Nguyen Anh Tuan, his wife and four children.

Luong and Nguyen groups sponsored and awaiting confirmation and arrival.

Nguyen Dang Ksanh, his wife and three children. Awaiting response to our letters.

* * * * *

As yet some Subud Vietnamese brothers and sisters are still un-

sponsored from various camps and others just beginning the process of resettlement in this country, with situations of employment and housing unresolved. The situation remains fluid and we regret that we do not have more complete information, though communication is improving steadily between all the California groups and the Vietnamese still in camps, and nationally in Subud across the country.

Specific questions as well as information can be directed to us here in Marin, and we thank all for their help and support as there is much to do.

For many of us in Subud Marin this week has been the end of one story and the beginning of another. With the arrival of the first of our Vietnamese brothers and sisters, it marked a time of excitement and change, challenge and learning; and an opportunity to relate in Subud in an entirely different context of culture and experience. It has been also an end to weeks of phone calls, letter writing and much anticipation as we waited for processing to be completed, all of it culminating in the arrival of the Vietnamese people who have come to Marin bringing a fresh energy and spirit to us and our group.

Perhaps the first and strongest feelings we experienced came as we tried to relate to one another, and finding that we had to work, to communicate, to be clear in what we said and did in a new way, questioning and seeing ourselves separated from the supports of our own daily shared experience. We had been given a mirror to measure and reflect ourselves and a new dimension to our lives.


So our small town had suddenly gotten very large. And our strength grows in feeling as well as numbers as we await the arrival of our other brothers and sisters coming in the next weeks, all resettling and making new lives here in California, seeking jobs and homes looking upon a world which is very strange and new. Therein lie great challenges and opportunities for all of us, Vietnamese and American, all over Subud California, to find something of ourselves through living and working with our brothers and creating something that is born from both.

...for your travel needs

LIGTELYN TRAVEL COUNSELORS INC.

THIRD AND MAIN BUILDING, 200 THIRD STREET
P. O. BOX 700, LOS ALTOS, CALIFORNIA 94022

TELEPHONE (415) 948-7996

well, it was there. I managed later in the week to purchase some German coffee—very expensive for a quarter of a pound. I believe a pound of coffee costs \$3.50. The cost of living is very high in Europe—nearly everything is about 20 cents higher than we pay. Some things seem to be even more and there isn't much peanut butter around either.

Aside from the coffee, there was the matter of a can opener... but that's another story!



REACH

NEWSLETTER OF THE SUBUD ROCKY MOUNTAIN REGION

Published by Subud RMR for its members. Editor: Sulfiati Magnuson. Production: Sinar Graphics.

VOL. II, NO. 5

AUGUST

Our New Vietnamese Brothers & Sisters In Phoenix

I want very much to share with you our experience with the Vietnamese sisters and brothers who have recently moved to Phoenix. There is no way I can relate everything, nor include the experiences and feelings of all of our Subud family here, but I feel each of us has been touched, having found a precious part of our hearts that was hidden, now blossoming.

Several months ago, I found myself feeling down and helpless after watching a searing television movie on life in war-torn Northern Ireland. I went to bed with a prayer on my lips that soon, very soon, I (and our Subud family in Phoenix) would be able to stretch a Subud arm to help. My previous receiving concerning how I should be toward the world situation had shown me to stand physically quiet and inwardly calm, not pursuing, but with sensitive radar-like arms, reaching to sort out the places where it would be God's will to help.

The next day, amidst the busy goings-ons of my family life, I received a phone call from Howard Welch at Ft. Chaffee,

Arkansas. Howard said he knew a Subud family who would like to come to Phoenix...would our group be willing to sponsor them? (I wasn't too busy and befuddled to recognize what was happening, remembering my prayer of the night before.) We had a group meeting the next night and feelings were positive and uncomplicated about sponsoring this family, and perhaps more Vietnamese refugees. Our regional committee began making many phone calls and writing letters to begin the process of sponsorship. We felt sure about sponsorship but a bit uncertain how to go about it all.

Approximately a week later, and with no response to our letter of sponsorship to Ft. Chaffee, and much to our surprise, Howard Welch arrived in Phoenix. And, of course, he could tell us many things we needed to know. He also felt that very likely we had no response to our letter because this particular family didn't really want to live in Arizona. We tested and received that it would be very hard for this family to live here and very hard for us to sponsor them.

But we still wanted to sponsor.

Howard had left a man named Nguyen Dank Khanh Nhan in charge of his work at Ft. Chaffee. Nhan had stayed there with his wife and three children to help the other Subud people find sponsors and relocate. In fact, Nhan had been our interpreter when we had made calls to Ft. Chaffee previously. (The first time I spoke with him, while we were trying to figure out the who's, what's and why's of the phone call, I said, "Are you in Subud?" Nhan said, "Yes, Subud!" with more enthusiasm than I'd heard in a long time!) We asked Howard if he thought Nhan might like to bring his family here and it seemed so to Howard. So we called Nhan, and he liked that idea very much; a day later we discovered through Nhan that a lady named Hien and her friend, Loan, would also like to come.

The weeks passed and we made plans for our new brothers and sisters. We decided on a three bedroom apartment next to Sulfiati and Sjarifuddin HARRISES' house, also a few houses away from the Subud House for Nhan and his family.

Hien and Loan would stay with Pauline and Hanafi Jeffers. Our local committee hustled and bustled. The, suddenly it seemed, the ladies would arrive on July 18, the family on the 19th.

As many as could met our new Subud family at the airport. When I saw them getting off the plane, my heart began to pound and the tears were beginning; I felt the way you feel when you see your mother for the first time after a long period of time. And I told myself I'd better shape up! I discovered later that other brothers and sisters here went through the same experience. Those first feelings seemed to be not misplaced because the most notable qualities about these lovely Vietnamese are warmth and affection. They are very polite and reserved about their actions, but open and generous with their affections.

On Saturday, after everyone was settled in their new homes and had rested awhile, we held a party at the Subud House. We busied ourselves preparing food, gesturing and talking for a half hour or so, when a mounting surge of energy began to grow from the back rooms of the house. And then there was laughter and noise and only what the children can cook up! Our children were all playing together and nothing could have brought us closer together at that point. We had a lovely dinner together, and later, latihan.

Nhan is in his early thirties, spent 13 years in the army, and eventually worked as an administrative clerk in President Thieu's office. He was also a law student and in charge of two karate gynasiums (all of these at once!). He is a 3rd degree black belt in karate. He has been in Subud for six years and his Subud name is Nhan. When we were learning to pronounce his name correctly, he said, "Take the 'o' off of 'onion' — Nhan is pronounced like 'nion'." His wife, Cuc, is very lovely and has a gentle quality about her. I'll never forget how it felt when our eyes met as we watched our children begin to play together. Their children are Tao, a girl aged 5, Ha, a girl aged 4, and Khua, a boy aged 2.

The two ladies are Hien and Loan. Hien is 35 and has been in Subud eight months. In Viet Nam, she taught 12th grade history and geography. Hien is outgoing and anxious to learn everything about us; she has an incredible sense of humor going about bettering her English. After their first night at the Subud House, there were little Vietnamese-English signs everywhere. (By the way, we learned quickly, the word for bathroom is "phong tam"!.) Loan is 19 and was a student in Viet Nam. When I think about Loan, I can find no words

to described the smile on her face. She speaks very little English but her smile crosses all language barriers. Loan began her three-month probation period that Saturday night.

the events that have occurred for Nhan since the 19th of July are something that I feel stems from his faith in God, his trust in the latihan. It was immediately apparent when we met Nhan that he is a strong and determined man; we could feel and hear his desire to be our true brother. On Monday, July 21st, my husband Daniel, began calling karate schools to see if there were any openings for instructors. His third call connected with a Korean man named Chae Won Park; Daniel felt something special and felt it would be better to go see this man in person and not try to talk on the phone. Daniel met Park at his Karate studio in Mesa and liked him very much. Park himself had been sponsored and felt sympathetic to Nhan's situation — so much that he wanted to meet Nhan that day. By the end of the day, Park offered to sell his Mesa school to Nhan for \$1,500 (the building itself is leased). Park has 12 other schools and is well-known in the karate world. Lately, the American in charge of the Mesa school, had left for Chicago and Park was having to spend too much time there; so he wanted to sell. He said there were people from California coming soon wanting him to buy the studio (equipment, use of his name, etc.) for \$5,000, so time was short. Park said he would also stay and work with Nhan as long as six months until Nhan felt confident about running the school by himself.

Nhan felt good about running the school and the men decided to test that night at latihan how it would be for Nhan to involve himself with the karate studio. The testing gave the green light.

The next evening, Daniel, Sjarifuddin Harris and Nhan met with Park and drew up what Daniel described as the shortest, simplest, and most efficient contract he's ever witnessed! With additional financial assistance from a lady in our group, the men have established the beginnings of a Subud enterprise in Phoenix. Most importantly, Nhan has found work in miraculously short time. The potential for growth at the karate school seems excellent and, once successful, Nhan would have time to pursue some of his other interests, the strongest being electronics.

There is no end to telling you about our new brothers and sisters — something new comes with each day and we will make efforts to share all of this with you as it continues to unfold.

As I sit and write tonight, another lovely tale has come forth. We have

been trying to locate Vietnamese-English dictionaries and it seemed we would have to wait a while until more are printed. But tonight, Pauline Jeffers, while talking to a Viet Nam vet who sells real estate, discovered that he had two dictionaries which he was ready to dispose of! (Pauline hasn't landed us a Subud House yet, but the other things she comes up with in her quest are remarkable!)

It is truly a gift to have increased our Subud family here in Phoenix in such an unusual way, developing new friendships and joining together to worship God. It is a blessing to see the members of our group respond in such a truly Subud way, to put to use the growth which to some of us has at times seemed intangible and slow in coming. We have been smiled upon.

Your sister,
Rohanna Muth

Anyone wishing to contribute:
Subud R.M.R.-Vietnamese Relief Fund
c/o Ruth Jeffers, Regional Treasurer
3090 Granite Dr., Willow Lake Estates
Prescott, AZ 86301

From In Wisma Subud

How could I think I'm an outcast
When all the time I am held fast
Within the folds of love.

Rasunah Donovan

Autobiography — Haryati Benik

I was born on May 28th, 1947. And from studying my baby book my first years of life were very normal, very active and very much little girl. My parents, older sister and two younger brothers were not a close-knit family, but many memories of happiness are still in my heart.

My school years had their share of excitements and challenges and I remember the period of my life where everything became confusing and I fumbled around in life, making mistakes, searching for answers no one could give me. Then trying to find a real meaning to life seemed have ended when I met the man who was to become my husband because with him came the discovery of Subud for both of us. And with my opening I knew my life had begun and I no longer felt the need to search for answers. My questions only needed to be surrendered.

Thư Nguyễn Đăng Khanh

Người gửi: NGUYỄN ĐĂNG KHANH (NGƯỜI)
Bldg # 1020 Rm 8
Fort Chaffee - Arkansas 72907 - USA

Fort Chaffee, June 22, 1975

Nhận: MINTAROTO
Ngày nhận: 4-7-75

Cùng các huynh đệ nhóm Thén Lan,

Chúng tôi rất hân hoan và cảm tạ Thượng Đế phân
vì để cho chúng tôi nhận được thư của quý huynh đệ để
nổi lại nhíp cần Subud Việt Nam.

Sự sống sống và cảm động tràn ngập trong lòng mọi
người vì ân huệ Thượng Đế quá to lớn và thể hiện
một cách sống động với những ai tin Ngài.

Cuộc di tản này, tôi nghĩ, là một cuộc thử thách
và thanh lọc toàn diện Hội chúng ta và tôi sẽ ghi
lại những chi tiết các diễn tiến của nhóm chúng tôi
cũng như những giờ phút đi riêng đi chung ta rất
tỉ mỉ khi nghiệm và hiểu biết nhau hơn.

Đầu của các huynh, chúng tôi đang đi về Howard
phố trên. Rõ ràng ngoài quyền năng của Thượng Đế giúp
đỡ thì khó mà có ai đi thoát được qua bao chông
gai nguy hiểm như thế.

Nguyễn Sơn Thượng Đế bảo bọc anh Samirudin và
anh Tống cũng những huynh đệ còn kẹt ở lại Việt Nam.

Như các huynh đệ đều biết, theo chỉ thị của Bapak, tất cả
hội viên đều hướng về. Một số hội viên hoạt động tại các
lâu niên ngày đêm bất kể mệt nhọc giờ giấc không tính đến
huynh đệ và quý thân.

Bapak đòi phải hiểu triết lý và tinh thần của Hội
Huynh đệ Subud thân yêu của chúng ta nên đã chỉ định
Dorian và Sam đến và Thượng Đế đã cho Howard và
Robijan tới kịp lúc... mọi diễn biến đều do ý Thượng
Đế cả.

Ngày 26/4 tại Hội nhà, sau khi Dorian và Robijan báo
thức ở Caravelle Hotel thì cho rằng tình hình bắt đầu khởi
trường cũng lúc Howard có ý kiến đưa đi trước 50 người
theo Pearl Buck Foundation mà Howard là giám đốc.
Tôi đi, cả nhóm hoạt động thức luôn để thiết lập camp

sách nhóm đầu và danh sách chung lên đời cá nhân người. Nhóm hoạt động
gồm Bác Harjono (François Maniquant), Liễn Kiệt (Trương Trung Bình), Hoàng
Thiện (Nguyễn Đôn Khoa), Mintarjo (Vũ), Mawardi (Nguyễn Phúc Hậu),
Mulliono (Nguyễn Phan Mão), Marjono (Nguyễn Đăng Dũng), Hoàn Toàn (Phạm
Tiết Thắng), Sudjatni (Nguyễn Thị Dương Liễu), Harjono (Nguyễn Văn Mão)
Nhân (Nguyễn Đăng Khoa) và Phát Tâm (Trần Phúc Hậu) và anh
Sutardi (Sơn) cũng tham lam việc tế các.

Ngày 27/4. Ty Bảo Vệ Tân Đỉnh làm trạm viên lại, hội viên trong
danh sách 50 người chờ đợi. 10 giờ anh Mintarjo xuất hiện cho
tất cả tập trung tại BT Huỳnh Tiễn Của (Pearl Buck Foundation).
Danh sách còn lại 45 người và anh Phát Tâm (Phụ Tá) hướng dẫn. Trong
lúc chờ đợi, nhóm hoạt động đi đưa đũa và cung cấp, tiếp tế đầy
đủ. Tiệc luncheon rất thất bại thiết. A giờ chiều, bus đưa nhóm đi
đến phi trường (Khu MAC-V Headquarters & DAO). Vì vấn đề giấy tờ
(visa) nên phải chờ lại.

Ngày 28/4. Sáng sớm Howard, Robijan và Sam trở về Saigon, còn lại
một nhóm anh Dorian, lúc này anh cũng kết hôn anh em, ngày phôi nẩy
đêm thức canh chừng. 17 giờ có vài phi cơ của lực lượng Tân Sơn Nhất, chúng
tôi không có phương tiện theo dõi tín hiệu nên chỉ biết thế thôi. Nhiều người
bắt đầu lo lắng cho máy phi đạo sẽ hư và không phi cơ nào có thể
cất cánh được nữa. Tiếp theo là pháo kích. 18 giờ 30 Dorian cũng với
Sam tìm sách chuyển tuyến đợt 2, 3 người vào hầm trú ẩn. 22 giờ yên tĩnh
trở lại. Sam dẫn cả gia đình Minh Sơ gồm 18 người qua khu khác
và mất liên lạc toàn này từ đây. 22 giờ 30 Dorian phân toán còn lại
lên 2 và dẫn đi 30 người (gồm cả Fulud và vài người của Pearl Buck
Foundation). 23 giờ sáng, đơn pháo kích đi đến và liên tục.
Nhiều trái bom rất gần nhưng không trúng khu vực này.

Ngày 29/4. - Nhóm của Dorian không còn liên lạc với nhóm còn
lại vì cách này đây như và không được phép di chuyển.
Trưa, Howard xuất hiện cùng với Sudjatni và Hoàn Toàn còn
lại. Bên ngoài đã quá rầm rộ 24/24, chúng tôi nghe lại như thế và
lo lắng cho họ, tuy nhiên chúng tôi quy thuận ở Thiêng Liêng
Toàn Nảy. Ở đây tình thế vẫn chúng tôi cũng căng thẳng lắm.
Nếu không có chủ tịch của Bopak, chắc có vài người vẫn lờ đờ về.
Chuyện là thâm sâu người, giờ này niềm tin. 13 giờ sáng
mặt trời DDO được vì sách các cột đèn làm bãi tập cho
3 trực tháng 1 lúc.

3/4

13/30 Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đi bộ, bảo vệ toàn khu vực với vị trí? họ cho biết sẽ xử dụng trên đảo trực thăng để bốc hết tất cả vũ khí, người trong khu vực này, lúc đó độ 5000 người. Nhiều người nghi ngờ, cũng có nhiều người có tin. Nhóm Sulend vẫn xếp hàng chờ đợi. Riêng nhóm của Dorian cảm thấy lo vì Dorian mất mát lúc trưa mà không biết anh đi đâu và nhóm này cũng không có một giấy tờ chi cả. Trục thăng bắt đầu bốc và mỗi lúc sẽ có người chạy chạy tay lên vì người ta tự hỏi đây là chiếc trục thăng cuối cùng không? Mỗi lần trục thăng bốc lên thì bị sóng dạt đất bắn theo, không biết do bên nào, nhưng may không có thiệt hại gì nặng. Nếu chẳng may 1 chiếc trục thăng rớt là hết cả chiếc phải ở lại. 18h nhóm chúng tôi phân tán xuống để có thể di chuyển ra bãi đáp, chúng tôi bắt đầu bị lạc nhau. Cuối cùng được bốc hết và đưa đến chiếc hạm Hancock và tàu hàng Promer Commander thuộc Đệ Thất Hải Quân Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương; một số nhỏ đi tàu đất Miller.

30/4 - Cầu lính dìm trên biển cả. Chúng tôi nghe một lần trời cảm tạ thiêng liêng, hướng vào đất liền, chúng tôi cầu nguyện cho các người đi. Thiêng liêng đã sắp xếp: Dorian đi Hancock và Howard đi Promer. Chiếc Hancock trục chi? Philippines còn Promer đi Guam. Trên tàu quá đông nên khá chật vật.

02/5 - Hancock cập bến Philippines lúc 11 giờ trưa. Cơ thủy thủ đoàn của Tàu này rất lịch sự đón tiếp người Việt tỵ nạn rất ân cần. Chúng tôi sau đó được 2 tàu nhỏ đưa đến đảo Grande có độ 20 phút. focus người này tay lái lái chia tay tàu Hancock thật lâu. Đảo Grande còn gọi là Subic Bay một trung tâm nghỉ mát của Hoa Kỳ. Ở đây mọi người được cung cấp thực phẩm đầy đủ. Chính Phủ Phi biệt Tán không chấp nhận người tỵ nạn nên sau khi làm các thủ tục chúng tôi lại được đưa bằng tàu ra phi trường Philippines sau đó 2 chiếc C-130 đưa chúng tôi đến Guam sau 3 giờ bay.

03/5 - Chúng tôi đến Orote Point Camp bằng xe bus. Đây là căn cứ Hải Quân Hoa Kỳ tại Guam, có hồ bơi, cây, khu vực chúng tôi ở là khu đất mới, xe ủi còn ngổn ngang rổ cây, đất đá; mỗi lều (tent) chúng tôi ở 20 người. Khu vực này chứa khoảng 2000 người. Dorian và tôi cố tìm cách hòa lạc lại số người bị lạc nhau bằng cách dán giấy và nhờ loa phóng thanh.

Ngày 6/5 - Tôi gặp chị Duyên thường cho biết anh phát tâm từ nguyện làm Thủy quân lục chiến ở Guam mà đến hôm nay chưa thấy tôi. Chúng tôi cũng đi tìm khắp nơi.

4/ Ngày 7/5. Chúng tôi gặp Rolijan và gia đình của ta. Ông Rolijan & Doran và tôi thảo luận lịch chương và đi dân khố nôi. Có vài người từ các đi trước.

Ngày 8/5. Cả nhóm lại gặp nhau với Howard, Sufatini, gia đình chị Minh Mân. Chúng tôi lại làm process đi đi California. Có nhu cầu gặp lại thầy cũ.

Ngày 11/5. 2 giờ khuya xe bus đưa chúng tôi đi. Nào ngờ chúng tôi lại ở lại trại Asan, một trại của Bộ Binh Hoa Kỳ, sát bờ biển tiếp với hàng đũa thò mòng như Vung Tàn hay Cờ Núi (VN). Chúng tôi nhóm họp lại. Rolijan và gia đình của ta đi California ngày 9/5. Doran cũng gặp chúng tôi đây và anh từ giờ anh em ngày 13/5 để đi thăm lại nhà anh và nói với những vị coi như đã xong. Tiếng huyên đé lúc nào cũng như một thút, một người ra đi cả nhóm đau.

Ngày 17/5. Cả nhóm 43 người do Howard hướng dẫn đi đến phi trường Guam tại Andersen Air Base căn cứ lớn của Không quân Hoa Kỳ. Không có gì mới, chúng tôi chờ phòng tiền và ngày 24/5, chiếc phản lực DC-10 hiện của USA đưa 350 người vào lục địa Hoa Kỳ.

Ngày 24/5. Tôi được đi California nhưng chúng tôi lại được đưa tới Arkansas. Chúng tôi ở trên máy bay 12 giờ và khi đến chúng tôi đi xuống dưới đồng hồ lại 9830'. Tại đây chúng tôi ở là Fort Chaffee gồm 24.500 người Việt tỵ nạn. Đây là 1 trại lính từ Đ II Thế Chiến nhưng còn tốt, tiện nghi khá đầy đủ. Chúng tôi gặp gia đình Bác Thứ (Nguyễn Đình Thứ) để cùng với bác dân gạo nhiều hơn. Chúng tôi thiết lập 2 phòng latihan: 1 tại phòng Bác Thứ cho nam và 1 tại phòng chúng tôi cho nữ. Hội viên bắt đầu trở lại tập dượt, tuần 2 lần thứ 2 & 5 lúc 10h30 tới. Thất là máy mìn và súng sống mà thiếu lươngbran cho tất cả mọi người.

Chúng tôi ở Fort Chaffee đến nay đã 1 tháng, làm các chuyến và tìm các lịch lạc có nôi. Chúng tôi sống sống nhất là khi biết được các anh radi được. Ở trại thiếu lươngbran gặp nôi nôi.

Ở đây chúng tôi sống sống gặp nhau rồi lại đau như cắt khi có người ra đi. Tiếng huyên đé ở Đ II Đám thiết.

Minh Liên (Nguyễn Thị Ngọc Thiên) em của Minh Mân và là chị em thân (Nguyễn Thị Tường) được học bổng ở Đại Học Oklahoma sau 1 cuộc thi và rời Trại ngày 1/6 ở Oklahoma bằng xe.

Ngày 10/6. Ông Bà Donald Rollins đến thăm huyên đé Subud ở đây. Ông ta đi bằng xe từ Texas. Bác Thứ hướng dẫn, chúng tôi nói chuyện như một như đã quen nhau từ lâu và có tập latihan sáng sớm sau, đến trưa có salamatan đơn giản nhưng sống thật sống.

Ngày 14/6 - Cũng như ông bà Donald, chúng tôi lại đến tiếp 2 ông bà
Rayner & Camille Ward cũng ở Texas. Ông hứa về lo sponsor
cho hội viên Sulnd và cho biết tình hình ở Texas có thể sinh
sống khá dễ dàng. Sau này ông Donald và Rayner đều có
viết thư cho bác thì.

Ngày 17/6 - Sudjatmi + Mè + Châu (em) và Phoney (em của Audrono) từ gia
mọi người lúc sáng sớm để đi Connecticut vì đã có sponsor
là 1 mục sư. (Sau này Sudjatmi viết thư cho biết là được đón
tiếp rất niềm nở và đây là hoàn toàn họ sắp đi interview để
lần nữa).

Ngày 19/6 - Hiền (Nguyễn Thế Tường) và bà cụ đi California. Mọi người
bà đưa tiễn cảm động.

Ngày 23/6 - Ông bà Richard & Lenora Moore đến thăm và nhận làm
sponsor cho 7 người (graduat bác Cường [graduat của Margoro Dey] và
2 chị em chị Minh Mẫn (vợ th. Phúc)). Các thư trực tiếp xong.

Ngày 24/6 - Lúc 2 giờ trưa, anh Howard Welsh lại chia tay
mọi người. Anh đã rất cảm ơn với mọi người từ lúc ở Saigon
đến bây giờ, luôn luôn hướng dẫn tư tưởng và giúp đỡ mọi người
cả việc trong các buổi tập Latinh. Nhiều người bỏ hội từ lâu
cũng tìm cách hỏi lại trở lại và tập lại, như anh Nguyễn
Quốc Anh và vài người khác, con bà Mardi Niny Sib; anh Thọ,
anh Phan tự Trọng (tập 1 lần)...

9/ Trở lại, như Bộ Thủ Thiêng Liêng, mọi việc đều tốt đẹp. Chúng tôi mong mọi
đều phải sống xa nhau trong hoàn cảnh hiện tại nhưng chúng ta liên lạc
gần nhau ít nhất ba giờ một tuần này. Đến giờ này thì: (theo danh sách đầu tiên)

- Ông Phát Tâm (Trình phía thối) hiện ở California và Hương Duyên (Lâm thị Phương Hoa)
sắp rời Fort Chaffee đi California. Liên lạc ông Marshall Mc Gee, Subud California
148 Melody Lane - Costa Mesa - CA 92627.

- Bác Trương Trọng Sơn và gia đình (gia đình Liêm Kiệt) hiện chờ đi Illinois
và nên sponsor Subud có kỹ thuật bác theo sponsor mới, bác cho biết chi tiết.

- Bác Cường và gia đình (gia đình Margono) sắp đi Oklahoma và ra

- Viên mãn (Trần Văn Trọng) và em Trần Văn Đ. dự định đi Australia.

- Ông Nguyễn Anh Tuấn và gia đình (gia đình Hoàn Toàn) dự định đi Minnesota

- Ông Nguyễn Đình Trí và gia đình (gia đình Hoàn Toàn) dự định đi Hawaii.

- Hiền (Tiếng) và bà cụ (gia đình Hoàn Nguyễn + Hoàng Thiến) đã đi California với chị

- Minh Mẫn và chị Hiền sắp đi California Oklahoma (sponsor Subud). ^{Hàng}

- Minh Liên (Nguyễn Thị Ngọc Thiến) đã có học tập ở Oklahoma.


- Chị Mìn + con và em Huệ Tâm (Ng. v. Lộc) đã đi California gặp anh
Diễm.

- Gia đình Sudjatun + Phương (em của Nuboro) đã đi Connecticut.

- Gia đình Bác Nguyễn Đình Thi có kế hoạch đi Texas.

Còn tôi và gia đình sẽ đi sau cùng. Thêm á chào các
bạn và sẽ liên lạc thường xuyên. Tại Bộ Thủ Thiêng Liêng.

Thân mến,


NHÂN, Nguyễn Đăng Khánh.

T.B: Ông Howard Welch đi liên lạc các
trên bang về sponsorship. Ông đi California
tháng này.

Tên Subud

N/84

Jakarta, July 30, 1984

Harjono Maniquent
5, Les Larris Verts
95000 Cergy France

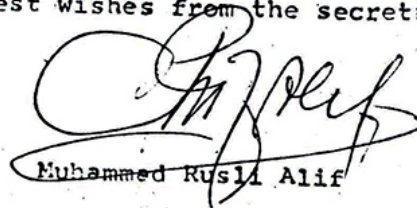
Xin thycu sct hai hay
lelu h5 88 VN. - later su bo
cho H.B. tai quoc nha nhung le
mbi - Mac

Dear Harjono,

In reply to your letter of 16-7-84, Ibu Rahayu has given the following names;

Nguyen Kim Loan; MARYATI = cheerful
Ha Thi Ba; SUMARNI
Le Thi Hai Yen; HARTINI
Basiroh Thien Henh; BASUKI

With best wishes from the secretariat


Muhammed Rusli Alif

SEKRETARIAT SUBUD INTERNASIONAL
P.O. BOX. 2331 / JKT. — JAKARTA
INDONESIA

14 November 1980.

No. 2475/80.

Maryant - Truong,
1317 W. Addison St. # 2A,
Chicago, Il. 60613,
U. S. A.

Dear Maryant,

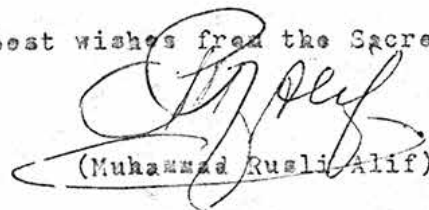
In reply to your letter dated 3.11.1980,
BAPAK gives to Vietnamese brother Hoang Truc Lam, the name

MARTONO

(someone who is firm and resolute)

as his proper and right name.

With best wishes from the Secretariat,



(Muhammad Rusli Alif)

Siti Rahayu Wirjohudojo

No. 212/78

27th February, 1978

Hoan-Toan
Subud Österreich
Grosse Neugasse 35/5
A-1040 Wien
Austria

Dear Hoan-Toan,

In reply to your letter of 1st February, 1978, Bapak gives the following names to:

Do-Thi-Be.....DARMIWATI, meaning someone who likes to help others;
Nguyen-Thi-Ky-Lan.....KUSRINI, meaning 'firm, resolute';
Nguyen-Thi-Nga.....LESTARI, meaning someone who does not lose hope easily and has a strong will;
Nguyen-Thi-Ty.....UMIATI, meaning 'motherly';
Minh-Dao.....BASUKI, meaning 'calm, quiet'.

Regarding the Subud members in Vietnam, Bapak gives the following advice:

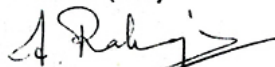
"Bapak does not agree to their giving a list of names of Subud members to the ambassador from Pakistan, and Bapak is not in agreement with their idea of trying to escape.

"Mankind may worship God anywhere. The important thing for them is to be patient and just wait until a better time appears. They may have latihan in small groups or alone, whatever circumstances permit.

"Further, it is not possible for Bapak to visit Vietnam now due to the situation there."

With best wishes,

For Bapak,



Siti Rahayu Wirjohudojo



SUBUD WASHINGTON, D.C.

July 2, 1981

Haryanto Truong
1317 W. Addison St. 2A
Chicago, IL 60613 USA

Dear Haryanto:

Bapak asked Ibu Rahaju to deal with your letter dated the 21st of June and she has asked me to convey to you the new names of the following members requested in your letter.

Name	New Name	Meaning
Pham Hong Phong	Hardiman	"One who is diligent"
Nguyen Thi Phong Lan	Mulyati	"Having an honest & good heart"
Pham Quang Nhat	Basuki	"Safe"
Abdul Fattah Thien Phuong	Afandi	"Having good behavior"
Basirol Thien Hanh	Sulastri	"One who is determined"
Tran Thi Ngoc Huyen	Suryati	"Cheerful"

For expected baby of Suryono and Suryati, of the three alternatives Ibu Rahaju chose Bui Huyen Quy Thuan.

Please be so kind as to convey these new names to the members concerned.

On behalf of Ibu Rahaju,


Sherie Worthy

Bản dịch Lá thư của anh Rashid Carré và của chị Gary tại trại tỵ nạn.

Bangkok 27.05.1975.

Anh chị em thân mến ở Songkla,

Tên tôi là Rashid Carré và tôi đã được George Sam Subud tại Cilandak Jakarta gọi tôi, với sự chấp thuận và ban phép lãnh của Bapak để thay thế "hoạt động cứu cấp" của anh Hassan là người đã rời Châu Lan đi Thụy Sĩ. Tôi đã tới Bangkok vào đêm thứ bảy và đã được anh Hasan thông báo đầy đủ về tình hình trước khi anh rời hát Châu.

Giờ tôi xin chuyển đạt tới các bạn cảm xúc nồng hậu nhất của toàn thể anh chị em tại Cilandak. Tất cả mọi người đã cầu chúc tôi được nhiều may mắn và là cầu nguyện cùng với sự giúp đỡ của Thượng Đế. Tôi sẽ cố gắng thực hiện hoạt động bằng 1 giải pháp thành công. Chính Bapak đã rất lưu tâm đến tình trạng của các bạn và dành sự chú ý của ngài lên ưu tiên hàng đầu. Bapak rất mừng mừng với đề nghị của anh Sjarifin Gardner đề gọi tôi tới Bangkok và anh đã chú tâm khi anh nói anh cầu nguyện để những sự việc sẽ trở thành tốt lành nhất.

Với sự giúp đỡ tận tụy của chị Gary tôi đang tiếp tục công việc đã sẵn sàng khởi sự. Công việc có vẻ như đã đạt được 1 dự kiến đem tới 1 niềm hy vọng thực sự.

Ngót vài giờ trước cao cấp của Sĩ quan ngoại giao mà tôi đã nói chuyện với họ, cho thấy rằng không hề có một hành động vội vã và nguy hiểm trong đó chính phủ Châu Lan có thể của chuỗi dân bị nạn. Cho nên các bạn hãy ý thức về những lời đồn đại thuộc loại này, và hãy kiên nhẫn tin vào những gì các bạn đã sẵn có. Đây là 1 cách tốt đẹp nhất để các bạn giúp vào công việc của chúng tôi ở đây.

Chúng tôi gửi đến các bạn 1 vali quần áo đã được gói gọn nhất cho các bạn ở Cilandak trước chuyến khởi hành của tôi. Chúng tôi hy vọng số quần áo có thể hữu ích tới với các bạn và bạn có thể coi chúng như những vật dụng hộp thơm nhất để giúp các bạn.

Cùng với vali là 1 mô quần áo và 1 lá thư đính kèm của anh chị Giac Nguyễn.

Các bạn cũng sẽ thấy đính kèm theo bức thư này là những mẫu tờ của Cơ-đại số pháp. Xin các bạn vui lòng

tiền bằng PHÁP NẾU vào 2 mẫu đơn cho những người đã
trưởng thành; các em nhỏ sẽ được tiền vào cùng mẫu đơn
với cha mẹ.

Đôi phải chăm dứt lá thư ở đây vì xe hỏa còn phải đem
thư tới hàng hàng không. Đôi thực sự hy vọng sẽ sớm gặp
các bạn. Với sự giúp đỡ bằng kiên nhẫn và latihan của
các bạn, chúng tôi sẽ có thể đạt được giải pháp êm đẹp

Thân ái
Rashid.

Đिन gửi lời chúc tốt lành nhất của tôi đến tất cả
anh chị em. Mong sẽ sớm gặp lại anh chị em. Chúng
tôi đang cố gắng liên lạc với Songkla. Ông sĩ Nappoon.
người mà chúng tôi đã liên lạc bằng điện thoại lúc 08 giờ
9 giờ sáng, nhưng chúng tôi không thể gặp được anh ấy.

Chúng tôi đang hết sức cố gắng để tìm 1 giải pháp
khiến cho các bạn được hạnh phúc.

Thân ái
Gay.

TB. Các bạn cũng có thể viết 1 bức thư nói về tình trạng
tại chính với chữ ký cuối bức thư; Cơ quan ICEM cần bức
thư này để giúp tiền về phi cơ.

R.C.

Chỉ là hảo huyền?

Minh Thần dịch

Bài này đăng trong Subud Voice nhân một buổi họp của Subud Anh trong tháng 9 năm 2017. Sự thất bại của Anugraha tuy là chuyện quá khứ nhưng hiện nay nó vẫn còn là một đề tài ám ảnh thành thách thức cho sự phát triển của Subud)

Khi Anugraha hoàn thành...

“Bapak tiếp nhận được khi Anugraha hoàn thành, những chuyện khác trong Subud sẽ trở nên dễ dàng. Anugraha sẽ là cột trụ của tất cả các dự án Subud trên thế giới, nên điều thiết yếu là Anugraha phải được sự trợ lực của tất cả các hội viên Subud tại mỗi quốc gia.

“Nếu nhìn tương lai Bapak thấy Anugraha là bộ óc, còn Kalimantan là động cơ không chỉ cho Kalimantan, mà còn có thể cho những dự án khác như vậy, tại mọi nơi. Vậy, cái đầu não quản trị phải tập trung tại Anh. chúng ta có thể sánh Anugraha với một ngọn núi được lập nên, có đất cát được chồng chất dần dần. Một khi ngọn núi lập xong, đó là nguồn khí lực cho tất cả chúng ta“.

Năm 1981 tại một buổi họp của Subud Bapak cũng nói:

“...Bapak bây giờ kêu gọi toàn thể thế giới hỗ trợ cho dự án đó...sự hỗ trợ đó sẽ được đáp trả cho các bạn, các bạn sẽ được lợi do những gì mình đem vào đó...Sau này, nếu đó là ý Thượng Đế, có thể sẽ có những dự án tương tự tại những quốc gia khác khắp thế giới.“

Ý nghĩa chữ Anugraha

Cilandak, Indonesia, January 2, 1982

“Bapak tiếp nhận nghĩa danh từ cho cái trung tâm đó là đó là một ân huệ bất ngờ của Thượng Đế. Nó chợt xảy ra mà ta không ngờ. Ta không biết nó từ đâu đến. Đó là Anugraha.

“Anugraha nghĩa là ‘ân huệ Thượng Đế’ trong tiếng Hà Lan. Đó là wahyu – thiên ân. Là iham – cảm hứng tâm linh.

“Thực ra, Anugraha có nghĩa y như những gì chúng tiếp nhận, khi thực sự tiếp nhận được trong latihan. Khi thiên hạ hỏi Anugraha nghĩa là gì, các bạn phải trả lời như khi được hỏi về Subud: đó là cái gì kì diệu bất ngờ xảy ra cho chúng ta. Chúng ta không biết nó từ đâu đến. Nhưng nó có đó.

“...Anugraha cũng có nghĩa là phúc lợi cho mọi người. Thực ra, Anugraha chứa đựng tất cả những gì có nghĩa tốt đẹp. Đặc biệt, đó là 'mengall kesejahteraan rakyat', tức là ‘tạo phương cách cho phúc lợi của xã hội’. Tại sao? Bởi nếu tiếp nhận được Anugraha, ta không thể không độ lượng. Tiếp nhận được Anugraha, ta sẽ tự động lo toan cho phúc lợi của đồng bào mình..“
Tháng 3 1981 khi lần đầu được cho thấy Anugraha, Bapak nói:

“Bapak mong các bạn hiểu rằng Bapak cần cái nơi chốn này thành cơ quan đầu não của Subud cho toàn thể Âu Châu, và đó là vì, có thể nói vậy, nước Anh là đứa con đầu lòng của Bapak, nơi chốn đầu tiên Bapak đến khi đến Âu Châu.

“...Do đó mà Bapak trao cho các bạn một nhiệm vụ có lẽ các bạn cảm thấy là khó khăn. Đó là việc lập nên tại đây ở Anh một trung tâm quốc tế. Nhưng Bapak cảm thấy điều đó là cần thiết, vì Bapak muốn cái trung tâm quốc tế là điều gì như một đài kỷ niệm, như một vật lưu niệm cho các bạn là những đứa con đầu lòng của Bapak trên thế giới, bên ngoài Indonesia, bởi đó là nơi chốn đầu tiên cho Subud phát triển, ngoài Indonesia ra.

“...Và Bapak muốn cái trung tâm đó được xây cất, để thành một trung tâm đầu não cho Dewan phụ tá.

“...Bởi Bapak biết rằng Bapak chỉ là một con người, Bapak cũng chỉ như tất cả các bạn, Bapak biết rằng một ngày nào đó mình sẽ không còn trên cái thế gian này. Bapak không thể biết mình sẽ còn sống nơi đây được bao lâu nữa, và Bapak không muốn Subud sẽ sụp đổ sau khi mình chết. Vậy, Bapak muốn có một nhóm phụ tá có khả năng tiếp tục là hướng đạo cho nhân loại, bởi Bapak sẽ không mãi mãi nơi đây.“

Bapak cũng nói tới nội dung xã hội của dự án. Những đoạn dưới đây có thể đọc trong cuốn ABOUT ANUGRAHA:

Trang 41: “Danh từ Anugraha có nghĩa: phúc lợi cho thiên hạ/xã hội và đồng bào mình - hạnh phúc, an toàn, sung túc, thịnh vượng – tất cả những gì mình cần!

“...Nó cũng có nghĩa là thịnh vượng, mọi người có đầy đủ những gì họ cần.“

Trang 42: “Tạo thịnh vượng cho mọi người bởi hiện nay là kỉ nguyên của Dân chủ Xã hội, những gì tôi có là cho mọi người!“

Trang 55: “Anugraha nghĩa là tạo phương cách cho phúc lợi của thiên hạ. Đó là cái gì tuyệt diệu bất ngờ xảy ra. Chúng ta không biết nó từ đâu tới. Nhưng nó có đó!

Trang 68: “Thực vậy, chúng ta bị Thượng Đế thử thách, vì chúng ta phải thay đổi những gì là thông thường.“

Đây là lúc một sự thử thách mới?

Subud Anh có thể xem xét: “Đây là lúc đem những quan niệm đó đi xa hơn? Hay đó chỉ là hảo huyền?” Tháng 9 1991 tờ Subud news India cho đăng những lời lẽ đầy thách thức này của Bapak: “Giả dụ làm điều gì đó mà không hiệu quả, và nói mình không may mắn rồi bỏ cuộc. Nhưng đó là một thử thách, không đến 1%.”

Report from Subud Thailand

CONFIDENTIAL

SUBUD VIETNAM - EVACUATION SCHEME

Report from Subud Thailand

April 17th

Brother Hardjono, who arrived in Bangkok, April 16th meets Hassan and conveys the message from Subud Saigon to ask Bapak for guidance: they would follow whatever Bapak would advise them to do - either to stay in Saigon or to try to move away. In that case, they would need Subud Bangkok's assistance to send a ship into Saigon's extra-territorial waters to wait for them. They would reach the ship by small boats passing through the Coast Guard lines with the help of their connections with the Navy.

Hassan phones Sjarif Horthy in Cilandak and passes along the message. Sjarif's immediate reply is that Bapak has already given him guidance after receiving letters from Vietnam: the time is not to wait, but whoever can get out should do so, especially those people in danger of reprisal. Sjarif promises to call back the next day.

April 18th

Hassan starts rounding up members who have connections with shipping lines etc.. A meeting is arranged at Hassan's home on the same night, for a report of their findings.

Sjarif calls Bangkok and says that Bapak cannot give any specific practical advice, and leaves it to the Vietnamese members who want to go, to find the best way, and will pray for them.

At the meeting Hardjono reports that there are 500 members plus families amounting to some 3000 people to be evacuated. The main problem is that the Vietnamese Government forbids people to leave the country and does not issue any travelling documents (Hardjono is the only one who can travel because of his French passport). This makes it very difficult for the Vietnamese to land in most countries, except maybe Thailand where we hope, through our connections, to get them permission to stay for a short time on the condition that we guarantee their repatriation.

A scheme from Ram, one of our members, to air-lift them by chartered lines he knows well (England or the United States) in batches of 200 people must be abandoned because Hardjono says the people without documents could not enter the airport. This is confirmed by Marion Akins who stays with us, having just escaped from Saigon with her two children.

2.

She says the only way to escape unnoticed is to sail in small boats from Vung Tao(Cape St. Jacques).

A 5000-ton cargo ship the "Samut Sakhorn" has also been found by Ram, able to carry 1000 people. This ship is a National Thai Carrier(50% government owned) belonging to the company who is licenced to transport Muslim pilgrims to Mecca, and could be the quickest to get through red tape and obtain the Authorities permission to sail and legally re-enter Thailand. Unconfirmed proposed cost for chartering the ship: \$20 to \$30,000 US dollars cash payment, not including fuel, insurance, immigration fees etc., food, medicine, Vaccines, doctors, nurses and other needed facilities. It is decided to look further into this matter. Hardjono should fly the next day to Saigon and organize things at that end with the help of Howard Welsh, now Director of the Pearl S. Buck Foundation. He should try to reduce to the minimum, the number of people wishing to leave and report to us as soon as possible; he should also be in attendance to fly Saigon/Bangkok back and forth to keep in touch with both sides.

April 19th

Hassan phones Wolfsburg and explains to Hermine the situation and asks ISC to organize the financial side.

Our discussions are continued with the ship owner, an Admiral, who sends an application to the Minister of Defence for permission of sailing.

April 20th

Richard Engels and Hassan get in contact. Richard says that a sum of \$120,000 US, has been pledged by the Brotherhood. He asks Hassan to inform Bapak of the latest news and seek his approval.

Hassan calls Sjarif to convey Richard's request.

April 21st

Richard calls Hassan, expresses his doubts about the whole venture, after testing in Wolfsburg, and seemingly a similar feeling is shared with Canada, USA etc.. Bapak's guidance in this matter is much needed.

At noon, Sjarif calls Hassan and transmits Bapak's ok to go ahead with the ship scheme and wishes the whole Brotherhood to give maximum help to Subud Bangkok in carrying on with the scheme.

Cables are sent to Saigon to try to reach Howard Welsh and obtain the list of the members concerned(name, sex, age, occupation)

immediately to be taken to Bangkok by Hardjono. This list is the pre-requisite to obtain any approval from the Authorities and to allow us to guarantee them. We are also told that letters from Embassies of Countries in favour of giving them asylum later would help us with Thai Authorities. Hassan makes a round of all Embassies who should accept the Vietnamese for repatriation. The reply is that immigration procedures are selective and people without documents have no chance. The only hope is given us by the French and US Embassies who promise to assist but only when the people have arrived in Thailand. Hassan tries with the representatives of International Organizations - Red Cross, United Nations High Commissioner for Refugees - but no willingness seems to be shown. Hassan phones Varindra in New York asking him to find a way at his end.

April 22nd

A phone call from Howard in Saigon: very bad connection, almost impossible to hear. We guess that the number of members is now 500. Howard promises to send Hardjono with the list.

Hassan and Ram make a trip on the river to visit the ship "Samut Sakhorn" which seems ok in such circumstances, for the both of us, who are not "Onassises". The ship looks large enough to accommodate 1000 people but some work must be done to transform the three saloons available into medical wards and supplement the only existing three lavatories with temporary facilities of adequate size. At 12 knots per hour, the trip Saigon/Bangkok would take 72 hours. We come back hoping to close the deal soon.

Dorian Jakszewicz arrives from Cilandak, sent by Sjarif to assist us in our scheme and implement his own previous plans to evacuate relatives of a Vietnamese member of his group in Sydney. He brings money from Australia and lots of good wishes and promises of financial help from Cilandak, especially from SBIF.

Varindra phones from New York saying that the UN could only act at the request of governments involved - South Vietnam, Viet Cong or the USA, and would not respond to the call of private organizations. Ginzburger should intercede in Geneva and Varindra would advise Subud USA to approach the government on behalf of the Vietnamese members.

April 23rd

The Admiral received a negative reply from the Ministry of Defence and is no longer interested in the deal unless we provide all guarantees from the Ministry of the Interior from which the Immigration Office depends.

We feel that his change of attitude reflects the change of policy of the Thai Government after the fall of Cambodia: recognition of the new Cambodian Khmer Rouge set-up, beginning negotiations to resume diplomatic relations with North Korea, etc...

We are advised to find other ships among privately owned companies. A frantic search is carried on all over again by the members.

With every shipping line we discuss with, the price rises. Marut, through his Muslim friends, finds another 5000-ton cargo ship offering a package deal including everything - insurance, food, medicine, and even the necessary permits from the Authorities to sail to Saigon and back to Thailand. Destination: the southern Muslim provinces, where the refugees could be smuggled in. The only task on our part is to write a nice confidential letter to the Governors of the provinces. Question of our Muslim friends, "How many Muslims among your Vietnamese"? Our answer, "4". Reply, "Why don't you rescue only those 4"? You see, those non-Muslim Vietnamese would feel uncomfortable among the Muslim Communities in the South ! " Our reply, "You never know, they might all turn Muslims during the trip !" Cost: 1,250,000 US\$, (or 1,100 US\$ per head), paid through exchange of bank guarantees. We still hope there must be a mistake in their quotation.

Dorian phones Sydney asking for maximum financial help to be urgently sent to Bangkok.

Having heard no news from Howard or Hardjono, we decide that Dorian should leave the next day, return on the same evening or day after, with the much-needed passenger list.

April 24th

Meeting again with our Muslim friends: no mistake in the quotation! We give up that ship! Our Muslim friends promise to find other ways.

They contact ship owners of smaller size cargos (maximum 2000 tons) which we believe will be adequate for 500 people in these circumstances. But with the situation worsening in Vietnam, ship owners are very adamant. We locate two ships asking 200 US\$ per head, but would only sail if we provide them with all the Government Authoritations, which are following the same pattern of rocketing prices. We seem to be at a dead end.

At 6PM, Hassan meets Mr. "P", owner of another shipping company, who comes at last with a concrete proposal. He has a 2000-ton cargo vessel available and is willing to take the risk, he offers to take care of everything - insurance, etc. (growing higher by the hour) including the construction of 25 additional toilets. Being an M.P. and having easy access to Authorities at a high level, he is confident he will be able to obtain speedily all necessary permits for us. He already approached his "friends" and has been advised to land our members on one of the islands off-shore where they could stay for up to 60 days. He explains the Authorities are favourable to our scheme for "humanitarian reasons" but in order to be consequent with the new policy, the operation must be done in secrecy and without publicity, so that they can close their eyes and still have the possibility to deny publicly their participation, should the scheme come to be known. His ship can be ready to sail in 3 days after signature of the contract, and reach Saigon 2 to 3 days later without waiting for a formal approval for landing on his return. The landing procedure could take the minimum of one week to ten days, but if the landing permit is not yet granted when he returns to Thailand, he will sail in Thai waters from island to island and take care of the people on board within a maximum of 15 days after departure from Saigon. This would give us time to finalize our guarantee for sponsorship. His price: 125,000 US\$, or 250. US\$ per head. He seems to have computed all of his costs and no bargaining is possible.

A telephone call from Robijan Akins in California, husband of Marion, and former chairman of Subud Bangkok, says he is flying to Saigon to try to bring out Marion's relatives. Hassan explains our scheme, asks him to contact the Saigon group and help at that end, especially to send Hardjono with the list.

We phone members in Singapore to see if by chance they can obtain ships at a cheaper price. We are told that even if this is possible, we would have more difficulties with the Thai Authorities to allow the ship to land here. Hassan calls Richard in Wolfsburg to report on the new situation. We learn that \$20,000 dollars have been sent to Bangkok on the 23rd of April.

We try to contact Cilandak without success. All calls must be made from Ram's home as Hassan's phone has mysteriously gone out of order.

April 26th

No news of either Dorian, Howard or Hardjono. We urgently need

the famous requested list. Hassan's phone is still out of order, we spend the next day using phones in hotels. We cannot connect with Saigon by phone (line available only from 7:30 to 9:30 am), so again send cables that may never be received. We cannot use UPI telex offered to us as this might be dangerous.

Meeting again with Mr. "P" for his confirmation of the terms proposed on the 24th. They remain unchanged except that he now wants 80% cash at signature of the contract and 20% on a letter of Credit effective only when the mission has been performed. He again insists on obtaining as soon as possible, the list of passengers to be presented to the Authorities.

We try to contact Halim Wheelton at the BSB to ask him if he would advance 100.000 US\$ to be reimbursed when the pledges of the Brotherhood are made available, but Halim is in Cipanas. We finally reach Sjarif and explain the situation.

First news received from Saigon: a letter from Robijan Akins, reaching us the same day through a relative of Marion, who takes refuge in Hassan's house with her many children. Robijan sends his address and explains the confused situation in Saigon, expresses his fears that the ship scheme might be more dangerous for the members, that if they stay in Saigon. Only a very few of them seem personally endangered due to political and military connections, and these could be flown out by Howard and himself.

Hassan's phone is repaired that night. Phone call from Ed Kerner in New York, asking us to help evacuate the relatives of one of their Vietnamese members. He also says he contacted Kissinger's office and Senator Kennedy for the possible evacuation to the States of our members once they have reached Thailand. Hassan asks Ed to try through the same channels for permission to use the American vessels stationed off-shore Saigon, this would be the quickest way out.

April 27th

Try again to phone to Saigon - no result.

Sent a cable to Robijan conveying Ed Kerner's message for his help in evacuating their members relatives and pressing for Hardjono's return with the famous list.

Telephone to Sjarif who says Mas Usman has accepted in principle to send us 100.000 US\$ after checking with Richard on the schedule of reimbursement of the pledges. Now, all the pieces seem to come into place, except the "list of members".

April 28th

In the morning newspaper: the road from Saigon to Vung Toa has been cut out by the Viet Cong. This was our supposed meeting place.

Frantic attempts to call Saigon with the same unsuccess. Hassan contacts Air Vietnam Manager, Marion's former boss for many years, to discuss chartering their five DC3 and DC4 Planes available now in Saigon, and the possibility of flying the members from Saigon to Vung Tao (30 minutes flight) which is still in South-Vietnam hands. Air Vietnam asks 12 hours for confirmation.

Money starts arriving in our account, from Wolfsburg, Subud Melbourne, Sydney, Rofin Company, and from all over Australia. We have in hand around 30.000 US\$. It is absolutely necessary to contact Howard, Robijan or Dorian in Saigon to get the true picture of what is going on at their end.

Mr. "P" now agrees to sail even without the "list" with only an advance of 40.000 US\$ on the down payment (Subud Bangkok would borrow to make up the difference with the money in hand), and wait with his ship near an island off-shore Saigon: from there by small boats two of our members would reach the 20 miles to Saigon and locate and gather the Subud members concerned. This scheme sounds highly James-Bondish: how to get 500 members out unnoticed by the Viet Cong, who would control the waters by the time we would arrive. But there is still hope of a truce, maybe we are still in time.

Hassan finally finds the way to use the internal military lines of the USA Embassy and reaches Robijan at the Caravelle Hotel in Saigon. Robijan says he has already flown out 45 people to California and has a scheme for air-lifting the remaining Subud members, but is not able to give any details now before meeting the members on the same evening.

We make a phone appointment for the next day through the same channel. After latihan that evening, testing seems to show that our ship scheme is to be shelved for the time being, and that a slim hope could be related to Robijan's scheme, if the people concerned would act quickly.

April 29th

Final evacuation of all Americans and closing of the US Embassy. All lines between Bangkok and Saigon are cut. No way to contact Robijan anymore. We pray that he, Howard and Dorian can get themselves out in time.

Cable from Ed Kerner saying that Secretary Kissinger's office suggests that the names of the Vietnamese members be communicated to the American Embassy in Bangkok.

Hassan tries to contact Saigon through Air Vietnam telex: no chance, a 24-hour curfew from yesterday has closed down their office in Saigon.

Hassan's last attempt at the French Embassy: a high official allows him to use their private telegraph next morning to send a message and receive an answer by the same channel.

April 30th

Hassan prepares a message for Dorian at the Caravelle Hotel, if he is still there, and to Hardjono at Subud house in Vietnam. It is too late. The Viet Cong have occupied Saigon and Hassan cannot use the French Embassy telegraph any more. The airport is closed and all communication media are in the hands of the Viet Cong. This time we have reached the zero point.

Since the 29th, Hassan has tried to reach Sjarif with no success. Hassan phones Richard and reports the situation. It seems that nothing can be done any more on our side, except to pray and wait for a miracle to happen, for our Brothers and sisters in Vietnam to be allowed to leave Saigon later legally, when the situation is stabilized. It is decided to try to keep the ship available for as long as possible, with the agreement of the owner. Richard asks Hassan to write a detailed report of the events for the Brotherhood's information.

May 1st

Hassan tries again but still cannot reach Sjarif to report the latest news and possibly ask guidance from Bapak. In the evening, a call from Ed Kerner: says that Borg from Kissinger's office phoned him to announce that all Saigon members could be

accepted in the USA.

No news from Subud Saigon, Hardjono, Robijan, Dorian and Howard, all communications being cut.

May 2nd

The bank reports that the 100.000 US\$ from BSB have arrived. We have up to date over 130.000 US\$ in hand, which we have arranged not to enter the country in order to be easily re-exported.

Finally Hassan reaches Sjarif and tells him about the outcome of the "Evacuation Scheme" and asks him to report to Bapak.

Conclusion

Strangely enough, we do not feel heavy about it as if everything has happened as it should have been. All sorts of odds and especially time seemed to work against us, but maybe this has prevented us from making a major mistake - how to measure within our narrow terms of reference the meaning of failure or success? We don't know the Saigon side of the story, we have no news, the airport is closed, all media are blocked and it may be days or weeks before the PRG resume communication with the outside world. We just hope that those who had to go, made it, those who had to stay will receive a renewed strength and the sense of their guidance and protection by the Almighty.

As for us in Subud Bangkok, it has been an experience beyond our understanding. Our group is small, with few people available to ease the job required from us. Without any experience, and no special skill or organizational talent for this type of work, we somehow feel we have done our best in the circumstances through these thirteen hectic days and sleepless nights that brought us to exhaustion. But we have once more to remember that all results are in the hands of the Almighty.

This report is just an outer account of the events. Parallel to it, there exists an inner diary which is most difficult to describe, for all those who have been deeply involved in the scheme and felt within themselves the battle ground of the nafsu and the enormous power of the lower forces at play. We assume it is a training for the future.

But the most amazing and reassuring aspect of this venture has been to witness the marvellous joint effort and support of the Brotherhood at work: the involvement and concern, the fasting and prihatin, the prayers, the sharing and love of

all the Brothers and Sisters around the world.

Of course communication has been our main problem, and we should put on the Congress Agenda how to improve this situation inside countries as well as between countries by various telephone contacts, cable addresses for each country, maybe telex installation, particularly needed in Cilandak.

We have been especially impressed by the great response of the Australians, the efficiency of the work done in the USA, the immense material and spiritual gift of dedication received from Wolfsburg, and we are deeply grateful to have been allowed to participate in this experience.

We humbly ask for forgiveness from our Brothers and Sisters everywhere, especially those in Vietnam, for our shortcomings in carrying on with our task and for the fact that our performance has not fulfilled their hopes.

Caution

This report is strictly confidential and is not to be circulated at large, for the obvious reason that the people involved could get into trouble with their Authorities, and this especially applies to Subud Vietnam.

Very carefully selected and abbreviated non-committing sections could be sent to National Committees to keep them informed, but stressing again caution.

Copies of this report have only been sent to Bapak, Richard Engels, Ed Kerner (with one copy, attention Varindra Vittachi)

Financial situation

A report will follow soon, giving account of the money received, what has already been used and the amount we intend to keep in Bangkok for a certain time in case of an emergency. The balance will be sent back to the senders.

Stop Press: May 5th

Dorian phones from Guam, Camp Orote Point. He informs Hassan that he has been able to evacuate 60 members by helicopters to US vessels off-shore Saigon. These members are on their way to Guam and from there will be sent to the United States.

He needs urgently 5,000. US\$, Hassan will telex them to the Bank of America in Guam tomorrow because today is a Thai official holiday.

Dorian briefly describes the difficulties encountered to organize any wider scheme in Saigon, with the confusion of the city and

the frighteningly quick succession of the events leading to the fall of Saigon. He, himself has been stranded 3 days at the Airport. Since he left he has no news of Howard or Robijan, and does not know if more members have been evacuated with them. He assumes Robijan and Howard have left Saigon by the same way he did. He will try to keep in touch with Hassan daily.

The conditions in Guam are very precarious and Dorian asks the Brotherhood to pray for them all.

Hassan gives him the address of Ed Kerner, advising to phone him directly and ask him to try to prepare Welfare Services for their arrival.

Hassan cables to Sjarif, Ed Kerner, Richard Engels to inform them of this latest news.

Bangkok, May 6th, 1975
Councillor Kejiwaan
For Subud - Thailand
Hassan R. Vogel
(Hassan R. Vogel)

Cuộc viếng thăm của một thiên thần

Minh Thần dịch

Subiago

Tôi được chứng kiến nhiều phép màu kể từ khi được khai mở cách đây 40 năm. Phép màu gần đây nhất xảy ra lúc Giáng Sinh năm 2001.

Chiều Chủ Nhật ngày 23 tháng 12 chương trình của truyền hình là những bài hát mừng vào dịp lễ Nô-en. Tôi ngồi trên một ghế xô-pha trong phòng khách nhìn xuyên qua cánh cửa vào phòng bếp.

Khi nghe bài "the Amazing Grace", một bài Giáng Sinh tôi thích nhất, tôi hoàn toàn tỉnh táo và sáng suốt.

Một THIÊN THẦN chợt xuất hiện không biết từ đâu trong bếp. Đó không là một ảo tưởng, một ảo giác hay một ảo ảnh. Cô mặc một chiếc Áo choàng Màu trắng.

THIÊN THẦN đó không ai khác hơn là Djuwita, cô cháu gái ở Connecticut U.S. Đó là điều tôi nhận thấy. Cô đối diện cách tôi một khoảng cách. Lưng hướng về phía tôi, cô chậm chạp đi về cửa sổ phòng bếp, rồi biến mất.

Tôi chỉ nhìn thấy cô từ đằng sau. Tôi không nhìn thấy mặt cô. Nhưng tôi có thể cảm thấy sự trầm lặng, tâm hồn thanh bình của cô. Đó là cái thông điệp tôi nhận được.

Làm sao tôi có thể nói với cô cháu gái mình và ông anh tôi ở Mỹ về cái chứng nghiệm đó? Tôi không thể, tối thiểu là cho tới lúc những gì đang tự động xảy ra trở nên dứt khoát. Tôi phải giữ lấy cho mình sự tiếp nhận và thông điệp đó. Được một thiên thần đến thăm là một đặc ân.

Nhưng cũng là một trách nhiệm và gánh nặng phải giữ kín không cho các thân nhân hay biết. Nên điều này khiến tôi buồn, khi hay biết được cô cháu gái mình, một người mà tâm linh hòa

điều với mình khi còn là một thiếu nữ, phải ra đi.

Như thường lệ, tôi chia sẻ những chứng nghiệm của mình với nhà tôi, và nói với bà về hiện tượng phi thường đó. Nhà tôi đã là chứng nhân cho nhiều phép màu, nên bà có thể hiểu được một hiện tượng như vậy mà giữ lấy cho chính mình.

Tôi xin được tóm lược chuyện đó. Cô cháu gái tôi đã qua đời sớm lúc mừng 6 tháng 8 năm 2002 ở tuổi 50. Chồng cô đã mất trước đó và cô còn 3 người con gái là một cô 18 tuổi và hai cô sinh đôi 13 tuổi.

Trong thời gian sau đó trước khi mất, cô đã giao tiếp rất nhiều với những gì có tính chất TÂM LINH. Tôi đã có lúc nói với cô về việc cô đến thăm tôi như một THIÊN THẦN vào ngày 23 tháng Chạp năm 2001.

Trong một bức thư cho tôi ngày 21 tháng 4 năm 2002 cô viết: “Chung quanh cháu có nhiều thiên thần. Thượng Đế đã phái họ tới gặp cháu. Mỗi thiên thần đều mang tới một món quà đặc biệt. Một vị đem tới món quà tuyệt diệu của cái cười. Một vị khác có khuôn mặt đầy tình thương. Không một lời nói nào, vị đó xoa dịu. Một vị khác thì có những bàn tay làm lành bệnh tật, và một linh hồn đầy thương cảm, thấu cảm và trí huệ...”

Tôi không hề nghi ngờ là hiện nay cô đang bên cạnh các thiên thần trong “Đền Bách Thần”.
INNA LILLAHI WA INNA ILAIHI ROJI'UN
Từ Thượng Đế cô đến, với Thượng Đế cô trở về.

Một phân xưởng được bao che

Minh Thần dịch

Isti Jenkins

Không hiểu sao tôi lại cảm thấy mình phải nói đôi điều về những gì mình trải qua khi nghe hay đọc những nói chuyện của Bapak và Ibu Rahayu, bởi đó là điều đáng làm.

Làm như vậy thường là cách thử thách lòng kiên nhẫn, đặc biệt sự vui lòng gạt bỏ ảnh hưởng của tâm trí luôn tìm cách giảm sút đời sống của linh hồn hay jiwa.

Và đó còn là đạt được một trạng thái cởi mở trong sự tin cậy cái quá trình nghe đó, vì nó có thể giúp cho dự vọng và tâm trí được quy phục, và khiến được thoải mái vì nghe nói tới những chân lí khiến phải tận tâm với những gì nghiệm thấy!

Nhưng tất cả những cái đó đều đáng công, bởi đó là tiếng nói của một người đã được ban cho Thức ăn cho Linh hồn...

Đó như là nhận được thức ăn cho linh hồn...và khiến có khả năng chuyển hóa tính tình và sự hiểu biết của mình. Tôi nói điều đó vì đó là sự chứng kiến của một hội viên ban đầu đã không hiểu được chính mình (hay không thấy những nhược điểm của mình) và khó khăn chấp nhận cái thế giới trong đó mình hiện hữu. Dưới đây là một đoạn trích dẫn từ một nói chuyện của Bapak ngày 10 tháng 3 1983 tại Wisma Subud

Bí quyết cuộc sống chúng ta trên cái thế gian gian này là việc hiểu được chính mình. Nói cách khác là cái khả năng hiểu được cách mình hoạt động, cách bản chất mình hoạt động, để rồi dùng điều đó. Đó là bí quyết cuộc sống chúng ta, và đó là điều duy nhất ta có thể thấy và cảm được nhưng lại không thể bắt chước, vì đó là chính mình; ta không thể bắt chước ai đó đã thành công. Chính cái không thể bắt chước đó là cái chúng ta tìm kiếm, có thể nói là trong latihan.
Cilandak ngày 3 tháng 10 1980

Tìm cách thâm nhuần tới mức tối đa bất cứ lúc nào nghe hay đọc những nói chuyện của Bapak và Ibu thực ra là điều che chở cho một định mệnh không tốt lành. Đó là điều ban cho tôi trí tuệ khi tôi đại đột. Đó là điều khiến tôi trở nên ân cần để tha thứ cho chính mình khi thất vọng, và để chân thành chấp nhận những nhược điểm của mình.

Đọc những nói chuyện của Subud để được khuyên răn là điều giúp cho tôi thay đổi thái độ của mình đối với hầu hết mọi chuyện, khiến mình được đem tới một nơi tích cực từ một nơi tiêu cực...

Bằng cách cố gắng học hỏi từ những giảng giải mà Thượng Đế ban ân cho Tri Thức hiển nhiên là điều giúp cho tính tình tôi trở nên khá hơn...nhưng đó không chỉ là dựa vào ân huệ của latihan kedjiwaan, mà còn là đối diện những thử thách không bao giờ hết trong đời sống hằng ngày.

Nội dung những nói chuyện đó giúp cho tôi hiểu được tại sao thiên hạ lại hành xử theo những cách khác nhau, từ tốt đến xấu. Đó là việc tất cả chỉ là vay mượn trong lúc chúng ta còn nơi đây trên cái trần gian này nên phải phân đầu để biết ơn và được hạnh phúc một cách tối đa. Chân lí và bí quyết của đời người chỉ được tiết lộ nhờ ân huệ và sự thương xót của Thượng Đế.

Tôi trích dẫn một đoạn nói chuyện dưới đây của Ibu Rahayu ngày 15 tháng 3 2014:

Điều này là không đúng, nếu có bất cứ ai nghĩ rằng họ không cần những nói chuyện của Bapak. Bapak tiếp nhận được những nói chuyện đó, Bapak tạo ra nó để làm gì? Bapak không tạo ra gì. Lí do khiến chúng ta tuân theo những nói chuyện đó là để cho mình không lầm đường lạc bước.

Củ đấm

Minh Thần dịch

Haris Smart

Vừa rồi tôi có những chứng nghiệm cho thấy nếu không lập tức hành động theo một “mệnh lệnh hay sự tiếp nhận của nội tâm” thì sẽ có những hậu quả cả bên trong lẫn bên ngoài. Nhiều người khác cũng đã thuật lại việc có những chứng nghiệm tương tự. Thì tôi nhớ tới một chương là CÚ ĐẤM trong cuốn THE DAWNING của Emmanuel Elliott.

“Mong cho cái Tôi này sẽ chết, khiến cho có một cái Tôi khác khá hơn cái Tôi này.”
Thánh Teresa of Avila

Chương 15: THE DAWNING của Emmanuel Elliott.

Chính trong lúc cái quá trình đổi mới đó tôi tiếp nhận được việc mình đã trải qua sự kết thúc của một cuộc sống và sự chết của một chu kỳ. Đây chắc chắn là một sự thật, việc tôi đã trải qua một cái chết, hay sự tách biệt khỏi cái bản ngã trước kia của mình, và đó là những thay đổi của tính tình làm cho các đồng nghiệp của tôi mô tả là ‘rất đáng kể.’

Ngoài sự chuyển hóa của thái độ mình đối với công ăn việc làm, chẳng hạn, tôi còn không thể chửi thề nữa, đụng vào rượu chè (may mắn là tôi không còn trong nghề buôn rượu nữa!) nghe hay nói những chuyện lỗ bịch vô vị, hoặc nhìn phụ nữ một cách không thích đáng, và đó là tất cả những thói quen của mình cho tới nay, tùy thuộc những mức độ khác nhau.

Thế rồi tôi có một giấc mơ, ban đầu có vẻ như là không có thật, và dần dần trở thành một nguồn vui.

Cuối cùng, tôi có một chứng nghiệm then chốt, một điều có thể dễ trở thành đề tài cho nguyên một cuốn sách, một cuốn sách không viết hết, bởi đó là những gì đi vào tận đáy của đời sống tâm linh, quê hương đích thực của chúng ta, trong khi mình vẫn còn trên cái thế gian này, quê hương của các sức mạnh hạ đẳng.

Trong giấc mơ, tôi vừa quét dọn xong một chuồng bò, và trông nó sạch sẽ. Ông xếp tôi đến kiểm tra công việc của tôi. Ông hỏi: “Anh hài lòng với việc làm của mình chứ?”

Tôi nhìn chung quanh, nhưng không thấy bất cứ gì có thể than trách, trừ phi đó là một cọng rơm hết sức nhỏ bé dưới chân mình. Nhưng ngay cả cái đó cũng hoàn toàn sạch sẽ và bóng loáng. Trông nó y hệt như chữ TÔI viết hoa bằng vàng.

-Anh hãy đến dùng một ly trà với tôi, ông thân thiện nói.

-Kể từ nay, bất cứ lúc nào, ông còn nói, anh thấy đáng nói với tôi ‘xin cho phép‘ hay ‘cám ơn‘ thì anh phải nói ngay lập tức.

Thật dễ ợt, tôi nghĩ.

Một vài phút sau đó, khi được dịp, tôi đang muốn nói ‘cám ơn‘ một cách tốt đẹp nhất, thì một cách bất ngờ, ông thỉnh lình nắm tay lại đắm vào quai hàm tôi.

-Tôi đã nói là ngay lập tức, ông nhắc cho tôi nhớ.

Chẳng bao lâu sau đó, cái thông điệp cốt yếu đó bắt đầu thấm vào lòng tôi: việc phải hết sức gần cận nguồn suối cái thực thể tâm linh mới lạ này là chuyện sinh tử. Và ý thức được điều đó thì tôi phải để cho cái cảnh giới cao quý đó chi phối mỗi hành vi, mỗi cử động, mỗi ý nghĩ, mỗi ý định và cảm giác của mình.

Tôi bắt đầu nghiệm thấy là chỉ bằng cách thường xuyên từng giây từng phút chú ý tới sự giao tiếp đó của nội tâm thì mới duy trì được tình trạng quân bình. Nếu cái ý thức đó mất dần, chỉ trong một lúc ngắn ngủi, nội tâm tôi sẽ phải trả một giá rất đắt. Chi lơ là một chút xíu, ngay cả như một cử động bất cẩn của ngón tay út, thì đó có thể khiến cho một ý định chiêm ưu thế. Và như vậy cũng đủ để tạo nên sự ‘lơ là của ý thức‘, điều theo tôi là như vậy.

Nhận xét: *sau khi đọc truyện của Emmanuel tôi nhận thấy quả thực đó không chỉ là “lập tức tuân hành“, mà còn là thường xuyên ý thức được tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Chúng ta có thể bắt đầu với cơ thể, mà tôi chắc chắn là có những lúc chúng ta lơ là không ý thức tới nó, khiến cho phải trả một giá đắt bằng bệnh tật. Sáng hôm nay tôi ý thức được những cơn đau dai dẳng trên lưng khiến phải chú ý tới; nếu không thì tôi sẽ phải trả một giá đắt cho sức khỏe mình.*

Truyện Gióp

Minh Thần

Truyện Gióp trong Sách Gióp của Cựu Ước có lẽ được viết vào khoảng thế kỉ thứ 6 trước công nguyên, và cho tới nay người ta vẫn chưa biết đích xác tác giả là ai. Truyện đặt ra một vấn đề mà chắc chắn tất cả chúng ta đã từng hỏi trong đời mình: Nếu Thượng Đế công chính và toàn năng như thường được cho, thì tại sao lại để cho xảy ra những chuyện chẳng tốt lành gì, như người hiền lành lương thiện phải đau khổ và chịu thiệt thòi, và những người tâm hồn cao thượng (như Gandhi và Martin Luther King) thì lại bị giết chết một cách không đáng chút nào.

Truyện thuật lại Gióp là một người đạo hạnh, giàu có, con cái đầy đàn. Điều đó khiến một thiên thần là Xa-Tan (1) nghĩ rằng Gióp được như vậy là do ân phước của Thượng Đế. Xa-Tan nói với Thượng Đế: “Ngài đã ban phước lành cho hầy; Ngài cứ thẳng tay đánh vào mọi tài sản của hầy xem sao, chắc chắn hầy sẽ nguyên rủa Ngài.” Nên có những tai ương xảy ra làm cho Gióp mất hết của cải, tất cả các con cái phải chết.

Tuy than van những mất mát của mình, Gióp vẫn không ngớt ca tụng Thượng Đế. Xa-Tan xúi giục Thượng Đế làm cho Gióp đau khổ tới mức tối đa. Lần này thì Gióp phải đau đớn vô cùng, thân thể sưng đầy mủ nhọt. Vợ Gióp bất mãn nói với Gióp: “Ông còn chính tâm trực tánh làm cái quái gì? Hãy thóa mạ Thượng Đế rồi chết quách đi cho xong!” Nhưng Gióp vẫn nhất quyết không chịu nói xấu Thượng Đế. Thay vì nguyên rủa Thượng Đế, Gióp nguyên rủa ngày mình sinh ra: “Phải chi ngày đó ta đã đừng chào đời, phải chi ngày ấy là đêm tối.”

Bốn người bạn của Gióp là Ê-Li-Phát, Bin-Đa, Sô-Pha và Ê-Li-Hu đến an ủi Gióp. Tranh luận với Gióp, họ kết luận rằng chắc Gióp đã phạm trọng tội nên mới bị Thượng Đế trừng phạt nặng như vậy. Gióp quả quyết mình đã không làm gì bậy, và đòi Thượng Đế ra đối chất với mình. Thượng Đế xuất hiện trong một “cơn lốc” và đặt những câu hỏi mà Gióp không thể trả lời, như:

Người ở đâu khi Ta đặt nền móng cho đất?
Nếu người thông hiểu thì cứ nói đi!
Ai đã định kích thước cho đất,
ai đã chăng dây đo, người biết mà!
Đế của nó, lấy chi làm điểm tựa, đá góc của nó, ai đã đặt cho,
khi các vì sao ban sáng đang hoà tấu nhịp nhàng
và hết mọi con cái Thiên Chúa cùng rập tiếng tung hô?
Cửa đại dương, ai ra tay khép lại
khi nước tuôn trào từ đáy vực sâu,
khi Ta giảng mây làm áo nó mặc,
phủ sương mù làm tã che thân?
Vân vân...

Và còn nhiều điều khác nữa của Thượng Đế mà ta không thể hiểu...Gióp nhận thức được cái óc não quá nhỏ bé của mình không có cách nào chứa đựng được những hiểu biết vô cùng bao

la, hay thông hiểu được trí huệ của Thượng Đế. Để thưởng công cho niềm tin sắt đá của Gióp, Thượng Đế phục hồi lại cho Gióp tất cả các của cải, và còn cho Gióp đầy đàn những con cái khác.

Đọc truyện lần đầu, chắc nhiều người sẽ kết luận luân lí hay nội dung truyện không có gì lạ: kiên tâm vững tin thì cuối cùng sẽ được đền bù. Tóm lại là một truyện có hậu. Nhưng đọc kĩ và suy ngẫm lại những tranh luận giữa Gióp và các bạn bè, chúng ta nhận thấy cái thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm không chỉ có bấy nhiêu.

Những người bạn của Gióp quả quyết Gióp đã làm điều gì bậy nên mới bị Thượng Đế trừng phạt nặng, và nếu hối cải thì mọi chuyện sẽ tốt đẹp trở lại. Thực ra thì đó chỉ là phỏng đoán, bởi chính họ cũng không biết điều bậy đó là gì.

Gióp nói vắn xui mình không nhất thiết do lỗi mình, và đặt ra những câu hỏi không một kẻ ngoan đạo nào dám nói tới, như đòi người chắc gì là có nghĩa lí, bởi lao lực trên trần gian để mong nhận được một phần thưởng thì không luôn nhận được gì. Gióp nhìn nhận đòi người 'không dài hơn một hơi thở', và nếu lao tâm khổ trí mà chẳng được gì hết, thì như vậy sống để làm gì? Do sự bất công đó, Gióp cả gan thách thức ngay cả Thượng Đế: "Ta sẽ trở về với cát bụi, Thiên Chúa đi tìm ta, nhưng ta sẽ không còn nữa."

Thấy Gióp nói như vậy, Bin-Đa trách móc Gióp là báng bổ phạm thượng: dám đổ tội bất công cho Thượng Đế! Một lần nữa, Bin-Đa nói chắc chắn Gióp đã phải làm gì đó nên mới đau khổ. Nhưng Gióp nói trong trường hợp này không thể nói tới chuyện công bằng, bởi con người không thể sánh ngang cùng Thượng Đế. Cái thế giới này đầy những bất công, và nếu là Toàn Năng thì Thượng Đế phải chịu trách nhiệm, và tất cả những gì các bạn bè mình nói là chẳng có nghĩa gì hết.

Xô-Pha nói Gióp chẳng hiểu gì hết về Thượng Đế, và Gióp nên chấp nhận mình đã phạm tội để hối cải. Gióp nói các bạn bè mình ăn nói như coi mình là nguồn thông tin từ Thượng Đế. Theo cách nhìn của Gióp, chúng ta đau khổ, bị mắc kẹt và sẽ phải chết trong một thế giới hình như đã không được tổ chức bởi một Thượng Đế công chính. Tất cả chúng ta đều là Gióp: chúng ta sống một cuộc đời ngắn ngủi đầy đau khổ và thương tâm.

Đến đây, cuộc tranh luận giữa đôi bên chợt chuyển hướng. Ban đầu, cuộc tranh luận xoay quanh sự đau khổ của Gióp là điều có thể hiểu vì phải mang một nghĩa gì đó, nhưng bây giờ thì chẳng có gì có thể hiểu được trong bối cảnh của một vũ trụ và Thượng Đế mà ta không thể hiểu.

Ê-Li-Phát trách cứ Gióp đặt ra những thuyết để hiểu những gì xảy ra mà không thể hiểu, và do đó đã bị Thượng Đế trừng phạt. Bin-Đa nói Gióp đã khiến cho tội lỗi nguyên thủy của mình, dù đó là bất cứ gì, trở nên tồi tệ hơn, bằng cách không chấp nhận những gì thường được hiểu về tình trạng mình. Sự báng bổ phạm thượng của Gióp là cho mình hiểu được mọi chuyện và Thượng Đế là bất công.

Sô-Pha an ủi Gióp bằng cách nói rằng những đau khổ của Gióp chỉ tạm thời, và cuối cùng thì mọi việc sẽ tốt đẹp trở lại. Nhưng Gióp nói đòi người không là một truyện thần tiên: tất cả chúng ta đều sống trong một thế giới mà cái ác có thể thắng và cái thiện có thể thua. Nếu muốn tìm thấy một nghĩa lí cho đời mình thì phải đi tìm trong một thế giới bất hảo và bất công.

Bin-Đa lí luận thực ra tất cả chúng ta chẳng là gì hết, chỉ là 'sâu bọ', không hơn gì những hạt bụi

trong vũ trụ, còn Thượng Đế thì cao cả, hùng vĩ. Thế nên, Thượng Đế đã tạo cho ta một vũ trụ xứng hợp cho chúng ta. Gióp bẻ bác lại chính quan niệm đó mới là báng bổ phạm thượng. Nếu Thượng Đế công chính và toàn năng, có thể trừng phạt mình khi đáng bị trừng phạt, và nói rằng cuộc sống khốn kiếp của mình không hơn gì sâu bọ, thì như vậy không khác gì cho Thượng Đế đã tạo ra một thế giới của sâu bọ để hành hạ chúng ta. Điều đó làm cho cuộc sống và quan hệ của mình với Thượng Đế chẳng có nghĩa lí gì.

Đến đây, Ê-Li-Hu, nhân vật trẻ nhất, lên tiếng để mở đường cho sự xuất hiện của Thượng Đế. Ê-Li-Hu nói Gióp phải chú tâm, bởi Thượng Đế đang tìm cách cho Gióp biết điều gì đó, nhưng Gióp tự hỏi không biết phải làm gì để hiểu được thông điệp của Thượng Đế. Tuy thế, Ê-Li-Hu cũng khiến Gióp nghĩ ngẫm sâu sắc hơn: những chuyện trên cái thế gian này có thể chẳng mang một ý nghĩa gì, nhưng dù sao chúng ta cũng đủ khôn ngoan để thấy chắc có một khuôn khổ rộng lớn hơn, một thông điệp trong những gì không thể hiểu, mà cái trí tuệ quá nông cạn của mình đã không nhận thấy.

Ngay sau đó, Thượng Đế hiện ra thách đố mọi người, và đó cũng là thách đố tất cả chúng ta. Chúng ta không những chỉ là Gióp, mà là luôn cả các bạn bè của Gióp. Cũng như họ, chúng ta cũng đã nghĩ rằng mình luôn nắm vững được mọi chuyện, cái vũ trụ này có thể hiểu được vì được tổ chức đầu vào đó bởi một Thượng Đế Công Chính và Toàn Năng cho cuộc sống mình. Nhưng Thượng Đế nói thực ra con người không hoàn toàn hiểu được Thượng Đế, và cũng đừng tìm cách hiểu được. Thượng Đế xác nhận bàn tới chuyện công chính là vô ích, bởi Thượng Đế không cần phải biện hộ cho những gì mình làm. Nói tóm lại là chẳng có gì phải hiểu, mà chỉ là chấp nhận và phục tùng sự Toàn Năng của Thượng Đế.

Gióp nhìn nhận sự bất lực của mình khi được Thượng Đế hỏi:

Hỏi kẻ tranh luận với Đấng Toàn Năng, có gì để chỉ trích,
và kẻ kêu trách Thiên Chúa, có gì để trả lời?

Gióp thưa lại ĐỨC CHÚA:

Vâng, con đây tâm thường bé nhỏ, biết nói chi để trả lời Ngài?

Con sẽ đưa tay lên che miệng.

Đã nói một lần rồi, con không lặp lại nữa,
có nói lần thứ hai, cũng chẳng thêm được gì!

Đó là thông điệp và đề nghị lối thoát cho chúng ta của tác giả truyện Gióp. Chắc chắn nhiều người sẽ không hài lòng với lối thoát đó; họ đề nghị một lối thoát 'nhân bản', của con người cho con người, dựa trên trí tuệ và sự thông thái, minh triết của chính mình.

Với chúng ta là những người tu tập theo con đường của latihan kedjiwaan Subud thì lựa chọn chấp nhận, phục tùng hay quy thuận, là chắc ăn hơn, tuy vẫn có những điều mình không thể hay chưa thể hiểu.

(1) Xa-Tan ban đầu có nghĩa là kẻ thù hay kẻ chống đối, chứ không là cái nghĩa Quỷ Vương như hiện nay.

Cái Filsalat của Bapak

Minh Thần dịch

Bài của **Salamah Pope** ngay trước lúc qua đời

Tôi đã trong Subud được 21 năm, hay khoảng đó, và latihan đã nhập vào óc não mình, khiến có được một cái nhìn về những vũ trụ quan của Bapak, như thế nào những cái đó liên quan với nhau và tự nhiên làm cho thấy sự tổng thể của mọi điều.

Sinh sống tại Wisma Subud tôi được dịp hỏi Bapak những gì mình thấy là đúng hay không – hay chỉ là tưởng tượng? Điều Bapak nói với tôi cái đó là betul, là đúng, là thật, và đó là filsafat, triết lý.

Một hay hai năm sau đó, tôi cùng một vài người đến gặp Bapak trước khi về nước. Bapak hỏi:

- Bạn sẽ đi đâu?

- Tôi sẽ về Mỹ để nói tại một hội nghị tới những quan niệm của Bapak.

- Đó là filsafat của Bapak, Bapak hầu như cười, và đó là kinh doanh của bạn.

Nên tôi vui mừng ra đi làm công việc cho những vũ trụ quan của Bapak, tuy những cái đó có được chấp thuận hay không. Tôi làm theo những gì nhìn thấy – với đầu óc mình. Bởi những cái đó (theo ý tôi) có thể cảm nhận được, và đúng là những gì hiện nay thế giới cần có. Tôi nhìn nhận, với cái nhìn thông thường, là chúng ta không dễ gì thấy được cái thế giới theo cách Bapak chỉ cho thấy. Phải toàn diện thay đổi lối nhìn – một chuyện không dễ làm. Nhưng một khi nhìn thấy được tại sao thì mọi việc trở nên có ý nghĩa!

Chẳng hạn như về chuyện những giá trị. Chúng ta nói tới những 'giá trị con người' và những 'giá trị vật chất', và cho là mình biết được những cái đó là gì. Nhưng giữa hai cái đó còn có những 'giá trị thú vật' (gia đình, cộng đồng, hợp tác xã) - kể cả những 'giá trị thực vật' (ích kỉ, tham lam, cạnh tranh). Nếu loại bỏ tất cả những gì là thú vật và thực vật thì sẽ chỉ còn lại những gì đặc biệt là con người.

Một chuyện khác: phương trình $E=mc^2$ của Einstein – tức là trên căn bản tất cả – Tất Cả – thực ra là những hình thức khác nhau của năng lượng. Vậy, cái daya-daya rendah (dịch điều Bapak gọi là sức mạnh hạ đẳng) nếu không là năng lượng thì là gì? Các nhà khoa học đã chưa từng chấp nhận cái quan niệm của Einstein là tất cả đều bao gồm năng lượng, nên ta khó có thể tin là họ sẽ hiểu được đôi điều về cái filsafat của Bapak. Nhưng biết đâu chừng trong tương lai?

Chúng ta đã nghĩ latihan sẽ thay đổi thế giới

Trong những ngày đầu tiên ở Tây phương, nhiều người trong chúng ta đã nghĩ latihan sẽ thay đổi thế giới; tôi cũng nghĩ là như vậy, khi chúng ta lảo đảo từ khủng hoảng thế giới này tới khủng hoảng khác. Hình như điều đó đang xảy ra, nhưng một cách hết sức chậm chạp. Còn có một yếu tố khác: như anh Varindra đã nói, tư tưởng có thể thay đổi thế giới.

Tôi đặc biệt đã không thành công trong việc đem những tư tưởng đó cho một cử tọa rộng lớn, bên ngoài Subud. Theo tôi biết, ngoại trừ Rasunah Marsden ở Vancouver, không ai quan tâm những tư tưởng tuyệt vời mà Bapak, cùng với latihan, đã truyền lại cho chúng ta. Chúng ta không phải là những người phải hiểu và dùng những tư tưởng đó hay sao?

Cuối cùng tôi đem những tư tưởng đó vào một cuốn sách nhan đề là *The Pattern of the World: Re-Envisioning Everything*, rồi mất 5 năm để đi tìm một nhà xuất bản. Trong năm 2007 tôi đành chịu thua để tự xuất bản. Hiện nay không còn một ấn bản nào nhưng vẫn có thể kiếm trong trang Web www.worldpattern.net.

Hiện nay, gần 40 năm sau đó, tôi vẫn còn nghĩ – dựa trên nhận thức – những tư tưởng đó là một chỉnh thể mạch lạc, vững chắc đối với sự suy xét của lí trí. Chắc các bạn đã biết điều này là Đức Đạt Lai Lạt Ma đòi hỏi (trong một cuốn sách mới viết) một luân thường đạo lí toàn cầu mà bất cứ ai có thể tham gia?

Nhà tâm lí học Abraham Maslow đòi hỏi một „hệ thống thứ bậc của những giá trị nhân bản“ mà những người thuộc mọi văn hóa có thể tham gia. Những nhà nhân chủng học, những nhà sư phạm, những nhà tâm lí học và xã hội học trong hàng chục năm qua đã dựa vào lí trí để mô tả những gì có nghĩa là nhân bản. Cứ việc tin tôi, tất cả những điều đó đã được Bapak gói ghém trong những gì truyền lại cho chúng trong cái filsafat của mình. Những cái đó có giá trị? Tôi nghĩ là hoàn toàn vô giá.

Hiện nay tuổi tôi đã 84, tàn tật và không thể làm bất cứ gì hơn. Vậy, đây là yêu cầu khẩn thiết của tôi: có bất cứ ai quan tâm tới triết lí của Bapak để vận động cho nó? Tôi quả thực tin những tư tưởng đó có thể thay đổi thế giới.

Subud thức tỉnh linh hồn tôi

Hải Anh Esther

Mỗi người đón nhận một ngày mới với một thái độ khác nhau. Người này háo hức. Kẻ khác thì buồn bực. Nhiều người đau đớn thể xác hoặc chết mòn với tinh thần cùn cỏi. Ngày mới đối với tôi rất đổi bình thường. Tôi đã không vui sướng hay chán nản với bất cứ điều gì. Tôi cứ theo công việc giảng dạy yoga mà làm, theo giờ, theo ngày, theo tuần. Đến giờ thì đưa đón các con đi học, nấu ăn, ăn và ngủ. Dường như, mỗi ngày trôi qua như thể chờ đợi cái ngày cuối cùng, khi mà hơi thở không còn, ý thức không còn, sự sống hoàn toàn kết thúc.

Thế nhưng, trong tận sâu ý thức, tôi biết có điều gì đó không bình thường chút nào. Tôi đặc biệt nhạy cảm với sự đổi thay của thiên nhiên, của những điều sắp xảy ra. Nhưng chắc chắn, tôi đã không thể lý giải được bất kỳ điều gì, cho dù tôi có thể thấy trước hoàn toàn hoặc một đặc điểm nào đó của sự việc. Tôi cũng thường xuyên nghe được những âm thanh khác với âm thanh của xã hội loài người vào những đêm khuya; hoặc những hình ảnh kỳ lạ có thể xảy ra bất cứ lúc nào giữa ban ngày hoặc mỗi khi nhắm mắt lại hay lúc để lòng tĩnh lặng.

Là giáo viên yoga, tôi cho rằng đó là do sự nhạy cảm mà yoga mang đến. Đôi khi tôi tự hào về điều đó. Nhưng rồi tôi khẳng định điều này cần phải xem lại vì những rắc rối nho nhỏ cứ thế mà xảy ra liên tục: tai nạn xe cộ, cây cối ngã đổ trên đường, phỏng lửa, té cầu thang, mất tiền, mâu thuẫn gia đình... Khi cho rằng những điều ấy là điều tự nhiên trong cuộc sống, cố gắng chấp nhận tất cả chúng như chúng vốn dĩ như vậy nhưng tâm tôi vẫn không thể nào an được.

Tôi tin rằng mình chưa theo một tôn giáo nào nên tâm linh mình còn lạc lõng. Có thể đã đến lúc tôi cần phải giống như bao nhiêu phật tử khác: quy y tam bảo, đi chùa, lạy Phật, niệm Phật, đọc kinh, hồi hướng, phóng sinh, ăn chay, làm công đức... Gia đình tôi không có truyền thống theo tôn giáo, kể cả đạo Phật. Nhưng đạo Phật đã rất gần gũi với người dân quê tôi, từ nhỏ tôi đã theo bà đi chùa vào những dịp rằm lớn. Hình ảnh những phật tử với áo tràng, áo lam đi chùa lễ Phật đã in sâu vào tiềm thức tôi. Hình ảnh các vị tăng, sư, ni phúc hậu, dễ mến, từ bi là những ký ức vô cùng đẹp đẽ ở tuổi thơ tôi. Càng lớn, đi đến đâu có chùa, tôi đều sắp xếp lễ Phật. Có khi tôi hoà mình vào dòng phật tử đi vòng tròn chánh điện, vừa đi vừa niệm Phật. Rồi duyên đưa đến tôi kết bạn với Kim Lan – làm việc chung công ty. Lan theo mẹ đi tu từ nhỏ, theo Thầy học kinh Phật và thâm nhuần Phật pháp. Nhờ vậy, Lan đã truyền cho tôi thêm nhiều giáo lý và lối sống nhà Phật. Tôi cảm nhận được sự vô thường, sự từ bi bác ái, sự buông bỏ, kể cả quyền năng của Phật.

Vào giai đoạn chói với tâm linh đầu năm 2018, tôi thật sự muốn nổ tung. Lúc ấy tôi ví mình như một thực thể mạnh mẽ, bị đè nén lâu ngày trong một cái thùng kín, chỉ cần bật nắp là thực

thể ấy có thể thoát ra và vùng vẫy cho thoải chí. Mọi thứ rất khó chịu, có những cảm giác báo trước không rõ ràng, có những rung động bên trong và bên ngoài không lý giải được. Trong đầu óc, các đầu ngón tay và ngón chân, làn da bên ngoài dường như sắp chịu hết nổi một cơn bùng nổ sắp diễn ra. Dường như chúng đã cố gắng hết sức, và có vẻ thua cuộc trước sức mạnh bên trong. Cái sức mạnh bên trong đó không có vẻ gì là mệt mỏi hay nghỉ ngơi thực hiện nhiệm vụ của nó là vùng vẫy để thoát ra ngoài.

Điều cần làm tôi cũng làm, đó là quy y Tam bảo. Quy y chưa phải là cách giải quyết sự ngột ngạt tâm linh một cách thoải đáng. Vẫn còn đó một khao khát muốn được thoát ra, muốn được chạy marathon. Có những lúc tôi tưởng mình bị điên, hoặc là một dạng tâm thần nào đó ở mức độ chưa đáng báo động. Việc quy y này sau này tôi mới hiểu chỉ là kết quả đính kèm của việc tôi đã quyết định “mở nắp” tâm linh.

May mắn thay, tôi đã tìm thấy! Một ngày đi lang thang trong chợ, tìm mua thức ăn cho gia đình, nhưng tôi biết, việc mua hàng chỉ là hành động cố gắng duy trì sự sống cho yên mấy cái bao tử đói ngấu, chứ lúc ấy việc ăn uống không còn là thú vui, không có gì là hạnh phúc. Sau khi mua đại khái vài món cơ bản, tôi ghé chú Thành Trung cũng chỉ để mua vài viên thuốc cho chứng bệnh cảm của người cô. Thật ra là chú đã phát hiện ra cái tâm linh lạc lõng của tôi lâu rồi. Sau này chú mới giải thích rằng chú phát hiện ra tôi nhờ vào những lần tôi đi ngang hay đến gần thì nội ngã của chú rung động. Chú chẳng nói chẳng rằng gì về Subud hay Latihan cả. Chú dẫn dụ tôi về thiền và yoga. Mặc dù là một nhà yoga, tôi chưa bao giờ cảm thấy dễ chịu khi tập thiền. Hơn 10 năm thực hành yoga, số lần tôi thử ngồi thiền chưa đếm hết được 1 bàn tay. Ấy vậy mà tôi chịu nghe chú nói. Tôi chịu tham gia vào hội của chú. Ngày đầu tiên, chỉ có chú, anh Johan và chị Karadiah. Chị Karadiah đã giúp tôi khai mở kiến thức của mình cũng như giải thích tất tần tật những rắc rối của tôi bấy lâu. Ngay trong lúc ngồi nói chuyện với chị, nội ngã và cơ thể tôi bắt đầu rung động nhiều. Như một đối tượng bị nhốt lâu ngày, tôi chắc chắn việc gặp này giống như chiếc chìa khoá của cánh cửa mở tung tôi ra. Subud và Latihan là chính là chiếc chìa khoá thần kỳ mở ra một thế giới vô cùng rộng lớn và đẹp đẽ. Tôi trở nên hạnh phúc, may mắn, bình an, thịnh vượng dần kể từ ngày hôm ấy, ngày 25.3.2018.

Thánh vịnh

Minh Thần

Trong Cựu Ước, tôi thích nhất là Thánh Vịnh, thường đọc đi đọc lại, coi đó là kinh nhật tụng của mình.

Thánh Vịnh là một tập hợp gồm 150 bài thánh ca, đúng ra là những bài thơ. Tiếng Hebrew của Thánh Vịnh là Tehillim, nghĩa là bài hát tôn vinh hay đội ơn. Nhưng không hẳn là như vậy, vì cùng với những bài ca tụng sự vinh quang của Thượng Đế là những bài bày tỏ tuyệt vọng, đau buồn hay chán nản.

Trước đây người ta cho tác giả của Thánh Vịnh là vua David, nhưng theo nghiên cứu của các học giả hiện nay thì có 44 bài của vua David, 12 bài của vua Salomon, một bài của Mô-Sê, và phần còn lại là của những tác giả giấu tên.

Theo một ý kiến hiện nay được nhiều người chấp nhận thì Thánh Vịnh được sáng tác trong khoảng thời gian từ lúc Xuất Hành¹ tới lúc trở về Jerusalem trong năm 538 trước công nguyên.

Người ta thường cho Thánh Kinh là Thượng Đế nói chuyện với con người, và Thánh Vịnh là con người nói chuyện với Thượng Đế. Thánh Vịnh được cả người Do Thái lẫn Thiên Chúa giáo trân quý. Người Do Thái giáo thuộc nằm lòng Thánh Vịnh, coi đó là cột trụ của cầu kinh. Thánh Augustin, nhà thần học của thế kỉ 5, gọi nó là „ngôn ngữ của sùng bái“, với Martin Luther² thì đó là một Tiểu Thánh Kinh. Để vinh danh Thánh Vịnh, giáo hội Công giáo đặt ra kinh rô-dê (rosary) theo đó người ta lần một tràng hạt gồm 150 hạt.

Nói chung thì có hai loại Thánh Vịnh: loại tôn vinh là loại than van.

Bố cục loại tôn vinh thường gồm 4 phần là (1) bày tỏ sự tạ ơn những hành động và thuộc tính của Thượng Đế; (2) mô tả những đau buồn của mình; (3) chứng nhận Thượng Đế đã giúp đỡ mình như thế nào; (4) tuyên bố lòng biết ơn của mình và hứa hẹn sẽ tôn vinh Thượng Đế.

Bố cục loại than van thì phức tạp hơn và thường gồm 7 phần là (1) kêu gọi sự trợ giúp của Thượng Đế; (2) trình bày vấn đề; (3) cầu xin hay thỉnh cầu Thượng Đế giúp mình; (4) thú nhận mình vô tội; (5) công khai tuyên bố lòng tin cậy Thượng Đế; (6) ước hẹn sẽ tạ ơn Thượng Đế; (7) đích thực tôn vinh Thượng Đế.

Dưới đây tôi trích dẫn từ bản dịch của Thánh Kinh Công giáo một số Thánh Vịnh mà nhiều người tụng niệm, nhớ nằm lòng và cho là hay nhất.

Hai con đường

Phúc thay người chẳng nghe theo lời bọn ác nhân,
chẳng bước vào đường quân tội lỗi,
không nhập bọn với phường ngạo mạn kiêu căng,
nhưng vui thú với lề luật CHÚA,
nhằm đi nhằm lại suốt đêm ngày.
Người ấy tựa cây trồng bên dòng nước,
cứ đúng mùa là hoa quả trở sinh,
cành lá chẳng khi nào tàn tạ.
Người như thế làm chi cũng sẽ thành.
Ác nhân đâu được vậy:
chúng khác nào vỏ trấu gió thổi bay.
Thánh Vịnh 1

Lời kêu than của người lành tin cậy vào ĐỨC CHÚA

Lạy CHÚA, Ngài quên con mãi tới bao giờ?
Tới bao giờ còn ngoảnh mặt làm ngơ?
Tới bao giờ hồn con vẫn còn lo lắng
và lòng con ủ rũ đêm ngày?
Tới bao giờ kẻ thù con thắng mãi?
Lạy CHÚA là Thiên Chúa của con,
xin đoái nhìn và thương đáp lại,
toả ánh sáng cho đôi mắt rạng ngời,
để con khỏi ngủ giấc ngàn thu;
để kẻ thù con không thể nói: "Ta đã thắng nó rồi,"
và đối thủ không được mừng vui vì thấy con gục ngã.
Phần con đây, con tin cậy vào tình thương CHÚA,
được Ngài cứu độ, lòng con sẽ vui mừng.
Con sẽ hát bài ca dâng CHÚA, vì phúc lộc Ngài ban.
Thánh Vịnh 13

Ca tụng ĐỨC CHÚA, Đấng tạo thành vũ trụ và ban hành luật pháp

Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa,
không trung loan báo việc tay Người làm.
Ngày qua mách bảo cho ngày tới,
đêm này kể lại với đêm kia.
Chẳng một lời một lẽ, chẳng nghe thấy âm thanh,
Huân lệnh CHÚA hoàn toàn ngay thẳng, làm hoan hỷ cõi lòng.
Mệnh lệnh CHÚA xiết bao minh bạch, cho đôi mắt rạng ngời.
Lòng kính sợ CHÚA luôn trong trắng, tồn tại đến muôn đời.
Quyết định CHÚA phù hợp chân lý, hết thảy đều công minh,
Thánh Vịnh 19

Gặp đau khổ, người lành cầu cứu, và ĐỨC CHÚA đã nhậm lời

(Người ta cho là Giê-Su đã nhớ tới Thánh Vịnh này lúc bị đóng đinh trên cây giá chữ thập)

Lạy Chúa con thờ, muôn lạy Chúa,
Ngài nỡ lòng ruồng bỏ con sao?
Dù con thảm thiết kêu gào,
nhưng ơn cứu độ nơi nao xa vời!
Ngày kêu Chúa, không lời đáp ứng,
đêm van Ngài mà cũng chẳng yên.

Thánh Vịnh 22

Mục tử nhân hậu

(Thánh Vịnh này được coi là đặc sắc và ưa chuộng nhất mà nhiều người thuộc nằm lòng)
CHÚA là mục tử chăn dắt tôi, tôi chẳng thiếu thốn gì.

Trong đồng cỏ xanh tươi, Người cho tôi nằm nghỉ.

Người đưa tôi tới dòng nước trong lành
và bổ sức cho tôi.

Người dẫn tôi trên đường ngay nẻo chính
vì danh dự của Người.

Lạy Chúa, dầu qua lũng âm u
con sợ gì nguy khốn, vì có Chúa ở cùng.

Côn trượng Ngài bảo vệ, con vững dạ an tâm.

Chúa dọn sẵn cho con bữa tiệc ngay trước mặt quân thù.

Đầu con, Chúa xúc đượm dầu thơm,
ly rượu con đầy tràn chan chứa.

Lòng nhân hậu và tình thương CHÚA
ấp ủ tôi suốt cả cuộc đời,

và tôi được ở đền Người
những ngày tháng, những năm dài triền miên

Thánh Vịnh 23

Tin tưởng và cậy trông vào ĐỨC CHÚA khi gặp gian nguy

CHÚA là nguồn ánh sáng và ơn cứu độ của tôi,
tôi còn sợ người nào?

CHÚA là thành lũy bảo vệ đời tôi,
tôi khiếp gì ai nữa?

Khi ác nhân xông vào, định nuốt sống thân tôi,
ai ngờ chính đối phương, chính những thù địch ấy,
lại lao đảo té nhào.

Dù cả một đạo quân vây đánh, lòng tôi chẳng sợ gì.

Dù có phải lâm vào chiến trận, tôi vẫn cứ cậy tin.

Thánh Vịnh 27

Số phận người lành kẻ dữ

Dừng cơn phẫn nộ và chớ mãi nổi xung,
đừng nổi giận kéo sinh ra tội lỗi,

vì bọn gian ác sẽ bị diệt trừ,
còn người trông đợi CHÚA, sẽ được đất hứa làm gia nghiệp.

Ít lâu nữa ác nhân sẽ chẳng còn,

đến chỗ xưa cũng không tìm thấy hấn.
Còn kẻ nghèo hèn được đất hứa làm gia nghiệp
và vui hưởng cảnh an lạc chan hoà.
Thánh Vịnh 37

Quy hướng về Thiên Chúa và Đền Thánh

Như nai rừng mong mỗi tìm về suối nước trong,
hồn con cũng trông mong được gần Ngài, lạy Chúa.
Linh hồn con khao khát Chúa Trời, là Chúa Trời hằng sống.
Bao giờ con được đến vào bệ kiến Tôn Nhan?
Thánh Vịnh 42

Ca khúc tạ ơn

Cả trái đất, hãy tung hô Thiên Chúa,
đàn hát lên mừng Danh Thánh rạng ngời,
nào dâng lời ca tụng tôn vinh!
Hãy thưa cùng Thiên Chúa:
"Khủng khiếp thay, sự nghiệp của Ngài!
Trước thần lực uy hùng, địch thù khúm núm.
Toàn trái đất phải quỳ lạy tôn thờ,
và đàn ca mừng Chúa, đàn ca mừng Thánh Danh."

Thánh Vịnh 66

Ước mong về Đền Thánh

Lạy Chúa Tể càn khôn, cung điện Ngài xiết bao khả ái.
Mảnh hồn này khát khao mòn mỏi
mong tới được khuôn viên đền vàng.
Cả tâm thân con cùng là tấc dạ
những hướng lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hờ reo mừng.
Lạy Chúa Tể càn khôn là Đức Vua, là Thiên Chúa con thờ,
ngay chim sẻ còn tìm được mái ấm,
cánh nhạn kia cũng làm tổ đặt con
bên bàn thờ của Chúa!
Phúc thay người ở trong thánh điện
họ luôn luôn được hát mừng Ngài.
Thánh Vịnh 84

Mời gọi vào đền thánh để ca ngợi, tạ ơn ĐỨC CHÚA

Hãy tung hô CHÚA, hỡi toàn thể địa cầu,
phụng thờ CHÚA với niềm hoan hỷ,
vào trước thánh nhan Người giữa tiếng hò reo.
Hãy nhìn nhận CHÚA là Thượng Đế,
chính Người dựng nên ta, ta thuộc về Người,
ta là dân Người, là đoàn chiên Người dẫn dắt.
Hãy vào cửa thánh điện cất tiếng tạ ơn,

tới khuôn viên đền vàng dâng lời ca ngợi,
tạ ơn Chúa và chúc tụng danh Người.
Thánh Vịnh 100

Trên bờ sông Ba-by-lon

(Thánh Vịnh này được phổ nhạc và là một hit, nhạc được ưa chuộng, Boney M Rivers of Babylon Lyrics HQ – YouTube, cuối những năm 1970)

Bờ sông Ba-by-lon, ta ra ngòi nước nở mà tưởng nhớ Xi-on;
trên những cành dương liễu, ta tạm gác cây đàn.

Bọn lính canh đòi ta hát xướng,
lũ cướp này mời giọng vui lên:

"Hát đi, hát thử đi xem

Xi-on nhạc thánh điệu quen một bài! "

Bài ca kính CHÚA TRỜI, làm sao ta hát nổi
nơi đất khách quê người?

Giê-ru-sa-lem hỡi, lòng này nếu quên người,
thì tay gãy đàn thành tê bại!

Lưỡi xướng ca sẽ dính với hàm,
nếu ta không hoài niệm, không còn lấy Giê-ru-sa-lem
làm niềm vui tuyệt đỉnh của tâm hồn.

Thánh Vịnh 137

Nếu không có thói quen cầu kinh như những người Công giáo hay Tin Lành, bạn có thể coi đây là kinh nhật tụng của mình, dù theo bất cứ đạo nào khác.

1) lúc người Do Thái rời khỏi Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Mô-Sê.

2) Martin Luther là người đầu tiên phát động phong trào Tin Lành.

Sự kết nối với loài vật

Hải Anh Esther

Tôi không biết điều dưới đây có xảy ra với các hội viên Subud trên thế giới hay không. Đôi khi tôi nghi ngờ về óc tưởng tượng của mình. Tuy nhiên, vì các hình ảnh đến một cách nhẹ nhàng trong latihan, trong lúc ngủ, lúc tịnh tâm nên tôi sẽ không chối bỏ những cái thấy của mình. Mặt khác, Thượng Đế đối xử công bằng với tất cả các linh hồn, với tất cả các tạo vật của Ngài nên tôi cho rằng mình sẽ viết về sự kết nối của mình với các con vật.

Mỗi người sẽ có những cảm nhận hoặc trực giác khác nhau về các con vật. Từ đó, họ sẽ chọn cho mình những loại thú cưng khác nhau, hoặc đặc biệt thờ ơ với những loài nào đó. Tôi đã không thích một loài nào. Trái tim tôi dường như chai sạn trước tình cảm dành cho các loài vật, cho tới khi vào Subud. Sau 2 năm từ khi được khai mở, cảm nhận tình yêu bao la từ suối nguồn tối thượng, trái tim tôi cũng trở nên mềm mại hơn. Tôi bắt đầu yêu quý chó, các loài chim và bướm. Chắc hẳn tôi sẽ còn vô tình trước những người bạn đáng yêu này nếu không có những chứng nghiệm thú vị.

Xin kể riêng về loài chim. Một buổi chiều tối, trong lúc dạy yoga, có một con chim bay vào phòng. Lúc ấy đèn trong phòng đã mở cả. Con chim hoang dại bay tới bay lui, đập ầm ầm vào cửa và tường, mà không ra ngoài được. Cùng lúc ấy có hai con chim khác ở bên ngoài kêu thét. Tôi biết chúng đang giao tiếp với nhau, con trong phòng thì hoảng loạn, con ở bên ngoài thì bay tới bay lui trên bầu trời và trên các ngọn cây thì lo sợ. Chẳng hiểu sao tôi hiểu được cảm giác của chúng và tự đặt cho mình trách nhiệm giúp đỡ chúng. Sau một hồi quan sát con chim tội nghiệp, tôi đi tắt hết các bóng đèn và bảo “Bay ra ngoài đi con!”. Ngay lập tức, con chim bay ra ngoài cửa sổ một cách dễ dàng, các con chim ở bên ngoài thì vui mừng hét lên những tiếng nghe mềm lòng tôi. Ngay lúc ấy, tôi thấy mình ngang hàng với chúng, và tự thấy xấu hổ vì bấy lâu nay mình tự che mờ mắt nên không biết rằng cái đẹp từ các bạn chim vẫn hiện hữu ngay bên mình.

Có những khi trong lúc tập latihan, chim sẽ, bìm bịp và tôi đã giao tiếp với nhau, hoặc cùng hát với nhau. Tôi biết nội ngã mình đang giao tiếp với chúng. Còn nội dung trao đổi là gì thì tôi chỉ có thể cảm nhận, không biết hết chi tiết. Đó là sự an ủi, sự hướng dẫn chim quy thuận Thượng Đế và sự cầu nguyện. Ban đầu tôi định dấu đi chứng nghiệm này. Nhưng một ngày nọ, một chị trong lúc tập latihan nhóm đã phát hiện ra chuyện giao tiếp giữa tôi và chim. Bình thường thì mấy em bìm bịp ít lên tiếng, hoặc chỉ mình tôi nghe thấy. Hôm ấy, tôi và mấy em ồn ào nhiều nên chị ấy biết được. Chị tiếp tục quy thuận tập latihan cho tới cuối buổi thì chia sẻ phát hiện này. Tôi chỉ mỉm cười im lặng, thầm cảm ơn Thượng Đế đã tạo sự kết nối giữa loài người và loài chim.

Xin kể một trường hợp đặc biệt về một con chim lớn đã gắn bó với tôi theo cách nào đó. Con chim này tôi chưa gặp mặt bao giờ, chỉ gặp trong mơ và trong latihan trong khoảng giữa 2019. Cô chồng tôi kể lại, khi cô còn trẻ, tức là lúc tôi còn nhỏ xíu và đang ở một xứ sở khác, một con

chim rất lạ với hình dáng lớn như con công, đuôi dài nhiều màu sắc, miệng dài lớn, tiếng kêu lớn đã xuất hiện tại vùng đất này. Ngày xưa vùng đất này khá hoang vu, chung quanh là cây cối và nương rạch, sông ngòi. Nhà cửa loe hoe vài căn tạm bợ. Một hôm, cô và bác gái hàng xóm rượt bắt được con chim lạ này. Lo con chim bay mất, 2 bà mới bày cách cắt lông cánh chim rồi nhốt vào chuồng. Nửa đêm cô tôi nghe thấy tiếng con chim khóc thét, còn bác gái thì thấy con chim tới đòi nợ. Nó kêu 3 tiếng, bảo rằng: “Trả thân cho ta!”. Sáng ra, cái chuồng trống không, con chim mất tiêu. Chuyện xảy ra sau đó mới đáng sợ. Bác gái bỗng dưng thấy hai cánh tay sưng phồng, nhức nhối dữ dội. Người nhà đi mua thuốc về uống 3 ngày không hết, chẳng những vậy 2 tay càng ngày càng sưng và đau nhức nhiều hơn. Sau đó, nhờ ai chỉ dẫn, bác tìm đến một ông thầy, mặc dù ông lắc đầu ca thán nhưng vẫn giúp bó thuốc. May mà sau đó bà giảm dần và hết hẳn. Còn cô thì vài ngày sau bị bệnh vật vã đến nửa tháng mới khỏi. Từ lúc được nghe kể, trong lòng tôi bỗng nổi lên một lòng thương xót lớn, tôi đoán tôi ít nhiều có duyên nợ với con vật ấy. Một đêm, ngay vừa chợp mắt, hình ảnh con chim hiện ra. Sau một hồi 2 bên nhìn nhau trong im lặng, chúng tôi biết chúng tôi đã từng rất thân quen. Con vật ấy chạy ào đến mừng tôi như một con chó mừng chủ vậy. Tôi chột hiệu rằng con vật ấy đã chờ đợi mình từ rất lâu. Nó đến chờ mình trước khi bị cô và bác gái bắt. Rồi linh hồn nó vẫn ở quanh chốn này, tiếp tục chờ đợi. Từ lúc ấy, mình cảm nhận sự có mặt của nó ở chung quanh, với nhiều hình dạng khác nhau.

Sau này, đối với tôi, hình ảnh loài chim mang ý nghĩa động viên, hoặc báo hiệu trước những may mắn nào đó.

Ở đời sống thế gian, tất nhiên tôi đã gặp những điều bất như ý từ công việc, gia đình hay từ những mối quan hệ. Những lúc như vậy, trên ngọn cây, trên bầu trời, trong phòng yoga, trước cửa phòng học, bên hông nhà thường xuyên xuất hiện những con chim. Chúng chỉ đơn giản là hiện ra ngay trước mặt tôi, hót líu lo, hoặc bay thẳng đến bên cạnh lượn mấy vòng, có lúc chúng rất gần, có khi chỉ để tôi nhìn thấy mà thôi. Mỗi lần nhìn thấy chúng, một lúc sau tôi tự khắc sẽ có cách hoá giải nỗi buồn của mình, hoặc ai đó/quyển sách nào đó/câu nói nào đó bỗng dưng vô tình giúp tôi hiểu chuyện, hoặc bằng cách nào đó tôi sẽ sáng suốt hơn để giải quyết vấn đề một cách tốt đẹp.

Nếu sự rắc rối đến từ tiền bạc thì chỉ cần nhìn thấy chim trước mặt, tôi biết rồi thế nào tôi cũng có đủ tiền để làm chuyện mong muốn, hoặc đủ sáng suốt để không phải tiêu tiền cho việc ấy.

Tương tự như vậy, cho dù ở nơi đâu, đang làm việc gì mà nhìn thấy bướm, tôi biết rằng một lát nữa, thế nào ai đó cũng sẽ đem tiền trả mình, đóng tiền học hoặc tặng thức ăn. Chứng nghiệm này chưa bao giờ sai. Tôi cũng thử nhiều lần xem có sai sót gì không nhưng đã luôn đúng. Nếu tôi không nhận được bánh, trái cây, tiền bạc ở bên ngoài thì chồng tôi cũng cho tôi tiền trúng số của anh ấy, hoặc ai đó tặng quần áo cho con gái tôi. Nếu đang đi du lịch mà thấy bướm thì khi dừng xe lại, thế nào cũng có người đến nói chuyện rất vui vẻ hoặc kể chuyện thú vị.

Tất nhiên, cũng có những dấu hiệu cho biết những điều bất như ý. Ví dụ, khi con mèo đen nhìn ta chằm chằm thì ngày trưa hôm đó có người chê bai, sau đó sẽ mất rất nhiều tiền về những khoản không biết trước, hoặc bệnh tật, hoặc là có người vô tình khiến ta vò đầu bứt tóc đến nỗi phải ngồi xuống tịnh tâm hoặc làm latihan để cầu nguyện được giải quyết vấn đề.

Còn loài rồng xuất hiện trong lúc tịnh tâm, trong lúc ngủ thì thường đó là sự kết nối với người trong họ hàng gia tiên, với những người trong nghề thuốc và yoga.

Ghép tim

Minh Thần dịch

Trích từ *The Dawning* của Emmanuel Elliott

Ngày 25 tháng 3 1987 tôi tiếp nhận được một trong những latihan mãnh liệt nhất. Ban đầu là một giấc mơ nhưng ngay sau đó biến thành một biến cố trong lúc tỉnh.

Đầu tiên, tôi thấy mình trong một phòng mổ cho những ca ghép tim. Hai nhà phẫu thuật bước vào, tôi kinh khiếp nhận thấy mình là bệnh nhân. Tôi nhiệt liệt phản đối là họ đã làm lạc, nhưng bắt chắt những cầu khẩn của tôi, họ chuẩn bị mổ. Một người trong họ có một băng dính dài trên ngực, trên chiếc áo dài bằng cao su, và tôi biết chính ông đã từng nhiều lần mổ. Cả hai đều chú tâm xem xét những dụng cụ mổ. Một người trong họ nói với người kia: “Tôi không biết họ còn làm những gì như chúng ta thường làm.”

Tới lúc đó, tôi thức dậy và có thể nhìn ngay lên nền trời màu đen, những bức tường và mái nhà của phòng ngủ đã hoàn toàn biến mất. Tôi trông thấy hai thiên thần đang xuống trần gian, mang theo một trái tim rất lớn, be bét những động mạch. Trái tim lớn vào khoảng 2/3 tầm lớn các thiên thần. Trông nó trong suốt, tôi có thể nhìn xuyên qua đó thấy được các ngôi sao trên trời. Tôi tự hỏi không biết nó làm bằng những gì, thì có tiếng nói: “bằng Ngọc Thạch.”

Tôi nhắm mắt lại thì tức khắc cảm thấy bắt đầu có một chấn động rất mạnh nơi ngực, và theo đó là một điện áp cao. Tôi lo sợ vì tin chắc mình phải chết vì bệnh tim. Vì chỉ có mình tôi và không thể làm bất cứ gì trong tình trạng đó, nên tôi có thể thư giãn cơ thể mình để phó thác mọi việc cho Thượng Đế.

Trong một khoảng thời gian latihan, tôi tiếp nhận được một tình trạng latihan mà tôi chỉ có thể gọi là những thuộc tính của Thượng Đế. Tôi phó thác cho ân tứ, sự huy hoàng, trí huệ và sự toàn thiện của Thượng Đế Duy Nhất; tôi phó thác cho ý muốn, sự vĩ đại và mục đích của Thượng Đế Duy Nhất; tôi phó thác cho niềm vui, hạnh phúc và vẻ đẹp của Thượng Đế Duy Nhất, và vân vân. Như vậy là để chứng tỏ, tôi cảm thấy như vậy, tất cả những gì tốt đẹp, cao quý, chỉ có thể đến từ Thượng Đế. Tôi ý thức được việc những thuộc tính đó đang tuôn chảy vào ngực mình.

Sau một khoảng thời gian, chấn động dừng lại. Tôi nằm yên, cảm thấy hết sức yếu đuối mà vẫn còn sống. Tôi thấy mình nhìn xuống cơ thể mình trong lúc nằm, ăn mặc như một hiệp sĩ thập tự quân, với một quân phục thêu cây giá chữ thập màu đỏ trên một nền màu trắng.

Kể đến, tuy còn yếu đuối, tôi được khiến cho rời khỏi giường ngủ, để như 'đi tới' căn phòng bên cạnh. Nơi đó, tôi được khiến cho quỳ xuống để cầu nguyện trước khi trở về giường ngủ.

Trước khi buồn ngủ, tôi trông thấy trong bóng tối phía trên mình một hiệp sĩ mang áo giáp đang cười ngượng.

Ông Sudarto hỏi tôi trong lúc chúng tôi trò chuyện tại Jakarta hai năm sau đó:

- Mọi việc có trở nên khá hơn cho bạn sau cái chứng nghiệm đó?

- Khá hơn, tôi đáp, đó đúng là những gì đã xảy ra

Âm nhạc của tôi thật khác lạ

Hải Anh Esther

Có 1 lần trong buổi tập, tôi đã hát một bài tuyệt nhất thế gian. Đó là bài hát ca tụng Thượng Đế, bằng ngôn ngữ và thanh nhạc mà Thượng Đế hướng dẫn, như thể cho cả nhân loại cùng nghe, cho thể sống, thể chết lẫn thể linh hồn. Tôi cảm được bài hát ca ngợi cũng dành cho các loài chim và những thực thể lạ loài khác. Chưa bao giờ mình cảm thấy bài hát nào hay được như vậy. Quả thật là tuyệt vời.

Từ đó tôi mới hiểu được tại sao từ nhỏ tôi đã cực kỳ dở tệ môn âm nhạc. Các nốt nhạc đẹp như thế, bạn bè dù là đứa bé nhất cũng được 7-8 điểm, vậy mà mình chẳng bao giờ được điểm 6. Thầy cho điểm 5 là để không ở lại lớp chứ thầy cũng chẳng ủng hộ gì cái đứa không biết tí gì về nhạc lý.

Lớn lên, giai đoạn teen và giai đoạn thiếu niên cũng tập tành hát hò, ghi lời bài hát vô được một vài trang giấy, hát tới hát lui thấy mắc cỡ quá, nên bỏ ghi, bỏ tập hát. Đi hát karaoke với bạn bè hoặc đồng nghiệp thì thiếu điều muốn chui xuống gầm bàn trốn. Họ vì nể tình nên đưa micro cho phát được cái thứ ngôn ngữ theo lời bài hát có kèm nhạc mà mặt mày họ dường như muốn rút từng sợi cơ nhão. Rồi dần dần tôi luôn tìm cách né tránh các thể loại hát hò nhảy múa. Nghe nhạc là một điều gì đó thật trống rỗng và vô vị.

Cho đến khi vào Subud, tôi mới hiểu loại hình âm nhạc có tiếng chim, tiếng gió, tiếng lá cây xào xạc, tiếng cành tre cọ quẹt vào mái tôn, tiếng côn trùng, tiếng bìm bịp kêu, tiếng linh hồn thì thảo, tiếng hát của mình cộng gộp mới thăng hoa, bình yên, đẹp đẽ và tinh túy. Loại hình âm nhạc nghe bằng giác quan của linh hồn, ca ngợi vũ trụ, ca ngợi Thượng đế Toàn năng và các Thiên sứ của Ngài mới thật sự mang đến sự thoải mái và hạnh phúc cho tôi. Thế mới biết, bản ngã mình biết lựa chọn điều tốt nhất và phù hợp nhất cho mình.

Tổ phụ Abraham

Minh Thần

Truyện Abraham bắt đầu trong chương 12 của Sáng Thế Ký. Chương 12:1 Thượng Đế nói với Abraham: "Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha ngươi, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho ngươi. Ta sẽ làm cho ngươi thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho ngươi. Ta sẽ cho tên tuổi ngươi được lẫy lừng, và ngươi sẽ là một mối phúc lành".

Lúc đó, Abraham đã 75 tuổi. Theo chỉ thị của Thượng Đế, Abraham phải "rời bỏ xứ sở và họ hàng", tức là bỏ những đô thị của vùng Mesopotamia (hiện nay là Iraq) để theo một cuộc sống du mục, và đó cũng là bỏ những của cải châu báu do thương nghiệp của những nơi đó. Không chút do dự và thắc mắc, Abraham chỉ việc tuân hành.



Trong chương 15, Thượng Đế nhắc lại lời hứa trước đây là sẽ cho Abraham con cái đầy đàn. Thượng Đế cho Abraham nhìn thấy cảnh tượng sẽ có vô số con cháu, nhưng lại không tạo ra một căn bản nào chống đỡ cho lời hứa đó. Dù vậy, Abraham cũng chấp nhận là tuyệt đối tin cậy.

Sau đó Thượng Đế phán: "Đi kiếm cho Ta một con bò cái ba tuổi, một con dê cái ba tuổi, một con cừu đực ba tuổi, một chim gáy và một bò câu non". Chương 22:11-18: "Lúc mặt trời gần lặn, thì một giấc ngủ mê ập xuống trên ông Áp-ram; một nỗi kinh hoàng, một bóng tối

dày đặc bồng ập xuống trên ông. Khi mặt trời đã lặn và màn đêm bao phủ, thì bồng có một lò nghi ngút khói và một ngọn đuốc cháy rực đi qua giữa các con vật đã bị xẻ đôi. Hôm đó, ĐỨC CHÚA lập giao ước với ông Áp-ram như sau: "Ta ban cho dòng dõi ngươi đất này, từ sông Ai-

cập đến Sông Cả, tức sông Êu-phơ-rát.”

Theo các nhà bình luận, “lò nghi ngút khói và ngọn đuốc cháy” tượng trưng cho Thượng Đế. Nhưng tại sao lại phải "đi qua giữa các con vật đã bị xẻ đôi"? Đó là một tập tục lập giao ước của những nước Cận Đông thời đó: người ta giết thú vật để tế thần, xẻ đôi nó ra, và trong lúc bước qua những phần xẻ đôi đó, họ đọc thuộc lòng những thỏa ước đã ký kết. Nhưng Thượng Đế không đòi hỏi Abraham phải làm như vậy, bởi giao ước của Thượng Đế là vô điều kiện, Thượng Đế tự trói buộc mình vào những gì đã hứa hẹn mà không bắt Abraham phải y theo.

Ban đầu, Thượng Đế hứa làm cho Abraham thành một "xứ sở lớn", sau đó lại hứa cho các con cháu Abraham trở nên đông đảo như "bụi cát của đất đai". Tuy vậy sau nhiều năm, vợ Abraham là Sarah vẫn chưa mang thai. Khi Abraham than phiền cảnh ngộ tuyệt vọng đó, Thượng Đế bảo Abraham nhìn lên trời: con cháu Abraham sẽ vô số như những vì sao trên đó. Bởi không thể sinh con nên Sarah đề nghị cho Hagar, một người hầu gái, thay thế cho mình ăn ngủ với Abraham: Hagar sinh ra một đứa con trai là Ismael.

Khi Isaac lớn lên thành một thiếu niên, Thượng Đế đòi hỏi ở Abraham một điều khiến phải sửng sốt: "Hãy đem con của ngươi, đứa con một yêu dấu của ngươi là I-xa-ác, hãy đi đến xứ Mô-ri-gia mà dâng nó làm lễ toàn thiêu ở đây, trên một ngọn núi Ta sẽ chỉ cho." Lúc đó tuy đã hơn trăm tuổi (theo Sáng Thế Ký Isaac sinh ra lúc Abraham 100 tuổi) nhưng Abraham vẫn còn phải chứng tỏ lòng tin của mình, bằng cách đi tới một nơi xa lạ để cúng tế lần thứ hai.

Cũng như trước đó, Abraham tức khắc tuân lệnh Thượng Đế. Thức dậy sớm ngày hôm sau, Abraham cắt một vài khúc cây làm củi đốt, chọn 2 thanh niên cùng đi với mình và Isaac tới Bersheba. Sau 3 ngày lên đường, họ đi tới một nơi chốn Thượng Đế đã chọn cho tế lễ. Từ biệt hai gã thanh niên đi theo mình, cả hai cha con tiếp tục đi nốt đoạn đường còn lại. Chương 22:8 của Sáng Thế Ký: “Ông Áp-ra-ham lấy củi dùng để đốt lễ toàn thiêu đặt lên vai I-xa-ác, con ông. Ông cầm lửa và dao trong tay, rồi cả hai cùng đi. I-xa-ác thưa với cha là ông Áp-ra-ham: Cha! Ông Áp-ra-ham đáp: ‘Cha đây con!’ Cậu nói: ‘Có lửa, có củi đây, còn chiên để làm lễ toàn thiêu đâu? Ông Áp-ra-ham đáp: "Chiên làm lễ toàn thiêu, chính Thiên Chúa sẽ liệu, con ạ. "Rồi cả hai cùng đi”.

Khi họ đến nơi chốn chỉ định, Abraham lập ra một bàn thờ với sỏi đá, đặt củi đốt lên đó, trói Isaac lại và đặt cậu ngồi trên đống củi. Khi Abraham lấy ra con dao làm tế lễ, thì ngay lúc đó một tiếng nói vang lên từ trên trời: "Đừng giơ tay hại đứa trẻ, đừng làm gì nó! Bây giờ Ta biết ngươi là kẻ kính sợ Thiên Chúa: đối với Ta, con của ngươi, con một của ngươi, ngươi cũng chẳng tiếc! Khi ngừng mặt lên nhìn, Abraham trông thấy một con chiên gần một bụi cây, nên lấy nó hiến tế thay cho con mình.

Chuyện đó đã thực sự xảy ra, hay chỉ là một truyền thuyết? Nhiều người còn cho rằng nhân vật Abraham chưa chắc là có thật, bởi ngoài Thánh Kinh ra không có một sử liệu nào khác đề cập tới một người như Abraham, và chúng ta cũng khó chấp nhận có một Thượng Đế nhân từ mà lại muốn giết những đứa trẻ để cúng tế cho mình. Hiện nay, các nhà bình luận coi đó là biểu tượng của sự chết đi để sống lại.

Abraham được tôn sùng là tổ phụ của 3 tôn giáo nhất thần là Do Thái, Thiên Chúa và Hồi giáo.

Thiên Chúa giáo coi việc tế lễ đó là điềm báo trước Thượng Đế sẽ hiến con mình là Giê-Su, và

cũng như Isaac, thay vì chết Giê-Su đã sống lại. Do Thái và Hồi giáo mỗi năm đều làm lễ tưởng niệm việc Abraham đem con cúng tế Thượng Đế; với Do Thái giáo đó là lễ Rosh Hashana, và Hồi giáo thì là lễ Eid-al-Addha. Nhưng có sự khác biệt là Hồi giáo coi đứa con đem ra tế là Ismael, chứ không là Isaac. Vì ganh ghét mẹ con Hagar, Sarah đuổi họ đi. Khi mẹ con khát nước lưu lạc trong sa mạc, Hagar cầu xin Thượng Đế cứu giúp, và Thượng Đế đã làm cho phun lên một nguồn nước là suối Zam-zam ¹. Theo truyền thuyết của Hồi giáo, Abraham cùng với Ismael là những người đã xây cất Điện Kaaba ở Mecca.

Trong Subud Abraham tượng trưng cho đức tính dũng cảm, mà Bapak coi trọng hơn những đức tính chân thành, chấp nhận và quy thuận. Bapak thường nói chúng ta không thành công và tiến bộ được là bao vì thiếu cái đức tính đó. Trong những bài nói chuyện, Bapak nói rất nhiều về Abraham. Điều ấn tượng nhất tôi còn nhớ: con chiên mà Abraham giết tượng trưng cho việc Abraham làm chủ được sức mạnh thú vật 2, và việc Thượng Đế lần đầu kêu gọi Abraham là sự bắt đầu thức tỉnh của linh hồn khi tiếp xúc với quyền năng của Thượng Đế. Mỗi lần Thượng Đế kêu gọi, Abraham đều đáp: “Dạ, có con đây!” Điều đó không khác gì với việc chúng ta hoàn toàn quy thuận khi bắt đầu latihan. Nhưng không chắc gì và mấy khi được như vậy!

1 Hiện nay là một nơi hành hương của Hồi giáo.

2 Trong buổi nói chuyện đó, Bapak nói là mình muốn làm trắc nghiệm với hội viên về chuyện đó, nhưng cuối cùng đã không làm vì cảm thấy...quá nóng nực!

Những bông hoa

Hải Anh Esther

Để bắt đầu câu chuyện kể về những bông hoa, tôi xin trước hết vô cùng cảm ơn cô Pam Grout đã viết quyển sách *Tôi biết ơn & Tôi giàu có*. Nhờ đó mà tôi đã học được cách biết ơn đối với từng điều bất như ý đến với mình.

Tôi cảm ơn sự kiện có phần bất như ý như sau đã giúp tôi thêm một kinh nghiệm sống thú vị và một chứng nghiệm tuyệt vời.

Câu chuyện về một người phụ nữ đẹp – một bông hoa rực rỡ sắc màu. Một hôm, chị quay lại luyện tập sau khi nghỉ gần 2 năm. Chị là mẹ của 4 đứa con, thoát nhìn một người bình thường có thể cho rằng người phụ nữ ấy tầm 25. Thật ra chị sắp xỉ 50 rồi. Chị đẹp, các đường nét đều thanh thoát. Vóc người vừa phải khiến nhiều người đàn ông sẵn lòng ôm vào lòng. Khung hông to nên nhìn chị không mỡ bụng. Làn da nõn nà của chị dư sức khiến chị em phụ nữ phát thèm. Đôi mắt chị đẹp, rất thu hút người đối diện. Bàn tay, bàn chân cũng đẹp. Chị tốt bụng, dễ thương và ngọt ngào. Trong mắt tôi, chị luôn là một bông hoa rất đẹp trong cả một khu rừng. Lần quay lại này chị chọn cách đóng học phí từng ngày thay vì nguyên tháng như trước kia. Hình thức thanh toán từng ngày vẫn được chấp nhận ở các trung tâm yoga. Vấn đề ở chỗ chị đến và đi, không chào không biệt, và không nói không rằng, rồi sau 7 ngày chị quẳng cho tôi vài đồng rẻ rúng cho có cái gọi là trả công. Chị đã không nhớ học bao nhiêu, và đã không hỏi là sẽ trả tôi bao nhiêu. Số tiền ấy ít hơn số tiền sơn móng tay của chị.

Tôi thấy hạ đẳng tham sân si đang chạy rần rần trong tâm mình. Chợt nhớ ngay đến bài học BIẾT ƠN từ cô Pam Grout, tôi lập tức quay lại biết ơn chị trước kia đã từng đối xử tốt với mình. Trước kia chị cùng với một số người khác tổ chức sinh nhật tôi tại trung tâm yoga. Tôi cúi đầu tịnh tâm, hít thở sâu, cảm ơn chị vì bài học lần này. Bài học rằng tôi chỉ biết trông chờ vào thái độ tốt của người khác mà quên vỡ về em bé đang khóc nhè trong tôi. Tôi đã sai khi cho rằng ai đã dễ thương thì mãi mãi như vậy. Tâm hồn con người vốn dĩ thay đổi liên tục từng giây phút, hướng hồ thời gian trôi qua đã gần 2 năm. Ngay khi khởi sự lòng biết ơn này, một ý nghĩ hiện ra ngay lập tức. Ý nghĩ ấy vui tươi, dễ chịu và hạnh phúc. Thế nên, tôi đoán đó là ý của Thượng Đế. Ý nghĩ này ví một người phụ nữ giống như một loài hoa. Hoa thì có loài rất thơm rất đẹp, lâu tàn. Loài khác thì thơm đẹp nhanh tàn, có khi phải vất vả lắm mới nở được 12 giờ đêm cho tới 2 giờ sáng là lụi tàn. Có loài thì xấu xí, theo cách nhìn của nhân gian, nhưng thơm ơi là thơm. Bên cạnh đó, có những loài hoa sắc màu rực rỡ, lâu tàn, đặt ở nơi nào cũng được; nhưng hoa hoàn toàn không mùi hương, hoặc có mùi khó chịu, hoặc là sắc màu lung linh nhưng kém duyên. Tôi tự dừng lúc ấy loé lên suy nghĩ về chị này như loài hoa ấy. Nghĩ xong bật cười vì cái ý nghĩ vừa vui, vừa an ủi, vừa xàm xàm đáng ghét này. Đồng thời, mình cũng tỏ lòng biết ơn Thượng Đế đã bên cạnh, thông cảm và động viên mình.

Thượng Đế không dừng lại ở đó, một buổi tối mình buông người theo thể xác chết, tịnh tâm

trước khi ngủ. Một cái chậu bằng sứ vừa phải xuất hiện. Bên ngoài có bốn vị thần hộ pháp hình bốn chiếc lá dài phủ bốn góc, như thể chuẩn bị cho một sự kiện lớn sắp xảy ra. Bốn vị này đứng thế tấn hướng mình vào chậu hoa, dường như trách nhiệm của họ là đem thân xác và linh hồn của họ, theo sứ mệnh Thượng Đế là nuôi dưỡng cái thứ ở bên trong.

Có cái gì ở bên trong ấy? Một đống tro và đất đen ngòm đến nửa chậu. Ở giữa đống đất ấy có một cái gì ngo ngoậy, lười nhác, sợ sệt. Có những nhánh mềm lấp lánh phủ bên ngoài nó. Quyền quyết định chui ra khỏi những nhánh mềm này là do nó. Sau một thời gian được kêu gọi, cảm nhận được tình yêu của 4 chiếc lá dài bên ngoài, nó hé hai nhánh nhỏ ra nhìn. Chỉ mới hé ra chút xíu mà nó sáng lấp lánh. Khi thấy chẳng ai làm gì, dòm ngó gì hay kêu gọi gì, buồn tình nó mở cửa ra, đứng lên. Không đâu, nó đứng lên ngòi xuống, ngòi xuống rồi nằm xuống rút về cái kén ấm áp của nó đến ba lần mới chịu đứng lên hoàn toàn.

Khi đứng lên, nó không đứng thẳng mà oặt qua oặt lại như thể cái kén và cái chậu quá chật chội, nó phải lắc lư cho chiếc áo lớn hơn, mà cũng có thể đã xé toạc cái áo ra luôn rồi.

Thân hoa dài, bông hoa màu xanh ngọc, cân đối với thân hình của cây. Cây chỉ có 3 chiếc lá. Trong chớp mắt, nó không còn là hoa bình thường như trí tuệ nhân gian hiểu biết. Nó toả sáng, lớn khủng khiếp. Lớn như một toà nhà, lớn như một thành phố, lớn như một quốc gia, lớn như quả đất. Lớn rồi nhỏ, nhỏ rồi lớn, biến hoá không ngừng. Màu sắc vi diệu, đủ loại sắc màu, sáng chói loá, lung linh huyền ảo. Đó chắc hẳn không phải là các màu sắc mà mắt thường thấy ở chốn nhân gian này.

Hoa chứa đựng trên những nhánh của nó là hàng triệu triệu toà nhà, đồi núi, linh hồn. Hoa thu nhỏ lại hoà vào tim ta, phân nửa thân hoa của nó ở luôn vào thân ta, từ ấn đường xuống bụng. Khi thực hiện xong động tác này, hoa tàn. Tàn một lần rồi sáng loá, lung linh, to lớn, vĩ đại, bao la, yêu thương lần thứ hai, lần thứ ba. Có vẻ như hoa không thể biến mất, thích thì đứng lên, mệt thì hạ xuống, vậy thôi. Hoa có linh hồn, đùa giỡn như một đứa trẻ. Lúc ấy ta không thể hình dung được ta và hoa ai lớn hơn. Ta nhớ lúc ấy ta mỉm cười nhẹ, yêu hoa lắm.

Xưa tới giờ ta không thích hoa. Hay đây mới chính là hoa thật sự yêu thích trong bản ngã của mình?

Một lần khác hoa lại đến khi ta tịnh tâm trong phòng làm việc vào buổi trưa. Chẳng cần phải đợi lâu, mới vừa tịnh thì hình ảnh màu vàng, từng khối nhỏ, mềm mại, nhảy nhót vô cùng hạnh phúc hiện đến. Thì ra, đó là những cô cậu bé, hoặc là những thiên thần nhỏ, không chân tay, có mắt mũi sáng sủa đáng yêu ở phần trên. Ta thoạt nghĩ đó có thể là những con vi trùng tốt bụng đang tá túc ở một nơi đẹp đẽ nào đó. Tiếp theo thì đám thiên thần này biến mất, thay vào đó là hàng chục nhánh hoa vàng dài to vật vã lung linh sáng loá. Hàng chục biến thành hàng trăm, hàng triệu, hàng vô số nhánh hoa to lớn. Ta có cảm giác ta đang là một con ong nhỏ trên đoá hoa ấy. Đoá hoa to lớn, sáng đến nỗi nó có thể che khắp cả một vùng trời. Ta nhìn từ trên cao xuống thì quả đất to bằng 1 ôm tay, còn đoá hoa to như cây nấm cao cỡ 1 gang tay. Đẹp! Sao mà nó đẹp! Quả đất tròn với đủ sắc màu như dòng trắng của sông ngòi, mảng xanh lục của đại dương, mảng xanh lá cây của rừng, mảng trắng lạnh của tuyết, phần nấm màu vàng của bông hoa đó.

Lần này thấy vậy là hết. Kết thúc latihan thì lòng ta hạnh phúc vô cùng, biết ơn Thượng Đế đã cho ta biết cái đẹp thật sự của một loài hoa dưới góc nhìn của một linh hồn tiến hoá hơn ta.

Chiếc thang của Jacob

Minh Thần

Jacob là con của Isaac, tức là cháu nội của Abraham. Chương 28 Sáng Thế Ký thuật lại Giấc Mơng của Jacob:



Gia-cóp ra khỏi Bơ-e Se-va và đi về Kha-ran. Cậu đến một nơi kia và nghỉ đêm tại đó vì mặt trời đã lặn. Cậu lấy một hòn đá ở nơi đó để gối đầu và nằm ngủ ở đó. Cậu chiêm bao thấy một chiếc thang dựng dưới đất, đầu thang chạm tới trời, trên đó có các sứ thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống. Và kìa ĐỨC CHÚA đứng bên

trên thang mà phán: "Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, tổ phụ ngươi, và là Thiên Chúa của I-xa-ác. Đất ngươi đang nằm, Ta sẽ ban cho ngươi và dòng dõi ngươi. Dòng dõi ngươi sẽ nhiều như bụi trên đất; ngươi sẽ lan tràn ra khắp đông tây nam bắc. Nhờ ngươi và dòng dõi ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc. Nay Ta ở với ngươi; ngươi đi bất cứ nơi nào, Ta sẽ giữ gìn ngươi, và Ta sẽ đưa ngươi về đất này, vì Ta sẽ không bỏ ngươi cho đến

khi Ta hoàn thành điều Ta đã phán với ngươi." Gia-cóp tỉnh giấc và nói: "Quả thật, có ĐỨC CHÚA ở nơi này mà tôi không biết! "Câu phát sợ và nói: "Nơi này đáng sợ thay! Đây là nhà của Thiên Chúa, là cửa trời, chứ không phải là gì khác." Sáng hôm sau, Gia-cóp dậy sớm, lấy hòn đá cậu đã gói đầu, dựng lên làm trụ và đổ dầu lên đầu trụ. Cậu đặt tên cho nơi đó là Bết Ên; trước đó, tên thành ấy là Lút.

Các tôn giáo mà tổ phụ là Abraham lý giải truyện "Bức thang" của Jacob và các "Sứ Thần" theo những cách khác nhau.

Do Thái giáo coi chiếc thang tượng trưng cho linh hồn và những sứ thần "lên lên xuống xuống" là cách Thượng Đế cứu vớt nhân loại do thương xót.

Dựa trên một câu nói của Giê-su trong Sách Gioan của Phúc Âm "Người lại nói: "Thật, tôi bảo thật các anh, các anh sẽ thấy trời rộng mở, và các thiên thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống trên Con Người," Thiên Chúa giáo thấy chiếc thang là việc tượng trưng Đức Ki Tô đưa ta lên thiên đàng từ cõi trần.

Hồi giáo xem Jacob là một ngôn sứ. Chiếc thang của Jacob được hiểu là tương tự với sự thăng thiên của Thiên Sứ Muhammed. Do đó nó tượng trưng cho thực chất của Hồi giáo là chánh đạo.

Dù lý giải theo cách nào đi nữa, những tôn giáo đó đều coi truyện đó chỉ là biểu tượng. Chỉ nhờ latihan, chúng ta mới biết được đó là sự thật. Trong cuốn Subud a spiritual Journey Rozak Tatebe thuật lại một chứng nghiệm mà ông gọi là "cột ánh sáng":

Một buổi tối nọ, vừa tập latihan xong thì tôi chợt nhận thấy một bức tường rộng lớn màu trắng hiện ra tại một nơi xa xôi của ngôi trường. Nó rộng khoảng 10m, và khi nhìn kỹ, tôi thấy nó thẳng đứng kéo dài từ sàn nhà tới mái nhà. Hình như cũng có bột màu trắng chung quanh nơi nó dựng vào sàn nhà.

Tôi nhận thức được đó không là một bức tường thông thường, vì nó gồm ánh sáng. Nhưng rồi tôi liền có ý nghĩ cái mà mình đang nhìn thấy có thể được gọi là bàn chân của Thượng Đế, và lòng tôi tràn đầy lòng tôn kính. Thông thường tôi đã gạt bỏ cái ý nghĩ đó, coi nó là hoang đường hay là ý nghĩ về Thượng Đế của con nít, nhưng không hiểu tại sao khi trông thấy ngay trước mặt mình bức tường rộng lớn gồm ánh sáng đó - hay đúng ra là cột - tôi liền nghĩ đó là dấu ấn bàn chân của Thượng Đế kéo dài xuống trần gian.

Tôi thấy hình như mình đã chăm chú nhìn cái đó trong một lúc lâu. Cột ánh sáng dần dần trở nên mỏng hơn, và tôi dần dần trông thấy lại bức tường đằng xa của ngôi trường đã cản tầm nhìn của mình. Sau khi xong latihan, tôi vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của chứng nghiệm đó, nhưng quyết định không cố gắng suy đoán, mà là đợi chờ cho tới khi mình tự nhiên nhận được giải đáp.

Tuy nhiên, như vậy vẫn chưa hết. Trong xuất latihan kế tiếp tập với nhóm, tôi cảm thấy có cái gì đó đang bao quanh mình. Không nao núng, tôi tiếp tục tập cho tới khi cái cảm giác đó trở nên mãnh liệt hơn, và tôi nhận thức được mình đang đứng trong một thứ gì như một vật hình trụ. Vật hình trụ đó rộng khoảng 3 hay 4 m - đủ chỗ cho tôi tập latihan - và trong suốt khiến tôi có thể nhìn ra ngoài. Chiều dài nó cao hơn đầu tôi, và chiều rộng thì không thay đổi.

Tôi ngược mắt nhìn lên và ngạc nhiên nhận thấy nó kéo dài theo chiều dọc lên phía trên tới một

nơi thật xa. Thực ra, nó kéo dài tới không gian sâu thẳm cho tới chỗ có vẻ là nơi tận cùng của vũ trụ, và từ phía dưới tôi nhìn thẳng lên trên thấy điều chỉ có thể gọi là một khoảng cách vô tận. Nếu gắng sức tập trung, tôi chỉ có thể nhận diện chỗ cao hơn phần cuối của vật hình trụ, đó là điều gì lơ mơ trông chỉ có thể là sự hiện diện tối thượng của Đấng Toàn Năng.

Cảnh tượng đó thật kì lạ. Tôi đứng bên trong một cột ánh sáng kéo dài tới vô tận nơi phía trên mình, nhưng tại nơi xa xôi tôi lại có thể nhận diện được chỗ cao nhất. Thông thường thì đó là điều không thể tưởng nổi. Thế nhưng, bên trong thì đen đặc. Tôi nhìn xuyên qua để coi bên ngoài có gì. Không như sự đen tối bên trong, bên ngoài có vẻ như hơi sáng chói. Xem xét kĩ hơn, tôi nhận thấy đó là do ánh sáng bị phân tán vì những hạt bụi nhỏ xíu lơ lửng trong không khí. Tôi nghĩ bên trong cột có sự đen tối là do những tia sáng cực kì tinh khiết, vì hoàn toàn không có gì vẩn đục khiến ánh sáng bị phản chiếu. Theo tôi nghĩ, chính vì vậy mà mình có thể nhìn thật xa.

Tôi càng hiểu rõ hơn ý nghĩa của cột ánh sáng đó. Đó là nhịp cầu giữa loài người và Đấng Tối Thượng - một con đường nhờ đó loài người có thể đến dưới chân Thượng Đế, và nhờ đó Ngài có thể liên lạc với chúng ta trên trần gian. Đó cũng chính là mục tiêu của latihan.

Tôi tiếp tục tập latihan, trong suốt lúc có cái chứng nghiệm đó. Nhìn kĩ con đường ánh sáng đó, tôi nhận thức được nó hoàn toàn không có chướng ngại vật, nó vươn thẳng lên nơi Đấng Toàn Năng, và tôi thì đứng ngay tận chỗ dưới cùng. Nói cách khác, tôi vẫn còn đứng nơi khởi điểm của hành trình. Thú thật, điều này khiến mình hơi thất vọng, vì tôi nghĩ rằng sau khi đã tập latihan nhiều năm, mình cũng phải tới thiếu đi được nhiều mét trên đường. Nhưng khi tôi nhìn cái không gian vô tận phía trên mình, cái ý nghĩ đó chợt mất đi.

Điều quan trọng là tôi đã đi trên con đường dẫn mình tới Thượng Đế. Nhìn kĩ con đường đó, tôi hiểu được rằng chẳng có gì khác là quan trọng, và vấn đề mình đã tiến triển được tới đâu thì cũng chẳng đáng gì, chẳng có gì phải quan tâm. Dù đã đi được tới đâu đi nữa, thì tôi vẫn còn phải đi xa thêm nữa. Nếu là vậy thì việc mình đã đi xa tới đâu chỉ là chuyện vụn vặt. Điều đáng quan tâm là mình có đi một cách thích đáng hay không, hoặc sẽ tiếp tục đi mà không nao núng. Tôi hiểu được rằng đó không chỉ là điều gì hợp lí, mà là mình đã thực sự cảm thấy nó là như vậy. Sau cái chứng nghiệm đó, sự thật là tôi không còn thấy hứng thú muốn biết việc tâm linh mình đã đạt được trình độ này, hay chưa đạt được trình độ nọ, và thực ra thì chuyện này không khác gì so sánh trái táo với trái lê. Xét theo mức độ của sự vô tận bao gồm quá khứ, hiện tại và tương lai, ai có thể biết được sự thật?

Khi nhìn kĩ cột ánh sáng, tôi cũng ý thức được nó hoàn toàn thẳng đứng và tron nhẵn; trên đường đi không có chướng ngại vật. Tôi thấy đó hình như là biểu tượng về việc những chướng ngại mà linh hồn gặp, đã không cố tình được đặt trên đường, mà sự thật là do chính bản ngã chúng ta. Hành trình tới Thượng Đế là sự thanh lọc cho linh hồn. Nhiều khi trong quá trình đó, chúng ta bị thử thách, như những điều trong những chứng nghiệm của tôi, nên luôn luôn đó không là con đường dễ đi. Nhưng những khó khăn đó không do Thượng Đế gây ra. Đó là những nhơ nhuốc đã tích lũy không chỉ do chúng ta, mà còn do cha mẹ mình, và đi ngược lại thời gian là do tổ tiên mình. Với tôi cột ánh sáng thẳng đứng hình như là dấu hiệu về việc những đau khổ mà chúng ta cảm thấy là không do Thượng Đế, mà đó là điều mà chúng ta phải cảm nghiệm được, để loại bỏ những nhơ nhuốc đó.

Cột ánh sáng dần dần mờ nhạt, và tôi cũng tập xong latihan. Đó là khi tôi nhận thức được bức tường ánh sáng mà mình đã trông thấy trong cái latihan trước đó, và vật hình trụ ánh sáng

trong cái latihan này, cả hai đều y như nhau và chỉ là một. Lần đầu tôi đã trông thấy cột ánh sáng từ bên ngoài, và lần này thì từ bên trong. Tôi suy luận sở dĩ trước đó mình đã thấy bàn chân của Thượng Đế là vì điều đó cho mình biết là trên thực tế mình hiện đang ở chỗ thấp nhất trên đường dẫn tới Ngài.

Tác giả kết luận:

Cái chứng nghiệm đó chứng tỏ được thực chất đặc biệt của lối tu tập theo latihan, và cũng cho thấy chuyện về một cầu thang từ Trên Trời trong Thánh Kinh và trong văn hóa dân gian không chỉ là một ẩn dụ hay là chuyện hoang đường, mà là điều gì có thật, xét theo tâm linh. Đó là sự hiểu biết mà tôi mang theo mình. Tất nhiên, đây chỉ là ý kiến cá nhân. Tôi không tìm cách quả quyết những gì mình nói là đúng, hay latihan của Subud là con đường duy nhất tới Thượng Đế. Trên thế giới chắc chắn là có những con đường ánh sáng tới Thượng Đế mà tôi không biết.

Tuy nhiên, latihan có điều độc đáo này mà tôi chưa từng thấy: đó là con đường dẫn tới Đấng Toàn Năng không đòi hỏi phải cố gắng và sùng tín, mà là điều gì rộng mở cho mọi người nếu họ muốn tiếp nhận, miễn là họ có một thái độ hoàn toàn quy thuận.

Quả thực như Bapak thường nói, những truyện trong các Thánh Thư là sự thật.

Chiêm bao gặp được Bapak năm 2018

Hải Anh Esther

Ngay từ nhỏ, tôi đã nhìn thấy nhiều điều kỳ lạ không thể giải thích. Khi bắt đầu nhận thức, tôi thường xuyên có cảm giác nóng bức, râm ran trên đỉnh đầu, hoặc những rung lắc bất chợt ở đầu đó trong cơ thể. Đôi khi là cảm giác một số vùng cơ trên cơ thể cuộn nhào. Có lúc nhắm mắt nghe một phần cơ thể hoặc toàn thân nặng như núi đá, cứng ngắt và to đùng đến nỗi không tài nào cựa cựa được. Rõ ràng tôi biết cơ thể mình không đau nhức, không bệnh tật, mắt vẫn nhìn thấy cơ thể bình thường và đầu óc vẫn tỉnh táo.

Vào năm 11 tuổi, một buổi trưa, tôi đang chơi ở ngoài sân thì cảm thấy bức rức trong lồng ngực và một cảm giác tê rần 2 cánh tay. Bất chợt, tôi nhìn lên cây me trước nhà. Một con vật lớn đang ở đó. Đó là một con vật giống con chó lớn, lông màu xám đen. Cây me nhà tôi cao độ 20m tính từ gốc tới đỉnh ngọn cây. Lần nào leo lên cây me đó, tôi đều rợn da nhưng vì còn bé, tôi chỉ biết mình nên cẩn thận với gió, với những cành cây nhỏ để khỏi bị té gãy tay gãy chân. Con vật đó to gấp 2 lần các con chó mà tôi thường gặp. Những con chó thường chưa bao giờ có thể leo cây, nói gì đến leo được 10 m như vậy. Nó nhìn tôi chằm chằm. Nó chỉ nhìn tôi, không làm gì khác. Nó ở giữa thân cây, cứ nhìn, tôi cứ sợ và thắc mắc. Tôi liền chạy vào nhà tìm người lớn để hỏi. Không có ai ở nhà. Tôi chạy trở lại nhìn lên ngọn cây, nó vẫn còn ở đó. Tôi nhắm mắt lại nhiều lần, quyết định mở mắt to nhìn thẳng nó để xem ai có thể nhìn lâu hơn. Rồi thì nó thắng, tôi chạy vào nhà lẩn tránh, rồi chạy ra tò mò nhìn. Một hồi, con vật đó biến mất. Đến tối, tôi kể lại với bà và mẹ. Họ nói tôi ngủ mơ. Tôi quyết định giữ riêng kỷ niệm đó cho mình, chấp nhận một sự lạ lùng trong đời sống.

Lớn lên, trong lúc loay hoay tìm con đường tu tập cho mình, tôi đã vô tình tiếp xúc với nhiều loại thể lực đặc biệt. Theo đó, nếu không đi đúng đường Subud, chắc có lẽ thần kinh tôi sẽ rối loạn.

Thứ nhất là chuyện cầu cơ thời trẻ

Sang năm cấp ba, tôi chuyển sang thị xã ở nhà bà nội để đi học cho gần. Cô ruột tôi và những người bạn của cô thỉnh thoảng vào buổi trưa rù rì rủ rủ gì với nhau với một tờ giấy ở dưới đất, bên dưới gốc cây ở ngoài sân. Nhiều lần như thế tôi mới tới gần được vì mấy cô cho rằng tôi còn nhỏ nên không cho tham gia. Thì ra là họ đang chơi cầu cơ. Điểm cốt yếu trong trò chơi này là đồng xu sẽ được di chuyển trên những chữ hoặc hình vẽ sẵn trên tờ giấy vuông. Ở giữa tờ giấy là hình âm dương. Đồng xu duy nhất được đặt ở trong hình này ngay từ đầu. Đồ cúng gồm có

nhang, nền hoặc đèn, nước, một ít bánh mứt hoặc trái cây. Trà và rượu không bắt buộc. Có nhiều người chơi, nhưng chỉ có 3 người được tham gia trực tiếp. Ba người, mỗi người đặt 1 ngón tay lên đồng xu, thông thường là ngón trỏ. Nếu cơ hoạt động thì đồng xu sẽ di chuyển đến nội dung cần thiết rồi dừng lại. Ai muốn hỏi gì thì cơ sẽ trả lời họ. Có những chỗ đề chữ “Tiên”, “Thần”, “Thánh”, “Ma”, “Quý”, “Có”, “Không”, “Đúng”, “Sai” và các chữ từ A đến Y. Những câu hỏi đặt ra liên quan đến tình yêu, gia đình, học hành, thi thố, và những chuyện thú vị khác. Câu trả lời mà cơ đưa ra tùy theo tình hình sẽ là Đúng, Sai, Có, Không, hoặc các từ ngữ lại được ghép với nhau thành câu trả lời. Nếu 1 ngón tay rút ra thì cơ không chạy nữa. Ai đó vì mỗi tay mà rút tay ra thì cơ dừng. Nếu một người mệt, người khác thay vào thì có thể cơ chạy hoặc không. Trò chơi thú vị lập tức thu hút một đũa teen tò mò như tôi. Tôi thấy đôi khi họ rất khó để cho cơ chạy, hỏi hoài cơ không thèm trả lời hoặc trả lời rất chậm. Khi các chị mệt thì tôi được chen ngón tay của mình vào. Kỳ lạ, khi tôi hỏi thì cơ chạy rất nhanh. Chỉ cần tay tôi đặt vào thì 2 người chơi (một người và tôi) cơ cũng chạy. Thậm chí một mình tôi đặt tay vào, cơ cũng chạy luôn. Điều khó là ở chỗ thời gian và hình thức cầu nguyện trước khi cơ nhập vào. Mấy chị có một tờ giấy, đại loại là một bài kệ dài 2 mặt giấy, phải đọc tới đọc lui kèm 3 ngón tay đặt trên đồng xu ở hình âm dương. Mất ít nhất 15 phút hoặc có khi cả giờ cơ mới bắt đầu di chuyển. Vốn tính đơn giản, tôi bảo nhỏ: “Cơ vào đi, cho chúng tôi hỏi một chút”, nói vài câu như vậy thì được. Khi thấy mình kỳ lạ, sợ rằng mình sẽ bị ma nhập nên sau vài lần tôi thôi không chơi nữa.

Thời đại học, đám sinh viên rộ lên phong trào chơi cầu cơ. Tụi bạn kháo nhau đến nghĩa địa, hay toà nhà nào đó để làm. Tôi cũng làm, chẳng hiểu sao mình không còn sợ nữa. Tôi nhớ lại nội dung đã chơi với các cô hỏi xưa mà vẽ ra giấy, rú mấy đũa ở trợ tham gia. 12 giờ đêm, chúng tôi lên sân thượng nhà trọ, cúng kiến và kêu gọi. Lần đầu chơi, tôi chợt phát hiện mình không có bài kệ. Nhớ lại kinh nghiệm hỏi đó, tôi cứ mời suông, không cần kệ. Mời một vài lần là được. Đợt này, cơ chạy mạnh hơn hỏi xưa. “Tiên”, “Thần”, “Thánh”, “Ma”, “Quý” có đủ cả. Chúng tôi sợ, nhưng chẳng hiểu sao lại vô cùng thích thú. Tôi thường xuyên nói chuyện với “Tiên”, “Thần”, “Thánh” qua cơ. Đặc biệt, một lần nọ, cơ chạy một hồi cứ vòng vòng, hiện ra một câu rõ ràng: “Mày đuổi quỷ đi đi!” Trời ạ, có quỷ, tôi có thể đuổi quỷ sao? Sợ hết hồn nhưng đang dở dang bàn cơ sao có thể bỏ chạy được. Tôi nói: “Quý ơi, quý đi đi, tôi không chơi với quý, xin quý hãy dùng chút đồ ăn rồi đi đi. Tôi cảm ơn đã tới, nhưng tôi không muốn”. Rồi thì cơ chạy tiếp. Cơ bảo tụi nó đi rồi. Lúc ấy cơ bảo cơ là một vị thần. Một lúc sau, các vị khác cũng góp mặt. Cơ cho hay một điều mà tôi rất ngạc nhiên. Lúc đó tôi và chồng tôi mới làm bạn với nhau, chung với 5 đũa bạn khác. Anh là lớp trưởng lớp. Anh đang có người yêu, quần quýt, hạnh phúc và đẹp đẽ. Lúc này, tôi hoàn toàn chưa từng nếm trải sự thi vị của tình yêu. Tôi vừa ngưỡng mộ vừa ganh tị với họ. Tôi thích có một tình yêu dễ thương với một anh chàng dễ thương như vậy. Tiên, Thần và Thánh lúc đó bảo tôi rằng Đấng (tên chồng tôi) sẽ là người yêu và là chồng tôi sau này, chúng tôi sẽ có 1 đũa con trai và 1 đũa con gái, tụi nó sẽ thành tài và chúng tôi sẽ rất hạnh phúc. Tôi đã cãi lại các vị rằng tôi không tin, vì mối quan hệ của chúng tôi hoàn toàn lạt nhách. Chúng tôi chỉ là bạn chơi chung nhóm và thường xuyên gây gổ nhau. Chẳng những vậy, lúc đó anh và cô gái ấy vẫn còn là một cặp đôi rất đẹp. Họ bảo tôi rằng: “Con hãy tin đi, đó là sự thật!”. Tám năm sau chúng tôi cưới. Giờ thì chúng tôi đã ở bên nhau được 21 năm, có một đũa con trai, một cô con gái. Tôi cũng hạnh phúc bên cạnh chồng mình.

Thần, Thánh, Tiên, Ma, Quý ở trong bàn cơ tới giờ vẫn còn nhiều bí ẩn với tôi. Mong rằng tôi sẽ sớm hiểu được điều này.

Thứ hai là chuyện bói toán và các thể lực u ám

Cuộc sống trước Subud có nhiều nỗi bất an nên tôi thích tìm đến thầy bói để có thêm niềm tin

vào tương lai. Đó là các nỗi lo về tiền bạc, gia đình, công việc và con cái. Trong sâu thẳm tâm hồn, tôi biết tôi chưa bao giờ tin tưởng vào thầy bói, nhưng với sự hiểu biết kém cỏi lúc bấy giờ thì chẳng còn cách nào khác. Chung quanh tôi ai ai cũng đi coi bói, nên tôi xem việc đó là bình thường, và dần trở nên quen thuộc. Vẫn có, nhưng rất hiếm thầy bói học hành nghiên cứu đến nơi đến chốn. Nếu có thì họ cũng không thể nào biết được nhân quả của người đi xem bói. Họ lại càng không biết được năng lực tu tập kiếp này hay các kiếp trước của người đối diện. Ân điển của Thượng đế dành cho ai đó lại là một điều ngoài khả năng tưởng tượng của họ.

Tôi đặc biệt nhấn mạnh đến hiện tượng bói toán rất phổ biến ở khu vực miền Nam Việt Nam. Có thể ở các khu vực khác cũng như vậy, nhưng tôi chỉ xin khẳng định những thứ mà mình trông thấy. Đó là hiện tượng một hay nhiều linh hồn nhập vào thầy bói để nói về những điều đã diễn ra xung quanh cuộc sống của họ. Nhiều khi, có hàng trăm linh hồn giúp sức một thầy để bày chỉ những thứ liên quan đến tìm xác người thân, xây mồ mả, nơi chôn cất, hướng xây nhà, thay hướng cửa, cúng kiến làm ăn... Tất cả, xoay xung quanh cái nhu cầu được hưởng lợi. Họ, bao gồm người coi và người được coi, khát khao tìm kiếm lợi ích vật chất, hạnh phúc cá nhân hoặc mưu cầu danh vọng, địa vị. Tôi chưa thấy ai đi coi mà hỏi làm sao để trở thành người tốt hoặc làm thế nào để sống có ích cho cuộc đời. Vậy nên, “Làm thế nào để thờ phụng Phật/Chúa đúng cách?” là một câu xa xỉ.

Ấy vậy mà tôi từng đi nhờ vả những thế lực như vậy đó! Rõ ràng, ít nhiều các thế lực này đã ảnh hưởng đến tôi. Có một điều lạ là tất cả họ, khi gặp tôi, đều né tránh nhìn thẳng vào mắt. Họ đi vòng vòng, lảng tránh hoặc hút thuốc liên tục nhằm tìm kiếm đối tượng tâm linh nào đó giúp đỡ. Họ trả lời qua quýt, nói rất ít, và sớm chấm dứt buổi xem bói. Mỗi lần đi coi bói là mỗi lần thất vọng. Tâm linh đi vào ngõ cụt.

Bây giờ tôi hết đi coi bói vì đã biết sùng bái Thượng Đế, hiểu được sự vô thường và thấy rõ sự che chở của Ngài. Tôi biết bằng lòng với những thứ mình có, trân trọng những gì hiện hữu và biết ơn mọi thứ đang diễn ra. Tôi hiểu điều quan trọng nhất, thứ tài sản lớn nhất, niềm hạnh phúc thật sự nhất chính là Latihan Subud, là tình yêu từ Đấng Tối Cao. Những thứ khác tự khắc sẽ đến nếu trách nhiệm của chúng là vậy, sẽ đi nếu chúng hết thời gian phục vụ. Tất nhiên, là một con người sống trong cộng đồng, tôi phải nỗ lực hết sức để làm việc, học hành, yêu thương, cống hiến và có trách nhiệm với những người bên cạnh. Mọi thứ khác, hãy để Thượng đế sắp đặt.

Thứ ba là bùa chú

Ở chỗ tôi, hàng chục năm nay, theo thông lệ, mỗi năm nhiều quý ông, quý cậu, quý bà, quý cô lên Miếu Bà Chuối Xứ và các chùa miếu thuộc 3 ngọn núi Sam, núi Bà Đen, núi Cẩm để dâng lễ, cầu nguyện bình an, đặc biệt là cầu xin làm ăn phát tài phát lộc... Năm sau số lượng người đi viếng và vật phẩm cúng dường tăng gấp đôi gấp ba năm trước. Ai đang giàu có thì mong giàu có hơn, hoặc cầu nguyện nhiều lợi lộc khác. Ai không có con có cháu cũng cầu. Chồng ngoại tình thì vợ đi cầu. Người thất nghiệp hoặc công việc trục trặc thì bản thân họ đi cầu hoặc gia đình họ đại diện. Nói chung có rất nhiều thể loại cầu nguyện khác nhau. Theo đó, rất nhiều chùa miếu được lập ra để phục vụ cho nhu cầu này của người dân. Chùa miếu ở nơi càng cao, càng kín, càng hoang vu thì người ta càng tin. Họ cho rằng chùa miếu càng khó đi tới thì càng linh thiêng. Là vùng đồi núi nên càng vào sâu, càng lên cao không khí càng âm u, chùa miếu được xây cất tại những nơi này toát ra một sự lạnh lẽo khó tả. Để phù hợp, nhiều thầy pháp, thầy cúng đến nướng náu tại những nơi này. Nhiều người trong số họ đã thu hút nhiều đệ tử từ khắp nơi trên cả nước, thậm chí từ các nước láng giềng. Họ làm những việc như cho thuốc nam từ thiện,

bấm huyết chữa bệnh thiện nguyện, hoặc cúng kiến giải nghiệp cho thân chủ theo lối bùa chú, mật chú đặc biệt nào đó. Một lần chúng tôi đã mất 3 triệu đồng cho một thầy cúng như thế. Lúc ấy chồng tôi đang thất nghiệp, vợ chồng tôi đang ở cái tuổi mà theo lời nhiều thầy thì là “một sống một chết”. Đó là cái tuổi 31-33. Lúc ấy tôi đang 31 tuổi, chồng tôi cũng vậy. Nỗi sợ hãi kéo đến khi chúng tôi chứng kiến vài cặp vợ chồng bạn tôi li dị, có người bị xe cán nát người, có người bị trọng bệnh mà chết nên chúng tôi nhắm mắt nhờ thầy giúp. Chẳng biết thật hư thế nào, thầy bảo cả hai vợ chồng tôi đang gặp vận đen thui, nguy hiểm cận kề, chuyện này chưa biết ai sống ai chết. Rồi thầy bảo thầy không lấy tiền công, chỉ lấy tiền bông hoa, nhang đèn và trái cây cúng lễ. Hoặc là giao hết thầy mua, hoặc là chúng tôi tự mua rồi quay trở lại vào một ngày khác. Rồi chúng tôi đã đưa thầy số tiền theo yêu cầu. Thầy đưa cho mỗi người một miếng trầu cau, một miếng bùa và một con hổ bằng giấy kêu về để dưới gối. Mọi việc khác, để thầy lo, cứ yên tâm về nhà cầu nguyện. Chúng tôi khờ khạo làm y lời thầy nói. Cuối cùng thì chúng tôi chẳng sao cả. Đến hết tuổi 33, chúng tôi biết rằng mình đã bị lừa rồi ngỡ ngàng vì thấy mình đã dẫm chân té nhào trước cám dỗ của thể lực mang tên con người. Và biết đâu lại còn tự rước vào người một loại bùa chú ma quái nào đó mà mình hoàn toàn không biết gì về nó.

Thứ tư là một loại bùa chú khác

Đứa con trai của tôi bị chứng chậm phát triển trí tuệ. Thể chất và vận động của bé bình thường. Bốn tuổi rưỡi con mới biết nói những lời đầu tiên. Bác sĩ cho hay nhận thức của con chậm hơn 3-4 năm so với những đứa bé cùng lứa tuổi. Khi con chưa biết nói, vợ chồng tôi đã chạy vạy khắp nơi để giúp con. Một lần chúng tôi đã tìm tới một thầy. Chúng tôi nghe đồn thầy hay, rằng thầy đã giúp nhiều cam điếc khỏi bệnh. Chúng tôi không hề ý thức rằng đã vô tình rước vào hầm bà lằng các thể loại bùa chú phức tạp, lạ lẫm. Nhà thầy có nhiều bàn thờ, thờ vài chục vị. Chung quanh các bàn thờ ghi loại ngôn ngữ cổ của một nhóm dân tộc nào đó thuộc Cambodia. Hình ảnh các vị trên các bàn thờ cũng rất quái dị mà từ nhỏ đến giờ tôi mới thấy lần đầu. Sau đó thì thầy đốt nhang, khấn và làm bùa lên đầu, tay chân, khắp thân thể đứa con trai, lên đầu vợ chồng tôi. Thầy còn đưa cho một loại bùa về nhà đốt uống. Tôi đã cho con uống. Đứa con bé bỏng vốn không biết gì, đã uống thứ nước đó. Tôi đã vô cùng hối hận về việc này. May mà Subud đã đến với cuộc đời tôi. Thượng Đế đã cứu rỗi con trai và vợ chồng tôi.

Thứ năm là ảnh hưởng từ các vong linh

Một đạo trong lớp tập yoga của tôi có một người tên Cường, 45 tuổi, là một thầy pháp. Ban đầu ông làm nghề đưa đò qua sông Mỹ Thuận, rảnh rỗi thì điêu khắc gỗ thành các con vật như cá, gà hoặc rồng. Thu nhập đủ để ông chăm lo vợ con. Một ngày, một thanh niên nhờ ông chở qua sông một thùng xốp rỗng rịt băng keo kín bung, khá nặng. Vì ông là người địa phương nên ông biết tên người nhận hàng bên kia sông không rõ ràng. Nhìn thái độ gã thanh niên, ông bắt đầu hoài nghi. Độ nặng cái thùng tầm tầm 50 kg càng tăng thêm phần nghi ngờ trong ông. Ông đồng ý chở. Đến giữa sông thì ông gọi điện thoại báo mấy ông bạn ở gần đó theo dõi người thanh niên này. Đến bờ sông, ông gọi công an địa phương đến kiểm tra thùng. Trong thùng là các khúc của một xác phụ nữ. Gã thanh niên này bị bắt trong vòng 2 giờ sau đó. Từ đó về sau, bóng ma cô gái này liên tục xuất hiện trên đò của ông. Đặc biệt, ông có thể nghe hiểu cô gái. Dần dà, nhiều hồn ma khác đến vừa hù dọa vừa giao tiếp với ông. Rồi ông lên núi, tầm sư học đạo. Về sau, ông đi nơi này nơi khác bắt ma, đưa họ đến các nơi phù hợp để “tu”.

Việc bắt ma, đưa lên núi hoặc xuống biển tu, hay các thể loại hành động của các pháp sư đại khái như sau:

- Bàn bần cúng

- Khấn vái đầy đủ các danh hiệu Phật, thần, thánh, tiên...phù hộ cho công cuộc phụng sự tâm linh của các pháp sư
- Mời chào gia tiên thân chủ về chứng kiến
- Đọc thần chú
- Cho người có ma mượn xác nhập đồng uống rượu. Chùng vài ly nhỏ, hoặc có khi chẳng cần ly nào thì sự hiện hình đã có thể diễn ra.

Theo lời kể của chính ông Cường, thỉnh thoảng ông còn bê cả rặng quỳ dữ. Đôi khi vong linh không chịu đi tu, mà đòi ăn hoặc uống rượu. Trong tất cả trường hợp, pháp sư đều thành công trong việc đưa các vong linh đi về nơi của họ.

Điều đặc biệt mà ông này cho biết là việc ông được hàng trăm bậc thần thánh theo gia hộ cho hoạt động của mình. Một điều khác rợn da hơn chính là ông có trong tay hàng trăm ngàn binh tướng để trợ lực.

Bên cạnh việc trừ ma, ông còn điều khiển binh tướng của mình giúp đỡ các thân chủ làm ăn thất bại thành ra khá giả, từ việc bán buôn ế ẩm sang khách đông tấp nập.

Tất nhiên, sau khi kết thúc một loại công việc, ông và nhóm của ông được thưởng công rất hậu.

Thực hư thế nào, một ngày nào đó, ai đó trong chúng ta sẽ có hiểu biết rõ ràng. Riêng tôi, ngay thời điểm viết những dòng này, tôi hoàn toàn mù tịt về những chuyện thế này. Bản thân tôi chưa bao giờ nhìn thấy ma, vong linh hay chứng kiến những điều đã nghe kể. Tôi đặc biệt ý thức một điều vô cùng quan trọng gọi là Luật Nhân Quả. Có vay thì có trả. Mà trả thì có khi phải thêm lời. May mắn nếu không phải do phước đức tích góp mà vận dụng bùa chú thì cái hoạ sẽ vô phương cứu chữa.

Sở dĩ ông này đến tập yoga là vì cái lưng cong hình chữ C sau vụ tai nạn giao thông, tập yoga vừa giúp cơ thể khoẻ mạnh vừa chỉnh lại cái lưng. Bằng cách nào đó tôi đã nhiệt tình giúp đỡ ông trong việc hồi phục sức khoẻ. Ngược lại, ông cũng nhiệt tình giúp đỡ tôi cúng bái trong nhà ngoài cửa. Ông thậm chí còn muốn thu tôi làm đệ tử. Ông và một ông bạn khác nữa thường xuyên tìm cơ ghé nhà tôi chơi. Lần đầu tôi tiếp đón vì ông Cường đã giúp tôi cúng kiến đầu năm 2018. Lần thứ hai thì 2 ông bắt đầu nhìn mặt tôi chăm chăm như thể thôi miên, bảo rằng tôi có 2 vị tổ đang đi theo, 1 nam 1 nữ, rằng người đàn ông này mạnh lắm...Tôi đã nổi cáu nhưng chưa muốn phá vỡ mối quan hệ. Lần thứ ba, trước khi đến, ông gọi điện thoại báo, và tôi đã từ chối. Ông không đến nhà nữa nhưng ngày nào đến tập yoga ông cũng kể chuyện ma quỷ, nào là hôm nay đi bắt vong cho người này, hôm qua thì đi bắt quỷ bẻ rặng chỗ kia...Tôi đoán ít nhiều sự xuất hiện của 2 ông này đã thu hút một thể lực nào đó tới chung quanh gia đình tôi. 28.3.2018 tôi dự bị Subud, bắt đầu tổng khur ông và thể lực dính kèm ra khỏi tôi và gia đình. Hễ hôm nào ông đi học yoga là latihan trong người tôi sôi sục, tôi biết Thượng Đế lúc ấy đang bảo vệ mình. 3 tháng sau, tôi chính thức được khai mở. Chẳng bao lâu sau ngày tôi khai mở, ông này tự động nghỉ học yoga, chấm dứt các câu chuyện và ảnh hưởng ma quái. Thật may mắn, Thượng đế đã có mặt!

Thứ sáu là thiếu ngoan đạo

Một ngày trước khi dự bị Subud buổi đầu tiên, tôi quy y tam bảo theo đạo Phật. Tôi vốn ưa thích sự từ bi nơi pháp pháp nên đã quyết lòng theo Phật. Từ nhỏ, khi sợ hãi thì tôi niệm Phật. Tôi niệm Phật như thể Phật đang ở chung quanh tôi. Bây giờ tôi vẫn niệm thầm như một thói quen, như một lời nhắc về tâm Phật. Lúc đầu tôi thường xuyên viếng các chùa, nhưng sau khi gia nhập Subud, tôi rất ít đi. Một phần vì tôi bận. Phần khác vì tôi chứng kiến nhiều điều tham

sân si vận hành ở những con người đến lễ Phật và làm công tác Phật sự. Có một phần nữa: mỗi khi vào chùa, latihan cứ nhấp nhòem trong người. Đó không phải là cảm giác nhẹ nhàng và bình an. Đó là sự nóng bức chống đối. Tôi biết, quy y tam bảo là một duyên lành, nhưng ngay thời điểm đó tôi đã phân vân về việc có nên trở thành một phật tử ngoan đạo hay nên làm như thế nào. Khi đã quy y, tôi được khuyến khích đi chùa thường xuyên, làm lễ, có trách nhiệm nhất định, đọc kinh, tôn kính sư tăng như cha như mẹ, mặc lễ phục, quỳ bái, ăn chay theo quy định và cúng kiến tại chùa cũng như tại nhà. Cứng nhắc và ngang bướng, tôi cho rằng hình thức bên ngoài là không quan trọng. Chẳng phải những hình thức trên đều hướng đến mục đích cuối cùng là phát triển thiện tâm, từ bỏ tham sân si, phát huy tính từ bi bác ái và sống một cuộc đời có ích hay sao? Phật đã ở trong lòng thì hà tất phải theo những quy ước xã hội do con người đặt ra? Tất cả những việc này tôi không thể làm được, nhất mực không muốn làm, không thấy hạnh phúc từ bên trong khi làm những việc này. Tôi tự hỏi mình tại sao mọi thứ chưa rõ ràng, tại sao từ trong sâu kín tâm hồn tôi như thiếu khí thở.

Điều kỳ diệu đã xuất hiện. Tôi có câu trả lời chính xác, và đầy ắp không khí trong lành để thở. Một đêm nằm mơ, tôi gặp Bapak.



Thật ra giấc mơ này là giấc mơ tiếp diễn các giấc mơ vào những đêm trước đó. Trước đó tôi thấy mình là một thanh niên trẻ, đầy tài năng mà có đến hai trường đạo muốn thu nhận về. Hai trường đạo này đứng đầu là những lão ông huyền bí, râu dài, ít khi xuất hiện. Tôi thấy nhiều huynh đệ mặt mày đẹp đẽ ở chung quanh, nhìn tôi bằng ánh mắt thương mến và dò xét. Họ bảo rằng hãy đi theo họ, hãy quay về nói chôn của tôi ngày xưa. Họ hỏi rằng tại sao tôi chưa chịu dừng lại mà còn tìm kiếm điều gì. Ai cũng cho rằng chỗ của họ phù hợp với tôi hơn. Một bên là

trang phục ngắn vừa phải, được thiết kế đậm màu, tuy đơn giản nhưng đường nét ấn tượng, đẹp đẽ, thể hiện nét thần thánh kỳ bí. Bên kia là trang phục dài, mềm mại, uyển chuyển như thể được kết tinh bằng các sợi gió dày và đẹp. Tất cả họ đều toát lên nét thanh thoát. Tôi ý thức được trình độ tu tập của họ rất sâu sắc. Có vẻ như nhiều người họ đang bận bịu với công việc giúp đỡ. Giúp đỡ gì thì tôi không biết.

Tôi nhìn thấy bầu trời, các đám mây. Tôi cũng nhìn thấy nhiều cây to, đẹp. Tôi còn nhìn thấy cầu vòng và nhiều loại nhà rất đặc biệt làm chỗ trú ngụ. Lúc ấy tôi cảm giác mình thuộc về tất cả. Bỗng dưng trong mơ latihan xuất hiện. Tôi nhìn lên bầu trời. Giữa bầu trời xanh bao la, một hình ảnh kỳ lạ hiện ra. Đó là khuôn mặt của Bapak. Khuôn mặt tính từ cổ trở lên, có tóc và đầy đủ các đường nét của Bapak. Tôi ngỡ ngàng trước hình ảnh Ngài. Hàng triệu con chim kết hợp thành khuôn mặt Ngài. Những con chim này bay liên tục trong vai trò của chúng chứ không đứng im một chỗ. Khuôn mặt Ngài sống động không thể tả. Ngài nhìn tôi chăm chú, ôn tồn nói: “Con cần phải xác định rõ con đường đi của con. Con đường đó ở ngay trước mắt con. Mọi chuyện không phức tạp như con nghĩ. Hãy đi theo ta. Ta sẽ hướng dẫn con. Subud. Hãy nhớ lấy! Đừng lẩn tránh nữa. Con hãy mạnh mẽ lên. Cứ bước đi, đừng lo lắng!” Tôi tưởng mình nhầm, tôi quay mặt đi chỗ khác để xác định xem mình có điên không. Không, tôi bình thường, rất sáng suốt! Trong khoảnh khắc, tôi tỉnh dậy xem mình còn sống hay sắp chết. Tôi chợt ý thức rằng mình vẫn còn tỉnh táo ở ngoài giấc mơ, tôi biết mình đang ngủ. Trong tích tắc, tôi trở lại giấc mơ, tôi thấy Bapak vẫn còn đó, Ngài mỉm cười, nhìn tôi và nói: “Hãy tin tưởng tuyệt đối. Theo ta!”. Khi tôi mỉm cười, latihan giờ tay tôi lên, khi chạm được Ngài thì hết mơ.

Thức dậy, tôi hạnh phúc và mãn nguyện khi biết mình đã tìm được đường đi đúng để trở về Nhà. Đó là con đường Subud.

Mười điều răn

Minh Thần

Ba tháng sau khi rời khỏi Ai Cập, dưới sự lãnh đạo của Mô-Sê, người Do Thái đi đến chân núi Sinai trong sa mạc. Tuy nhiên, sau khi thoát sự đuổi bắt của những quân lính của Pharao (vua Ai Cập) họ tự hỏi bây giờ không biết phải làm gì sau khi được tự do. Thượng Đế kêu gọi Mô-Sê lên đỉnh núi Sinai để nhận lãnh những huấn lệnh của Thượng Đế, vì Thượng Đế đã chuẩn bị lập một giao ước với họ, như đã từng giao ước với tổ tiên họ là Abraham. Chương 19:5-6 của Xuất Hành: “Vây giờ đây, nếu các ngươi thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta, thì giữa hết mọi dân, các ngươi sẽ là sở hữu riêng của Ta. Vì toàn cõi đất đều là của Ta. Ta sẽ coi các ngươi là một vương quốc tư tế, một dân thánh. Đó là những lời ngươi sẽ nói với con cái Ít-ra-en”.

Khi Mô-Sê mang tới huấn lệnh của Thượng Đế cho các bô lão, họ vui mừng vì đề nghị đó. Chương 19:8: “Toàn dân nhất trí đáp lại: "Mọi điều ĐỨC CHÚA phán bảo, chúng tôi xin làm theo." Ông Mô-sê thưa lại với ĐỨC CHÚA những lời dân nói.”

Thông qua Mô-Sê Thượng Đế chỉ thị cho dân Do Thái phải đứng cách xa đỉnh núi, trong khi Mô-Sê lên núi để tiếp nhận những điều khoản của giao ước. Một đám mây dày đặc hạ xuống từ núi Sinai, và người ta nghe thấy tiếng sấm sét, tiếng kèn inh ỏi, trông thấy những tia chớp cùng với lửa và khói. Mọi người đều run sợ. Điều đó chứng tỏ cái quan hệ nghiêm trang của mình với Thượng Đế.

Trên núi Thượng Đế ban cho Mô-Sê 10 huấn thị (trong bản Thánh Kinh tiếng Hy Lạp là 10 Lời Nói) mà trong tiếng Việt ta quen gọi là 10 Điều Răn:

1) Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.



2) Ngươi không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ: vì Ta, ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, là một vị thần ghen tương. Đối với những kẻ ghét Ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông. Còn với những ai yêu mến Ta và giữ các mệnh lệnh của Ta, thì Ta trọn niềm nhân nghĩa đến ngàn đời.

3) Ngươi không được dùng danh ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, một cách bất xứng, vì ĐỨC CHÚA không dung tha kẻ dùng danh Người một cách bất xứng.

4) Ngươi hãy nhớ ngày sa-bát, mà coi đó là ngày thánh. Trong sáu ngày, ngươi sẽ lao động và làm mọi công việc của ngươi. Còn ngày thứ bảy là ngày sa-bát kính ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi. Ngày đó, ngươi không được làm công việc

nào, cả người cũng như con trai con gái, tôi tớ nam nữ, gia súc và ngoại kiều ở trong thành của người. Vì trong sáu ngày, ĐỨC CHÚA đã dựng nên trời đất, biển khơi, và muôn loài trong đó, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy, ĐỨC CHÚA đã chúc phúc cho ngày sa-bát và coi đó là ngày thánh.

5) Người hãy thờ cha kính mẹ, để được sống lâu trên đất mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của người, ban cho người.

6) Người không được giết người.

7) Người không được ngoại tình.

8) Người không được trộm cắp.

9) Người không được làm chứng gian hại người.

10) Người không được ham muốn nhà người ta, người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta.

Sau cuộc diện kiến đó với Thượng Đế, Mô-Sê xuống núi cho dân Do Thái hay những điều khoản của giao ước. Mọi người đều phấn khởi: "Mọi lời ĐỨC CHÚA đã phán, chúng tôi sẽ thi hành." Mô-Sê ở trên núi 40 ngày và 40 đêm, trong lúc Thượng Đế khắc trạm các điều khoản vào một tấm đá.

Ba huấn lệnh đầu tiên đề cập tới quan hệ của Thượng Đế với dân Do Thái là thần dân mình. Huấn lệnh thứ tư chỉ thị cho họ phải giữ đúng ngày Sabbath, một ngày nghỉ làm việc trong 7 ngày để tận hưởng sự hiện diện của Thượng Đế. Sáu huấn lệnh còn lại quy định những quan hệ giữa mọi người với nhau.

Với người Do Thái giáo, khoản đầu của huấn lệnh thứ nhất là quan trọng hơn hết: "Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ." Với người Thiên Chúa giáo, đó là khoản thứ hai: "Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta."

Với phần đông chúng ta không theo đạo Thiên Chúa, chỉ có 6 huấn lệnh cuối cùng là ăn nhập với mình, vì đó là những nguyên tắc đạo đức của mọi tôn giáo, mọi xã hội văn minh. Tuy thế, nếu xét kỹ lại, ta sẽ thấy 4 huấn lệnh đầu không ít thì nhiều cũng liên quan tới mình.

Theo tôi, huấn lệnh thứ nhất là quan trọng hơn hết với những người Subud theo tập latihan. Trong Subud ta có thể tập latihan mà không tin có Thượng Đế, nhưng có một quy luật tuyệt đối phải tôn trọng là **KHÔNG ĐƯỢC PHA TRỘN LATIHAN VỚI BẤT CỨ PHÁP MÔN NÀO KHÁC!**

Huấn lệnh thứ hai „Người không được phủ phục trước những thần nào đối nghịch với ta“ thì nếu thành thật với mình, chúng ta phải nhìn nhận là mình cũng đã từng phủ phục trước những thần tượng của vật chất là tiền tài và phú quý. Kể cả những thần tượng của chính trị, kinh tế hay tôn giáo, những lãnh tụ được tôn sùng, mù quáng tin theo, mặc dù những vết nhơ đạo đức của họ.

Huấn lệnh thứ ba „Người không được dùng danh ĐỨC CHÚA“ thì chắc chắn chúng ta cũng đã từng vi phạm. Có lần nào mà chúng ta không mong cho kẻ thù của mình bị „Trời Phạt“ hay „Thiên Liêng“ làm cho thân bại danh liệt? Thậm chí có những kẻ đã nhân danh Thượng Đế hay Allah để giết hại những người khác.

Huấn lệnh thứ tư với chúng ta có thể là một ngày nhịn chay, điều mình thường gọi là prihatin, để làm cho dục vọng lắng đọng. Và khi trai giới, thì cũng đừng nên khoe khoang cho người

ngoài thấy, như những kẻ đến dự lễ sabbath để chứng tỏ mình tuân hành lệnh của Thượng Đế, nhưng ngay sau đó lại làm những chuyện tội bại. Trai giới phải xảy ra trong tâm mình.

Người ta thường cho 10 điều răn là những cấm kỵ gồm những gì „được làm“ và „không được làm.“ Đúng ra, đó là đó là những nguyên tắc nếu tuân hành thì sẽ được che chở cho không đi ra ngoài chánh đạo. Nhưng mọi việc không hoàn hảo như mình nghĩ.

Những biến cố sau đó xảy ra trong Thánh Kinh chứng tỏ dân Do Thái đã nhiều lần vi phạm các huấn lệnh – thậm chí còn quên hẳn. Tới cuối đời mình, Mô-Sê đã phải nhắc lại các huấn lệnh cho một thế hệ sinh ra và được nuôi dưỡng trong 40 năm phải lưu lạc trong sa mạc.

Với nhiều người có lẽ huấn lệnh khó theo nhất là „Người không được ngoại tình“. Nếu không vi phạm ngoài đời thì cũng đã nhiều lần vi phạm trong tư tưởng! Nhiều người chúng ta chắc còn nhớ tới một nhận xét của Bapak về sự tiến bộ chậm chạp của mình. Chúng ta như một gạt tàn thuốc được rửa sạch, nhưng lại làm cho bẩn thêm bằng cách tiếp tục gạt tàn vào đó.

1 Trong một buổi nói chuyện tại San Francisco, CA USA - July 7, 1959, Bapak giải thích ngọn núi Sinai có nghĩa gì: Vì có thể làm cho dục vọng không ảnh hưởng tới sự thức tỉnh của linh hồn, Mô-Sê cuối cùng đã nhận được một thiên khải từ núi Sinai. Núi Sinai trong truyện đó là đỉnh lỗ mũi. Chúng ta thường dùng lỗ mũi để bày tỏ tình yêu mến. Bày tỏ tình yêu mến với một phụ nữ, hay một người bạn, ta hôn trên mũi họ. Bapak chưa từng thấy ai hôn trên tai.

Thuyền Noah và tháp Babel

Minh Thần

Cuối chương đầu Sáng Thế Ký, Thượng Đế khảo sát những gì đã tạo ra: “Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp!” Nhưng trong chương 6 Thượng Đế lại thay đổi ý kiến: “Thiên Chúa nhìn đất và thấy nó đã ra hư hỏng, vì mọi xác phàm đã theo nếp sống hư hỏng trên mặt đất.” Nên Thượng Đế quyết định: "Ta sẽ xoá bỏ khỏi mặt đất con người mà Ta đã sáng tạo, từ con người cho đến gia súc, giống vật bò dưới đất và chim trời, vì Ta hối hận đã làm ra chúng..“ Một điều duy nhất khiến Thượng Đế còn do dự: còn một người ”công tâm chính trực“ độc nhất là Noah.

Để giải quyết tình cảnh đòi bại của loài người, Thượng Đế làm cho xảy ra một nạn lụt để "quyết định giờ tận số của mọi xác phàm, vì tại chúng mà đất đầy bạo lực“, ngoại trừ một người ”công tâm chính, hoàn hảo giữa những người đồng thời“ là Noah.



Thượng Đế bảo Noah đóng một thuyền lớn để chứa mình và vợ con, cùng với một số súc vật: “Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, ngươi sẽ đưa vào tàu mỗi loại một đôi, để giữ cho chúng sống với ngươi; phải có một con đực và một con cái.”

Noah làm theo lời dặn của Thượng Đế. Khi cả người lẫn thú đã vào thuyền, Thượng Đế nhốt giam tất cả trong đó. Khi mặt nước dâng trào, Thượng Đế ‘nhớ tới’ Noah và các súc vật. Trong Thánh Kinh, điều đó liên quan tới một lời hứa, hay một bản phạt. Thế nên, Thượng Đế làm cho xảy ra một trận gió khiến mặt nước hạ xuống. Noah thả ra một con quạ để xem mực nước đã hạ tới đâu. Nó bay tới bay lui, cho tới khi thấy mặt đất đã khô lại. Lần thứ nhì, Noah thả ra một con chim bồ câu. Nó bay về với một cành lá cây ô-liu ngậm trong mỏ. Lần kế tiếp, nó không quay về. Noah biết bây giờ có thể xuống thuyền.

Truyện Đại Hồng Thủy đề cập tới việc Thượng Đế sẽ phán xử và trừng phạt các tội lỗi, nhưng đồng thời cũng mở ra một lối thoát cho những ai ăn năn và sùng tín. Truyện đó không chỉ có trong Thánh Kinh, mà đã xuất hiện trước đó trong những nền văn minh cổ xưa nhất vùng Cận Đông. Trong sử thi Gilgamesh của xứ Babylon, một tác phẩm văn học đầu tiên của nhân loại, kẻ sống sót duy nhất sau nạn lụt là Utnapishtim. Sáng tác khoảng 1700 năm trước công nguyên, trong sử thi của đế quốc Akkadia xứ Sumer, kẻ duy nhất đó là một nhân vật ‘vô cùng mắn tuê.’

Nước lụt tràn lan làm cho khắp nơi được sạch sẽ, nên một thế giới mới hiện lộ. Noah làm lễ cúng tế Thượng Đế. Thượng Đế nhắc lại lời hứa ban ân phước cho Noah và vợ con, như đã hứa với Adam: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.” Ngoài ra, Thượng Đế còn hứa: “Ta sẽ không bao giờ nguyên rủa đất đai vì con người nữa. Lòng con người toan tính điều xấu từ khi còn trẻ, nhưng Ta sẽ không bao giờ còn sát hại mọi sinh vật như Ta đã làm!” Dấu hiệu của giao ước là một cầu vồng.

Sáng Thế Ký chương 11 mô tả những đám người đồng đạo di cư tới miền Tây. Họ quyết định lập nên một quốc gia tại vùng Shinar, một tên khác của Babylon, khi nhận thấy sự phì nhiêu của đất đai nơi đó. Họ lập thành một đô thị bằng cách xây những tháp hình kim tự tháp cao tới tận trời. Đương nhiên, họ lấy làm hãnh diện vì thành tích đó.



Truyện Tháp Babel dựa trên một sự thật lịch sử (quả thực hồi đó có phong trào di cư) nhưng nội dung của truyện là cái khuynh hướng chống lại ý Thượng Đế của loài người. Điều nói đến không là dân Babylon, mà là việc toàn thể nhân loại cùng nói một thứ tiếng. Sau khi đã an cư lạc nghiệp, mọi người đồng thanh tuyên bố: "Nào! Ta hãy xây cho mình một thành phố và một tháp có đỉnh cao chọc trời. Ta phải làm cho danh ta lẫy lừng, để khỏi bị phân tán trên khắp mặt đất".

Để phòng ngừa chuyện không lành có thể xảy ra, Thượng Đế đến xem. Nhận thấy sự tiến triển đều đặn của dân Babylon, Thượng Đế quyết định: "Đây, tất cả chúng nó họp thành một dân, nói một thứ tiếng. Chúng mới khởi công mà đã như thế thì từ nay, chẳng có gì chúng định làm mà không làm được. Nào! Ta xuống và làm cho tiếng nói của chúng phải xáo trộn."

Sáng Thế Ký không cho biết tại sao Thượng Đế không hài lòng. Theo các nhà bình luận, Tháp Babel biểu lộ tâm tính kiêu ngạo của loài người. Thượng Đế khiến cho họ không thể xây Tháp Babel, và làm cho họ tứ tán khắp nơi, như đã hứa là "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất."

Truyện Noah và truyện Tháp Babel khiến chúng ta nghĩ tới điều Bapak thường nói là latihan hiện nay đến với nhân loại vì khoa học và công nghệ, con đẻ của trí óc, đã tiến tới một mức độ thật đáng ngại. Những tiến bộ đó hầu như đã không đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Trong cuốn A Spiritual Blueprint for Humanity, Rozak Tatebe, một lão tướng của Subud, viết về ý nghĩa truyện Tháp Babel:

Sự can thiệp của Thượng Đế làm cho mọi người không thể hợp tác cùng nhau, và hậu quả là họ bị phân tán trên khắp thế giới. Theo Cựu Ước, đó là vì Thượng Đế không hài lòng với lối hành xử của loài người.

Có những điều tương tự trong thời đại của chúng ta. Hiện nay, chúng ta biết được những hành vi của mình có thể gây ra những tai ương thiên nhiên. Hiện tượng trái đất nóng dần tạo ra những điều kiện bất thường của khí hậu. Những tin gần đây cho thấy số côn trùng trên khắp thế giới suy giảm nhanh chóng do những sinh hoạt của con người: mỗi năm suy giảm 2.5% thì trong một năm tổng số côn trùng sẽ chỉ là 1% của những gì trước đó. Nhiều người nghĩ rằng điều đó không ảnh hưởng gì tới chúng ta. Nhưng thiếu côn trùng, chuỗi thức ăn cho hệ sinh thái sẽ sụp đổ, khiến tất cả các sinh vật bị tuyệt giống.

Nếu xét thêm về những tiến triển của trí tuệ thông minh (Artificial Intelligence) và công nghệ gen (genetic engineering) thì sẽ còn đáng ngại hơn nữa. Hiện nay không còn ai nắm vững được tất cả những phát triển đó của khoa học và công nghệ, và người ta cũng chẳng biết tất cả những cái đó sẽ dẫn nhân loại tới đâu

Với chúng ta, latihan là thuyề Noah. Và đó là chiếc cuối cùng cho nhân loại?

Nhân tướng học dưới góc nhìn của một người Subud

Hải Anh Esther

Trước khi thật sự biết trân quý mình, tôi từng ủng hộ môn nhân tướng học. Với hiểu biết cạn cợt của mình ngày xưa, tôi cho rằng nhân tướng học là một khoa học thần kỳ, chính xác, có thể lý giải được số kiếp của một con người. Giàu hay nghèo, sướng hay khổ, đau yếu hay khoẻ mạnh, trường thọ hay đoản thọ... đều có thể lý giải bằng nhân tướng học. Thầy nhân tướng chỉ cần nhìn vào khuôn mặt một người, quan sát dáng đi và cách nói chuyện của họ thì có thể cho ta biết quá khứ vị lai, tâm tính, thực tế đời sống tinh thần, vật chất và tình cảm của người đó.

Chủ doanh nghiệp áp dụng nhân tướng học vào tuyển dụng và quản trị nhân sự. Những người làm ăn dựa vào tuổi tác và hình tướng tìm kiếm đối tác. Bố mẹ dựa vào nhân tướng học để lựa chọn dâu rể. Người dân nói chung theo thuyết này đánh giá và nhận định các đối tượng xung quanh. Sự yêu ghét ban đầu phần nhiều xuất phát từ ý thức chủ quan vào hình thức bên ngoài. Nhân tướng học cho ra đời một số trường phái khác nhau để đánh giá cuộc đời một người. Nhóm dẫn đầu và cũng là trường phái mạnh nhất là xem mặt mũi và hình dáng cơ thể. Tiếp theo là nhóm xem tên họ. Thứ ba là nhóm xem ngày tháng năm sinh. Có nhóm xem số điện thoại hoặc số chứng minh nhân dân. Nhóm khác thì xem chỉ tay hoặc các nốt ruồi. Nhóm nào cũng khẳng định cách làm của mình là hay nhất.

Người ta còn nói thêm rằng, bề ngoài đôi khi không phải là tất cả để quyết định toàn bộ cuộc đời của một ai đó. Vấn đề là, thông qua nhân tướng học, một người biết được khuyết điểm và ưu điểm của mình. Từ đó, họ sẽ phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu nhằm giúp bản thân có cuộc sống tươi đẹp nhất. Các thầy tin rằng các phương pháp tu tập đúng đắn hoặc thiên định rất tuyệt vời để một người có thể cải thiện số mạng của họ. Ngoài ra họ khuyên ta nên hiến tặng một cách vui vẻ những thứ trong khả năng của mình. Họ gọi chung là sửa cái tâm để khắc phục hình tướng.

Nhiều cá nhân nhờ giải phẫu thẩm mỹ để thay đổi ngoại hình theo ý muốn của các thầy nhân tướng. Tôi chưa thấy ai thay đổi được thần thái trong đôi mắt bằng cách này. Trong ánh mắt vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí trầm trọng hơn sự đau khổ, ganh đua, đố kỵ, nóng giận, tàn ác, buồn bã, lo lắng, sợ hãi...

Tôi trải qua gần nửa cuộc đời chỉ để đau đầu, dần vất vả với các vấn đề về nhân tướng học. Lý do là vì tôi tự đánh giá mình hạng bét trong mắt các nhà nhân tướng. Dáng dấp, mũi, mắt, tai, răng, mặt, mày, cằm... không có cái nào gọi là đẹp theo định nghĩa của nhân tướng học. Tên

họ và ngày tháng năm sinh của tôi khi truy ra thì chỉ có khổ và gian truân. Một thầy không nói gì khi tính toán ngày tháng sinh và các ký tự tên họ tôi. Nhưng trong ánh mắt ông ấy, tôi thấy có sự coi thường.

Tôi khờ khạo nghe theo người ta để tự ti về bản thân mình. Tôi tự ti luôn cả những thứ mà mình làm được. Tôi chưa bao giờ tin rằng mình mang lại giá trị cho ai khác. Từ nỗi sợ hãi về ngoại hình, tôi lẩn sâu sợ luôn cả tính cách của mình. Tôi sợ người ta đánh giá. Một cái nhìn của người khác cũng khiến tôi bối rối.

Giờ thì, nhờ bàn tay của Vị Thầy Vĩ Đại diu dặt và thấy rõ tình yêu vô tận của Ngài, tôi bắt đầu nhìn nhận mọi thứ thuộc về nhân tướng học dưới một góc độ khác cao cấp hơn, sáng tỏ hơn, yêu thương hơn. Tôi thấy mình tuyệt vời. Có gì tuyệt vời hơn khi biết chắc mình là con cưng của Vị Thầy chứ! Tôi tự hào vì mình đã nhận ân sủng từ latihan Subud. Nhân tướng học trở thành một trò chơi cho vui. Niềm tin đã được đặt lại đúng nơi của nó, là nơi Thượng Đế Cao Cả chứ không phải vào các loại sách vở hay bài giảng rắc rối của rất nhiều thể hệ nhân tướng học. Cho dù họ đã kỳ công nghiên cứu, viết sách, truyền miệng hay áp dụng vào đời sống nhưng khi người Subud đã có latihan thì hệ thống ấy trở nên mờ nhạt. Nó trở thành một loại vật chất mà ta không dùng nữa. Ta đã giao nó cho Thượng Đế, tùy Ngài định đoạt.

Tôi dần hiểu ra rằng, trong âm có dương và ngược lại. Bên trong sự xấu xí của mình có nhiều thứ vô cùng đẹp đẽ. Sự hiểu biết về cái đẹp của nhân tướng học và trong tâm thức con người chắc gì đã đúng. Trong sự vật và hiện tại của mình tiềm ẩn sự sung sướng ở một chiều không gian khác. Bản chất lao động vất vả hàm chứa trong nó niềm hạnh phúc của một kiếp con người. Vậy thì, thử đặt mình vào vị trí lớn lao hơn, ta thấy thái độ của mình trước kia thật buồn cười và ngu ngốc.

Luật vô thường có mặt ở tất cả các đối tượng trong vũ trụ. Những thứ ở ngoài linh hồn mà ta khao khát có được từ ngoại hình đẹp đến các loại vật chất hấp dẫn đến một lúc nào đó sẽ không còn là của ta nữa. Chúng thậm chí không phải là của ta ngay thời điểm hiện tại.

Thay vì dằn vặt về những điều chưa hài lòng, tôi chấp nhận sự dở dang như một phần của quá trình tu tập. Cứ để đấy, cứ đi tiếp. Trên con đường đúng đắn, rất có thể ta sẽ làm được những thứ hay ho hơn. Bằng sự hướng dẫn của Vị Thầy, bằng sự nhận thức ở tầm cao và sâu hơn, ta sẽ trở thành tạo tác đẹp đẽ nhất của Ngài, bất chấp quan niệm của con người thế gian. Ta sẽ làm được việc Ngài giao phó. Ta sẽ cống hiến cho cuộc đời này theo trách nhiệm mà Ngài đặt cho ta.

Sự cố ngày lễ Ngũ tuần

Minh Thần

Tông Đồ Công Vụ của Phúc Âm thuật lại một sự cố lúc lễ Shavuot, lễ Ngũ Tuần, một hội mùa của Do Thái giáo trong đó có đông đảo người hành hương tới Jerusalem. Đó cũng là nơi tụ tập các môn đồ của Giê-Su để cầu nguyện, điều họ thường làm sau khi Giê-Su thăng thiên 10 ngày trước đó.



Tông Đồ Công Vụ chương 2:1-3. 1 Khi đến ngày lễ Ngũ Tuần, mọi người đang tề tựu ở một nơi, 2 bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đầy cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. 3 Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tản ra đậu xuống từng người một. 4 Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho. (1)

Sự ồn ào của các môn đồ làm cho những kẻ hành hương đến Jerusalem từ mọi nơi phải chú ý. Thấy sự cố quái lạ đó, nhiều người đứng xem tỏ vẻ nghi ngờ và không tán thành. Họ còn cho các môn đồ của Giê-Su đang say rượu!

Tông Đồ Công Vụ chương 2:5-12. Lúc đó, tại Giê-ru-sa-lem, có những người Do-thái sùng đạo, từ các dân thiên hạ trở về. 6 Nghe tiếng ấy, có nhiều người kéo đến. Họ kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình. 7 Họ sửng sốt, thán phục và nói: "Những người đang nói đó không phải là người Ga-li-lê cả ư? 8 Thế sao mỗi người chúng ta lại nghe họ nói tiếng mẹ đẻ của chúng ta? 9 Chúng ta đây, có người là dân Pác-thi-a, Mê-đi, Ê-lam, Mê-xô-pô-ta-mi-a, Giu-đê, Cáp-pa-đô-ki-a, Pon-tô, và A-xi-a, 10 có người là dân Phy-ghi-a, Pam-phy-li-a, Ai-cập, và những vùng Li-by-a giáp giới Ky-rê-nê; nào là những người từ Rô-ma đến đây; 11 nào là người Do-thái cũng như người đạo theo; nào là người đảo Co-rê-ta hay người Ả-rập, vậy mà chúng ta đều nghe họ dùng tiếng nói của chúng ta mà loan báo những kỳ công của Thiên Chúa! 12 Ai nấy đều sửng sốt và phân vân, họ bảo nhau: "Thế nghĩa là gì? 13 Nhưng người khác lại

ché nhạo: "Mấy ông này say bứ rồi! "

Ngay lúc đó, Phê-Rô mạnh miệng tuyên bố đó không là hậu quả của say sưa, mà do tác động của Thượng Đế.

Tông Đồ Công Vụ chương 2:14-21. Bấy giờ, ông Phê-rô đứng chung với Nhóm Mười Một lớn tiếng nói với họ rằng: "Thưa anh em miền Giu-đê và tất cả những người đang cư ngụ tại Giê-ru-sa-lem, xin biết cho điều này, và lắng nghe những lời tôi nói đây.¹⁵ Không, những người này không say rượu như anh em nghĩ, vì bây giờ mới là giờ thứ ba.¹⁶ Nhưng đó là điều đã được ngôn sứ Giô-en nói đến:¹⁷ Thiên Chúa phán: Trong những ngày cuối cùng, Ta sẽ đổ Thần Khí Ta trên hết thảy người phàm, con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ, thanh niên sẽ thấy thị kiến, bô lão sẽ được báo mộng.¹⁸ Trong những ngày đó, Ta cũng sẽ đổ Thần Khí Ta cả trên tôi nam tở nữ của Ta, và chúng sẽ trở thành ngôn sứ.¹⁹ Ta sẽ cho xuất hiện những điềm thiêng trên trời cao, và những dấu lạ dưới đất thấp, đó là máu, lửa và những cột khói.²⁰ Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, mặt trăng hoá thành máu, trước khi ngày của Đức Chúa đến, ngày vĩ đại, vinh quang.²¹ Bấy giờ hết những ai kêu cầu danh Đức Chúa, sẽ được ơn cứu độ.

Những lời nói của Phê-Rô đã thu hút đám đông. Nhiều người trong họ thấy „đau đớn trong lòng“, nên muốn biết mình phải làm gì để về nơi chánh đạo. Phê-Rô khuyến khích họ ăn năn hối lỗi, và xin rửa tội. Theo Tông Đồ Công Vụ, có khoảng 3000 người tuân theo huấn thị đó, khiến cho số các môn đồ tăng lên đáng kể (2).

Theo Tông Đồ Công Vụ, những lời nói của Phê-Rô là tác động của Thánh Linh. Lúc Thăng Thiên, Giê-Su đã hứa với các môn đồ là Thánh Linh sẽ trao quyền cho họ, để họ là chứng nhân cho sự chết đi rồi sống lại của Giê-Su, khởi đầu từ Jerusalem.

Hiện nay, điều các môn đồ đầu tiên của Giê-Su nghiệm được là điều chúng ta gọi là những động tác của latihan. Như Bapak thường nói, latihan không là cái gì mới lạ, mà đã có xưa kia với các thiên sứ. Có sự khác biệt này là hồi đó chỉ có một thiểu số tiếp nhận được, nhưng hiện nay là cho bất cứ ai thành tâm, mà còn tiếp nhận được sâu rộng hơn. Cảnh hàng ngàn người xin được rửa tội sau lời tuyên bố của Phê-Rô làm chúng ta nghĩ tới lúc Subud lần đầu tới Âu Châu: hàng người đứng xếp hàng tại Coombe Spring để xin được khai mở.

Theo các học giả, hiện tượng „nói nhiều thứ tiếng“ chỉ có nghĩa là nói những gì khó hiểu, trong trạng thái xuất thần, chứ không là nói một ngoại ngữ như được mô tả trong Tông Đồ Công Vụ, như những âm thanh không có nghĩa gì mà nhiều người chúng ta phát ra trong latihan. Biến cố đó đã trở thành một ngày lễ của Thiên Chúa giáo, mà tiếng Việt gọi là Lễ Hạ Trần, và tiếng Anh là Pentecost.

Hiện nay, có những phái Tin Lành muốn làm sống “việc được tái sinh bởi Thánh Linh” đó. Cách hành lễ của họ bao gồm những việc như „chữa bệnh bằng đức tin“, „bằng cách nắm tay“(3) và việc „nói nhiều thứ tiếng.“ Phong trào đó bị những phái theo truyền thống kết án là trò bịp bợm, và những kẻ trong trạng thái “xuất thần” đó thì bị diễu cợt là những „holy rollers“ (những kẻ quay cuồng thánh thiện). Tuy thế, có những giáo hội đã phải xét lại lập trường vì những thành quả đáng kể của phong trào Pentecost!

Điều họ làm có thực sự do tác động của Thánh linh (4) hay không thì chúng ta khó biết được. Điều chúng ta chắc chắn biết được là những động tác của latihan xảy ra trong trạng thái tĩnh lặng của tâm hồn, không do ý chí và ý nghĩ mình. Bapak cũng thường nói là thấy những gì thiên

hạ làm thì đừng vội kết luận đó cũng y như latihan.

(1) một video clip về biến cố lễ ngũ tuần tại Jerusalem
The Day of Pentecost - YouTube

(2) Trong lịch sử của Thiên Chúa giáo, đó là một giáo hội đầu tiên. Nhưng với thời gian, giáo hội đó đã không tồn tại, mà chỉ có thể bành trướng ở những nước ngoài.

(3) Họ muốn làm sống lại điều Phê-Rô đã làm. Ngay sau biến cố đó, tại cổng một giáo đường ở Jerusalem, một kẻ tàn tật được Phê-Rô làm cho kì diệu lành bệnh, khi hắn xin Phê-Rô và Gioan bố thí. Tông Đồ Công Vụ 3:4-10. “Anh nhìn chúng tôi đây! Anh ta chăm chú nhìn hai ông, tưởng rằng sẽ được cái gì.6 Bấy giờ ông Phê-rô nói: "Vàng bạc thì tôi không có; nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây: nhân danh Đức Giê-su Ki-tô người Na-da-rét, anh đứng dậy mà đi! Rồi ông nắm chặt lấy tay mặt anh, kéo anh chỗi dậy. Lập tức bàn chân và xương mắt cá của anh trở nên cứng cáp.8 Anh đứng phắt dậy, đi lại được; rồi cùng với hai ông, anh vào Đền Thờ, vừa đi vừa nhảy nhót và ca tụng Thiên Chúa.9 Toàn dân thấy anh đi lại và ca tụng Thiên Chúa.10 Và khi nhận ra anh chính là người vắn ngồi ăn xin tại Cửa Đẹp Đền Thờ, họ kinh ngạc sững sờ về sự việc mới xảy đến cho anh.

(4) bạn nào muốn biết cách hành lễ và lời chữa bệnh „do thánh linh“ của họ ra sao thì hãy xem những clips dưới đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=AwuzvcD9HXY&list=WL&index=43>

<https://www.youtube.com/watch?v=1kujMnDAcoM&list=WL&index=44>

Chứng nghiệm sự hòa hợp của các tôn giáo khác nhau

Hải Anh Esther

Từ nhỏ, những hình ảnh về Phật giáo đã ăn sâu vào trong trí nhớ của tôi. Đó là hình ảnh hàng đoàn người đi lễ chùa vào những dịp rằm lớn. Họ đi bộ từ làng này qua làng khác, mùa này qua mùa khác, băng qua cánh đồng lúa rộng ngút ngàn. Quấn quanh các đoàn phật tử và cả tôi là mùi lúa chín, mùi mạ xanh, mùi rom cháy, mùi nhang khói và mùi nồng ấm của đức tin mạnh mẽ vào Đức Phật. Đó còn là hình ảnh một ngôi chùa nhỏ nép mình sau gốc đa trên con đường làng hoặc một ngôi chùa uy nghiêm ở thị xã. Đó là âm thanh trong trẻo thần bí của tiếng chuông chùa vang vọng khiến cho tâm hồn tôi như được tắm gội. Đó là tiếng niệm Phật ở nhà này, nhà kia, đầu làng hay cuối chợ. Ở đâu, đi đâu tôi cũng thấy được sự hiện hữu của đạo Phật.

Trước khi dự bị Subud 1 ngày, tôi quy y tam bảo vào Phật giáo. Tuy nhiên, tôi thấy mình không sùng tín như một số phật tử chung quanh. Bên cạnh đó, tôi luôn cho rằng các tôn giáo khác đều rất tuyệt vời. Tôi hiểu, tôn giáo khác nhau phù hợp với các vùng miền và dân tộc khác nhau. Tôi luôn quan niệm không có chuyện tôn giáo này quan trọng hơn tôn giáo khác. Không có tôn giáo nào kém cỏi hay ít linh thiêng hơn tôn giáo nào cả.

Niềm tin này càng được khẳng định hơn khi tôi nghe các bài giảng của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Thiền sư cho rằng Phật giáo và Thiên chúa giáo là anh em, và là anh chị em với các tôn giáo khác nữa. Trước đó, thường xuyên trong suy nghĩ của tôi có hình ảnh của đại diện Phật giáo và Thiên chúa giáo bắt tay với nhau, hoà hợp với nhau.

Sau khi vào Subud, tôi có được 2 chứng nghiệm thú vị trong lúc tập latihan về nguồn gốc các tôn giáo.

Một lần, rất nhanh, tôi thấy Thượng Đế không rõ hình dạng, đã đẩy một khối trắng khổng lồ, nén lại thành 1 viên kim cương vô cùng lớn, lớn độ hàng ngàn hàng triệu tấn. Trong không gian của Thượng Đế, hình thù ấy bé nhỏ như viên bi của trẻ nhỏ. Khi linh hồn tôi tiến gần hơn đến khối kim cương ấy thì mỗi mặt của viên kim cương là một thế giới của một tôn giáo. Các mặt khác nhau là các tôn giáo khác nhau. Trong mỗi mặt thể hiện đời sống hết sức phong phú của tôn giáo mà nó đại diện. Người ta đi lại trong ấy, mặc lễ phục, cúng kiến, sùng bái và cầu nguyện. Thượng Đế hiện hữu ở bên ngoài khối ấy. Ngài còn tạo tác rất nhiều các hình thức khác nhau, đại diện cho sự sống, cho sự chuyển động trong thiên hà. Không có khái niệm thời gian trong latihan này của tôi. Thời gian đã không hề tồn tại khi Ngài vẫy tay tạo ra các công trình của Ngài. Sự hình thành và diệt vong của Trái đất chỉ là một cái gì rất nhẹ, giữa 2 hành động

của Ngài mà thôi. Các tôn giáo trong hình thù các mặt của viên kim cương tồn tại lâu hơn, xoay vần. Đỉnh nhọn của viên kim cương ở gần Ngài nhất là niềm tin của tôi và rất nhiều bằng hữu Subud khác. Ngài đặt nhẹ một cái nhìn lên đỉnh viên kim cương ấy.

Một lần khác, tôi thấy mình lạc vào bên trong một khối nhà to hình mái vòm. Ở trung tâm của mái vòm có một chóp nhọn hướng thẳng vô định lên trên cao. Tôi thấy mình đi từ trong 1 gian phòng ở trong toàn cảnh ấy đi ra. Nói là 1 gian phòng là vì khi đi ra khỏi đó, tôi nhìn ngược lại mới thấy mình vừa bước ra khỏi một cánh cửa rộng. Bên trong cánh cửa là một xã hội bận rộn tập hợp vô số người với đủ các hoạt động khác nhau. Họ bận rộn phụng sự một loại hình tôn giáo. Đó là sự sùng đạo tuyệt đối. Tất cả mọi người, mọi hoạt động đều quay về đề cao tôn giáo ấy. Đối với họ, Đấng Tối Cao của họ là duy nhất, là lớn nhất.

Khi bước ra khỏi thì tôi thấy rất nhiều gian phòng như thế. Những người đứng gần phía ngoài cửa các gian phòng cho hay rằng họ cũng đang làm điều tương tự như những người trong gian phòng mà tôi đã bước ra. Có nhiều người như tôi, ngỡ ngàng bước ra khỏi hẳn các gian phòng. Nhiều người đã bước ra trước chúng tôi rất lâu. Họ đã quen thuộc với sự khác biệt nên không tỏ ra tò mò như chúng tôi. Họ mạnh mẽ, thuần thực thực hiện các giao thức kết nối các gian phòng với nhau, như thể một loại giao thương nào đó. Họ nói với tôi rằng, tất cả các phòng này đều phục vụ cho Thượng Đế. Họ bảo tôi hãy đi theo họ. Họ mặc nhiên tôi như họ, không khác biệt. Họ để mặc tôi làm những việc như họ, không hề báo trước, không hề chỉ dẫn như thể tôi tự biết làm từ hồi nào rồi vậy. Mà kỳ thật, toàn thân tôi ngập tràn hạnh phúc khi nhận thấy tôi được hoà vào với họ để làm những việc gì đó. Đó là sự hạnh phúc vượt lên trên tất cả, không thể so sánh với sự hạnh phúc ở thế gian.

Những chứng nghiệm ở Việt Nam

Minh Thần dịch

Lucien Hinkle

Tôi được khai mở trong năm 1965, khi tốt nghiệp trường chuyên nghiệp vào mùa Xuân, lúc cuộc chiến tại Việt Nam đang trở nên ác liệt. Tôi luôn tìm cách được hoãn dịch, nhưng cuối cùng cũng phải nhập ngũ. Tôi luôn có cảm nghĩ không sớm thì muộn mình sẽ phải tới Việt Nam.

Hậu cứ chúng tôi, phía Nam là Saigon và phía Bắc là bờ chánh của sông Mekong, được xây cất xong đầu năm 1967, toàn bộ Lữ Đoàn đóng tại đó. Tôi nằm trong đơn vị tiểu đoàn chiến lược của trung tâm hành quân chiến thuật (TOC) và may mắn là cấp bậc mình không khiến mình phải lợi sinh trên những đồng ruộng. Tuy thế, tôi vẫn phải dự những cuộc hành quân, để biết những gì đang xảy ra và cảm thấy công việc của mình là quan trọng.

Sau một cuộc hành quân, tiểu đoàn tôi trở về hậu cứ. Một đêm nọ, tôi thức dậy vì bệnh tiêu chảy và phải tức khắc đi cầu. Tuy hậu cứ đã tắt hết đèn, tôi cũng không muốn mất thì giờ đi tìm đèn pin mình. Màn đêm đủ sáng cho tôi kiếm được đường đi của mình.

Cầu tiêu là một tòa nhà nhỏ bé hình chữ nhật, với một cánh cửa mỗi nơi cuối, nên tất nhiên tôi tới cánh cửa gần nhất. Khi bắt đầu đẩy cửa để bước vào, tôi cảm thấy một sự chống đối yếu ớt, và tuy phải hập tấp nhưng tôi lại cảm thấy nên tới một cánh cửa khác, và đó là điều tôi đã làm. Trong lúc ngồi trong đó, tôi nhìn thấy như thế nào đó có một sợi dây màu trắng căng qua cánh cửa mà tôi lần đầu muốn vào, nhưng lúc đó tôi không thắc mắc gì nhiều.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy khi có một người lính đến nói đêm hôm qua cầu tiêu đã bị gài mìn. Ngay lúc đó, tôi hiểu được rằng sợi dây màu trắng căng qua cánh được nối với một quả lựu đạn, và nếu tôi đã đẩy cửa cho mở, thì sợi dây sẽ làm bật kim gút lựu đạn khiến cho nó nổ.

Nhiều năm sau đó, tôi đọc một cuốn sách mà tác giả là một ông cha tuyên úy của tiểu đoàn, và hay được chính một trong những người lính của chúng tôi là kẻ đã gài cái bẫy đó; y đã bị bắt và bị trừng phạt.

Tôi đã không nghĩ kẻ gài mìn là một trong những người lính của mình, nên cũng không biết được sợi dây màu trắng có nghĩa gì. Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi học được điều này là đôi khi

chúng ta tiếp nhận được điều gì đó một cách thông thường tới nỗi khiến chỉ hiểu được nó có nghĩa gì sau này*.

Tôi nhớ tới việc mình đã phát triển được một sự tự nhận thức, tĩnh lặng và quy thuận, để sống còn ở Việt Nam, và may mắn là trong đêm đó, tôi đã nằm trong cái trạng thái đó. Việt Nam là một nơi chốn thuận tiện cho việc tập luyện điều đó. Điều diệu kì là cũng không có ai bị nổ mìn. Làm sao tôi đã cảm thấy được là không có ai bị thương tích bởi mình đã không nhận biết được sợi dây đó có đó để làm gì?

Trong một cuộc hành quân, tiểu đoàn phải di chuyển bằng xe tải tới khu vực hành quân. Tôi còn nhớ rõ là mình ngồi phía sau một xe tải, và nghĩ tới chuyện chúng tôi có thể bị phục kích bất cứ lúc nào. Tôi đã làm tất cả những gì có thể được: tôi đội nón sắt và mang một chiếc áo khoác phòng không, súng đạn sẵn sàng. Tôi bình tĩnh ngồi, và chỉ có thể làm như vậy vì ngoài ra tất cả đều tùy thuộc Thượng Đế. Chúng tôi đã an toàn đến mục tiêu.

Lữ đoàn tôi là thành phần của một lực lượng di động trên sông. Có 3 tiểu đoàn cứ hai tháng là thay phiên nhau được bố trí vào những “thuyền mẹ“, những thuyền lớn chở quân đậu giữa sông Mekong từ nơi là hậu cứ chúng tôi.

Đầu tháng 8, tiểu đoàn tôi lên thuyền. Gắn liền với mỗi thuyền là một thuyền phao lớn làm bằng thép, bọc sắt dày đặc, trang bị đầy đủ vũ khí.

Những thuyền đó chở quân tới một vùng hành quân, và vừa là hậu cần, vừa là nơi yểm trợ bằng hỏa lực cho quân lính. Một trong những thuyền đó được dùng là bộ chỉ huy, một TOC (Tactical Operational Center) nổi.

Có 4 người chúng tôi làm việc trong một nơi của thuyền; 2 người đi hành quân, thì 2 người ở lại thuyền. Đến phiên tôi đi hành quân thì một ngày trước đó, anh hạ sĩ quan của trung đội nói với tôi là có kẻ đã đi thay cho tôi.

Điều đó hết sức bất thường. Anh không giải thích cho tôi tại sao lại vậy, và tôi cũng không lấy gì làm thắc mắc. Ngày hôm sau là lần đầu tiên đơn vị bị phục kích. Chuyện kì diệu lại xảy ra là kẻ đi thay cho tôi không bị thương tích gì: anh chỉ phải mất ngủ trong 36 tiếng đồng hồ!

Tuy chỉ trong Subud không đầy 2 năm rưỡi, tôi đã vô cùng được ân phước do những chứng nghiệm đó, bởi đó là bằng chứng về thực tại của latihan, điều xác nhận sự thật của những giảng giải và hướng dẫn của Bapak; tất cả những cái đó tôi đã đem theo bên mình cho phần còn lại của cuộc đời mình. Tôi luôn mong cho mình được dịp tạ ơn Bapak vì latihan, khi Bapak còn trên trần gian. Đó là điều tôi làm ngay bây giờ.

Xin được tạ ơn Bapak vì đã tuân theo ý Thượng Đế để đem latihan kedjiwaan tới cho thế giới, điều là sự giao tiếp với Thánh Linh mà chúng ta chỉ việc yêu cầu. Điều đó đã nhiều lần cứu mạng sống tôi.

* Tác giả làm tôi nhớ tới một chuyện tương tự xảy ra trong đời lính mình.

Hồi đó tiểu đoàn tôi được dưỡng quân, nên mỗi người lính được phép làm những gì mình thích.

Hậu cứ của tiểu đoàn đóng tại một quận nọ, cách tỉnh của tiểu khu khoảng 20-30km. Tôi lấy xe đò về tỉnh để ăn chơi, và dự tính sẽ trở về tiểu đoàn vài tiếng đồng hồ sau đó.

Tôi là một kẻ luôn tôn trọng kỉ luật của quân đội, không là hạng lính „ba gai“, không bao giờ dám làm trái mệnh lệnh cấp trên. Nhưng đến lúc phải trở về tiểu đoàn, tôi chợt cảm thấy mệt mỏi và chán nản, nên cả gan quyết định không về. Tôi biết làm như vậy là vi phạm kỉ luật, nhưng hình như có một sức mạnh kì bí nào đó ngăn cản không cho tôi về. Tôi ở lại tỉnh đêm hôm đó, đi coi xi-nê để giết thì giờ, rồi về ngủ tại nhà một đồng đội.

Sáng hôm sau, tôi lấy xe đò về hậu cứ, và hay được ngay đêm hôm qua tiểu đoàn bắt ngờ nhận được lệnh hành quân. Đại đội tôi dẫn đầu bị phục kích. Bên phải là một con sông, bên trái là đồng ruộng. Chạy qua đồng ruộng sẽ là một con mồi ngon cho tầm bắn của địch, chỉ có cách là lội qua sông để thoát thân. Chẳng may cho những ai không biết bơi, hay bơi không kịp...Mà tôi là một kẻ không biết bơi.

Tôi nghĩ là mình sẽ bị trừng phạt vì tội vắng mặt lúc khẩn cấp. Nhưng ông đại đội trưởng chỉ gườm mắt nhìn tôi, tỏ vẻ không hài lòng. Và cũng chẳng có sự trừng phạt nào khác.

Chuyện Thượng Đế cho tiền làm tóc

Hải Anh Esther

Như hầu hết phụ nữ trên đời, tôi thích đẹp. Tôi biết nên làm thế nào để trở nên lôi cuốn, ngọt ngào, dễ thương, hợp thời. Ấy vậy mà cho dù mẹ hoặc em gái có lôi tôi được đến cơ sở làm đẹp, tôi cũng bỏ về. Giải phẫu thẩm mỹ, thoa kem đánh phấn mỗi ngày, quần là áo lượt, hay sơn móng tay móng chân là những chuyện của người khác, không phải của tôi. Điều này đồng nghĩa với việc tôi nhìn khá là thô kệch và xấu xí. Điều đó không quan trọng, vì tôi hiểu sự vô thường của thể xác một con người. Tôi quan niệm sức khoẻ nội tại, kiến thức sâu rộng, tinh thần minh mẫn, tâm linh vững vàng, trái tim đầy nhân ái mới là những thứ tô điểm đẹp đẽ nhất, xứng đáng nhất cho một kiếp người.

Làm đẹp, một năm tôi làm đẹp một lần duy nhất, một việc duy nhất là làm tóc. Tôi thích một mái tóc hiện đại, phù hợp khuôn mặt, tất nhiên được thực hiện bởi một người được lựa chọn cẩn thận. Ở địa phương tôi có một cậu thanh niên sở hữu đôi bàn tay khéo léo và bộ óc sáng tạo. Cậu có khả năng biến đổi ngoại hình tôi nhờ vào mái tóc đẹp. Điều thú vị là tôi cảm được sự an lành, sự thánh thiện trong việc làm của cậu.

Cuối năm 2019, đấu tranh mãi mới lết được tới tiệm tóc của cậu ấy, tốn 600 ngàn đồng cho cắt, uốn và nhuộm. Vậy thôi mà tôi cũng tiếc tiếc số tiền bỏ ra, thật đấy. Chợt nhớ tới lời Bapak dạy rằng không nên để sức mạnh vật chất điều khiển mình, tôi quyết định quy thuận Thượng Đế. Tới chiều, đang nằm nghỉ ngơi thì một học viên gọi đăng ký học yoga vào ngày sáng hôm sau. Vào buổi học đầu tiên, cô ấy đóng học phí. Thay vì chỉ đóng 2.400.000 VND, cô ấy đưa luôn 3.000.000 VND. Như vậy cô ấy trả dư đúng 600 ngàn đồng! Tôi giật mình ngạc nhiên trước chứng nghiệm này. Thượng Đế người thật là thương con cái của người, cho luôn cả tiền làm đẹp!

Chữa lành bệnh tật

Minh Thần

Phúc Âm của Gioan thuật lại 3 trường hợp Giê-Su chữa lành bệnh tật trong những chương 4:46-53, 5:1-29 và 9:1-12.

Đức Giê-su chữa con của một sĩ quan cận vệ của nhà vua

Vậy Đức Giê-su trở lại Ca-na miền Ga-li-lê, là nơi Người đã làm cho nước hoá thành rượu. Bấy giờ có một sĩ quan cận vệ của nhà vua có đứa con trai đang bị bệnh tại Ca-phác-na-um. Khi nghe tin Đức Giê-su từ Giu-đê đến Ga-li-lê, ông tới gặp và xin Người xuống chữa con ông vì nó sắp chết. Đức Giê-su nói với ông: "Các ông mà không thấy dấu lạ điềm thiêng thì các ông sẽ



chẳng tin đâu! "Viên sĩ quan nói: "Thưa Ngài, xin Ngài xuống cho, kéo cháu nó chết mất! "Đức Giê-su bảo: "Ông cứ về đi, con ông sống." Ông tin vào lời Đức Giê-su nói với mình, và ra về. Ông còn đang đi xuống, thì gia nhân đã đón gặp và nói là con ông sống rồi. Ông hỏi họ con ông đã bắt đầu khá hơn vào giờ nào. Họ đáp: "Hôm qua, vào lúc một giờ trưa thì cậu hết sốt." Người cha nhận ra là vào đúng giờ đó, Đức Giê-su đã nói với mình: "Con ông sống", nên ông và cả nhà đều tin. (1)

Đức Giê-su chữa một người đau ốm ở hồ nước tại Bết-da-tha

Sau đó, nhân dịp lễ của người Do-thái, Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem. Tại Giê-ru-sa-lem, gần Cửa Chiên, có một hồ nước, tiếng Híp-ri gọi là Bết-da-tha. Hồ này có năm hành lang. Nhiều người đau ốm,

đui mù, què quặt, bắt toại nằm la liệt ở đó, (chờ cho nước động, vì thỉnh thoảng có thiên thần Chúa xuống hồ khuấy nước lên; khi nước khuấy lên, ai xuống trước, thì dù mắc bệnh gì đi nữa, cũng được khỏi). Ở đó, có một người đau ốm đã ba mươi tám năm. Đức Giê-su thấy anh ta nằm đấy và biết anh sống trong tình trạng đó đã lâu, thì nói: "Anh có muốn khỏi bệnh không?" Bệnh nhân đáp: "Thưa Ngài, khi nước khuấy lên, không có người đem tôi xuống hồ. Lúc tôi tới đó, thì đã có người khác xuống trước mất rồi!" Đức Giê-su bảo: "Anh hãy trở dậy, vác chõng mà đi!" Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và đi được. Hôm đó lại là ngày sa-bát (2)

Đức Giê-su chữa một người mù từ thuở mới sinh

Đi ngang qua, Đức Giê-su nhìn thấy một người mù từ thuở mới sinh. Các môn đệ hỏi Người: "Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?" Đức Giê-su trả lời: "Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh. Chúng ta phải thực hiện công trình của Đấng đã sai Thầy, khi trời còn sáng; đêm đến, không ai có thể làm việc được. Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian."

Nói xong, Đức Giê-su nhổ nước miếng xuống đất, trộn thành bùn và xúc vào mắt người mù, rồi bảo anh ta: "Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa" (Si-lô-ác có nghĩa là: người được sai phái). Vậy anh ta đến rửa ở hồ, và khi về thì nhìn thấy được.

Các người láng giềng và những kẻ trước kia thường thấy anh ta ăn xin mới nói: "Hắn không phải là người vẫn ngồi ăn xin đó sao?" Có người nói: "Chính hắn đó!" Kẻ khác lại rằng: "Không phải đâu! Nhưng là một đứa nào giống hắn đó thôi!" Còn anh ta thì quả quyết: "Chính tôi đây!" Người ta liền hỏi anh: "Vậy, làm sao mắt anh lại mở ra được như thế?" Anh ta trả lời: "Người tên là Giê-su đã trộn một chút bùn, xúc vào mắt tôi, rồi bảo: "Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa. Tôi đã đi, đã rửa và tôi nhìn thấy." Họ lại hỏi anh: "Ông ấy ở đâu?" Anh ta đáp: "Tôi không biết." (3)

Trong những vụ đó, Giê-Su đã làm cho lành bệnh một cách hết sức dễ dàng, như điều trong tiếng Anh gọi là „just like that.“ Thiên Chúa giáo coi những chuyện xảy ra đó là phép màu của Thượng Đế và sự thánh thiện của Chúa Giê-Su. Hiện nay, thời đại của khoa học, không còn mấy ai tin ở phép màu. Người ta cho Giê-Su đã dùng tâm lí (chứ không là tâm linh) để chữa bệnh: ảnh hưởng tới tâm lí người bệnh, bằng cách làm cho họ tin tưởng sẽ lành bệnh thì sẽ có kết quả tốt.

Với latihan chúng ta có dịp may nghiệm được sự thật của những gì Giê-Su đã làm. Tập latihan nhiều hội viên đã lành bệnh „just like that,“ chỉ bằng cách tin ở phép màu của latihan.

Theo cái nhìn của người ngoài, cách chữa bệnh của latihan không khác gì với những thuật được dùng để tác động tới tâm thức của một số tôn giáo, hay của tâm lí học. Có thể đó là việc niệm một câu thần chú, hay theo dõi nhịp thở. Quả thực những nghi thức đó có thể tạo nên một tình trạng thư thái sâu đậm, hay một sự „xuất thần.“ Trạng thái đó có tác động làm cho bớt căng thẳng, và do đó có lợi cho sức khỏe, bằng cách khiến huyết áp giảm bớt, hay khiến bớt đau đớn.

Ngoài ra còn có những phương pháp định tưởng có thể tác động tới một số chức năng sinh lí, như khiến cho giảm bớt nhịp tim hay nhịp thở. Những kẻ đề xướng những lối tập trung tư tưởng đó quả quyết là họ có thể chữa trị những tình trạng như lo sợ, chóng lên máu, bệnh suyễn, hay bệnh nghiện ma túy. Không những thế họ còn cho là có thể chữa được bệnh ung thư, nhưng chuyện đó thì cho tới nay vẫn chưa có một bằng chứng cụ thể nào, chỉ có việc tạo nên được một

tâm trạng thư thái là điều không thể chối cãi.

Thật khó mà có thể làm cho thiên hạ hiểu được thực chất lối chữa bệnh của Subud, nếu chính họ chưa tiếp nhận được latihan. Điều họ thấy khó chấp nhận, hay không hiểu được, là sự lành bệnh do latihan xảy ra một cách „just like that,“ hoàn toàn không do ý muốn và sự mong cầu của mình. Có lẽ vì vậy mà những ai đến với Subud để mong được chữa bệnh đã bỏ tập khi chẳng thấy có „ép-phê“ gì, hay vẫn còn đi tìm và dựa vào những lối chữa bệnh của những pháp môn này nọ.

Trong hai đoạn trích dẫn dưới đây, Bapak giải thích như thế nào latihan có thể làm cho lành bệnh.

Thánh Kinh kể lại rằng thiên sứ Giê-Su có thể làm cho một người bệnh trở nên lành mạnh một cách hết sức dễ dàng. Vậy, điều đó là bằng chứng cho việc quyền năng của Thượng Đế luôn bao bọc những ai biết vâng lời, những ai trong sạch, lương thiện, phục tùng Thượng Đế... Vậy, ta có thể tiếp nhận và nghiệm được quyền năng của Thượng Đế, nếu tiếp nhận được qua sự trong sạch của tâm can và trí óc... Điều Thiên Sứ Giê-Su nghiệm được cũng là điều các bạn một phần nào nghiệm được trong latihan mình (Los Angeles, CA USA - May 10, 1958).

Làm cho lành bệnh tức là tu chỉnh lại những lỗi lầm và nhược điểm của chân tâm, và làm thức tỉnh cái linh hồn đã chết. Điều đó cũng y như những gì các bạn tiếp nhận được trong latihan kedjiwaan của Subud. Tất cả những lỗi lầm trong bản chất các bạn – tất cả những thứ bệnh tật, dù gọi đó bất cứ là gì – được tu chỉnh lại. Linh hồn các bạn đang trên đà thức tỉnh – cái linh hồn bị giam nhốt bởi dục vọng, tư tưởng và ý chí (London, England - August 11, 1959).

Vậy, lành bệnh được nhờ latihan là kết quả của một sự tu tập làm cho nhân cách được cải thiện, cho tâm hồn trở nên trong sạch và được “thanh lọc“, như Bapak thường nói. Và chính cái tâm hồn trong sạch, hoàn toàn được thanh lọc đó của Giê-Su, là trung gian cho quyền năng của Thượng Đế tác động tới người bệnh trong những trường hợp mà Phúc Âm của Gioan thuật lại.

Trong Guidance for Helpers ấn bản 2017, Ibu còn có những lời khuyên dưới đây cho những hội viên dùng những phương pháp chữa bệnh bên ngoài Subud.

Tại sao chúng ta không nên pha trộn latihan với những phương pháp khác

(Tiếng Anh là method. Dịch là pháp môn để biểu thị những lối tu tập khác với latihan, và phương pháp để biểu thị những lối chữa bệnh không thuộc y khoa như nhân điện, khí công, pháp luân công, yoga vv...)

Cách duy nhất để tiến bộ, hay đạt được mục tiêu mình trong latihan, là tập latihan. Nếu dùng những phương pháp liên quan tới cái thế gian này, như trong công ăn việc làm mình, trong sự chăm sóc sức khỏe, thì không có gì cấm cản.

Nhưng Ibu vẫn còn nghe nói tới có nhiều hội viên, nhiều người dùng những phương pháp đó – hiện nay thì có rất nhiều những phong trào như vậy – và họ hỏi như vậy có là pha trộn hay không. Đó đặc biệt là một vấn đề ở Bắc Mỹ và các phụ tá ở đó hỏi là có nên cho phép điều đó trong Subud hay không.

Nếu Ibu nhớ không lầm thì mình đã giải thích miễn là dùng những phương pháp đó cho công ăn việc làm, cho nghề nghiệp mình, như trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, thì không có gì đáng

trách.

Nhưng liên quan tới con đường tâm linh thì tốt hơn là đừng dùng bất cứ gì. Đó là con đường duy nhất tới Thượng Đế, bởi bất cứ những gì chúng ta có thể học hỏi và nghiên cứu không là một quyền năng đến từ Thượng Đế. Và cũng có thể các bạn không hiểu cái quyền năng đó từ đâu đến.

Vậy, miễn là những sức mạnh đó không làm hại linh hồn mình, thì không có gì là cấm cản. Nhưng những sức mạnh đó chỉ tồn tại ngày nào ta còn trên cái thế gian này. Tức là chỉ hoạt động nơi đây ngày nào tâm trí mình còn hoạt động. Nhưng một khi ta chết thì sẽ không còn gì nữa. Vậy, sự kiện là những sức mạnh đó không thể giúp cho mình tại thế giới bên kia. Có những kẻ nói rằng những sức mạnh đó không chỉ giới hạn ở cái thế gian này, mà còn có thể giúp cho sự phát triển của linh hồn. Điều này thì Ibu để cho các anh chị em tự quyết định. Ibu không thể ngăn cản. Tất cả những gì Ibu có thể làm là giải thích những gì tốt đẹp nhất cho Subud.

04 AKL 02

Lành bệnh nhờ pha trộn

Ibu xin được giải thích thêm về những nghề nghiệp chăm sóc sức khỏe, hay những hoạt động chữa bệnh theo những thuyết và phương pháp khác nhau.

Hiện nay nhiều người trong các bạn, ngay cả những ai còn trẻ, cảm thấy mình có tài chữa bệnh, bằng cách dùng những phương pháp trị liệu khác nhau. Do đó mà nhiều bạn trẻ muốn hành nghề chữa bệnh.

Thực ra, trong Subud muốn hành nghề chữa bệnh thì rất dễ. Như Ibu đã nói, đó là vì cái latihan này xuất phát từ quyền năng của Thượng Đế. Nếu Thượng Đế muốn, các bạn chỉ việc cho ai đó đau ốm uống một ly nước và tin rằng... [không nghe rõ] thì họ sẽ cảm thấy mạnh khỏe.

Bởi điều đó xảy ra nên các bạn nghĩ: ‘Ồ, mình quả thực có tài chữa bệnh.’ Thực ra, lành bệnh là một giai đoạn mà mỗi hội viên Subud sẽ nghiệm được. Vậy, đó không là tài năng, mà là sự biểu hiện của ân huệ Thượng Đế.

Nhưng nhiều người trong các bạn, khi nghiệm được điều đó, như xoa bóp cho ai, hay cho họ uống thứ gì đó, làm họ cảm thấy mạnh khỏe, các bạn nghĩ là tất cả công dụng của latihan chỉ là vậy.

Ibu muốn các bạn hiểu rõ mà nhận thức được latihan còn hơn thế nữa. Vậy nên, đó không chỉ là để chữa bệnh. Subud không là một phương pháp trị bệnh, mà là một lối tu tập, một lối khó tìm thấy. Nên Ibu khuyến khích tất cả các bạn trẻ là đừng tỏ vẻ mãn nguyện vì có thể chữa bệnh, mà hãy đạt tới những lí tưởng cao quý hợp với năng khiếu mình.

99 NWH 1

- 1) Official's Son Healed | The Life of Jesus | John 4:43-54 | 10 of 49 – YouTube
- 2) Jesus Heals a Lame Man on the Sabbath – YouTube
- 3) Jesus Heals A Blind Man – YouTube

Yoga đối với một người Subud

Hải Anh Esther

Nhận thấy sức khỏe mình yếu kém, tôi lựa chọn yoga như môn thể thao rèn luyện sức khỏe. Khi chuyên đủ đây, tôi trở thành huấn luyện viên yoga. Dạy yoga trở thành công việc kiếm sống của tôi. Để làm tốt công việc, tôi vừa thực hành, vừa nghiên cứu thêm mọi thứ về bộ môn này. Sách chuyên sâu là lựa chọn yêu thích của tôi.

Có một quyển sách về lối tu tập Thiền Yoga tựa đề Yoga – Con đường dẫn đến sự hợp nhất hoàn hảo của A.C. Bhaktivedanta Swami Prabhupada, xuất bản tại Việt Nam năm 2011. Có trong tay quyển sách này vào năm 2013, tôi đã cố đọc trong khoảng thời gian từ 2013 đến 2018 nhưng không hiểu nổi. Đọc vài trang thì đầu óc trở nên mù tịt, trong lòng khó chịu, phải cất sách đi vì ý tứ thật khó hiểu, và có lẽ vì một lý do khác nữa. Mãi tới năm 2019 tôi mới thấm hiểu được ý nghĩa thật sự bên dưới các từ ngữ. Điều này đồng nghĩa với việc sau khi vào Subud, nhận được giáo huấn từ Thượng Đế Toàn Năng thông qua Latihan Subud tôi mới đủ sáng suốt để hiểu. Tác giả quyển sách nhấn mạnh việc khước từ hạ đẳng; tận tụy, minh tướng, phụng sự Đấng Tối Cao (từ ngữ được sử dụng là Krsna). Bên cạnh đó, việc ngồi yên một chỗ thực hành thiền là tiêu chí bắt buộc mạnh mẽ trong lối thiền yoga. Lối thực hành ngồi yên này trái ngược với giáo huấn và thực hành trong Latihan Subud. Vì lẽ đó, khi gia nhập Subud, tôi cũng đối diện với những suy nghĩ như vậy. Ví dụ, tập yoga có ngồi thiền không, Yoga và Subud khác nhau thế nào, có đưa Latihan vào yoga không, không được phép tập thiền nữa sau khi đã gia nhập vào Subud.

Trước khi vào Subud, tôi chưa bao giờ thành công trong việc ép mình ngồi thiền. Các đồng nghiệp yogi có thể xếp chân kiết già ngồi thiền từ ngày này qua ngày nọ, mỗi ngày như vậy từ 1-2 giờ là bình thường. Còn tôi, 10 phút là một quãng dài vô tận, và tôi tự cho phép mình được không ngồi thiền, chỉ dạy động tác mà thôi. Từ khi có latihan, tôi mới hiểu tại sao có một sự kháng cự từ bên trong không thể thiền được. Tôi thích ngồi yên tịnh vài phút trước mỗi buổi dạy, nghe màu sắc của các nguồn năng lượng đang tồn tại trong phòng yoga. Từ đó, tôi lựa chọn nguồn năng lượng của mình để cân bằng, xoa dịu hoặc dẫn dắt. Thiền vẫn là một người bạn xa.

Tạm thời gác thắc mắc mang tên Latihan – Thiền yoga lại, tôi tiếp tục làm latihan đều đặn, quy thuận và tin tưởng Thượng Đế. Rồi, như một lẽ tự nhiên, tôi được hướng dẫn trong lúc dạy yoga. Latihan đến trong các động tác của chính tôi, và sửa lại cho đúng. Ví dụ động tác Veera, trong sách dạy phải giơ tay chấp lên cao, nhưng sự căng thẳng khi tay cao sẽ vô tình tạo áp lực lên lồng ngực và nguồn dưỡng khí không thông từ hội âm lên hội dương. Thượng Đế đã hướng

dẫn rằng tay phải chấp lại đặt ở ngay trên đỉnh đầu, tay không chạm đầu. Rõ ràng, khi thay đổi thì hơi thở nhẹ nhàng hơn, trái tim dễ chịu và khối óc mở mang hơn. Một lần khác, đối với động tác Đầu bò, 2 tay ra sau xuống sàn lẽ ra là bàn tay úp lại để có thể với các ngón tay ra sau cho cột sống căng hơn nếu được. Nhưng tôi được hướng dẫn là để lòng bàn tay ngửa lên. Rõ ràng, đây là quy tắc đồng hình (chân ngửa thì tay ngửa) vì khi đó 2 lòng bàn chân đang ngửa lên. Và khi thực hiện sự thay đổi đó, tự dưng cảm giác hài hoà thân tâm với vũ trụ xuất hiện. Tâm thức Thượng Đế cũng từ đó mà đến.

Sau những trải nghiệm như vậy, tôi tin rằng yoga là một phần cuộc sống. Cuộc sống là một phần của Thượng Đế, mà latihan của Thượng Đế bao trùm tất cả. Chính vì vậy, yoga chắc hẳn được Latihan và Thượng Đế ôm trọn vào lòng.

Ngôn sứ, Thiên sứ hay Sứ giả của Thượng Đế

Minh Thần

Prophet được dịch là ngôn sứ, hay thiên sứ (*), và đôi khi người đọc còn thấy có cả „sứ giả của Thượng Đế“ (messenger of God). Tất cả những từ đó đều đồng nghĩa, hay có những nghĩa khác nhau?

Theo Hồi giáo, có sự khác biệt giữa một *nabi* (prophet) và một *rasul Allah* (messenger of God). Sự phân biệt đó khá phức tạp.

- Mỗi *rasul* đều là một *nabi*, nhưng mỗi *nabi* không nhất thiết là một *rasul*.
- Có nhiều *nabi* hơn là *rasul*.
- Các *nabi* nhận được thiên khải trong giấc mơ, còn các *rasul* thì thông qua một thiên thần.
- Các *nabi* có thể bị giết chết, còn các *rasul* thì không. Theo truyền thống của Hồi giáo, *rasul* Giê-Su đã không chết trên cây giá chữ thập, mà đã được Thượng Đế cứu thoát trong lúc đó.
- Các *nabi* và *rasul* đều nhận được thiên khải, nhưng các *rasul* thì còn truyền bá những thiên khải đó cho nhân loại.
- Nên những vị như David, Salomon, Jacob và Ismael chỉ là *nabi*, còn những vị như Mô-Sê, Giê-Su và Muhammed là những *rasul*.

Tóm lại, có thể hiểu *rasul* là những *nabi* đặc biệt, vì họ đem đến một tôn giáo mới cho nhân loại. Trong bản dịch bằng tiếng Anh những nói chuyện của Bapak, người ta nhận thấy Bapak dùng lẫn lộn những từ đó. Trong những bản dịch tiếng Việt, ngôn sứ, thiên sứ, hay sứ giả của Thượng Đế thì đều như nhau.

Trong truyền thống của Do Thái và Thiên Chúa giáo, các prophet ban đầu được hiểu là những người thấy trước được tương lai, và dần dần trở thành những người đem đến những răn đe của Thượng Đế cho thiên hạ vì những hành vi thiếu đạo đức và lối sống lạc đạo của họ. Đặc biệt với Thiên Chúa giáo, họ còn là những người báo hiệu cho sự xuất hiện của một Đấng Cứu Thế là Chúa Giê-Su.

Có một điều này cũng nên biết: Bapak thường gọi Giê-Su là Thiên Sứ, nhưng với người Thiên Chúa giáo Giê-Su là con của Thượng Đế (the Son of God).

Từ điển tiếng Anh có hai định nghĩa về prophet:

- 1) một người tiên đoán tương lai: một thầy bói hay một nhà tiên tri.
 - 2) một người nói những gì được mặc khải bởi Thượng Đế, như các ngôn sứ của Thánh Kinh.
- Trong những bản dịch trước đây, các bác đã chỉ hiểu prophet theo nghĩa 1) nên đã dịch là tiên tri.

(*) có người đã dịch angel là thiên sứ thay vì thiên thần.

Thượng Đế cứu tôi khỏi tai nạn giao thông

Hải Anh Esther

Xe gắn máy là phương tiện đi lại của tôi, và tôi lái xe khá tệ. Ban ngày, trong lúc điều khiển, tôi hay suy nghĩ vẩn vơ và thích thú với việc nghĩ ra được rất nhiều thứ khi chỉ có một mình. Buổi tối, khả năng quan sát của tôi kém hơn. Tôi phụ thuộc nhiều vào những bóng đèn xe báo hiệu là có xe. Nếu ai đó quên mở đèn thì tôi gần như không nhìn thấy họ. Sẽ rất nguy hiểm nếu băng qua đường hay lấn làn mà không nhìn thấy xe khác. Ban đêm, âm thanh và ánh sáng dường như hoà nhập lại tạo thành một khối rối bời. Tôi khó mà xác định đường đi của vị trí muốn đến nếu trong quá khứ đã chỉ đến 1 lần. Vì lẽ này mà tôi đã bị tai nạn 3 lần.

Lần thứ 1, năm 2007, tai nạn xảy ra vào một buổi trưa tại Tp. Hồ Chí Minh. Kính chiếu hậu xe tôi móc vào xe của một anh đi cùng chiều. Kết quả của tai nạn ấy, theo lời bác sĩ, chân trái tôi bị đứt phần lớn dây chằng chéo sau và đứt một phần dây chằng bên. Thật ra là tôi bị đứt dây chằng chéo trước chứ không phải chéo sau. Sở dĩ như vậy là vì lúc xảy ra tai nạn tôi không có đủ tiền để chụp MRI, chỉ chụp Xquang. Bác sĩ bảo mổ. Tôi từ chối vì thu nhập lúc ấy chỉ đủ cho các nhu cầu thiết yếu. Thế là bác sĩ chỉ bó vấp, cho thuốc uống và hẹn ngày tái khám. Chân tôi từ đó yếu dần, cơ tứ đầu teo từ từ, và không thể ngồi xổm. Nhờ yoga, tôi sống vui vẻ với chấn thương này trong suốt những năm sau đó.

Lần thứ 2, năm 2015, sau khi tôi đi dạy yoga sáng bên Vĩnh Long về, tôi tự mình té xe tại chân cầu Mỹ Thuận. Tai nạn xảy ra là vì tôi không vững tay lái khi lướt trên đám đá bi nhỏ. Chiều hôm trước người ta sửa lại mặt đường, phần đá nhỏ người ta không hốt đem đi mà cứ để mặc đấy. Thế là tôi tự mình té, vì chủ quan. Rất may khi tôi vừa ngã xuống, thì một người anh chồng tôi chạy ngang qua. Anh gọi xe anh ở quán café ngay đấy, chở tôi bằng xe tôi đến bệnh viện. Bác sĩ khâu 7 mũi, tất cả đều ở bàn chân trái. Phần cùi chỏ và bàn tay trầy trụa, có nhiều máu, nhưng bác sĩ chỉ sát khuẩn và băng bó chứ không khâu. Sau lần tai nạn đó, tôi bắt đầu xuất hiện cảm giác sợ hãi khi được chồng chở lên cầu Mỹ Thuận. Mất 2 năm sau tai nạn tôi mới dám chạy qua cầu trở lại, dưới sự kèm cặp của chồng tôi. Nỗi sợ dần qua, nhưng tôi tự bảo mình phải hết sức cẩn thận mỗi khi lái xe trên đường.

Khi vào Subud được non 7 tháng thì tôi bị tai nạn lần 3. Một buổi sáng, sau khi dạy xong suất yoga sáng tại An Hữu, về tới nhà thì xe ngã đè lên đầu gối, dây chằng chéo trước chân trái tôi chính thức bị đứt hoàn toàn. Lúc đó tôi đã cầu nguyện Thượng Đế giúp tôi. Thật sự tôi mong rằng sau vài ngày chân sẽ khỏi, nhưng không phải vậy. Dây chằng đã đứt, bác sĩ chỉ định mổ, tôi không còn cách nào khác là bỏ dỡ công việc dạy yoga trong ít nhất 1 tháng. Tôi vào phòng mổ, Latihan diễn ra ngay trong lúc mổ, sau khi mổ xong và trong lúc nằm tại bệnh viện. Tất nhiên, cái chân cứng đờ với đủ thứ băng bó và thuốc gây tê, phải nằm một chỗ, latihan diễn ra bên trong hoặc ở 2 cánh tay. Sự thanh lọc đã diễn ra. Đội ngũ bác sĩ mổ cho tôi rất chu đáo và

tôi đã hồi phục rất nhanh.

Có sự tính toán nào của con người bằng sự cứu rỗi của Thượng Đế? Mặc dù đã tự nhắc nhở mình phải luôn lái xe cẩn thận, tôi lại tự mình phạm sai lầm vì có những lúc rất cầu thả. May nhờ nhớ lời Bapak dạy, tôi luôn nhớ luôn quy thuận Thượng đế, chấp nhận điều như ý và bất như ý xảy đến với mình. Vì lẽ này, tôi tin tưởng sự an toàn của mình là do Thượng đế định đoạt. Nếu Ngài bắt tôi bị tai nạn thì tôi không tránh khỏi, nếu Ngài bắt tôi chết thì tôi sẽ vui vẻ trở về với Ngài, còn nếu tôi sống, thì Ngài sẽ ở bên cạnh tôi.

Quá thật, Ngài đã ở luôn ở bên cạnh tôi. Xin kể sau đây vài ví dụ Ngài đã cứu tôi như thế nào.

1/ Thoát khỏi tai nạn xe từ 3 thanh niên ngáo đá

Vào một sáng thứ bảy, tôi hứa dạy bù cho một học viên lớn tuổi sau khi tan buổi tập latihan. Kết thúc buổi tập, tôi lái xe đến nhà học viên ấy, trên người còn vương lại chút mùi vị latihan. Trên đường đi, khi quẹo cua phải cầu An Hữu chuẩn bị rẽ vào hướng nhà thì thật bất ngờ có một chiếc xe đặc biệt chạy ngược đến. Đặc biệt vì tôi cảm nhận tà khí trên chiếc xe ấy, nó hùng hực lao vào xe tôi. Trên xe ấy có ba thanh niên mặc áo đen, mặt mũi thiếu tinh tảo, đầu không nón bảo hiểm, lạng lách. Với cách thức như vậy, họ hoàn toàn có thể gây hại cho bất kỳ ai trên đường di chuyển trong tầm của họ. May mắn thay, trước khi tôi va vào nhóm thanh niên này thì có một chiếc xe khác quẹo cùng hướng với tôi, sau tôi một bánh xe. Người đàn ông trên chiếc xe này, đang ôm một đứa con trai bé nhỏ. Vì anh đang ôm con nên anh chạy rất vững, rất tinh tảo, đã bóp còi inh ỏi và hét lớn giúp kẻ cầm lái đối diện giật mình sửa tay lái. Vụ va chạm nhờ đó mà không xảy ra. Người đi đường bảo: “Tụi nó ngáo đá!” Nếu không có anh biết đâu tôi có được kinh nghiệm tai nạn giao thông lần thứ tư rồi. Tôi nghĩ suốt latihan trước đó và dư âm đã giúp tôi được an toàn.

2/ Thoát khỏi tai nạn khi đi ăn phở

Vợ chồng tôi đi ăn phở vào một buổi sáng nọ. Quán phở này thuộc một căn nhà trong khu dân cư tương đối vắng, mặt đường rộng tầm 10m. Chủ quán sử dụng hành lang để bán phở, mái hiên che chắn bằng mái tôn cho khách ngồi. Vì vậy, xe cộ được đậu ở ngoài đường.

Bình thường tôi bước xuống xe bên trái chẳng vấn đề gì cả vì đường luôn vắng. Hôm đó trước khi xuống xe tôi nhìn trước nhìn sau theo thói quen và chẳng thấy chiếc xe nào lao tới. Hoàn toàn không xuất hiện một rủi ro nào. Vậy nên tôi ung dung bước xuống. Bỗng dưng latihan tới, nhẹ nhàng xoay người tôi bước vào trong. Khi bước vào rồi mới quay lại thấy có một chiếc xe máy phóng tới với tốc độ cao. Trên xe là một chị gái chở em bé đang chạy như bay. Thật may cho cả 3 người.

3/ Thoát khỏi tai nạn trước cửa phòng tập yoga

Theo luật giao thông đường bộ, vào buổi tối, xe chạy phải mở đèn. Tuy nhiên, vào lúc chạng vạng nửa sáng nửa tối thì mở đèn hay không còn tùy thuộc vào người điều khiển xe. Chạng vạng hôm ấy, 6:20 tối, sau khi kết thúc ca dạy trước, tôi chạy đến địa điểm An Hữu để tiếp tục ca thứ hai. Đèn xe tôi đã mở. Lốp tập yoga nằm bên tay phải. Chỗ để xe ở phía tay trái. Sau khi quan sát kính chiếu hậu, tôi đã không nhìn thấy 1 chiếc xe nào tiến gần đến bên trái tôi nên tôi tấp qua, chuẩn bị đậu xe. Ai ngờ, 1 chiếc xe chở 2 thanh niên trẻ ở đâu vụt tới, chúng nó không mở đèn xe. Vì tôi đã chạy rất chậm và quan sát kỹ trước khi băng qua đường, nhưng mà chúng ở trong hẻm ngay gần đó chạy ra nên tôi không thể nào biết được. Khi kính chiếu hậu tôi sắp móc vào xe chúng nó, dự kiến sẽ có 1 cuộc kéo lê ít nhất 10m diễn ra, nạn nhân là tôi thì một điều kỳ diệu đã xảy ra. Tôi nghe thấy một lực đẩy xe chúng nó rít 1 cái trượt qua bên trái, ra xa một chút rồi chúng chạy đi luôn. Lực đẩy này cũng bẻ lái xe tôi qua bên phải. Tôi lúc đó biết

rằng tự bản thân tôi không thể làm được điều này. Tôi đã nghe sự dễ chịu ngay trong cú cua tay lái đó. Tôi biết Thượng Đế đã bên cạnh, che chở mình.

4/ Thoát khỏi tai nạn khi băng qua đường

Đường ở đây là một ngã ba, người ta mở con lươn để cho xe băng qua băng lại. Vì là quốc lộ nên xe chạy 2 bên được ưu tiên, còn xe băng qua theo quy định, phải chờ đường trống mới được băng qua. Lại là vào một buổi tối, khi nhìn vào kính chiếu hậu, tôi thấy xe đằng sau cách khoảng 50m, khoảng cách đủ an toàn để tôi phóng từ bên phải qua đường bên trái. Đâu ngờ, một anh chạy đằng sau bên trái chạy tới và hô to: “Khoan, khoan, chậm lại, chậm lại, đừng bẻ lái!”. Trong giọng la của anh, tôi nghe thấy một sự truyền cảm lạ mà quen. Đó là cảm nhận quen thuộc của Quyền Năng Thượng Đế. Anh chạy thẳng. Và tôi an toàn.

Vậy đấy, bạn và tôi không biết tai nạn hoặc các điều bất như ý xảy ra với mình vào lúc nào đâu. Vì đã tin tưởng nên tôi giữ thái độ quy thuận. Dù nghịch duyên hay thuận duyên, tôi đều chấp nhận. Thuận duyên có nghĩa là ta được hướng dẫn và chở che. Nghịch duyên có nghĩa rằng chúng ta được dạy từ bài học đó. Cuối cùng thì, tôi vui sống trong các hoàn cảnh, từ khi ý thức được tình yêu của Đấng Toàn Năng.

Chuyện dự báo chiến thắng của đội tuyển Việt Nam

Hải Anh Esther

Khoảng vài năm trở lại đây tôi rất ít xem đội tuyển bóng đá Việt Nam thi đấu. Nếu có xem thì chỉ tầm 5-10 phút thôi.

Ấy vậy mà khi SEA Games 30 diễn ra được một thời gian, trong đầu tôi liên tục nghe thấy tên cầu thủ Tiến Linh. Tôi thậm chí chẳng biết mặt mũi cậu ấy ra sao. Tất tần tật thông tin bóng đá Việt Nam mà tôi có đến từ các cô các chị trong lớp yoga. Tôi cũng chẳng nghĩ nhiều đến đội tuyển, không cầu mong họ chiến thắng vì làm thế cũng chẳng để làm gì. Thắng thua là lẽ thường. Tính cạnh tranh trong tôi rất ít. Nếu thắng, thì mừng cho sự nỗ lực của họ. Nếu thua, thì tôi chúc họ nỗ lực nhiều hơn nữa. Đối thủ hay đội nhà thì cũng đều là đội nhà và đối thủ của ai đó. Vì thế, tôi không vì cái tôi của mình mà cạnh tranh với bạn. Tôi thích những thứ dung hoà hơn. Tôi ủng hộ nhiệt liệt những tư tưởng tôn trọng bạn đấu của các vận động viên thuộc các môn đối kháng.



Tiến Linh (nguồn internet)

Hôm ấy đội Việt Nam đấu với đội Singapore. Đây là một trận đấu khó nhằn. Nếu may mắn thắng trận này thì khả năng chiến thắng ở trận chung kết là rất cao. Tôi đi qua đi lại làm việc nhà, nấu ăn và làm việc trên vi tính. Rồi nghe tin đội Singapore đã dẫn trước 2-0. Như đã nói, thắng thua không quan trọng vì thật sự tôi không quan tâm. Nhưng mà, ngay khoảnh khắc ấy, nội cảm tôi cảm thấy rằng đội Việt Nam lần này là một đá khối cứng có độ cứng và có độ gồ ghề cao hơn các đội khác. Chưa kể cái tên Tiến Linh cứ mãi vang trong đầu tôi.

Một lúc sau, cầu thủ Tấn Sinh sút phạt đền cho Việt Nam. Cho tới lúc này tôi chưa nghĩ nhiều đến cảm giác của mình trước đó. Rồi cậu này sút sai bét. Đội Việt Nam được hưởng quả penalty thứ 2. Lần này cái tên Tiến Linh được đọc lên, vào vị trí sút bóng. Tự dung bao nhiêu dự cảm kéo về, tôi biết cậu sẽ thành công. Quả vậy, cậu làm được, giúp Việt Nam hoà 2-2 với Singapore, nhận vé vào trận chung kết. Đặc biệt, trong trận đấu này, Tiến Linh là cầu thủ ghi đúp 2 bàn cho cả đội tuyển. Trận cuối cùng, đội tuyển Việt Nam đã giành huy chương vàng bóng đá nam trong Đại hội SEA Games 30 sau khi thắng đội tuyển Indonesia với tỉ số 3-0.

Tôi bỗng thấy Thượng đế không ở đâu xa xôi. Ngài ở ngay cạnh ta, thân thiện và đầy yêu thương cả trong sự quan tâm của ta đối với các vấn đề xã hội. Ngài bên ta đến cả những thứ bình thường nhất, thậm chí là bóng đá!

Cái dao rơi được báo trước

Hải Anh Esther

Sau một thời gian gia nhập Subud, tôi bắt đầu để ý đến những rung động dù rất nhẹ ở bên trong mình. Khi nhận dạng được các loại rung động khác nhau thì tôi dần dà học cách phân tích chúng. Tùy cách thức rung động diễn ra mà tôi có thể đoán và chuẩn bị tinh thần để đón nhận những điều sắp xảy đến. Một trong những loại đó, là sự cảnh báo từ Đấng Toàn Năng. Sự cảnh báo có thể là về sự an toàn, về thị phi thế gian, hoặc mất mát của cái.

Lần này, xin nói về sự cảnh báo của Ngài về sự an toàn với dao trong lúc làm bếp.

Hôm ấy tôi vào bếp, nấu món canh cải xanh với tôm khô. Trong lúc xắt rau chuẩn bị rửa thì môi tôi giật rung lên. Tôi biết rằng Thượng Đế cho một ám hiệu nào đó. Tôi tức thì nâng cao ý thức trong các cử động. Sau khi cắt rau xong tôi rửa dao, như thường lệ. Bỗng dung luồng cuống kiêu gì mà cái dao xoay vòng rơi xuống. Trong khoảnh khắc ấy tôi cứ tưởng mình sẽ bị một lỗ hay một đường vào chân, hoặc nếu theo phản xạ mà chụp cái dao lại thì thể nào cũng đứt tay. Thật may nó xoay và rơi vào ngay khoảng không giữa đôi tay và thân người tôi, rơi xuống đất.

Thế mới thấy, Thượng Đế khi cần sẽ che chở con cái Ngài ngay cả những việc rất nhỏ. Mỗi ngày, tôi đều nhắc nhở mình phải luôn quy thuận Thượng Đế Toàn Năng Toàn Giác. Tôi biết, Ngài tồn tại ngay trong tâm tôi; trong từng hành động; lời nói; hơi thở; suy nghĩ nên tôi càng cần phải sống cho ra sống, suy nghĩ cho đàng hoàng và làm việc cho đúng đắn.

Nấm da

Hải Anh Esther

Có những điều vô cùng nhỏ nhặt mà cũng có mặt của Thượng đế cao cả. Có những điều được báo trước bằng những dấu hiệu trong latihan. Nếu sau latihan đó mà tôi không nhận dạng được thực tế của các dấu hiệu, thì sẽ được báo đi báo lại.

Tôi được báo hai lần chỉ về bệnh nấm da của mình và con gái. Đó là hình ảnh những mảng đỏ sần sùi kết lại với nhau. Lần đầu là vào những phút đầu của một buổi latihan vài ngày trước lần thứ hai là lúc tĩnh tâm khi chuẩn bị dạy yoga. Vào buổi tối của suất dạy đó, khi tắm, tôi phát hiện bị mấy mảng nấm da bên hông đùi. Nấm da sần sùi ngứa ngáy thì chỉ cần mua thuốc thoa ngoài da là được, tôi nghĩ vậy. Sáng hôm sau, tôi ra hiệu thuốc mua thuốc xức nấm. Cô dược sĩ không bán thuốc xức mà khuyên tôi thuốc uống vì cô bảo loại nấm này là do vi khuẩn từ trong tế bào máu nên chỉ có uống thuốc mới hết. Tôi từ chối vì vốn dĩ tôi quan niệm càng ít đưa thuốc vào cơ thể càng tốt, chỉ nên dùng trong những trường hợp bất khả kháng.

Thế nên tôi nhất định chỉ tìm thuốc thoa ngoài da. Tôi thuyết phục cô một hồi cô mới đưa 1 tuýp màu đỏ. Tôi đồng ý loại này và hỏi cô thêm về Gentridegmi màu cam. Trước đây, tôi đã từng sử dụng qua Gentridegmi nên tin tưởng. Nhân tiện con gái đang bị rôm sảy mà Gentridegmi có thể trị hiệu quả nên tôi quyết định mua cả 2 loại. Cuối cùng, cô chỉ đưa 1 loại là Gentridegmi cho 2 mẹ con dùng chung.

Thượng Đế thật nhiệm màu, sau 2 lần sử dụng, nấm của mẹ và rôm sảy của con đều biến mất hết.

Bàn chân đau được báo trước

Hải Anh Esther

Môn yoga đòi hỏi người tập luyện sử dụng hầu hết các bộ phận khác nhau trên cơ thể. Mục đích của việc này là giúp làm mạnh các phần được luyện tập, giúp máu lưu thông đều, đưa oxy đi khắp cơ thể, giải phóng chất độc qua các đường bài tiết, đồng thời tác động đến các ngõ ngách mà các hoạt động hàng ngày ít chạm tới. Những vùng ít được tác động đến lâu ngày sẽ gây tắc nghẽn các mạch máu, khí (oxy) các nơi đó sẽ trở nên yếu đi và bệnh tật từ đó phát sinh.

Mỗi ngày tôi dạy từ 3-4 suất nên cơ thể tôi chịu nhiều áp lực. Học viên yoga muốn tôi tập chung với họ. Một phần vì khi nhìn rõ động tác thì họ làm theo mới đúng. Mặt khác, nhiệt huyết từ huấn luyện viên, sự uyển chuyển hình thể hoặc tinh thần an vui sẽ giúp họ được truyền cảm hứng. Vì thế, trong từng buổi yoga, tôi tập khoảng 60-90% các động tác. Chính vì vậy, sau mỗi cuối ngày, cơ thể tôi mệt lả.

Một trong những vùng hoạt động nhiều nhất là bàn chân. Một đêm, trong lúc đang ngủ, tôi nghe bàn chân trái, vị trí xương khu bàn chân đau nhói một cách kỳ lạ. Sự đau đớn này diễn ra trong một vài giây, đủ để cho tôi vừa ngủ vừa cảm thấy được cơn đau này. Khi tôi ý thức được thì hết đau. Sáng thức dậy tôi thấy chân bình thường. Tôi để cái đau giả ở đó, và chờ đợi, vì tôi đoán hẳn sẽ có điều gì sắp xảy ra. Độ một tuần sau, khi bước xuống giường vào buổi sáng, bàn chân tôi đau y như vậy, đau ngay chỗ đó. Đau đến nỗi tôi không di chuyển được, matxa một hồi mới đi cà nhắc được. Trờì càng về trưa thì chân đi nhanh nhẹn và ít đau hơn. May thay, ngày tôi bị đau đầu tiên là ngày đầu tiên tôi nghỉ dài vào dịp tết. Chẳng hiểu sao năm nay tôi lại quyết định nghỉ trước 15 ngày, tức ngày 15 âm lịch tháng chạp thay vì ngày 23 hoặc 25 như hàng năm. Sau tết tôi nghỉ thêm 10 ngày nữa trước khi bắt đầu dạy lại vào năm mới, tức ngày mùng 10 tháng giêng. Tôi đau suốt 23 ngày trong quãng thời gian nghỉ dưỡng 25 ngày của mình. Trong thời gian đó, tôi không thể mang giày cao gót, không mang dép đế cứng, không thể đi nhanh vào buổi sáng sớm. Thông thường, có cơn đau nào xảy ra, tôi sẽ tìm ra được sinh huyết để bấm và tự chữa bệnh. Lần này, tôi mất hơn 1 tuần mới tìm ra được huyết ở 2 bàn tay. Khi tìm ra được huyết ở 2 bàn tay thì tôi biết mình đồng thời cũng giải quyết luôn các vấn đề ở cổ họng và phổi cũng ngay ở vị trí sinh huyết đó.

Sau vụ này, cũng giống như bao lần khác, tôi đều hướng về Thượng Đế và cảm ơn Ngài đã sắp xếp cho tôi đau như vậy. Nếu đau vào lúc chưa nghỉ dưỡng thì tôi khó mà dạy yoga được. Nếu đau sau đó thì cũng không được luôn. Đồng thời, việc đau lạ mà tôi tìm ra được sinh huyết cũng đồng nghĩa việc Thượng Đế ban cho tôi một bài học vô cùng quý báu về cách chữa bệnh. Sau này ắt hẳn thế nào có người đủ duyên cũng sẽ tìm đến và nhờ tôi giúp chữa bệnh căn bệnh y như cái đau mà tôi đã trải qua.

Cháy rừng ở Australia từ 12/2019 đến 1/2020

Hải Anh Esther

Trong một lần tập latihan, tôi thấy các đám khói bốc lên từ một vài vị trí thuộc một khu vực nhất định ở nơi nào đó trên quả địa cầu. Đến gần thì đó là các đám cháy lớn nhỏ khác nhau. Mấy hôm liên tục, trong giấc mơ tôi cũng thấy khói và cháy.



Ngay trong thời gian này, cháy rừng đang diễn ra trên diện rộng ở Australia mà tôi không hề biết. Tôi đã không đọc báo hay xem tin tức gì trong thời gian này nên tôi chưa biết gì về thiệt hại mà Australia đang gánh chịu.

Đến khi vô tình đọc tin vài ngày sau đó, tôi mới hiểu được ý nghĩa của những hình ảnh đã nhìn thấy.

Vốn dĩ tôi yêu thiên nhiên và tôn trọng mọi thứ thuộc về thiên nhiên chung quanh mình. Tôi thích núi, rừng, tuyết, đất, nước và mọi thứ tồn tại trên các nguồn sống này. Tôi thường thấy mình ở trên nhìn xuống, và cảm được cái ôm của mình với quả đất. Chính vì vậy, tôi đã đau lòng một cách kỳ lạ khi rừng cháy. Rừng cháy nghĩa là người chết, cây chết, khí hậu thay đổi, các loài thú bị tiêu diệt, vật chất bị thiêu rụi, nhiều mất mát lớn xảy ra cho con người. Tôi đau nỗi đau chung với tất cả các thực thể này. Tôi thấy cái đau của họ rất gần gũi với tôi, như thể tôi là một phần trong ấy.

Trong lần tập latihan vào tuần kế tiếp, tôi thấy linh hồn tôi kêu gọi nhiều linh hồn mạnh mẽ đầu đó tạo nên một sự cầu nguyện lớn. Tôi thấy như chúng tôi vô cùng khẩn thiết cầu xin Thượng Đế giúp đỡ. Lúc ấy, trong lòng tôi dâng lên một sự đau đớn tột cùng, đó là sự đau khổ khi chúng kiến các sinh linh bé bỏng (kanguru, gấu túi, gấu trúc, chim chóc, bò sát, cây xanh, rừng và các sinh vật khác) đang bị thiêu cháy. Tôi cầu nguyện Thượng Đế giúp đỡ trong sự đau đớn ấy.

Latihan kết thúc rồi thôi. Tôi biết cái latihan ấy là cầu nguyện, chứ hoàn toàn không hiểu Thượng Đế đã làm gì và sẽ làm gì, hoặc tôi như thế nào sau cái latihan ấy. Như mọi khi, tôi vẫn luôn tin tưởng Thượng Đế rằng Ngài luôn hành động đúng đắn để vận hành vũ trụ này. Tôi chấp nhận mọi thứ diễn ra.

Một tuần sau, những cơn mưa xuất hiện trên khắp nước Australia, giải phóng hầu hết các đám cháy đang diễn ra. Một thời gian ngắn sau đó thì nước Úc yên ổn trở lại. Các loài thú của tôi dần dần hồi phục. Các cây non bắt đầu hồi sinh. Sự sống của rừng lại tiếp diễn.

Sự thay đổi của đứa em trai

Hải Anh Esther

Thời chiến tranh, đứa con trai duy nhất của ông bà cố tôi gia nhập quân đội. Ông mới 20 tuổi khi vào quân đội, sau khi lấy vợ được vài tháng. Cha tôi ra đời chưa được thoi nôi thì ông mất. Vài năm sau bà nội tôi lập gia đình mới ở nơi khác. Cha tôi ở lại với ông bà cố.

Sinh ra trong gia đình nông dân nghèo, không cha thiếu mẹ, cha tôi trưởng thành với tất cả những gì mà ông bà cố tôi có: tình thương bao la, sự chăm chỉ hiếm có, tình yêu quê hương đất nước, đất đai cần cõ, roi vọt, nghèo túng, nghỉ học sớm và hàng loạt những thứ tiêu cực khác.

Năm 18 tuổi cha tôi đi hỏi vợ. Theo ông bà cố thì ông bà đã già nên phải nhanh cưới vợ cho cháu, hoàn thành trách nhiệm nếu ông bà chẳng may mất sớm. Ngày cha hỏi vợ, mẹ tôi đang ở trên cây me nhìn thấy cha tôi đi ngang qua. Cô Út (mẹ tôi) chỉ là leo lên cây chơi cho vui. Lúc ấy mẹ 17 tuổi. Ông bà ngoại đã mất từ lâu, mẹ tôi nương tựa nơi anh ruột và chị dâu. Tất nhiên, việc mẹ tôi đi lấy chồng sẽ tránh được trường hợp có thai ngoài ý muốn với đám đàn ông thanh niên trong xóm. Ngoài ra, các dì và cậu cũng muốn gả đi để người khác lo cho mẹ. Họ vì thế đã thay mặt ông bà ngoại làm xong việc gả đứa con gái út về nhà chồng.

Một năm sau tôi ra đời. Cha mẹ tôi có ba người con: tôi, em gái và em trai. Rất thường xuyên, cha tôi bảo: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” nên đứa em trai này được xem như một báu vật. Em càng được cưng chiều hơn vì em ra đời sau khi cha mẹ tôi mất một đứa con trai 4 tuổi trước đó.

Mọi chuyện không suôn sẻ như mong đợi của cha mẹ. Công việc làm nông ở vùng đất Gò Công thu nhập ít ỏi, cha mẹ tôi chuyển qua nuôi tôm. Tôm chết, nợ nần chồng chất, cha mẹ tôi bỏ xứ đi trốn, bỏ luôn em gái và em trai tôi lại cho bà cố tôi. Ngay thời điểm này, tôi vừa lên Sài Gòn học đại học. Bà cố tôi lần thứ hai trong đời ôm cháu mà không có cha mẹ chúng bên cạnh. Bà cố lúc đó 72 tuổi, ông cố mất từ lâu. Em trai lớn lên trong tiêu cực, giống như cha tôi ngày xưa. Sau một thời gian em gái lên Sài Gòn học và ở chung với tôi. Em trai được gởi về cho dì dưỡng ở một nơi khác và lại tiếp tục sống trong nước mắt.

May mắn là sau đó cha mẹ tôi mua được một khu đất ở Bình Phước nên đem em tôi về. Nơi mới của cha mẹ tôi gần sát biên giới, tỉ lệ tội phạm và ma túy rất cao. Nhiều trẻ vị thành niên tập tành trộm vặt, mê game, hút chích, rồi chuyển qua buôn ma túy các loại. Em trai tôi đã trở thành một trong số ấy. Lúc đầu, cha mẹ tôi nhận được phàn nàn của thầy cô. Sau khi nghỉ học vào đầu năm lớp 8, em tôi mang về những lời than phiền của hàng xóm. Từ đó, đồ đạc trong nhà lần lượt biến mất. Ban đầu chỉ là xe máy được đem đi cầm cố, nhiều lần cầm cố thì bán luôn, hết chiếc này đến chiếc khác. Cây hoa lải đẹp trước sân nhà em cũng kêu người đến bán. Nhiều

lần, sau khi đi làm về, cha tôi thấy đồ đạc bị lục tung lên. May mà giấy tờ nhà đất lúc bấy giờ chưa được cấp, còn đang chờ huyện giải quyết nên không bị mất. Điện thoại của cha mẹ tôi, em đem bán chỉ lấy được vài chục ngàn. Dĩ nhiên, chuyện em đập phá đồ đạc, mắng chửi cha mẹ tôi là chuyện bình thường. Đỉnh điểm, một ngày nọ, cha tôi bị em đánh.

Tôi khai mở Subud được 2 tháng thì việc này xảy ra. Cha tìm đến tôi với một tâm trạng vô cùng đau đớn. Tâm trạng này chỉ cách hành động tự vẫn một tí ti. May mà cha tôi đã không kết liễu đời ông. Ông ở nhà tôi 2 hôm thì lang thang đi nơi này nơi kia rồi về nhà sau khoảng 1 tuần. Tôi chẳng biết làm gì, ngoài việc sùng bái Thượng Đế vô điều kiện. Tôi thật sự đã không cầu nguyện Ngài giúp tôi. Tôi chỉ mang một sự sùng bái mạnh mẽ bên cạnh sự đau khổ của mình trong hoàn cảnh gia đình như thế.

Thượng Đế Toàn Năng Toàn Giác biết tất cả. Ngài đã nhìn thấy chuyện gia đình tôi và giúp đỡ. Một đêm, sau khi thả lỏng tâm trí để ngủ, ngay khi nhắm mắt, Latihan đến khiến cho đầu óc tôi miên man. Tôi nhìn thấy ngôi nhà mà cha mẹ và em tôi đang sinh sống. Hai vị Phật sáng chói toạ trên toà sen vàng rực rỡ ở bên ngoài nhìn vào. Hai vị Phật khác đang đứng trên toà sen vàng ở trong nhà, cùng với ông nội tôi. Tôi cũng đang đứng ở đây. Một vị Phật bảo tôi hãy cầu nguyện. Tôi quỳ xuống bần thờ tổ tiên và lạy. Trong lúc lạy, tôi đã cầu xin Thượng Đế hãy giúp gia đình tôi. Bốn vị Phật sau khi khoát tay vài cái thì những bóng đen u ám trong nhà tôi được gom lại và tan biến. Ông nội tôi với hình hài thanh thoát, như hàng tỉ ngôi sao li ti kết lại đã tròng vào cổ em tôi một chiếc vòng. Đó là chiếc vòng dài, chính xác là một chùm vòng sáng trắng được kết nối từ các tinh thể li ti lấp lánh. Chiếc vòng có thể gọi là cái áo cực mỏng, được phủ vào cổ, bao trùm lấy em tôi. Sau khi khoát lên người em tôi thì chiếc áo biến mất vào bên trong người nó. Một vị Phật còn đưa cho cha tôi một cái gì đấy, tôi không nhớ rõ, sáng vàng. Vật này cha tôi vừa nhận thì cũng biến mất luôn.

Sau đó tôi thấy mình mỉm cười. Tôi còn thấy ông cố tôi vãng sanh theo Phật, riêng ông nội tôi một phần linh hồn quay lại bần thờ, phần khác cũng đi theo bên cạnh Phật.

Đó là giấc mơ đầu tiên sau khi vào Subud mà tôi ý thức rõ về tác dụng của Thần lực Thượng Đế hiển hiện trong giấc mơ và đi vào đời sống.

Vài ngày sau, mẹ gọi điện báo là em tôi khác quá. Nó bỏ điện thoại, cắt kết nối với bạn bè. Không đi chơi bên ngoài. Nói lời xin lỗi rồi khóc. Từ chối tiếp bạn tại nhà. Làm việc nhà thay mẹ. Làm việc ngoài vườn. Nói chuyện ngoan ngoãn lịch sự.

Một tuần sau, mẹ tôi cho hay rằng em đi làm. Quần áo mới đã bán hết trong đợt hư hỏng vừa qua. Lần này em đi làm thợ hồ, vận trên người những bộ quần áo cũ rách của cha tôi. Em vui vẻ với việc đó mà không nề hà xấu đẹp. Xe máy bán hết rồi nên em đi xe đạp. Mấy lúc xe đạp hư thì em đi sớm, đi bộ, gặp ai thì quá giang theo từng chặng đường. Làm được bao nhiêu tiền thì đưa hết cho mẹ tôi. Mẹ tôi thương tình cho em ít tiền để ăn sáng, mua thuốc hút và uống café. Mỗi ngày, em lấy đúng tiền ăn sáng, mua gói thuốc, còn dư trả lại mẹ.

Từ đó về sau, em càng ngày càng tốt hơn, siêng năng làm việc, từ tế khi ra bên ngoài. Thậm chí em không sử dụng điện thoại, dù là một chiếc điện thoại cũ chỉ để nghe gọi. Có lần em gái tôi đòi tặng một chiếc smartphone thì em từ chối vì không có nhu cầu. Em bảo ai muốn gọi em thì gọi cho cha, cha nhắn lại là được. Những mối quan hệ của em giờ tính trên đầu ngón tay, là các anh các chú đi làm chung, và vài người bạn công việc. Em học hỏi cách giao tiếp và kỹ năng sống từ người khác. Nghĩ cũng lạ, thời buổi điện thoại thông minh dễ dàng với muôn vàn thứ hấp dẫn trên Internet như vậy mà em tôi lại thích xem các chương trình nấu ăn, mẹo vặt, tâm lý

đời sống...trên ti vi!

Cha mẹ tôi trút được tảng đá lớn đè nặng trên vai họ sau nhiều năm lo lắng và bất an. Mẹ trở nên khoẻ mạnh hẳn ra. Những cơn đau đầu, viêm xoang, bao tử, cao huyết áp đã không còn hành hạ bà như trước kia nữa. Tôi đặc biệt chú ý đến sự thay đổi của cha. Tinh thần và tư tưởng của ông trở nên phóng khoáng hơn. Ông không còn nhiều đức tính xấu như bạo hành gia đình, mắng chửi, chê bai, đổ kị... Cha không còn cấm đoán mẹ và chị em tôi đi chùa lễ Phật. Cha tôi thậm chí còn có ý định theo đạo Chúa!

Thượng Đế không cho đi du lịch Phan Thiết

Hải Anh Esther

Các học viên yoga muốn đi du lịch chung với nhau một chuyến. Sau năm lần bầy lượt thay tới đổi lui, họ đã thống nhất chọn một ngày đi Phan Thiết trong 3 ngày 2 đêm.

Trước đó nửa năm, gia đình tôi đã đến nơi này.

Tôi vừa là huấn luyện viên, vừa quý mến họ nên nhận lời đi chung cho vui. Tuy nhiên, vào thời gian này chồng tôi đang học tại Sài Gòn nên không ai trông con. Tôi sẽ rủ hai đứa nhỏ đi cùng. Lúc này đứa lớn 8, đứa nhỏ 4 tuổi. Chắc chắn nếu đem chúng theo thì sẽ rất vất vả. Đứa lớn và đứa nhỏ mặc dù cách nhau 4 năm nhưng vì đứa con trai lớn chậm phát triển nên chăm sóc nó vất vả tương đương đứa con gái nhỏ. Cho rằng việc giữ an toàn, ăn uống và vui chơi của tụi nhỏ sẽ vất kiệt sức mình nên tôi nhờ học viên hỗ trợ. Họ đã vui vẻ đồng ý. Thậm chí, có một cô tình nguyện đi theo chỉ để trông chừng bé gái. Vì thế, tôi quyết định đưa hai con đi cùng, bất chấp khó khăn.

Mặc dù vậy, trong nội tâm, tôi nghe có sự cản trở. Tôi cảm thấy ngột ngạt. Tinh thần không dễ chịu chút nào. Đó là tín hiệu không thuận lợi mà tôi thường nhận được. Khi cảm giác này xuất hiện thì mọi cố gắng của tôi cho một việc đến phút chót sẽ bị huỷ bỏ vì các nguyên nhân bên ngoài. Cảm giác này diễn ra từ lúc khởi xướng đi chơi cho tới lúc tai nạn xảy ra với đứa con gái. Chuyến đi được huỷ.

Mọi người hẹn nhau 9 giờ tối khởi hành. Độ hơn 9 giờ xe của nhóm sẽ đến rước ba mẹ con. Hành lý tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để ngay cửa phòng. Đúng 9 giờ chúng tôi sẽ thay đồ.

7 giờ tối, con gái trong lúc chạy chơi với đứa anh họ thì va đầu vào cạnh cửa phòng. Trán phun máu phụt phụt. Mạch máu nhỏ nơi trán bên trái, gần khu vực thái dương của bé bị rách. Tôi, bà các cháu, cô bác anh chị xung quanh thấy máu chảy nhiều quá nên lập tức đưa bé đến bệnh viện. Máu nhuộm đầy chung quanh: quần áo của mẹ con tôi, 4 cái khăn to nhỏ, cửa phòng, tay chân, sàn nhà, bức tường... Bác sĩ chỉ định khâu vết thương, 3 mũi, khâu sống chứ không gây tê vì gây tê sẽ để lại sẹo. Con gái tôi rất can đảm, khâu sống mà bé chỉ giận và khóc thét chút thôi, chứ không la hét ầm ĩ. Vì là vết thương trên đầu nên bác sĩ không cho đi chơi, bảo ở lại địa phương để phòng rủi ro.

Tôi báo với nhóm vì sự cố này mà huỷ chuyến đi, trong lòng cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm.

Sau sự cố ấy, tôi thấy rằng Đấng Toàn Giác đã ngăn cản đúng. Thứ nhất, sự an toàn của mẹ con tôi không được đảm bảo. Thứ hai, gia đình chúng tôi mới vừa đi đến Phan Thiết đó thôi. Thứ ba, trong chuyến đi, mâu thuẫn đã xảy ra giữa các học viên đến nỗi họ lòng dạ không bao giờ đi chung như vậy nữa.

Tôi may mắn được học thêm một kinh nghiệm về sự mách bảo từ Thượng Đế ở trong nội cảm của mình.

Ta không phải là những thứ bên ngoài

Hải Anh Esther

Trong một lần để mình yên tĩnh nghĩ về những chuyện hiện tại, tôi rơi vào trạng thái latihan nhẹ nhàng. Trong đó, một làn gió mát xuất hiện cuốn theo tên gọi bằng chữ của nhiều thứ trôi lênh bênh trên một dòng sông. Vị Thầy bảo với tôi rằng, tất cả chỉ là vỏ bọc, bọc lấy linh hồn của chúng ta, giúp chúng ta tồn tại trên trần gian với mục đích học hỏi. Chúng không phải là chúng ta. Chúng chỉ là những thứ cấu thành nên lớp vỏ. Vì bản chất mỗi vật chất cấu thành vỏ bọc khác nhau, nên đời sống của con người nhìn ở bên ngoài là khác nhau, tùy thuộc vào loại vật chất nào chiếm tỉ lệ phần trăm cao hơn thì người đó sẽ thể hiện ra bên ngoài nhiều đặc tính của loại vật chất đó. Các loại vật chất bằng chữ xuất hiện trên mặt nước là:

- Các thể loại sức mạnh vật chất: tiền bạc, nhà cửa, đất đai, vàng bạc, trang sức, xe cộ, đồ trang trí...
- Bệnh tật: bệnh thể chất, bệnh tâm lý
- Các thể loại khổ đau đến từ tham sân si
- Danh vọng
- Quyền lực
- Tình cảm
- Các mối quan hệ tình thân như cha mẹ, họ hàng, chồng vợ, con cái
- Công việc
- Ngoại hình

Những thứ này chính là những bài học mà ta có được lúc còn sống ở thế gian, giống như hương liệu tẩm ướp vào ta. Chúng sẽ thấm vào linh hồn ta, chần chẫn, ít hoặc nhiều tùy sự tự nhận thức của ta. Tất nhiên, có loại thì rất tinh khôi, hấp dẫn, đẹp đẽ. Một số loại thì hư hỏng. Bằng cách nào đó, Thượng Đế giúp ta tiếp tục phát triển hoặc quay lại học. Một điều mà tôi tâm đắc chính là sự nghiêm khắc của Vị Cha Vĩ Đại khi không ngần ngại đặt cho ta những bài học khó khăn, đầy khó khăn, có khi phải trải vi trắc vấp, qua bao nhiêu thăng trầm chúng ta mới ngộ ra được.

Khi mà những thứ ấy cuốn trôi theo gió, bay hết, từng lớp từng lớp thì bản thể của ta sẽ dần lộ diện. Đến lúc này linh hồn ta được cõi trời hay không còn tùy thuộc vào sự tỉnh thức của từng cá thể. Tôi gọi điều này là sự buông bỏ. Bỏ ít, bỏ dần thì linh hồn được cõi trời từng mảng, từng phần. Chợt mình mẫn sáng bừng, tạm gọi là giác ngộ, có thể buông bỏ hết thì ta sẽ đạt trạng thái tự do đích thực. Ta có chấp nhận một cuộc sống thiếu tiện nghi vật chất? Nếu trong một tuần lễ không có điện thoại, ta có nổi điên không? Ta có đến xin lỗi và ôm lấy người đã làm tổn thương ta không? Ta có vui khi thấy rằng mình đã mất hết toàn bộ tài sản tích góp trong bao nhiêu năm ròng? Mất đi đối tượng thương yêu một cách đột ngột thì sao?

Ta, một người phạm trần, không thể làm được những điều mà các vị thánh làm, thì ta sẽ chọn cách học hỏi. Bằng cách chấp nhận theo lời dạy của Bapak trong lối sống Latihan Subud, ta sẽ học được cách buông bỏ, gỡ từng mảng ô trọc đeo bám linh hồn ta.

Khi có thể làm bớt hơi các cảm giác lệ thuộc, gửi lại Đấng Toàn Năng những thứ ta đã trải nghiệm được, ta sẽ thấy giá trị thật sự của mình, nằm bên trong nội ngã. Đó là thứ không thể cân đong đo, nhìn thấy hay sờ thấy. Bản thân cái giá trị này cũng bao bọc, ôm ấp thứ tinh túy nhất của ta, là hạt vi tế chiết xuất từ Tình Yêu của Thượng Đế. Nói một cách khác, thứ thật sự làm nên ta, là tình yêu của Ngài. Loại tình yêu này sẽ bị chôn vùi sâu trong ta nếu ta đồng ý để những thứ bên ngoài kia che lấp theo khuynh hướng cuốn ngược xuống, làm hư hỏng và sụp đổ cả một kiếp sống ta. Ngược lại, nó sẽ bùng nổ, toả hào quang tươi sáng, vi diệu tràn ngập linh hồn, thể xác ta, làm dâng lên những thứ đẹp đẽ bao gồm cả những thứ phục vụ nhu cầu hiện hữu của ta. Quan trọng hơn cả là hạnh phúc thật sự của ta, là tự do thật sự khi trong lúc còn sống mà ta đã thấy được mình trở về Nguồn.

Không còn tai nạn giao thông tại ngã tư thần chết

Hải Anh Esther

Ngã tư Mỹ Hưng nằm trên quốc lộ 50, là điểm tiếp giáp giữa hai xã Mỹ Hưng và An Hữu. Vị trí đó gần cầu Mỹ Thuận - giao điểm giữa hai tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long. Có một bùng binh tam giác nằm gần ngã tư này.

Năm 2014 vợ chồng và con trai tôi về An Hữu sinh sống và làm việc. Ngay từ những ngày đầu tiên về quê, tôi đã nghe nhiều vụ tai nạn thương tâm tại ngã tư. Sau đó thì tôi tận mắt chứng kiến các vụ va chạm. Nhiều hình骸 được đắp chiếu nằm trên đường. Xe cộ và máu me vương vãi. Một vài vụ xảy ra cách xa ngã tư vài trăm mét.

Bên cạnh tai nạn giao thông, tôi cũng bắt gặp các cuộc rượt đuổi bằng dao, mã tấu và gậy gộc của các băng đảng. Hai lần tôi lọt thỏm vào các cuộc ẩu đả. May mắn tôi chạy xe áp vào dòng người đang đứng hai bên đường xem đánh nhau nên được an toàn.

Người ta bảo rằng khu vực đó nhiều âm khí, nhiều cô hồn vất vưởng. Một gia đình lập tượng Phật Quán Âm Bồ Tát và bàn thờ ngay trước cửa, sát mặt đường, gần khu vực ngã tư. Họ gọi ngã tư này là ngã tư Thần Chết.

Một cách vô tình, tôi đã đặt mình dần thân vào ngã tư và các vùng lân cận. Tôi đi dạy tại các nơi xung quanh khu vực ấy. Tôi chạy xe qua các đoạn đường nguy hiểm, chạy băng qua ngã tư. Tôi đi đám ma ba của một chị học viên yoga đã chết vì tai nạn tại đó. Tôi đau lòng khi thấy xác người mẹ và em nhỏ. Tôi thấy xác đàn ông ngồi trên xe hơi bẹp dúm... Tôi sắp bị mã tấu của đám giang hồ chạm trúng. Tôi quan tâm đến các căn nhà bỏ hoang. Thỉnh thoảng tôi nghe rợn người. Tôi nhìn thấy Phật Quán Âm.

Đồng thời, từ sâu thẳm bên trong, tôi thấy mình có ít nhiều dính líu tới khu vực này. Đó là cảm giác có trách nhiệm. Chẳng hiểu sao tôi tự đặt cho mình một loại trách nhiệm không có tên như vậy. Trí óc tôi không thể lý giải nổi.

Cuối năm 2018 tôi vào Subud.

Một ngày, tôi nghĩ đến hình ảnh Phật Quán Âm Bồ Tát ở đó và tự hỏi rằng tại sao tai nạn xảy ra liên tục vậy. Tại sao các cấp chính quyền và ngành giao thông không mở rộng đường, nâng cấp lên hay gắn đèn đỏ? Ai đó nên hành động để giúp đỡ người dân đi chứ! Tôi bé nhỏ, không thể tự mình thực thi việc trên nên tôi cầu nguyện. Lúc bấy giờ, sau khi nhận thức được tình yêu từ Đấng Quyền Năng và sự hiện diện của Ngài ở bên mình nên tôi thường cầu nguyện. Phật dạy

rằng ta hãy cầu xin cho bá tánh chúng sinh một cách chân thành, chứ đừng cầu lợi lộc cho riêng ta. Lần ấy, tôi đã cầu nguyện Nguồn Đại Lực hãy giúp đỡ khu vực này.

Một buổi tối không lâu sau đó, vừa nằm xuống chuẩn bị ngủ, khi tâm đã an tịnh, khi lý trí mới mòn thì tâm linh tôi trở dậy. Và tôi đã thấy một hình ảnh vô cùng kỳ lạ, sống động lung linh, màu nhiệm không thể tả bằng ngôn từ một cách mạch lạc. Trong trang viết này, tôi cố gắng diễn đạt hình ảnh ấy một cách đơn giản, dễ hình dung nhất.

Bức tượng Phật Quán Âm sáng bừng và bỗng chốc to lớn hơn gấp nhiều lần. Cả một vùng đất sáng rực rỡ. Hơn 30 vị Phật xuất hiện từ trên trời xuống. Họ xuống xung quanh bức tượng Phật Quán Thế Âm. Các vị ngồi xếp chân hoa sen trên các toạ sen vàng. Các vị và toạ sen lấp lánh ánh sáng trắng, vàng tinh khiết. Ánh sáng mạnh mẽ bao trùm từng vị. Họ hướng mặt về ngã tư và bùng binh.

Tôi không thấy chói mắt. Thay vào đó là cảm giác thần thánh, có tác dụng chữa lành. Họ im lặng nhìn tôi bằng ánh mắt tinh khôi tràn đầy tình yêu thương. Tôi đã khóc trong mơ, và cả ở bên ngoài. Tôi xúc động vì gặp họ. Cảm giác thân quen xuất hiện trong linh hồn tôi. Tôi không thấy mình thấp hèn lúc ấy (?).

Tôi còn tìm kiếm thêm điều gì khác. Tôi nhìn lên cao. Vị ấy, to lớn, sáng khùng khiếp, đẹp vô ngần, là hình ảnh Phật. Đó là hình ảnh của Phật Di Đà đang nhìn xuống.

Tôi quỳ sụp lạy Ngài và tất cả các vị Phật.

Những vị ở đằng trước gật đầu chào tôi.

Ở sau lưng tôi là hàng chục linh hồn gãy đập. Họ mang hình hài rách rưới. Họ đứng, quỳ, ngồi, nằm lẫn lộn. Có kẻ lẫn trốn. Có các linh hồn em bé. Có linh hồn chỉ là con mắt, hay một cánh tay. Họ cố gắng cất lời, nhưng họ không làm được. Một số nghe đau như ngàn kim châm khi thấy ánh sáng từ các vị Phật. Số khác thì hạnh phúc, mong ngóng được đi theo.

Tôi tự động đứng sang một bên làm kẻ chứng kiến.

Các vị vừa nãy gật đầu với tôi từ toạ sen bước xuống, đưa tay đỡ lấy các linh hồn, dắt họ lên toạ sen. Các toạ sen bỗng chốc hoá to, đủ chỗ cho họ. Một vị Phật đỡ lấy ba hoặc bốn linh hồn. Có một vị Phật dắt theo được cỡ mười. Bất cứ vị nào dắt được các linh hồn thì vị ấy bay thẳng lên trên, hướng đến Phật Di Đà đang ở trên cao. Nhiều vị Phật ở đằng sau không có linh hồn nào đi theo thì sẽ về sau cùng, đi phía sau các vị Phật trước.

Tôi thấy các vị bay được một chút thì biến mất hoàn toàn. Một loại mùi hương trong lành, nhẹ nhàng, thoảng thoảng còn vương lại. Không khí chung quanh hoá ra nhẹ nhàng như thân tôi vừa trao đi gánh nặng.

Còn một vài linh hồn ở lại. Có giọng nói vang đến tai tôi rằng những người ở lại thì hiền. Họ còn một số trách nhiệm chưa hoàn thành.

Trong mơ, tôi hiểu chắc rằng từ đó khu vực đó sẽ an lành.

Hiểu là hiểu, nhưng tôi vẫn cần phải có thực tế để kiểm chứng những gì mình thấy.

Quả thật, khu vực ngã tư, bùng binh và các khu vực chung quanh từ đó tai nạn không xảy ra nữa. Cuối năm 2019, một nhóm kỹ sư đường bộ và các công nhân thi công sửa sang lại ngã tư. Họ sửa lại góc nghiêng mặt đường, nâng cho nó cao hơn và rộng hơn một chút. Họ cũng chỉnh lại độ cong của con lươn giữa đường. Hiện tại, khu vực này trở nên thoáng đãng, nhà cửa được giải tỏa gần hết vì chính phủ cho xây cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận. Các nhóm giang hồ tan rã. Ngay bùng binh, người ta xây lên tượng đài chùm trái xoài to và cao hơn 20m, biểu tượng cho đặc sản xoài cát Hoà Lộc.

góc tin tức - Thành kính phân ưu

Trong năm 2021 có 4 hội viên Subud ở Việt Nam, Mỹ đã trở về cõi sáng:

Anh Muliono Trần Văn Toàn
1954 - 2021

Hội viên Subud Việt Nam
Mất lúc 7 giờ 50 sáng ngày 04.03.2021, tại
Saigon, Việt Nam

Chị Diệu Nga Nguyễn Thị Mỹ
1965 - 2021

Mất lúc 12 giờ 36 ngày 21.02.2021.
Tại Phoenix, Arizona, Hoa Kỳ

Chị Kim Liên Hà Thị Ngọc Anh
Pháp danh Diệu Lộc

Phụ tá của Bapak - Subud Việt Nam
Mất lúc 22 giờ ngày 14.08.2021
tức ngày 07.07.2021 năm Tân Sửu, tại Saigon,
Việt Nam
Hưởng thọ 83 tuổi

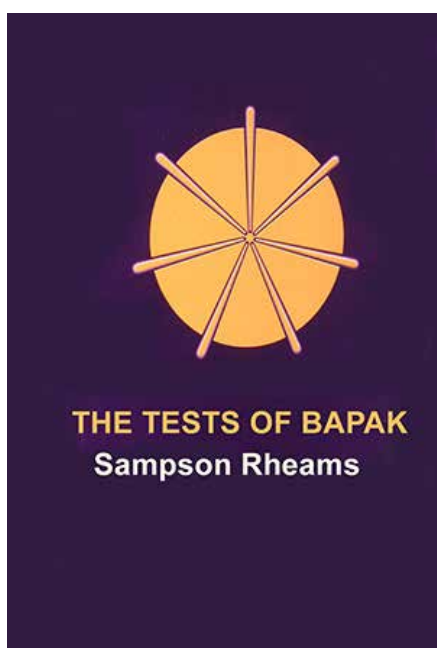
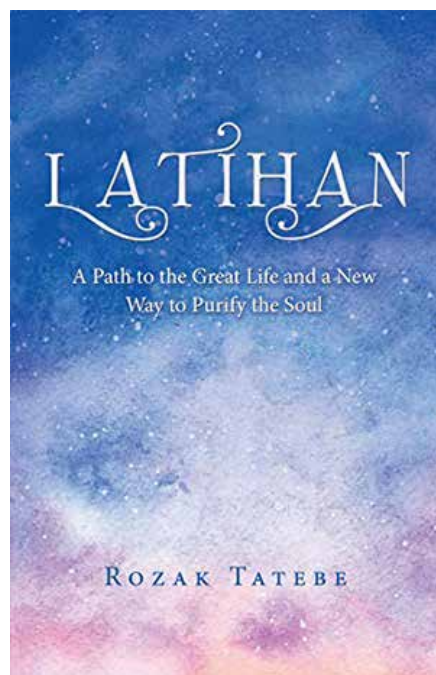
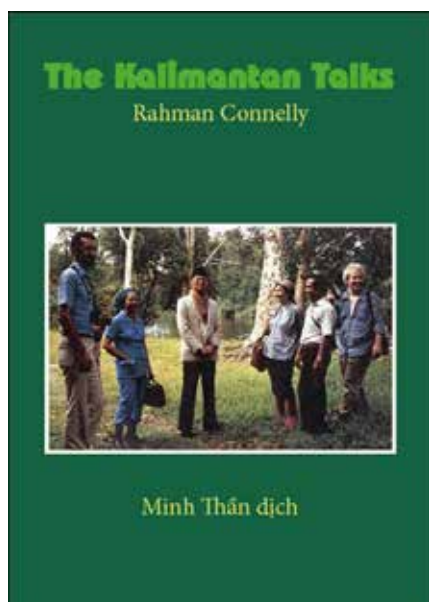
Cụ Bà Amina Nguyễn Thị Tiểu
Pháp danh Nguyên Giác

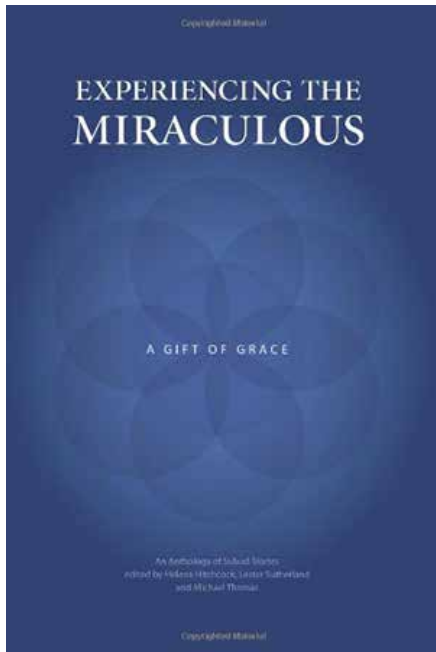
Hưởng thọ 94 tuổi
Hội viên Subud
Tạ thế lúc 13 giờ 55 ngày 26.12.2021, tại Saigon, Việt
Nam

góc sách & hồi ký

chong đèn đọc sách

Những cuốn sách đăng trong năm 2021 trên web góc nhỏ:





góc văn nghệ



Hoàng Nam Hartono



Năm 2021 Hoàng Nam đàn 4 bản Guitar:



Giọt Mưa Trên Lá

Sáng tác: **Phạm Duy**

Giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già
Lã chã đầm ìa trên xác con lạnh giá.
Giọt mưa trên lá nước mắt mặn mà
Thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chồng về

Giọt mưa trên lá tiếng khóc oa oa
Đứa bé chào đời cho chúng ta nụ cười
Giọt mưa trên lá tiếng nói bao la
Tóc trắng đậm đà êm ái ru tình già.

Giọt mưa trên lá tiếng nói thâm thì
Bóng dáng Phật về xoa vết thương trần thế
Giọt mưa trên lá tiếng nói tinh khôi
Lúc Chúa vào đời xin đóng danh vì người

Giọt mưa trên lá tiếng khóc chơi vơi
Thế giới lạc loài chưa thoát ra phận người
Giọt mưa trên lá cố gắng nguôi ngoai
Nói với loài người : xin cứ nuôi mộng dài

Giọt mưa trên lá bồi rồi, bồi hồi,
Ráo riết, miệt mài, em (anh) biết yêu lần cuối
Giọt mưa trên lá bờ ngõ, thôn xao,
Cuống quít, dạt dào, anh (em) biết yêu lần đầu

Giọt mưa trên lá thấp thoáng, bơ vơ
Khép nép, đợi chờ, xa cách nhau vài giờ
Giọt mưa trên lá dĩ vãng xa xôi
Sớm tối bụi ngùi, xa cách nhau một đời

Ừ u u ú ! Ừ u u ú !
Ừ u u ú ! Ừ u u ú !



NGỌC LAN

(1953)

Nhạc và lời:
Đương Thiệu Trức

Valse Lente

Intro.

A Tempo dolce

p Ngọc Lan, dòng suối tơ vương mắt thu hồ diệu ánh vàng.

Ngọc Lan nhàn liễu nghiêng nghiêng tà mây cánh phong nắng thơm ngoài

mf song. Nét thắm tô bóng chiều, giấc xuân yêu kiều, nền gấm cô

liêu. Gió rung mờ suối biếc ý thơ phiêu diêu!

Ngón tơ mềm, chờ phím ngân trùng, mạch tương lai lừng.

Giáng tiên nga giấc mơ nghệ thường lơ lửng.

Ngọc Lan, giọng ướp men thơ, mắt êm làn lụa bông là.

Ngọc Lan trăm ngắt thu hương. Kờ xanh bóng dương phút giây chìm

To Coda sương. Bông hoa đời ngàn xưa tới nay. rung nhạc đó

đây cho đời ngắt ngày. Cho tơ trùng đờn hồ phỉm

loan, thê lương mây nước sắt se cung hàn. Ôi tâm hồn nghệ

sĩ chìm trong hương thắm. Nhớ phút khuê ly, hồn mê tuyết

Puis al Coda hoa, Ngọc Lan. (Ngọc...)

Coda pour finir *mf* Mờ mờ trong mây khói, men nồng u - ấp duyên hững hờ.

Calendo Dẫn dần vương theo gió, tơ lòng dâng bao cùng thương nhớ. *Fine*

ngọc lan



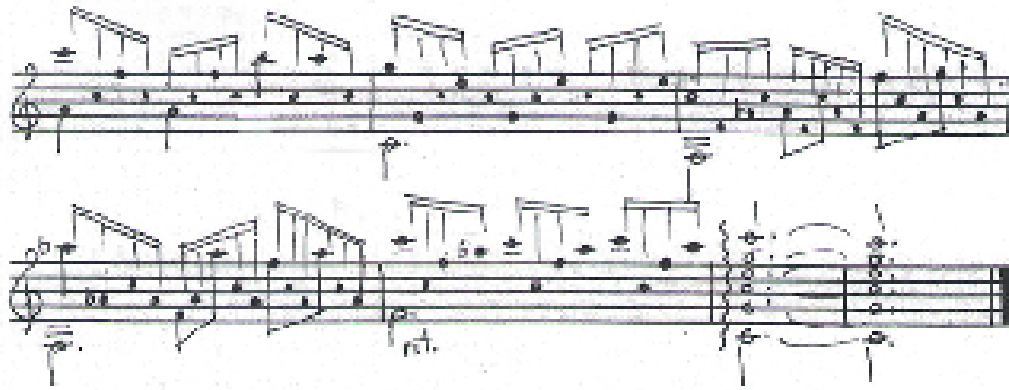
Sáng tác: Dương Thiệu Tước
Sắp cho guitar: Đỗ Đình Hoai
Thần ứng bạn Anh: Hoàng Thế Hải

Valse Lento

The image displays a handwritten musical score for guitar, consisting of seven staves. The notation is written in treble clef and includes various note values, slurs, and dynamic markings. The first staff shows a melodic line with slurs. The second staff includes the instruction "rit." followed by "ad lib.". The third staff has a "rit." marking. The fourth staff continues the melodic development. The fifth staff features a "rit." marking and circled numbers 1, 2, and 3. The sixth and seventh staves also contain circled numbers 1, 2, and 3, indicating specific measures or techniques. The score is densely written with notes and slurs, suggesting a complex piece.

A handwritten musical score for guitar, consisting of eight staves. The notation is written in treble clef with a key signature of one flat (B-flat). The music features a complex melodic line with many slurs and ties, and a bass line with chords and single notes. The score includes dynamic markings such as *p* (piano) and *rit.* (ritardando). The handwriting is clear and legible.

Handwritten musical score for guitar, consisting of seven staves of music. The notation includes treble clefs, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The music features a complex rhythmic pattern with many beamed eighth and sixteenth notes, often with slurs. The fourth staff includes a section marked "pizz." (pizzicato) with a double bar line. The sixth staff has a circled number "3" at the end. A small diamond-shaped stamp is visible in the upper right corner of the page.



Fountain Valley ngày 01.10.2021



Hương Xưa

sáng tác: **Cung Tiến**

Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa?
Người ơi, đường xa lắm con đường về làng diu mấy thuyền
đò.
Còn đó tiếng tre êm ru, còn đó bóng đa hẹn hò.
Còn đó những đêm sao mờ hồn ta mênh mông nghe sáo vi vu.

Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào, thời nào vàng bướm bên ao.
Người ơi, còn nghe mãi tiếng ru êm êm buồn trong ca dao.
Còn đó tiếng khung quay tơ, còn đó con diều vật vờ.
Còn đó, nói bao nhiêu lời thương yêu đến kiếp nào cho vừa.

Ôi, những đêm dài hồn vẫn mơ hoài một kiếp xa xôi
Buồn sớm đưa chân cuộc đời.
Lời Đường Thi nghe vẫn rên trong sương mưa.
Dù có bao giờ lắng men đợi chờ.

Tình Nhị Hồ vẫn yêu âm xưa.
Cung Nguyệt Cầm vẫn thương Cô Tô.
Nên hồn tôi vẫn nghe trong mơ tiếng đàn đợi chờ mơ hồ.
Vẫn thương muôn đời nàng Quỳnh Như thuở đó.

Ôi, những đêm dài hồn vẫn mơ hoài một giấc ai mơ.

Dù đã quên lời hẹn hò.
Thời Hoàng Kim xa quá chìm trong phôi pha.
Chờ đến bao giờ tái sinh cho người?

Đời lập từ những đêm hoang sơ.
Thanh bình như bóng trưa đơn sơ.
Nay đời tan biến trong hư vô,
chết đầy từng mồ oán thù.
máu xương tôi bởi nhiều mùa thu

Người ơi, chiều nào có nắng vàng hiền hòa sưởi ấm nơi nơi?
Người ơi, chiều nào có thu về cho tôi nhặt lá thu rơi?
Tình có ghi lên đôi môi, sầu có phai nhòa cuộc đời.
Người vẫn thương yêu loài người và yên vui cuộc sống vui.

Đời êm như tiếng hát của lúa đôi,
Đời êm như tiếng hát của lúa đôi



Em Bé Quê

sáng tác: **Phạm Duy**

Ai bảo chăn trâu là khổ
Chăn trâu sướng lắm chứ
Ngồi mình trâu, phát ngọn cờ lau
Và miệng hát nghêu ngao
Vui thú không quên học đầu
Năm đời non gió mát
Cất tiếng theo tiếng lúa đang reo
Em đánh vần thật mau.

Chiều vương tiếng diều
Trên bờ đê vắng. .. xa. ..
Đường về xóm nhà
Chữ i, chữ. .. tờ.
Lúa trâu nhót chuồng
Gánh nước nữa là. .. xong
Khoai lùi bếp trâu
Ngon hơn là. .. vàng.

Em mới lên năm, lên mười
Nhưng em không yêu đuối.
Thầy mẹ yêu cũng vì trẻ thơ

Làm việc rất say sưa
Em biết yêu thương đời trai
Đời hùng anh chiến sĩ
Ước mong sao em nhón lên mau
Vươn sức mạnh cần lau.

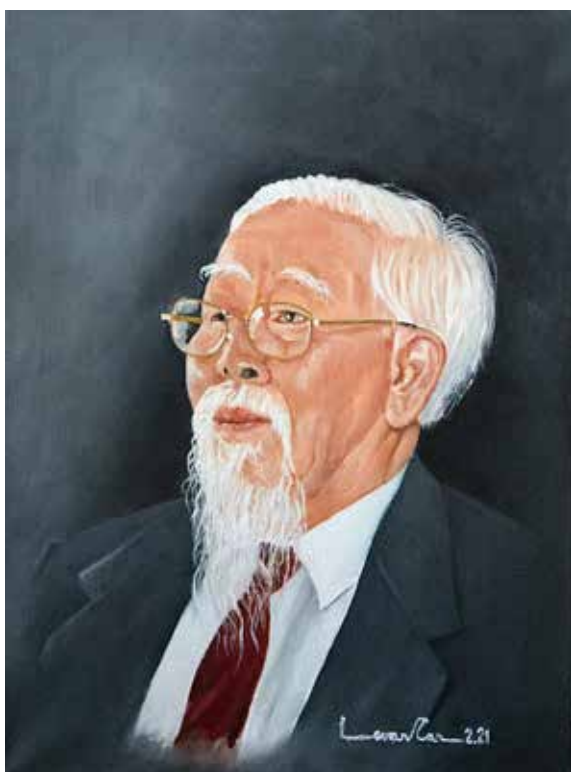
Kìa trăng sáng ngời
Đêm rằm Trung, Trung. ..Thu.
Đời vui trống giòn
Tiếng ca lầy. .. lừng
Từ ngõ gác làng
Đèn đuốc rước triền miên
Bao người đóng góp
Vui chung một. .. miền.

Trâu hỡi trâu ơi đi cấy
Trâu ơi đi cấy nhé
Đồng ruộng kia, với đời cỏ kia
Là của những dân quê
Em bé dân quê Việt Nam
Là mầm non tươi thắm
Sức mai sau xây đắp quê hương
Cho nước giàu mạnh hơn.

Vàng lên cánh đồng
Khi trời vươn ánh. .. dương
Trẻ thơ nhón dậy
Giữ quê, giữ. .. vườn
Đời vui thái bình, cây lúa sớm trở bông
Cỏ ngàn thơm phức, trâu ăn đầy. .. đồng.

Lê Nguyễn

Lê Nguyễn vẽ được trong năm 2021 tất cả 20 bức tranh sơn dầu:





Tặng bức vẽ hình Thầy Bằng và lễ hội tháng Mười

Sau khi tôi vẽ hình Thầy, anh Quế cho Danh biết anh muốn đi Áo gặp tôi cho biết mặt người đã vẽ hình ba anh. Khi được tin này, tôi viết cho anh Quế biết tôi rất hân hạnh được đón tiếp anh tại Wien và nhân tiện trao tận tay thân tặng anh hai bức tranh tôi vẽ Thầy Bằng. Anh ở Đức nơi nào tôi không rõ, Đức và Áo giáp ranh nhau, coi như hàng xóm láng giềng, chỉ có khoảng thời gian này vì đại dịch nên chuyện tới một xứ khác cũng không dễ dàng gì. Anh nói với tôi, khi tình hình đỡ căng thẳng một chút anh sẽ qua chơi.



Bất ngờ giữa tháng 9 tôi nhận được Email của anh, anh cho biết nếu không trở ngại gì với tôi, anh dự định qua Áo khoảng gần cuối tháng 9, đi bằng xe lửa và sáng đi chiều về. Đúng vào lúc này hai vợ chồng tôi được đưa con trai nhỏ Nguyễn-Son rủ đi theo nó sang München. Nó đi học bổ túc nghề nghiệp 3 ngày bên đó, biết tụi tôi chưa biết München nên rủ cha mẹ theo cùng. Bận đi chúng tôi đi xe hơi với nó, chuyến về chúng tôi đi xe lửa về, còn nó lái xe thẳng qua Thụy Sĩ thăm lại bạn bè cùng làm việc ngày xưa. Gần cuối tháng 9 trời đã vào Thu, cây lá đã thay màu, nhưng thời tiết mấy ngày đó nhìn vào dự báo hầy còn đẹp lắm, nắng ấm, không mưa. Dự tính ngày ngày Nguyễn-Son đi học đến chiều tối, hai đứa tôi đi lang thang các khu phố. Thế nên, tôi cho anh Quế biết, nếu anh qua Wien thì nên tránh các ngày tôi qua Đức, còn nếu anh muốn qua Wien chỉ để gặp tôi cho biết và nhất là sáng đi chiều về rất mệt, thì tôi và anh có thể gặp nhau tại München. Đi bằng đường sắt nếu đi từ Đức

qua Áo hay ngược lại đều phải đi ngang qua München, anh Quế chỉ cần đi tới München, đỡ cho anh một đoạn đường dài. Hết sức bất ngờ khi anh cho biết anh ở München cách phố khoảng 25 km nên rất tiện cho anh nếu anh và tôi gặp nhau tại đây, còn thành phố Wien anh đã qua nhiều lần rồi khi còn đi làm, nên thôi để lại lần khác. Anh cho tôi số điện thoại và địa chỉ nhà anh, nếu chúng tôi muốn đến nhà cứ đến, rất tiện đường, 40 phút ngồi S-Bahn. S-Bahn là loại xe lửa có nhiều chuyến và chạy nhanh. Tôi cảm ơn anh, nhưng chỉ muốn gặp nhau tại phố và gặp ngày thứ nhì của tụi tôi. Anh đồng ý.

Thế là ngày đầu tiên tôi và Thanh đi lang thang khắp phố München, hai đứa lội bộ tổng cộng trên 15 cây số để coi tất cả các điểm du lịch nên xem cũng như để biết chỗ mà anh Quế muốn

hẹn gặp nhau. Anh hẹn hai đứa tôi khoảng 12 giờ trưa hôm sau trước tòa Đô Chánh München, tức ngay trung tâm phố chính. Lý do anh hẹn gần 12 giờ trưa khi theo anh lên ngồi trên quán cà phê đối diện tòa nhà Đô Chánh chúng tôi mới biết. Tháp cao tòa nhà này phía dưới cái đồng hồ có một ô cửa trống bên trong có một cái chuông, xung quang vòng theo chuông với nhiều hình nộm. Đúng 11 và 12 giờ chuông tòa nhà sẽ vọng lên vài hồi và cái vòng tròn với các hình nộm trên tháp tòa nhà sẽ xoay vòng vòng, các hình nộm nhảy múa theo tiếng nhạc nửa tiếng cho mọi người xem. Nếu đứng phía dưới sân tòa nhà tức quảng trường Marienplatz nhìn lên khó thấy hơn là ngồi đối diện trên cao nhìn qua.



Lúc gặp anh, chúng tôi hơi ngạc nhiên vì thấy anh chỉ đi một mình, chị nhà đâu không thấy, người Việt mình ít ai làm vậy. Lát sau qua câu chuyện tôi mới biết anh có vợ người bản xứ, chị ngại hay anh ngại? Vợ chồng anh có hai cô con gái, cô nào cũng nhỏ hơn hai con tôi ít tuổi, còn đang học đại học. Tôi cười, vậy là hai đứa mình giống nhau, đều lập gia đình trễ? Anh cười, đâu có tôi lấy vợ sớm đó chứ, nhưng hai đứa tôi chưa muốn vội có con. Ngồi uống cà phê, ăn bánh ngọt, loại bánh đặc trưng của München mùa này. Ba đứa nói đủ thứ chuyện, tôi và anh huyền thuyên về những kỷ niệm cũ

với thầy cô ở trường xưa. Nhờ vậy bây giờ tôi mới biết là gia đình Thầy Bằng cũng có thời gian ở trong khuôn viên trường Hồ Ngọc Cẩn và vì lý do gì thầy được vào trường ở. Trước tới giờ tôi tưởng chỉ có gia đình Thầy Hiệu trưởng Nguyễn Đức Hiếu được ở trong trường.

Khi biết con tôi Nguyên-Sơn đi học bỏ túc ngành y sĩ, anh cho biết em anh, anh Tạ Văn Hợp là một bác sĩ nhi đồng thường theo một hội thiện nguyện của các bác sĩ Đức về Việt Nam giải phẫu, chăm sóc sức khỏe cho dân nghèo bên đó. Anh cho hai đứa tôi Email của em anh và web của cơ quan thiện nguyện này, kể sơ qua về công việc của hội này bên Việt Nam và đề nghị, nếu Nguyên-Sơn lúc nào đó muốn làm công tác xã hội thì liên lạc với em anh hay trực tiếp với hội. Tôi nhìn vào web này thấy bác sĩ Hợp làm phó chủ tịch hội này. Con chúng tôi tấm lòng vốn nhân hậu, rất tốt với mọi người, nó chỉ còn thiếu mỗi việc này chưa làm, hy vọng ngày nào đó Thiên Liêng soi sáng cho nó được theo gương sáng của anh Hợp đi làm những điều hữu ích, tốt đẹp.

Tôi có nghe anh Hoàng Nam nói tới anh dược sĩ Tạ Văn Dương người dòng họ Thầy Bằng vào Subud sau năm 75. Qua anh Quế, tôi được biết anh Dương cũng ở München, nhưng hiện nay anh quá già yếu nên đã vào ở trong viện dưỡng lão.

Anh Quế giống thầy Bằng như đúc, từ cách ăn nói, cười, cử chỉ, ngồi với anh tôi có cảm giác đang ngồi với Thầy của tôi khi xưa.

Sau hơn hai tiếng ngồi chơi với anh, chúng tôi giã từ anh, hẹn gặp lại anh sau này. Anh cho biết một ngày nào đó anh sẽ đến Wien thăm hai đứa chúng tôi.



Hai đồng môn đứng chụp tấm hình kỷ niệm khi xuống khỏi quán cà phê, phía sau là tòa Đô Chánh. Có thể thấy dễ dàng cánh cửa xanh lục nhạt mà tôi đã kể ở trên.

Tay phải anh Quê xách túi nylon màu tím đựng 2 bức tranh vẽ Thầy Bằng, tôi mang sang tặng anh. Ít ngày sau anh viết cho tôi: "Cám ơn anh chị nha. Cái hình anh vẽ ba tôi giống thật. Tôi để trong phòng làm việc, ra vào thấy ông cười thấy vui. Thế nào tôi xem có dịp qua Wien chơi."

Đại dịch bao phủ toàn khối Âu châu, chúng tôi kinh ngạc khi thấy thành phố München đông nghẹt người, dòng người tới lui người đi sát sạt nhau. Người đeo che-mũi-miệng, người không đeo gì cả, nhưng vào trong tiệm thì dân Đức rất tuân lệnh của chính phủ, ai ai cũng đeo che-mũi-miệng đàng hoàng, chỉ bỏ ra khi đã ngồi vào chỗ, còn đứng lên đi đâu thì đeo lại. Quán cà phê chúng tôi ngồi, nhân

viên kiểm soát kỹ càng thẻ xanh (đã chích ngừa Covid hay đã khỏi bệnh) mới cho vào tiệm. Còn các nhà hàng khác gia đình chúng tôi đi ăn những ngày ở đây có nơi kiểm soát có chỗ không.

Chúng tôi tình cờ đi Đức trùng hợp vào dịp lễ hội tháng Mười của thành phố này, tuy năm nay cũng như năm trước thành phố này bỏ không tổ chức lễ hội, nhưng người dân có một số ít mặc đồng phục truyền thống, một số lớn khác mặc đồ thường vẫn lũ lượt kéo về đây ngồi uống bia, họ làm cứ như là chỉ có nơi đây thì bia uống mới ngon.



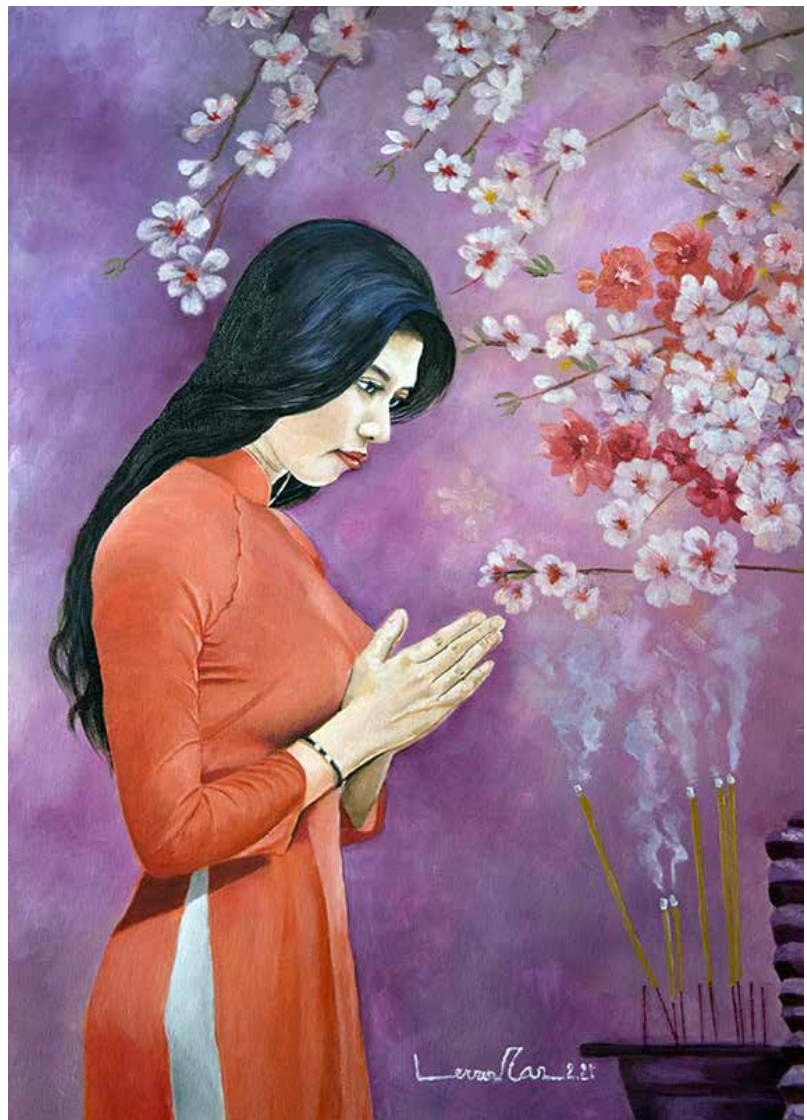
Tháp trong hình trên được gọi là tháp Tàu, cách phố München khá xa phải đi xe bus chứ lội bộ thì không đủ sức. Hai đứa tôi vốn thích cuộc bộ không phải hà tiện tiền (vé dùng 1 ngày cho 2 người với tất cả phương tiện công cộng chỉ có 15 Euro thôi) mà vì muốn đi thơ thẩn để ngắm cảnh hơn, ngoài ra cũng là cách để giữ gìn sức khỏe. Tấm hình trên không nói lên được lượng người tới đó. Hãy tưởng tượng cả một vùng rộng lớn chung quanh tháp bên phải và bên trái ngồi đầy nhóc người, chưa kể số người đi lung tung kiếm bàn trống để vào ngồi quá là nhiều, phải chen nhau mà đi. Trước mặt người nào trên bàn cũng một ly bia cao nghệu và một đĩa thức ăn to thấy on luôn. Họ ăn uống, cười nói vui vẻ cứ như thời chưa có Covid tới ngự trị. Không biết rồi nơi này vài ngày nữa có trở thành ổ dịch hay không! Dân Đức chích ngừa còn ít hơn dân Áo, và Áo chỉ mới chích trên 60 % một chút thôi. Số lượng dân Áo chích rồi chỉ đứng

khoảng giữa khối Liên Âu (62%). Hai đứa tôi nhìn lượng người tụ về quanh tháp này ngồi uống bia, trời càng về chiều họ đến càng đông, hai đứa ớn quá kiếm chỗ ít người một chút chụp vài tấm ảnh rồi đi nhanh ra trạm xe bus trở về. Chích xong 2 mũi vaccine rồi không đồng nghĩa với được bảo vệ khỏi bị Covid 100 %.

Tất cả mọi chuyện trên đời này theo tôi đều có cái duyên của nó, không ngờ là hai đứa học trò cùng học một trường ngày xưa, tôi học trên anh Quế một lớp, lại gặp nhau nơi đất khách quê người.

Tạ ơn Thiên Liêng Toàn Năng cho tôi được cơ duyên này.

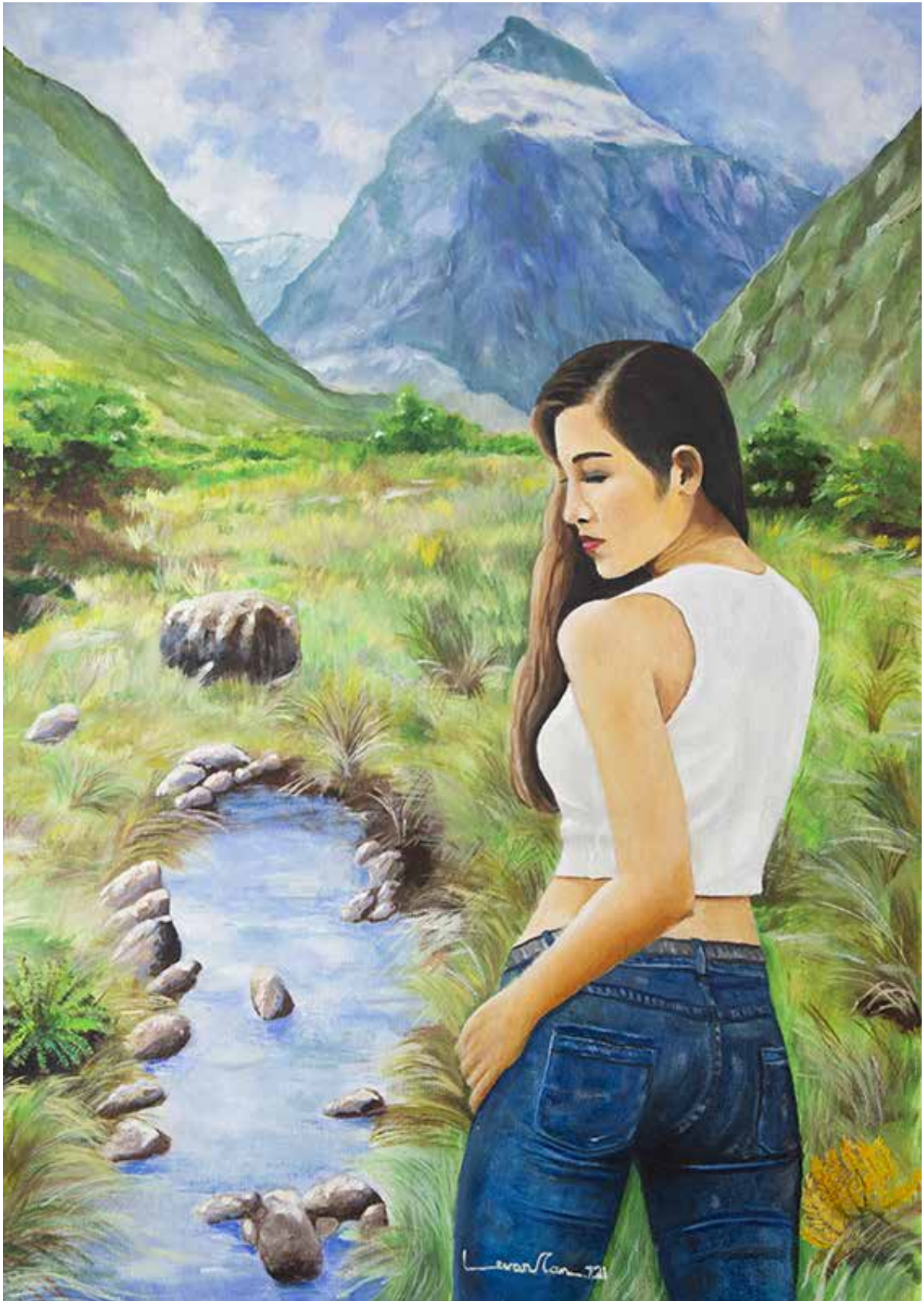
04.10.2021













- TẬP TRUYỆN:**
- Mối Tình Đầu
 - Trong Đêm Thuồng Luồng
 - Đặt Lính
 - Già Là
 - Đếm Lửa
 - Chim Phi Cờ Bay
 - Valentine Mùa Sương
 - Trời Rộng Sông Dài
 - Sầu Thảm Mắt Người
 - Ngọc Rắn
 - Mà Chết
 - Tim Một Đời Sim
- TIỂU THOẠI:**
- Sư Tử Bạt
 - Bóng Đàng Hạnh Phúc
 - Tuổi Thơ Đồng Sĩ
 - Bông Hoa Nơi Tuyến Lửa
 - Nơi Trái Tim Ở Lại
 - (Đã chuyển thể phim truyện 24 tập - Hãng phim TFS)
 - Bông Đen Covid.
- TRUYỆN CHIẾU KINH:**
- Sỏi Biển
 - Linh Miêu & Chuột Ba Chân
- TRUYỆN TRANH (Chuyên đề):**
- Trần Hưng Đạo (2 tập)
 - Hành Phúc Miền Xi Xám (12 tập)

Tim một đời Sim

"*Tim có chiều hướng? Ở đâu có chiều hướng...*"

Giọng nam trầm và miền của người hành khất được lấy có nghĩa, phá vỡ thời không năm nay. Đúng. Nơi đây trước mặt không còn gì nữa ngoài, chỉ còn trên tay đưa. Đó là chiếc vỏ bọc mềm, sống anh qua nỗi buồn làm, đồng cảm với sự giả và rất lớn lúc này.

Trong tiếng hát có gì đó nghe nghẹn ngào một. Nơi chuyện buồn ngày xưa đến nay còn đâu."

Chân dung thi giả
Đàn ông thì là Kỳ Tử

Tranh của họa sĩ Nguyễn Văn Bình

Giá: 150.000đ

phan đức nam

TİM MỘT ĐỜI SIM

TẬP TRUYỆN

PHAN ĐỨC NAM

PHAN ĐỨC NAM
Quê Tiền Hải, Thái Bình
Viết văn từ năm 1990

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC

- Giải thưởng Truyền ngôn hay Hội Nhà văn TP HCM 1991 - 1992
- Giải B Văn học Thủ đô năm 1993, 1995
- NXB Kim Đồng & Hội Nhà văn VN
- Giải A Truyền ngôn Báo Tuổi Trẻ 1999
- Giải B (Mảng có giải A) Truyền ngôn Đông Nam Bộ 2001 (ở tại Châu Âu Đ)
- Giải Bút ký 2002-2004
- Tạp chí Văn nghệ Quân đội
- Giải thưởng Huyện Văn Nghệ (2009-2003), (2005-2010), (2010-2013)
- Giải B Truyền ngôn 20 năm Bộ đội Biên phòng (2009)
- Giải thưởng ngôn hay Tạp chí Nam nước Hội Nhà văn Đà Nẵng 2008
- Giải 3 lần vào top tạp truyện ngôn hay Báo Văn Nghệ (2001; 2007; 2015)

KY VIÊN CHỈNH SỬ SỰ NGHIỆP VĂN HỌC HỒNG ĐOẠT VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Phía sau bức họa

Tôi học chung lớp với nhà văn Phan Đức Nam 7 năm trung học Hồ Ngọc Cẩn. Hồi còn trung học văn tài của Nam chưa lộ dạng, không bạn bè nào trong lớp biết Nam có khiếu viết văn. Riêng tôi mãi tới năm 2010 gặp Nam tại buổi họp mặt bạn bè cũ cùng lớp P3 năm xưa tôi mới biết Nam đã viết văn từ năm 1990 và hiện là một nhà văn nổi tiếng ở Việt Nam, đoạt được nhiều giải thưởng văn học, có trên 20 quyển sách ấn hành. Nam mang cuốn sách mới xuất bản đến buổi họp mặt ký tặng tôi.

Khi các cựu học sinh trường Hồ Ngọc Cẩn quyết định ấn hành đặc san kỷ niệm "Một thời để

nhớ" tôi có biết qua tin này từ web của anh Nguyễn Việt (anh đã mất, web đã đóng cửa), các anh kêu gọi đồng môn khắp nơi trên thế giới gửi bài về đóng góp. Tôi không tham dự vì nguồn cảm hứng viết không còn nữa. Chỉ còn ít hôm hết hạn gửi bài bỗng đâu tôi nhận được thư Nam. Nam mong tôi viết bài cho tập san và cho biết Nam được các đồng môn đề cử trông coi bài vở cho đặc san này. Nam cho biết, đọc qua các bài viết tôi gửi đăng xưa kia trên web Hồ Ngọc Cẩn, Nam đoán biết tôi thể nào cũng có viết bài đăng báo hải ngoại, Nam bảo tôi hãy gửi cho Nam 2, 3 bài cũ cũng được, nếu không còn viết kịp nữa. Cũ người mới ta. Với người bạn cùng nhau mài đũa ghế nhà trường 7 năm thật khó lòng từ chối. Tôi lấy 3 bài cũ có chút hơi hám học đường gửi cho Nam, để Nam chọn một bài nào đó. Thật ngoài sự mong đợi của tôi, Nam đăng hết. Tôi có được cuốn đặc san với bài của mình để giữ kỷ niệm về ngôi trường thân yêu, bây giờ đã mất tên. Cảm động hơn nữa Nam gửi cuốn đặc san qua tặng cho tôi với rất nhiều chữ ký của bạn bè cùng lớp, có vài đứa bây giờ chỉ còn chữ ký và ít lời của tụi nó chân tình viết cho tôi, còn tụi nó đã bỏ bạn bè đi xa rồi. Kèm theo gói bưu kiện lại thêm một cuốn sách của Nam vừa tái bản với chữ ký đề tặng.

Rồi từ đó hằng tháng tôi vào internet xem tạp chí văn nghệ nơi Nam là biên tập viên, tôi tìm bài Nam để đọc. Nam không chỉ chuyên viết truyện ngắn, Nam viết cả ký sự. Loại nào Nam viết cũng rất hay. Lại thêm một bất ngờ khác đến với tôi, Nam lấy một bài của tôi mà Nam đã cho đăng trên đặc san Hồ Ngọc Cẩn cho đăng lại trên tờ văn nghệ này. Tôi nợ Nam nhiều quá.

Trong khi bạn bè bên Việt Nam đều về hưu ở tuổi 60, Nam vẫn miệt mài viết cho mãi đến năm vừa qua (2020) mới chịu về hưu. Về hưu ở đây là Nam nghỉ viết thường xuyên cho tạp chí này, nhưng viết lai rai cho vài tạp chí khác thì Nam vẫn còn. Nam tâm sự, viết là lẽ sống đời Nam, Nam chỉ ngừng viết khi Nam không còn thở nữa. Cảm động nhất nhiều năm sau này khi Nam sáng tác được một truyện ngắn mới, Nam đều gửi cho tôi đọc trước khi bài đó đăng trên tạp chí nào đó bên Việt Nam. Luôn luôn với một câu quen thuộc: "Tán đọc chơi đỡ buồn, mình chỉ gửi cho riêng Tấn đọc, nếu được viết ít chữ cho biết ý kiến".

Truyện ngắn "Tìm một đời sim" Nam cũng đã gửi cho tôi, cũng 'đọc chơi đỡ buồn'. Nam thố lộ, tờ tạp chí đã đổi tựa thành "Đằng sau câu hát", Nam viết: "Tựa nào cũng hay cả". Lần nào đọc xong tôi cũng ít chữ viết cho Nam, riêng truyện này tôi cho Nam biết, tôi thích tựa cũ của Nam hơn, dù là tựa nào cũng hay cả. Nam viết lại: "Nếu sau này có gom in sách Nam sẽ để lại tựa cũ. Có lẽ Nam cũng thích tựa cũ do Nam đặt hơn. Không ngờ bây giờ chẳng những Nam giữ lại tựa cũ mà còn lấy tên đặt cho toàn tập truyện.

Rồi bất ngờ tuần lễ 8 tháng 8, Nam thư cho tôi, ngõ ý muốn tôi vẽ chân dung Nam và rán xong trước đầu tháng 9 để Nam đăng kèm theo cuốn sách sẽ đem đi in vào đầu tháng đó. Nam viết: "Mình muốn Tấn có với mình chút kỷ niệm văn nghệ". Hết sức cảm động tâm lòng người bạn học cũ đối với tôi. Tôi đồng ý thử. Tranh chân dung dạo gần đây nhờ vẽ khá thường nên mỗi bức tôi vẽ từ 4 đến 7 ngày là xong. Nam gửi cho tôi hình trên của Nam và viết:

"Mình vừa gửi hình chân dung. Tấn vẽ nền phía sau nhẹ nhàng cây lá sông nước.. mờ mờ phía sau giùm nhé. Mình yêu thích cảnh thiên nhiên, thôn dã. Rất kính phục thi hào Tagor chỉ bằng đôi câu thơ mà nói được sự tuần hoàn tái sinh...

*Ta không còn nữa cây ơi
Thì xin lá mới xanh đời thay ta.
R. TAGOR "*

Tôi hết hồn khi đọc mấy hàng chữ trên của Nam. Tôi đâu phải họa sĩ và thời đại này là thời của kỹ thuật số mà Nam gửi cho tôi bức ảnh mờ mờ không rõ mấy, còn biểu tôi vẽ huyền ảo khói sương nữa, sở trường của tôi là vẽ tranh hiện thực thì làm sao tôi vẽ nổi đây.

Khi tôi vẽ xong bức họa trên gửi cho Nam, tôi viết thành thực lòng mình: "Tấn hết sức cố gắng trong khả năng giới hạn của mình, nếu Nam thấy được thì dùng không thì bỏ, không sao hết, mình không bao giờ tự ái, buồn bạn gì cả". Nam viết trả lời ngay, chỉ muốn tôi vẽ thêm con đường đất nhỏ màu nâu trên đôi vai Nam, diễn tả một cuộc đời thăng trầm đè nặng trên đôi vai phong sương Nam đã đi qua, thêm chút màu vàng trên lá, cho thấy cuộc đời Nam đã bắt đầu ngã bóng. Theo ước muốn của bạn tôi vẽ lại nền chân dung khác. Thất bại hoàn toàn, màu sắc không hài hòa. Tôi nản quá không gửi hình bản vẽ mới sửa lại theo ý Nam. Tôi viết thư thành thật xin lỗi bạn, tôi bất tài và xin Nam cho tôi rút lui, bỏ cuộc.

Nam lặng lẽ đem nộp bức ảnh chụp bức chân dung tôi vẽ Nam khi chưa sửa lại phần nền cho NXB, họ dùng Photoshop chế biến phần nền để được theo ước muốn của Nam: có con đường đất trên đôi vai Nam với ít màu lá vàng đổi màu. Thôi thì, miễn bạn của tôi thấy hài lòng và vui là tôi cũng vui lây.

Rồi đại dịch bao trùm thành phố Sài Gòn việc in sách Nam cho biết tạm dừng lại, chờ qua cơn sóng gió. Riêng tôi, tôi nghĩ trong tình trạng khó khăn như vậy, NXB chắc không còn ý định tiếp tục việc in tập truyện nữa. Bất ngờ ngày 28/11 Nam viết thư cho tôi cho biết sách đã in chỉ còn chờ lưu chiếu kiểm duyệt 15 ngày rồi lưu hành. Nam gửi cho tôi xem hình bìa mới. Trước kia hình bìa trước của sách là đóa hoa sim tím bây giờ là cô gái. Nam cho biết khi sách chính thức phát hành 5/12 sẽ gửi sách tặng tôi ngay. Tôi mới được bạn cho biết đã gửi sách, kèm theo gói hàng là 6 cuốn sách khác tôi chưa có. Đa tạ bạn tôi. Cầu chúc bạn luôn thành công.

Bức chân dung của Nam bây giờ nằm ở phía sau bìa sách tập truyện mới xuất bản của Nam. Một chút duyên văn nghệ với người bạn ngoài sự mong đợi.







Bài cũ sách mới

ĐA TẠ



Khoảng đầu tháng 8, khi tập thơ Mẹ Hiền tôi gửi tặng đã đến tay Lê Nguyễn, cũng là lúc tôi nhận được E-mail của anh. Ngoài những lời cảm ơn và thăm hỏi thân tình, anh còn mời vợ chồng tôi ghé chơi bất cứ lúc nào thuận tiện. Bởi vậy nhân dịp giữa tháng 10.2018 tôi có mặt ở Wien nên đã đến thăm anh như đã hứa.

Hôm đó Lê Nguyễn ra đầu ngõ đón tôi và Lê Tuấn. Tuy không nhớ căn nhà nào trong khu vực có nhiều lối vào vì đã hai mươi lăm năm không gặp lại nhau, nhưng tôi vẫn nhận ra anh. Dù có đổi thay đôi chút nhưng so với tuổi tác thì trông anh vẫn còn trẻ.

Thuở ấy tôi và Lê Nguyễn xấp xỉ bốn mươi, tôi tuy ở xa nhưng thỉnh thoảng về Wien sinh hoạt Phật sự nên đã có nhiều dịp gặp nhau khi anh phụ trách tờ Nội san Hoa Sen giúp anh Lê Văn Ty, là Hội trưởng Hội Phật tử Việt Nam tại Áo. Vào năm 1995 khi anh Ty rời Ban Chấp Hành

Hội cũng là lúc anh không có nhiều thời gian nên tôi đã thay anh để làm tiếp tờ Hoa Sen cho đến khi đình bản vào năm 2003.

Với báo Hoa Sen, anh làm hết mọi chuyện từ vẽ tranh bìa, minh họa cho đến góp thơ văn, trình bày và in ấn. Trong thời gian này anh Lê Văn Ty và tôi có đến thăm một lần nhưng không nhớ là hồi đó Lê Nguyễn đã vẽ tranh treo tường chưa, giờ thì nhiều màu sắc hơn khi chủ nhà đưa tôi đi một vòng từ phòng ngủ, phòng khách, phòng ăn... nơi nào cũng có sách, tranh và hoa. Ngoài tranh của chồng, có lẽ ở phòng khách còn chỗ nên Hoàng Thanh phu nhân trong một chuyến về thăm quê nhà đã mua hai bức tranh nữa cho đủ bộ sưu tập.

Tranh của Lê Nguyễn gồm hai nội dung: Chân dung và Chủ đề. Về tranh chủ đề có chừng 50 tác phẩm đủ sắc màu mang lại sự tươi mát cho không gian sáng tác của anh qua nhiều đề tài nhưng nổi bật hơn cả là 'sông nước đồng quê' và nhất là tranh 'thiếu nữ', luôn thu hút người thưởng lãm cho dù khó tính đến đâu cũng không thể quay đi vì chỉ một nụ cười của 'người đẹp

trong tranh' nhưng nói lên được rất nhiều điều. Tôi rất thích “huong xuân” là bức tranh thiếu nữ đầu tiên tôi được xem. Sau đó là “hoa tím”, “nguyện cầu”... để thấy sự già dặn và khéo léo khi tác giả lột tả được chủ đề. Và mới nhất trong tuần này với “thu vàng”, người xem sẽ ngỡ ngàng như đang ở Huế ‘nhìn những mùa thu đi’ trong tiết nuối nhưng vẫn còn mãi với thời gian. Theo tôi đây là một phân khúc rất thành công của họa sĩ Lê Văn Tân.

Với tranh chân dung có khoảng 40 tác phẩm dành cho gia đình từ ông bà, bố mẹ cho đến vợ con và một vài nhân vật có tiếng tăm, đồng nghiệp và bạn bè xa gần đó đây. Ngoài số bạn bè ấy, trong lần viếng thăm này tôi thật vui và cảm động khi bất ngờ được LN tặng bức chân dung ‘Mạ’, là tác phẩm mới nhất của anh được hoàn tất trong tháng 9, phỏng theo tâm hình ‘Mạ tôi’ trong bài “Hai Người Mẹ” trên Blog cuối tháng 8.2018 vừa qua. Nét đẹp của bức tranh không những là hình ảnh của ‘Mạ’ ngoài đời hay trong tranh chỉ là một, mà tác giả còn dùng màu tím như để tôn vinh sự trang nhã của người phụ nữ trong màu áo tím, là màu mà mỗi khi nhắc đến ai cũng nghĩ đến Huế.

Nhắc đến gia đình thì giữa chúng tôi cũng có điểm giống nhau khi chỉ mới mấy tuần gần đây thôi vào giữa tháng 10, khi tôi trở lại Áo thì mẹ tôi vẫn chưa được bình phục, y như trường hợp của Lê Nguyễn vào cuối tháng 11.2016 khi nhận được báo tin từ Việt Nam mẹ bị đau nặng có lẽ sẽ qua đời. Vợ chồng anh và hai con khẩn cấp bay về Việt Nam nên đã có một thời gian ở bệnh viện để chăm sóc mẹ nhưng rồi cũng phải trở về Áo. Không lâu sau đó, đến tháng 1.2017 nhận được tin mẹ qua đời thì gia đình anh không thể về được nữa, mọi việc hậu sự đều được hai người em lo lắng. Với mẹ tôi cũng vậy, nay như ngọn đèn trước gió và không ai tránh khỏi tuổi già nay yếu mai đau.

Không ngờ lần gặp lại Lê Nguyễn cũng là lúc hai chúng tôi đã về hưu vì sanh cùng năm nhưng khác quê quán. Lê Nguyễn gốc ở Mỏ Cày, Bến Tre, sống với bà nội từ khi chào đời cho đến tuổi đi học mới theo ba má lên Sài Gòn, cựu học sinh trường Hồ Ngọc Cẩn. Vào Mùa hè đỏ lửa xong chúng chỉ Dự bị Khoa học, mới thập thò trước ngưỡng cửa y khoa thì bị động viên vào quân đội, khóa 4/72 Thủ Đức. Sau tháng 4.1975 vượt đường biển đến Thái Lan, định cư ở Áo tháng 6.75. Tốt nghiệp Tiến sĩ Hóa học vào tháng 3.1987, đây cũng là năm tôi đi vượt biên ở Cần Thơ vào mùa hè, đến Áo tháng 12.1988. Hai năm sau đó, khi chúng tôi quen nhau qua tờ Hoa Sen với nhiều ấn bản khoảng từ trước năm 1990, thì đến nay tôi vẫn còn nhớ mỗi số đều có tranh bìa và minh họa rất đẹp được ký tên Lê Nguyễn, thì chắc chắn một điều, không phải tự nhiên mà anh vẽ được như thế tính đến nay đã gần ba mươi năm. Thắc mắc này đã được anh giải đáp:

“Tôi có khiếu chút đỉnh về hội họa và rất mê vẽ. Người thầy vẽ đầu tiên là người thầy năm học lớp Nhất (lớp 5 sau này) ở trường tiểu học Hùng Vương Chợ Lớn. Khi vào trung học Hồ Ngọc Cẩn, cũng như mọi trường trung học khác, trường tôi có một người thầy họa sĩ dạy vẽ từ lớp 6 tới lớp 9. Qua Áo, tôi có mua một số sách để học thêm về kỹ thuật, dạo sau này thì vào internet học lóm của các họa sĩ. Bây giờ về hưu rảnh rỗi quá nhiều nên giết thời giờ bằng sở thích của mình thì không còn gì bằng. Lại được bà vợ luôn khuyến khích, tìm dùm đề tài, nhưng bà cũng chính là người chê nhiều nhất. Lâu lâu được hai đứa con nhờ bố vẽ cho vài bức treo chơi (làm bố khoái tí luôn). Mấy ngày nay mũi tôi nở hơi lớn vì được thêm anh thích tranh”.

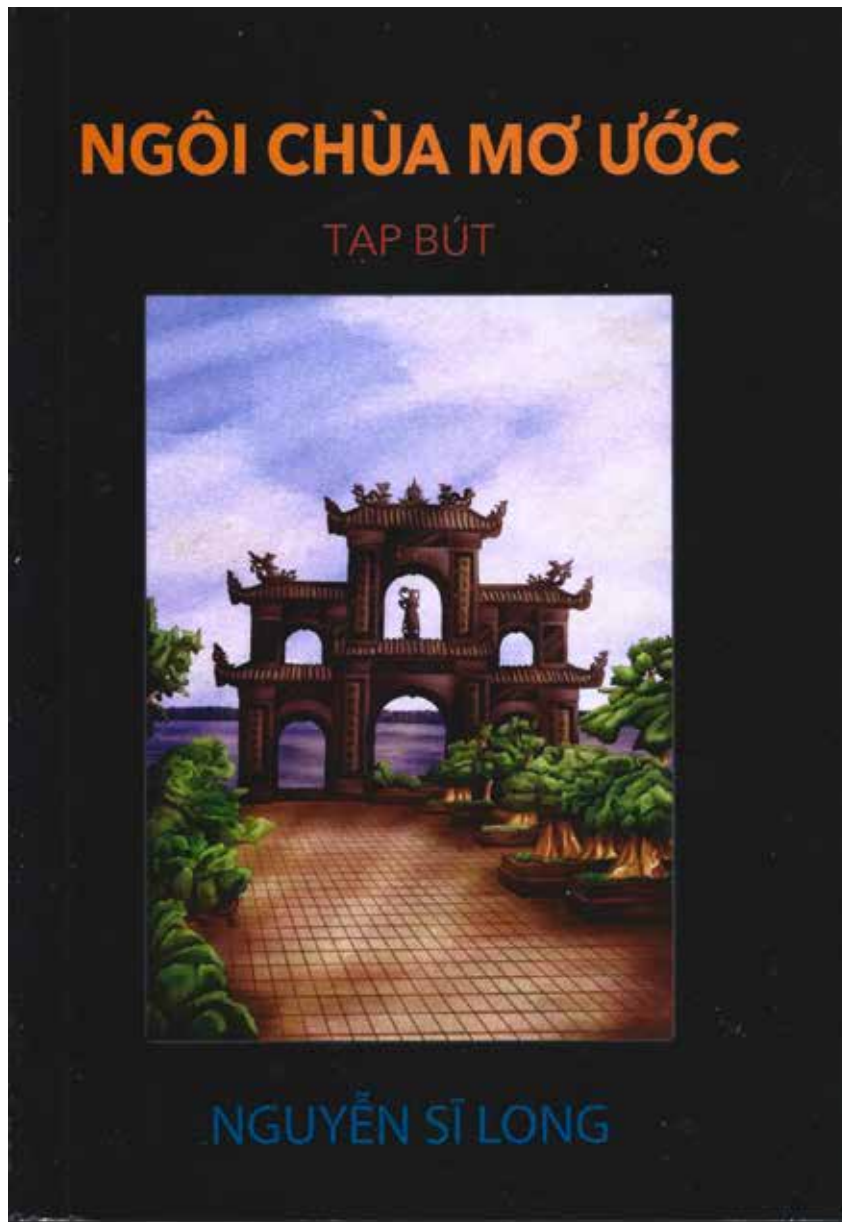
Thật vậy, tôi rất thích tranh Lê Nguyễn. Mỗi tác phẩm của anh là mỗi góc kỷ niệm, của quê hương ruộng vườn, sông nước hiền hòa nên rất gần gũi, thân thiện và lôi cuốn người xem.

Đa tạ Lê Nguyễn với bức chân dung ‘Mạ’ cùng nhiều cảm xúc và ấm áp, như không gian đã được thu ngắn khoảng cách để mỗi ngày được nhìn thấy người Mẹ yêu quý trong tâm niệm

bình an.

NGUYỄN SĨ LONG
Salzburg, 08.11.2018

Bài ĐA TẠ nhà thơ Nguyễn Sĩ Long đã để vào tập tạp bút ký Ngôi Chùa Mơ Ước in gần cuối năm 2021. Anh đã mang đến tận nhà tặng vợ chồng tôi món quà Giáng Sinh văn nghệ. Hai đứa tôi trước đó cũng dự định ghé qua nhà anh biếu vợ chồng anh ít bánh ăn vào dịp Giáng Sinh do chính vợ tôi làm, chưa kịp đi thì anh đến, nên trong chỗ thân tình không khách sáo tôi trao anh luôn ít bánh ăn lấy thảo và cũng nhân dịp tặng lại anh món quà văn nghệ nhỏ, cuốn sách Tím Một Đời Sim của đứa bạn nhà văn có hình tôi vẽ.



NGUYỄN SĨ LONG

Bút hiệu: Chí Long, Trầm Sen.

Sinh vào tháng 11.1952 tại Huế. Nguyên quán làng Chính An, Phong Điền, Thừa Thiên, Huế.

Tốt nghiệp Cử nhân Luật khoa (Huế 1974).

Định cư tại Áo tháng 12.1988.

Góp thơ văn trên các báo: Hoa Sen (Áo), Nguyệt San Độc Lập, Măng Non, Văn Nghệ Trẻ, Báo Viên Giác Hannover (Đức), Làng Văn (Canada), Non Nước (Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do, Hoa Kỳ).

Góp mặt trong 4 tuyển tập thơ văn:

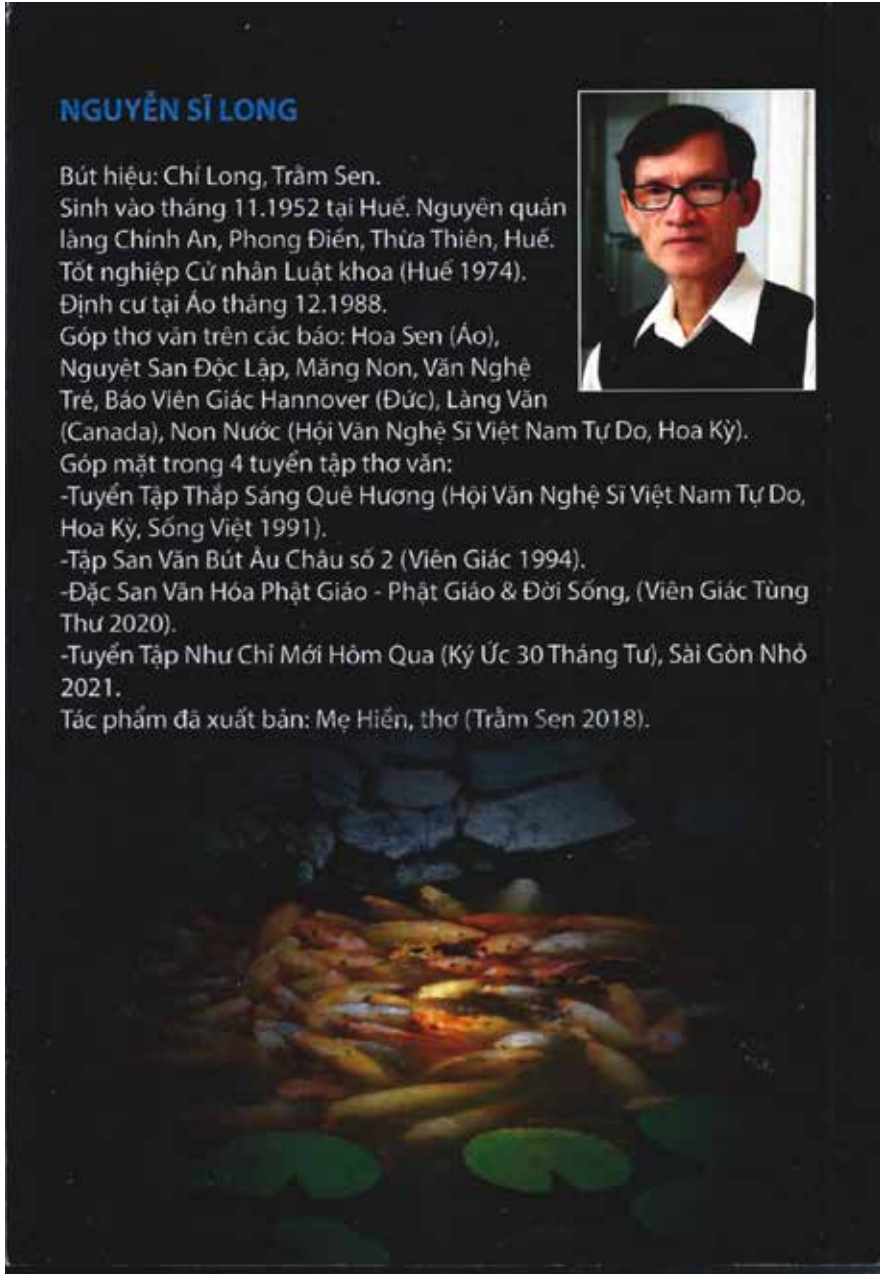
-Tuyển Tập Thắp Sáng Quê Hương (Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do, Hoa Kỳ, Sống Việt 1991).

-Tập San Văn Bút Âu Châu số 2 (Viên Giác 1994).

-Đặc San Văn Hóa Phật Giáo - Phật Giáo & Đời Sống, (Viên Giác Tùng Thư 2020).

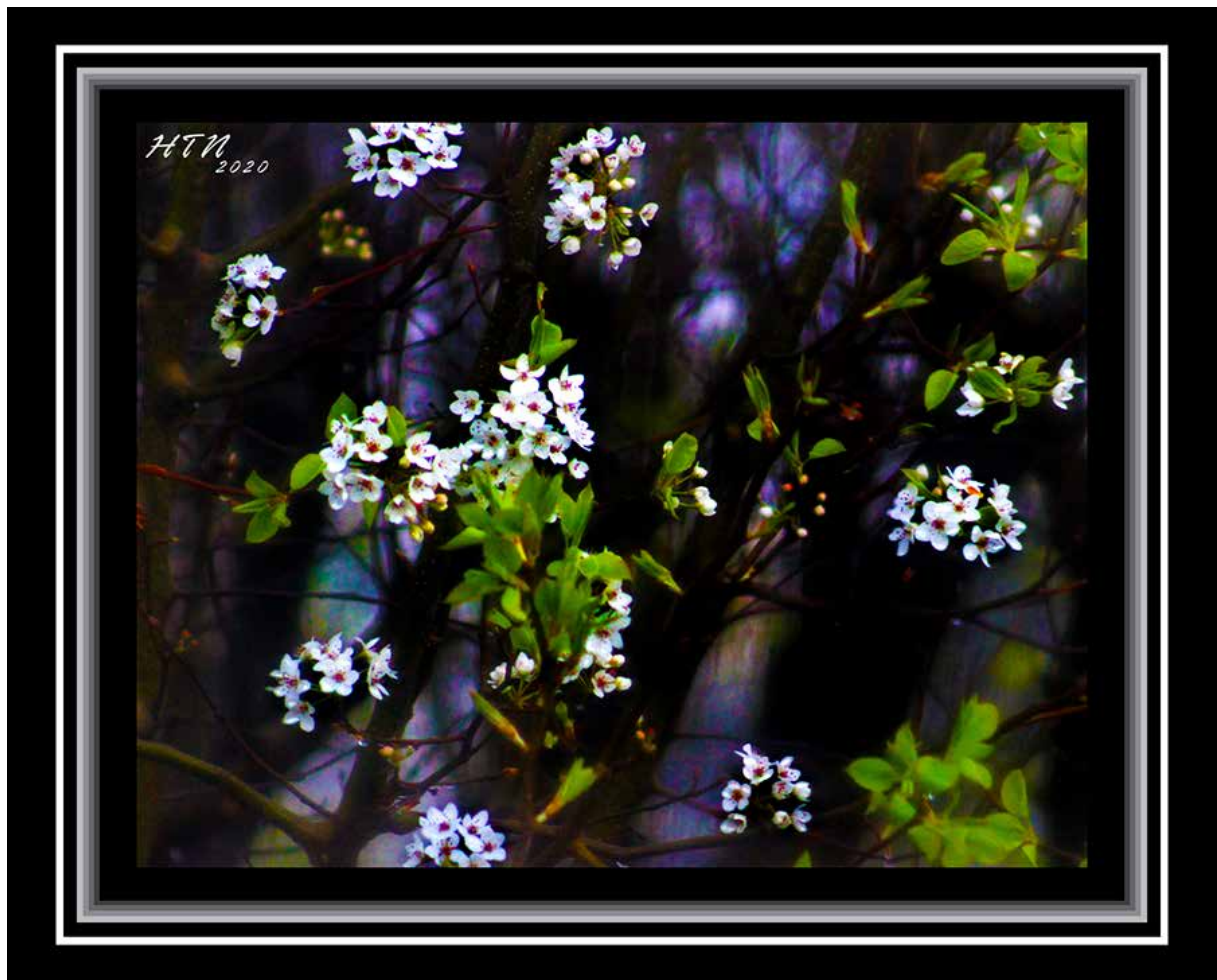
-Tuyển Tập Như Chi Mới Hòm Qua (Kỷ Ưc 30 Tháng Tư), Sài Gòn Nhỏ 2021.

Tác phẩm đã xuất bản: Mẹ Hiện, thơ (Trầm Sen 2018).



HTN - Hiếu Tường Nguyễn

Trong năm 2021 có 47 tấm ảnh tuyệt đẹp được trình làng.





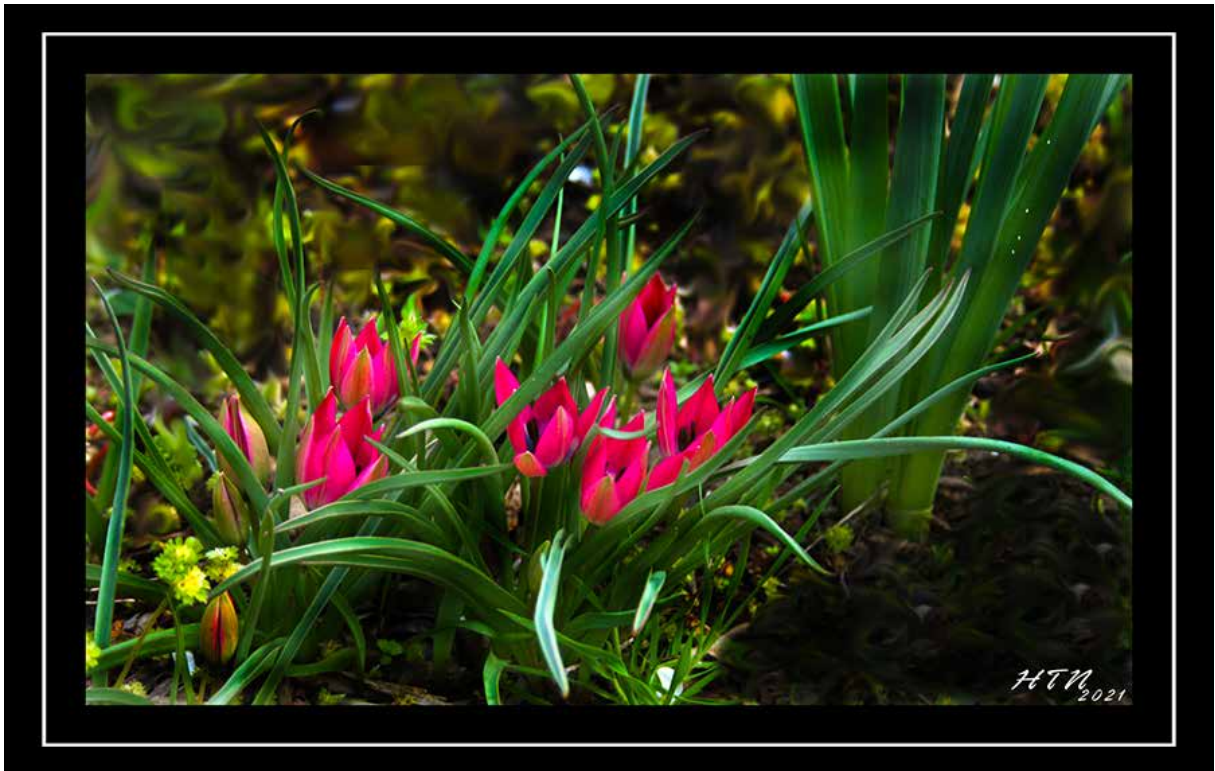






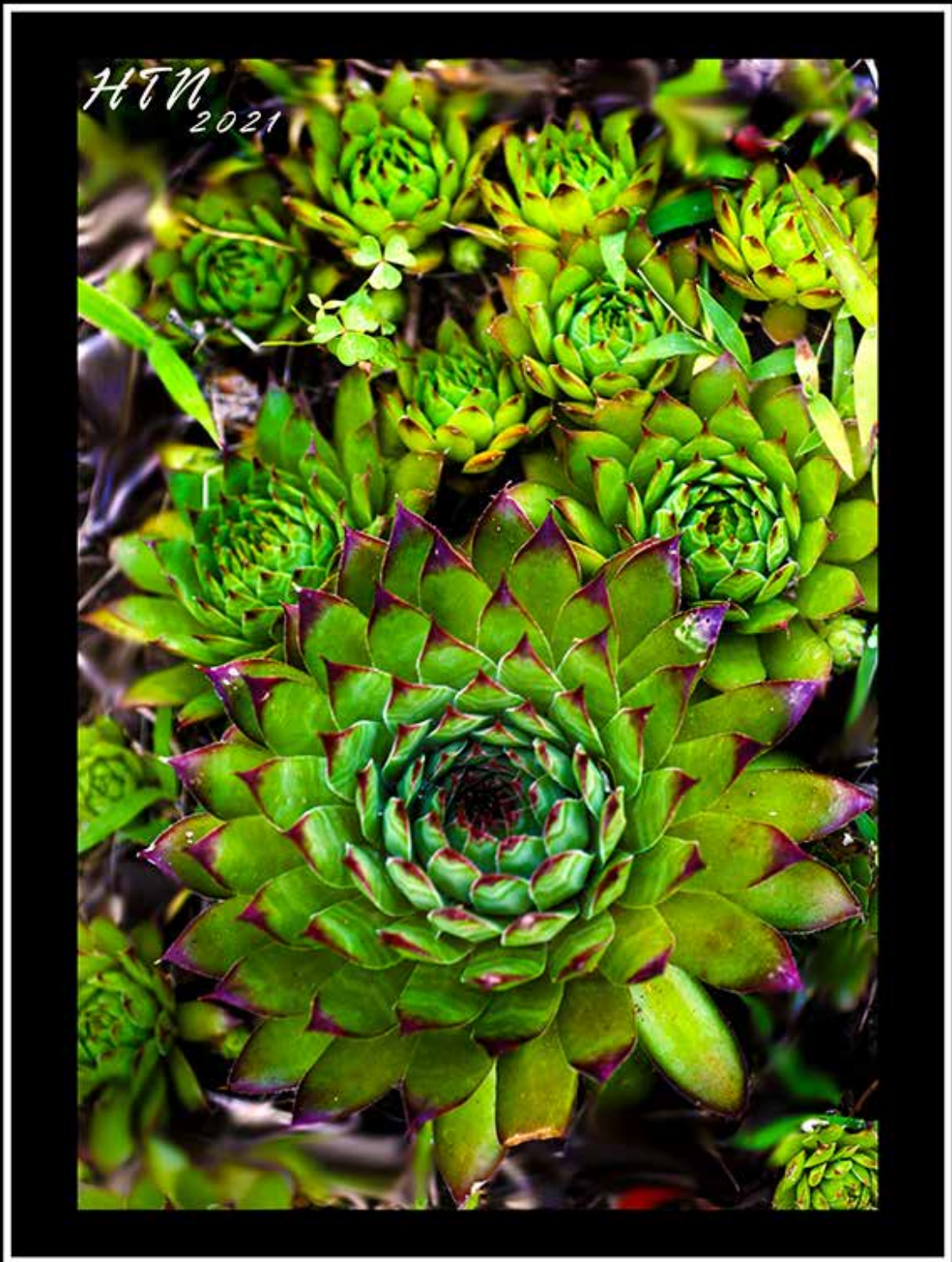




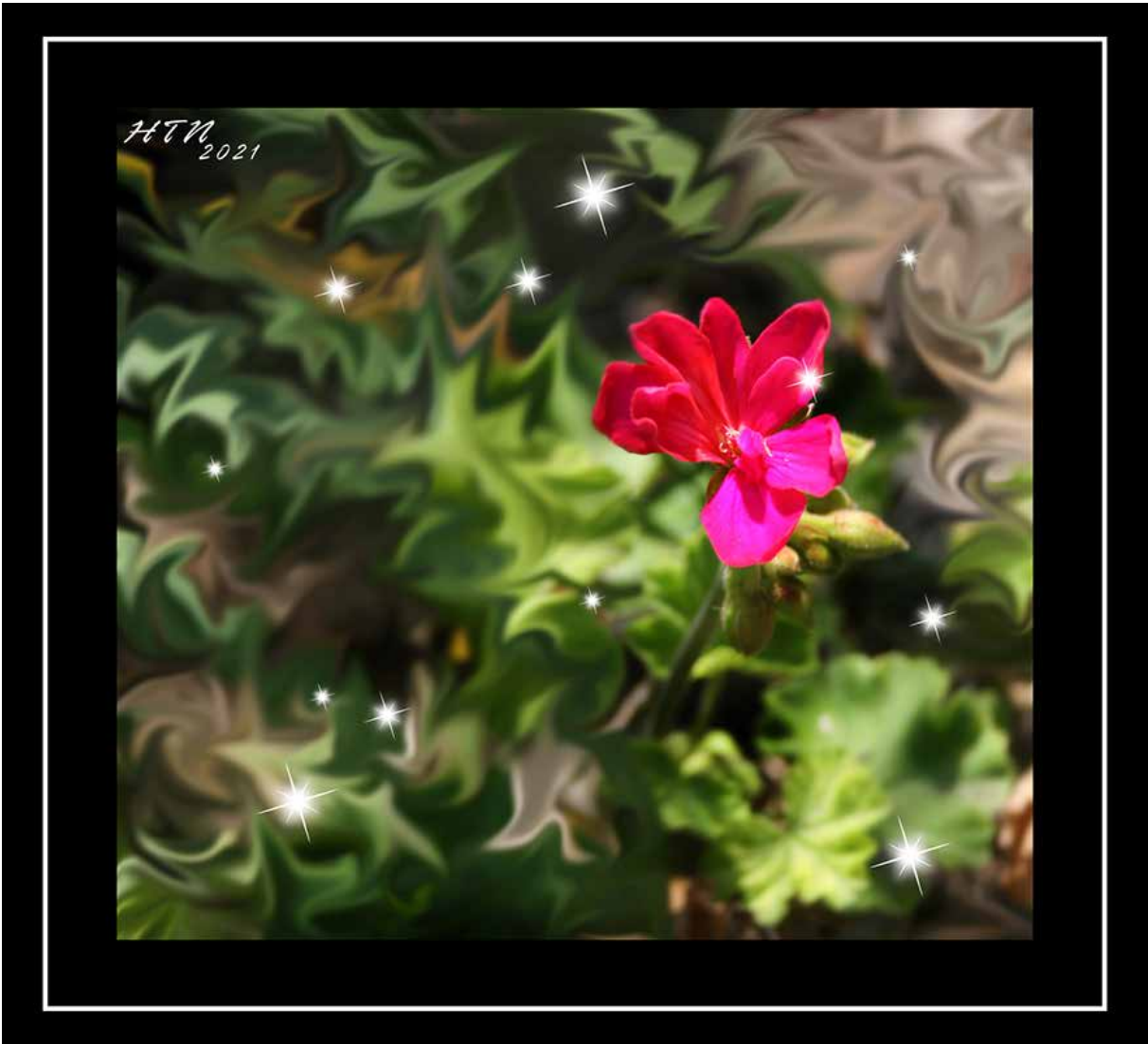




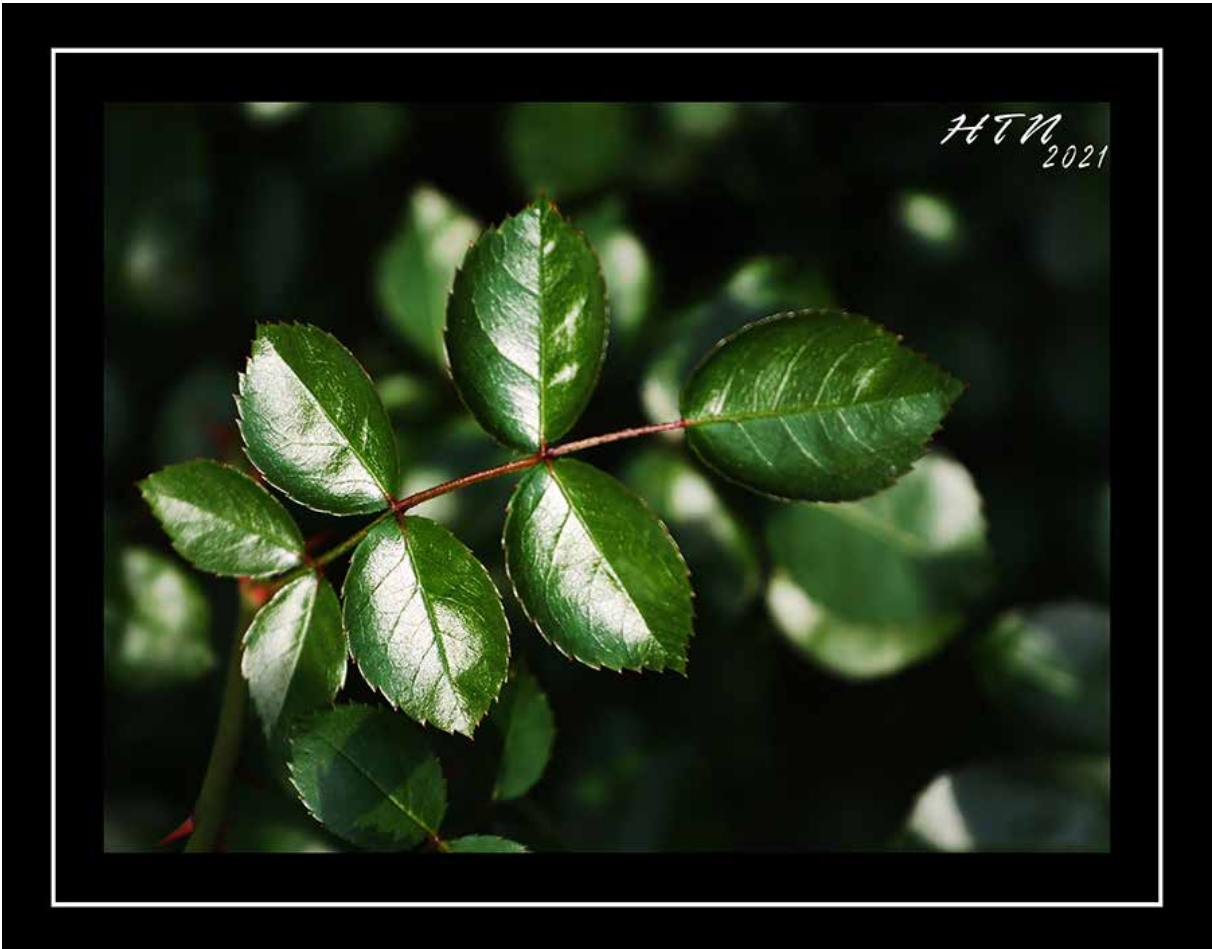


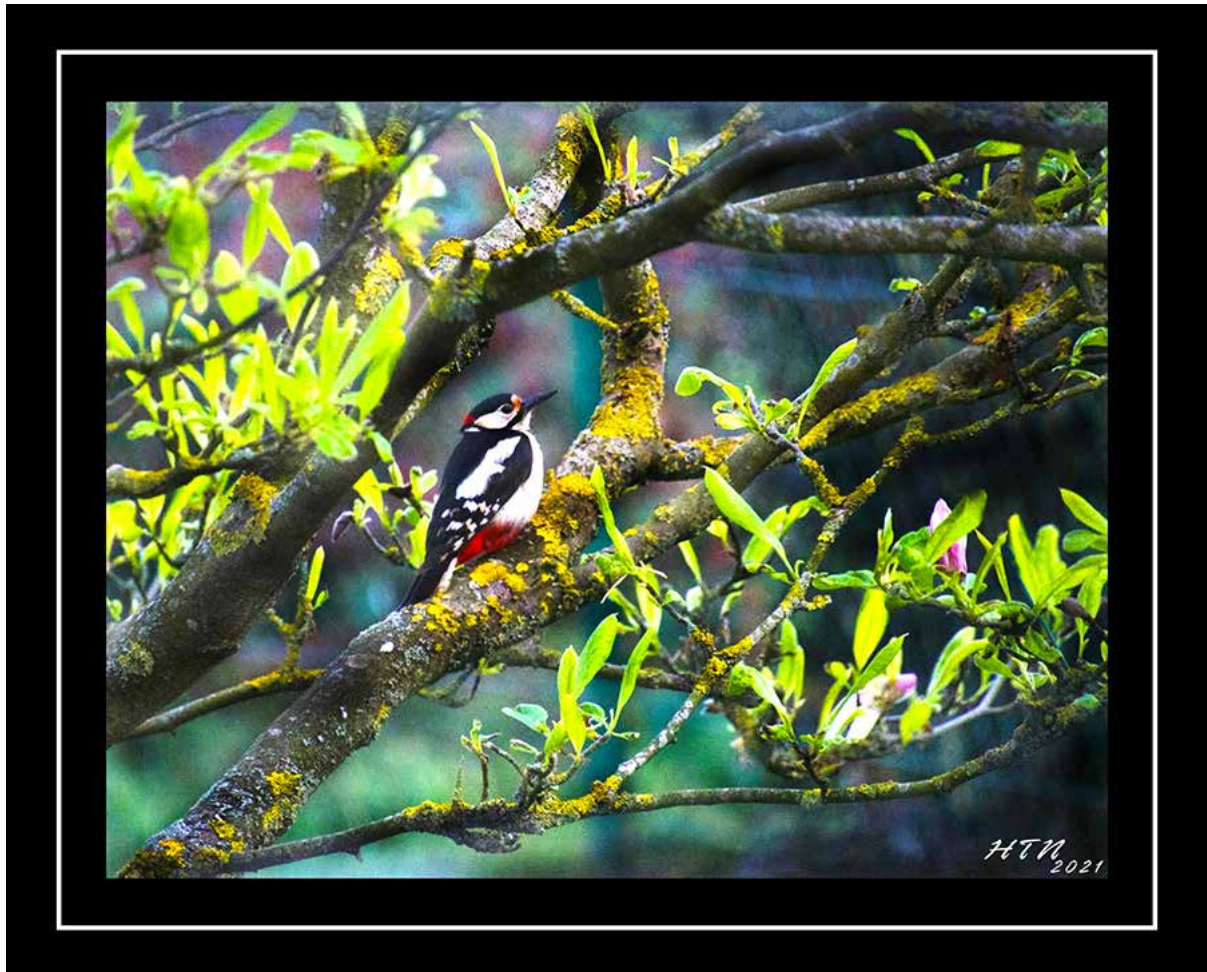




















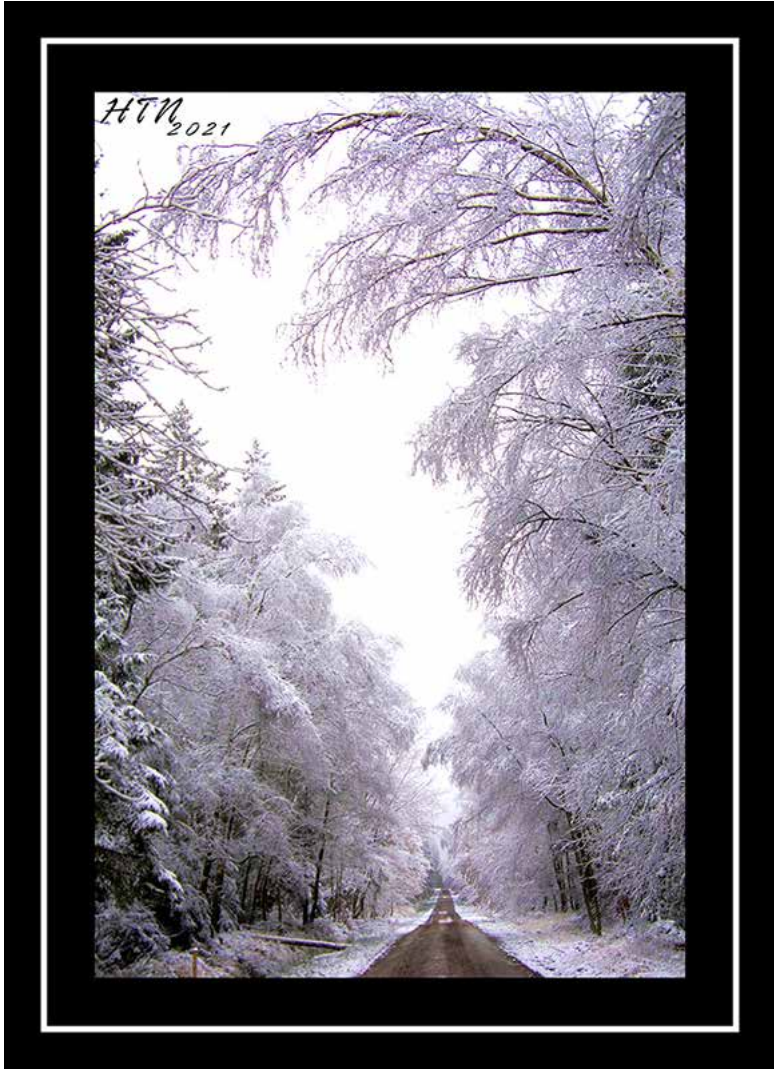




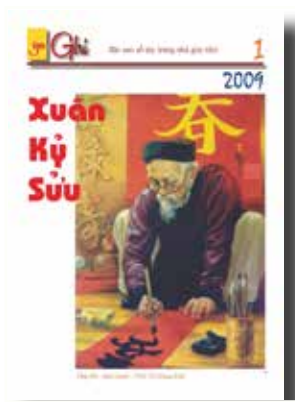








Góc Nhỏ năm thứ 15 và 14 số Ghi



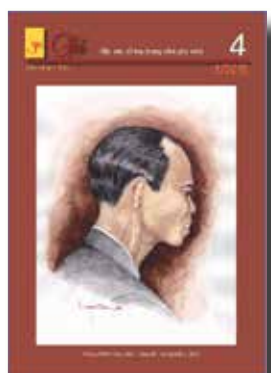
số 1 năm 2009



số 2 năm 2010



số 3 năm 2011



số 4 năm 2012



số 5 năm 2013



số 6 năm 2014



số 7 năm 2015



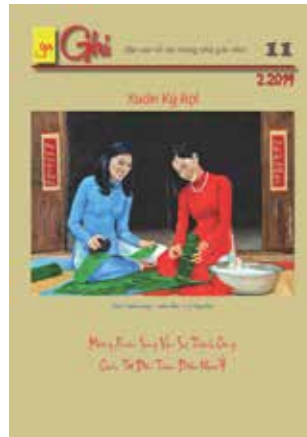
số 8 năm 2016



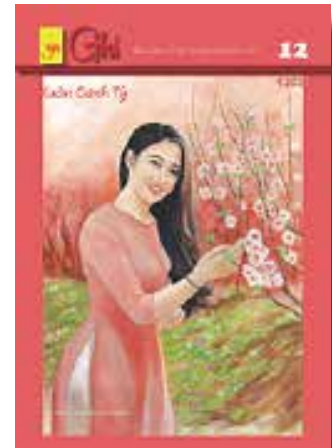
số 9 năm 2017



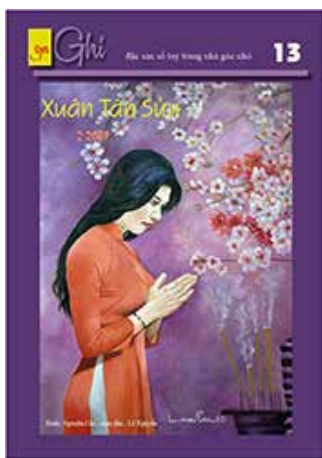
số 10 năm 2018



số 11 năm 2019



số 12 năm 2020



số 13 năm 2021



số 14 năm 2022

